L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHẤN-CHỈNH QUAN-TRƯỜNG

Từ ngày 27 tháng 7 đến ngày mồng một tháng 8 tây năm nay, ông L. L. viết hai bài xã-thuyết trong báo *Courrier d'Haiphong* công-kích quan-trường nước ta một cách rất là kịch-liệt. Đại-ý như vầy.

Bài trước nói khi quan Toàn-quyền thi-hành bộ Hoàng-Việt-tân-luật, ngài tưởng sẽ nhơn đó mà trừ bớt lại-tệ, té ra chẳng được gì. Người dân có việc đến tòa Sứ đầu đơn, nếu gặp quan Sứ thâu đơn thì may lắm, nếu không gặp quan Sứ thì thầy thông bảo đến hầu các quan an-nam, đến đó thì phải tốn tiền, vì là đến cửa quan không tiền không xong. Nước Đại-Pháp bảo-hộ xứ này đủ 40 năm mà các quan an-nam bây giờ nhiều ông «ăn cắp» như trước ; có một sự khác trước là «lòng tham của các quan một ngày một thêm».... Khi chúng ta đến đây, chúng ta hứa với dân sẽ lo trừ tệ-chánh. Xứ này trước bị hai thứ « ăn cướp », ăn cướp Khách và các quan. Chúng ta đã trừ được bọn ăn cướp Khách, còn các quan đương hại dân. Nếu các quan cai-trị ta hiểu tiếng an-nam, nghe được những lời dân nói chuyện với nhau ban đêm trong các nhà tranh, chắc rằng chúng nó không khen chúng ta. Vậy thì phải làm thế nào cho dân khỏi « vuốt các quan ».

Bài thứ hai bàn về việc thuế. Nghe dân đồn rằng Nhà-nước sẽ tăng thuế; sự đồn ấy tưởng có lẽ, nhưng tưởng Nhà-nước chưa đáng tăng thuế bây giờ, vì là dân còn đương cực ; muốn tăng thuế thì trước phải làm thế nào cho dân có thể nộp được ; như là cải-lương sự làm ruộng dễ cho có thể đem nước vào ruộng, cấm cho vay nặng lãi, sửa cách bổ thuế ở các làng, và trừ cho hết « loài quan tham-nhũng».

Chẳng phải bây giờ ông L. L. mới nói các quan là « ăn cướp ». Trong bài xã-thuyết của báo *Avenir du Tonkin* ngày 31 tháng 5 năm 1917 có câu rằng : « Một tên đầu đảng ăn cướp ăn cướp một đời không bằng một ông quan lấy tiền của dân trong một năm ».

Năm trước có một người làm một bài thống-trách thời-sự, trong bài ấy có câu rằng :

Than ôi ! sanh buổi đời này. Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan ! (Xem trong bút-lục số 567 của phòng tư tòa Thượng-thẩm ngày 24 tháng 6 năm 1915).

Các quan là những người đàn anh trong xã-hội, mà phải bị tỉ với ăn cướp, xấu hổ không biết là chừng nào ! Quan-trường nước ta bị nhục đến thế là cùng !

Có người đọc những tờ báo ấy, tức giận bời bời, muốn cãi lại ngay, mà không đủ lẽ ; bởi vì các quan ta tất cả không phải là ăn cướp, mà tất cả cũng không phải trắng như tuyết trong như

bằng, cho nên khó cãi lại. Có người nghe nói thì mỉm cười mà rằng: « Nhựt-báo nói chi thì nói, mặc kệ chúng nó, ai kể lời nói họ ra chi ! » Những người nói như vậy, như người đời nhà Tống bên Tàu nói rằng: « Tiểu-mạ hoàn tha tiểu-mạ, hảo quan tự ngã vi chi ! » Nghĩa là: cười chê mặc thế cười chê, quan sang ta cứ làm nghề quan sang !

Nói như vậy tưởng không phải là một lẽ trả lời. Đời nhà Tống nước Tàu còn đương phong-bế, chưa cùng ngoại-quốc giao-thông, lời nói liều ấy chỉ một ít người trong nước nghe được mà thôi, thế mà cũng truyền đến tai người đời sau quan nhà Tống tham-ô, cho nên nhà Tống phải suy, rồi phải mất. Bây giờ là đời phi-đĩnh và vô-tuyến-điện, một lời nói hay hay là một việc làm hay, cũng như một lời nói dở hay là một việc làm dở ở trong một xứ, trong vài ba ngày đã nghe khắp cả toàn-cầu ; nếu quan-trường ta bị công-kích mãi, hoàn-cầu sẽ biết rằng người nước ta không có tư-cách làm quan, ấy là hiểm-tượng cho tiền-đồ nước ta đó.

Người ta công-kích mình, mình không thể cãi lại được, và không thể bỏ được, thì phải tìm cách mà sửa mình. Có người nói rằng: quan-trường nước Nam không thể sửa được, bởi vì cái tệ tang-hối đã vào trong tục dân và vào trong huyết-phận người An-nam. Nói như vậy tưởng không đích-xác ; bởi vì tệ-tục là của người bày ra, thì người có thể phá đi được. Còn nói tang-hối đã vào trong huyết-phận người An-nam, tưởng oan cho người An-nam. Nước ta xưa nay có quan thanh-liêm ; thuở trước bổng ít, mà cũng có quan thanh-liêm, sử sách còn đó đủ làm bằng-chứng. Người nước ta không phải là tham tiền cả, có nhiều người theo chủ-nghĩa cao-thượng, muốn cao-đạo viễn-dẫn, cũng như thuở xưa bên Tàu ông Nghiêm-Lăng câu cá nơi Sông-Đồng, ông Trần-Đoàn cỡi lừa nơi Núi-Họa. Hiện bây giờ các chùa và các nhà chung đều có những ông sư những ông cố đáng thương, tự cam đạm-bạc, chỉ lo cứu phần hồn cho loài người. Sao các nhà chùa và các nhà chung chọn được người để cai-trị phần hồn cho dân, mà Nhà nước không chọn được người để mà cai-trị phần xác ?

Chánh-phủ đã rõ cái tình-thế ấy cho nên lập trường Pháp-chánh và tăng bổng các quan. Chánh-phủ nghĩ rằng: ngày sau các quan ở trường Pháp-chánh ra thì có tư-cách làm quan, có bổng đủ tiêu thì khỏi những-lạm ; nhưng mà có người không lấy làm chắc, vì là tệ-tục. Thì như một người ở trường Pháp-chánh có đủ tư-cách làm việc quan, bổ ra làm huyện, khi đi cung-chức thì phải đến yết quan trên, không thể đi tay không được vì là các quan phủ huyện kia đi yết quan trên đều có đem lễ ; kế đến lễ mồng năm tháng năm, mồng mười tháng mười, lễ ngày tết, lễ đưa quan cũ rước quan mới... vân vân, mỗi năm phí tổn ít nữa là 300 đồng ; tiền ấy lấy ở đâu ? Không thể lấy trong bổng thì phải kiếm ở ngoài bổng, đã kiếm để mà cung-đốn quan trên, thì nhơn đó mà kiếm cho mình luôn thể ! Ở trên phủ huyện có nhiều, dưới phủ huyện một mình dân mà thôi, như ông Nguyễn Bá-Trác đã nói trong bài « đối-sách », cho nên dân phải chịu một gánh rất nặng ! Thành ra một ông mới bổ quan, có bằng-cấp trường Pháp-chánh, có tư-cách làm quan, mà bị tệ-tục bắt buộc phải làm sự phi-pháp, lâu ngày quen tánh, không lấy làm xấu-hổ !

(Tôi tưởng ông Nguyễn Bá-Trác cũng như tôi, khi viết cái bài này, nói phủ huyện mà không có ý chỉ-trích một mình phủ huyện, nhưng lấy phủ huyện mà nói là nơi quyền vua quyền

dân giáp-giới. Phủ-huyện thay mặt quân-quyền, dưới phủ huyện là tổng lý của dân bàu cử).

* * *

Vậy thì cái sự đi lễ quan là cái môi dẫn cho sự tang-hối, muốn trừ sự tang-hối thì trước phải trừ sự đi lễ các quan, mà muốn trừ sự đi lễ thì phải xét lễ-vật là vật gì ? — tại lẽ gì mà đi lễ ? — có phải lễ hay không ? — xưa nay luật-lệ có cấm không ? — bỏ đi hay là để lại cái tục ấy thì lợi hại thế nào ?

Dân hay là quan nhỏ đi lễ quan trên đem vật gì cũng được :

Một là thực-vật : gạo nếp, các thứ bánh, các thứ quả, các thứ chè, các thứ rượu, các thứ đồ hộp.... vân vân ;

Hai là động-vật : gà, vịt, chim, ngỗng, bò, heo, dê, ngựa, tôm, cá.... vân vân;

Ba là đồ phục-dụng : gấm, nhiễu, sô, sa, the, lụa... giầy, nón... vân vân;

Bốn là đồ vật-dụng : bàn, ghế, dường, tủ, nệm, gối... vân vân ;

Năm là đồ chơi : đồ xưa, đồ khảm, đồ thêu, đồ chạm... vân vân ;

Sáu là bạc đồng, bạc giấy.....

Dân đến hầu quan, quan nhỏ đến yết kiến quan lớn mà phải đem lễ-vật là tại lẽ gì ? Để mà tỏ lòng kính, như đem lễ-vật mà cúng tế quỉ-thần. Nói như vậy không đích-xác, bởi vì cúng quỉ-thần lễ-vật có nhứt-định, đem vật khác thì không phải lễ ; vả lại cúng quỉ-thần rồi mình dùng đồ lễ ấy được, chí như cúng cho các quan thì mất hẳn đi ! Có kẻ nói rằng đem lễ cho các quan để làm vật kỷ-niệm, nhưng mà có vật không làm kỷ-niệm được, như gà gạo, rượu chè, ăn rồi thì mất tích ; cái vật mà các quan thích hơn là bạc đồng bạc giấy, mà hai món ấy lại khó làm vật kỷ-niệm hơn, bởi vì đồng bạc giống nhau, tờ giấy bạc giống nhau, không biết đồng nào tờ giấy nào là của người nào cho ! Có kẻ nói đem lễ để cho các quan thương, không đem lễ thì các quan ghét ; nếu các quan tùy theo lễ nhiều ít mà buông lòng thương ghét thì hẹp lượng lắm ; nếu ăn lễ của người ta mà không giúp người ta thì bất-nghĩa ; nếu nhơn có lễ-vật mà đổi cái lương-tâm thì cái lương-tâm ấy bán rẻ quá !

Các lẽ trên này đủ tỏ rằng dân đem lễ trình, quan nhỏ đem lễ yết-kiến đã không hiệp lẽ ; bây giờ xem các lễ tuế-thời có hiệp lẽ không ? Mồng 5 tháng 5 là lễ điếu ông Khuất-Nguyên, quan Tàu thuở xưa, chết chìm nơi sông Mịch-la, đã hơn 2000 năm, sao lại đem lễ vật di mừng các quan An-nam còn sống bây giờ ? Mồng 10 tháng 10 là tục nhà làm ruộng gặt lúa xong, cơm rượu một bữa để đền công khó nhọc, sao dân lại đi lễ quan ? Nhà làm ruộng gặp năm mất mùa không được rượu thịt, còn các quan thì không năm nào mất mùa ! (Trung-kỳ không có tục này, vì là ruộng cắt mùa tháng tám, mà không có lễ mồng tám tháng tám, quan ở Trung-kỳ thua quan Bắc-kỳ một lễ). Ngày tết thì vua ban thưởng cho các quan, cha mẹ ban thưởng cho mấy đứa con bé (con lớn ít khi được), chủ nhà ban thưởng cho đầy-tớ, sao dân lại đi lễ quan, quan nhỏ đi lễ quan lớn ?

Xem như vậy thì các đồ vật đem cho các quan đã không phải lễ, mà các thời-tiết đi lễ cũng không phải lễ. Không thấy sách nào bảo dân phải đem lễ cho các quan, chẳng những kinh Lễ không bảo dân phải đem lễ-vật cho quan, mà Luật lại nghiêm cấm ; Hoàng-Việt-luật-lệ từ điều thứ 312 đến điều thứ 319 cấm cách tang-hối, điều thứ 317 lại cấm dân trong hạt không được đem « thổ-nghi lễ-vật cho quan, người đem phải đòn 30 roi, người nhận phải đòn 40 roi » ; thổ-nghi lễ-vật

là vật thường mà còn cấm, huống chi là vật khác ! Thế mà từ khi luật cấm đến bây giờ đã hơn 100 năm, mà tệ-tục vẫn còn, có thêm không bớt, tợ-hồ vật-giá càng ngày càng cao, thì lễ quan càng ngày càng hậu !

Các quan theo thói quen ấy đã lâu, đến khi người Đại-Pháp đến bảo-hộ, quan ta cũng dùng thói ấy mà giao-thiệp, khi đầu hay dùng bò, gà, trứng làm lễ mừng qui-quan, bởi vì thấy tàu tây ghé các cửa biển hay mua bò, gà và trứng, tưởng là qui-quan ưa những đồ ấy, khi có một ông qui-quan đến thì đem đồ ấy tặng-hảo, hoặc là một hay là hai ba con bò, hoặc đôi ba con gà với một mâm trứng ; lễ-vật nhiều ít tùy theo quan-chức to nhỏ, quan lớn thì lễ bò, quan nhỏ gà với trứng ; cách giao-thiệp thô-bỉ đến thế là cùng, qui-quan lấy làm khó chịu. Năm Đồng-khánh ất-dậu, là năm 1885, quan Đô-Thống tư cho Cơ-mật rằng các quan Đại-Pháp thường hay luân oán, xin các quan An-nam đừng đem đồ qui-tặng nữa (Xem sách Đại-Nam điển-lệ toát-yếu, quyển lễ-lệ). Tuy quan Đô-thống có lệnh cấm mà các quan ta không tuân, 12 năm sau quan Toàn-quyền Doumer phải cấm lại một lần nữa.

Ngày 5 tháng 6 năm 1897, quan Toàn-quyền Doumer thông-tư cho các quan Thống-sứ, Khâm-sứ và quan Phó-soái ở Nam-kỳ như sau này :

« Tôi vừa đi tuần sát các hạt trong cõi Đông-dương, đi đến đâu các quan thổ-trước hay đem lễ-vật, không thể khước được sợ mất lòng họ, vì là họ nói tuân theo tục cũ vẫn còn. Tuy lễ-vật thường thì không đáng giá bao nhiêu, phân phát ngay cho linh khố xanh và nhà-thương sở-tại cũng dễ, nhưng mà sự nhận lễ có nhiều nỗi khó chịu, tôi tưởng trong cách cai-trị của An-nam có những sự mà không công-nhận được, thì mình có nghĩa-vụ phải trừ-khử cho mau.

« Đợi người ta đem đến rồi mình mới khước, tợ-hồ mình kiêu-ngạo và mất lòng người ta, chi bằng bảo trước cho kẻ đương-sự biết.

« Tôi nhờ quan lớn tư cho các quan công-sứ hay là các quan cai-trị chuyển tư cho các quan thổ-trước sở-tại biết rằng quan Toàn-quyền đã định rằng ngài và các quan Đại-Pháp, chẳng luận ông nào, tự-hậu không nhận lễ-vật nữa ».

Quan Đô-thống và quan Toàn-quyền mới cấm người An-nam đi lễ cho qui quan, chưa cấm người nước ta đi lễ cho quan ta, là sợ phạm đến tục cũ của nước ta, tục ấy đáng để hay là đáng bỏ là nghĩa-vụ của chúng ta phải giải-quyết cái vấn-đề ấy.

Để tục ấy thì ngại sự tấn-bộ, và có thể thiệt hại đến quan-trường ngày sau ; bởi vì các quan đã lưu-tâm về lễ-vật, thì không rảnh mà lo sự công-ích, nếu sự tang-hối càng ngày càng nhiều, thì lòng oán của dân càng ngày càng lớn, dư-luận công-kích càng ngày càng kịch-liệt, sự-thế đáo-đầu, Chánh-phủ bắt-đắc-dĩ phải dùng một cái chánh-sách khác để thỏa lòng dân, chánh-sách ấy đã dùng trong Nam-kỳ. Khi Đại-Pháp mới lấy đất Nam-kỳ, các quan cũ ta bỏ đi, phải dùng quan mới, dân không phục, phải chia tỉnh hạt nhỏ ra, các quan Tây cai-trị thẳng với tổng lý. Chánh-sách ấy dùng trong 40 năm, đến quan Toàn-quyền Beau mới đặt các quan đại-lý An-nam trong các hạt. Cái hiểm-tượng để cái tục ấy có thể đến như vậy !

Còn bỏ cái tục ấy thì mau sự tấn-bộ, bởi vì các quan đã khỏi cung-ứng, thì không lo bác-trước dân, lấy cái thì giờ nguyên để lo nghĩ cách kiếm tiền mà lo nghĩ việc công-ích cho dân, thì dân được thở hơi mà đi tới. Các quan đã có tư-cách làm cho dân giầu nước thạnh, thì quan-trường càng ngày càng vinh-hiển, đối với thầy bảo-hộ không

thẹn, mà đối với bạn thiếu-niên của nước nhà cũng không thẹn.

Bỏ tục ấy thì ích cho dân, mà mất lợi riêng của các quan, nhưng mà đã muốn làm sự lợi chung thì phải bỏ sự lợi riêng, như nước Nhật-bản năm xưa bỏ phong-kiến làm quận-huyện, mấy ông phiên-vương bị thiệt hại biết là chừng nào, nhưng mà họ cũng cam tâm, miễn cho dân được giầu, nước được mạnh ; vì thế cho nên nước Nhật mau đến phú-cường.

Nói tóm lại thì quan-trường nước ta bây giờ đương bị công-kích rất là kịch-liệt, muốn trừ lại-tệ thì trước phải trừ cái mối của tệ ấy, là sự đi lễ cho các quan ; thói quen ấy tuy có đã lâu mà không hiệp lễ và không hiệp luật, để lâu thì hại nhiều, bỏ đi thì thiệt-hại cho các quan mà thôi, một bên là lợi chung cho xã-hội, một bên là lợi riêng cho một bọn người trong xã-hội, bên nào trọng hơn ?

Chúng ta đương buổi giao-thời, dân-trí bây giờ khác dân-trí 30 năm trước, biết đâu 30 năm sau dân-trí chẳng khác bây giờ ? Nhiều cách cũ của quan-trường bây giờ đã bỏ, biết đâu những thói quen bây giờ 30 năm sau không đổi ? Việc đáng cải-lương thì cải-lương ngay, sớm chừng nào hay chừng ấy tức là chậm chừng nào dở chừng ấy, Tưởng chúng ta nên làm thế nào để lại đời sau một cái quan-trường đẹp-đẽ sách-sẽ hơn cái quan-trường bây giờ, và đừng làm mất con đường hoạn-lộ của bọn thiếu-niên mai sau.

Ý riêng tôi nghĩ như vậy, không biết ý người trong nước nghĩ thế nào, cho nên tôi viết bài này ; những người độc-giả, chẳng luận ở trong quan-trường hay là ngoài quan-trường, ai muốn để hay là bỏ cái tục đã kể trên đó, xin viết thơ cho tôi biết. Viết thơ thì đề tên họ, nghệ nghiệp, chỗ ở, có muốn đem tên vào báo hay không cũng xin nói rõ. Nếu người ưng bỏ nhiều, chúng ta sẽ xin Chánh-phủ thẩm xét và sẽ giúp Chánh-phủ trong sự cải-lương ; bởi vì cải-lương một việc trong xã-hội thì phải trên dưới đồng-tâm mới mau thành-hiệu.

Có viết cho tôi xin đề như vầy :

M. Thân Trọng-Huề, tổng-đốc, 31 Boulevard Doudart de Lagrée — Hanoi

Tổng-đốc THÂN TRỌNG-HUỀ

BÀN VỀ LỊCH-SỬ VĂN-MINH ÂU-CHÂU (1)

II

BÀI THỨ NHÌ

TOÁT-YẾU. — Yếu-lĩnh bài này. — Văn-minh đời cổ-đại là thuần-nhất. — Văn-minh đời cận-đại là phồn-tạp — Văn-minh cận-đại hơn văn-minh cổ-đại. — Tình-hình Âu-châu hồi La-mã đế-quốc đổ. — Các nơi thị-thành phát-đạt. — Hoàng-đế La-mã muốn sửa đổi chính-trị. — Sắc-lệnh của vua HONORIUS và vua THÉODOSE đệ-nhị — Cái thanh-danh của Đế-quốc có thế-lực là dường nào. — Giáo-hội đạo Thiên-chúa. — Giáo-hội đạo Thiên-chúa về thế-kỷ thứ 5 đã trải qua những trạng-thái gì. — Bọn tăng-

(1) Tục kỳ *Nam-phong* số 21, trang 169-184.

lữ (1) trong việc thị-chánh (2). — Cái ảnh-hưởng của Giáo-hội tốt xấu thế nào. — Các rợ Bắc-Man (*les Barbares*). — Các rợ Bắc-man truyền cho thế-giới đời Cận-đại cái tính độc-lập và cái lòng trung-tín lẫn nhau. — Tóm-tắt các yếu-tố làm ra văn-minh về đầu thế-kỷ thứ 5.

Các ông,

Tôi xét lại cái chương-trình lớp học này thì tôi e những bài giảng đây có hai điều bất-tiện : một là sợ dài quá, vì đầu bài rộng mà thời-giờ ngắn, hai là sợ phải thu rút lại mà lại thành ra vắn-tắt quá. Vậy rồi có khi các ông phải ở chậm lại đây ngoài cái giờ học thường ; tuy vậy mà tôi cũng chưa chắc đã đủ thì-giờ mà diễn-giải được các việc cho rất tường-tận. Hoặc có ông nào lấy điều gì là cần phải giải nghĩa thêm, hay là chưa cho là đích-xác, hay là có điều gì bác-bẻ, thì xin cứ viết thơ lại cho tôi. Hoặc khi giảng học xong, có ông nào muốn chất-vấn điều gì, xin cứ ở lại ; tôi sẽ hết sức thuyết-minh cho mà nghe.

Tôi lại sợ có một điều không tiện nữa, cũng vì một cớ đó : là có khi nói quyết-đoán mà không kịp dẫn chứng. Cái đó cũng là bởi cái thời-hạn nó hẹp quá. Có lắm cái ý-tưởng, lắm lời quyết-đoán, đến sau này mới có thể chứng-giải ra được. Vậy thời lắm khi các ông phải cứ bằng ở lời tôi nói, chưa thể nghị-luận ngay được. Ngay như bài hôm nay, tôi không thể bày hết các chứng-cớ cho các ông nghe, mà các ông cứ phải tin như lời tôi giảng, điều đó cũng không tiện thật, nhưng vì ít thời-giờ ta phải tạm chịu vậy.

Bài trước tôi đã giải nghĩa chung về văn-minh, không nói riêng về một văn-minh nào, không bàn luận về thời-đại xứ-sở nào, chỉ đem trọi một cái văn-minh mà khảo mà xét, thuần về một phương-diện triết-học mà thôi. Ngày nay tôi mới thật bàn đến văn-minh Âu-châu ; nhưng trước khi kể thuật, tôi hẳng muốn vẽ đại-khái cái hình-dung riêng của cái văn-minh ấy cho các ông coi ; tôi muốn bày rõ cái đặc-sắc của cái văn-minh ấy cho các ông xét mà biết rằng văn-minh ấy thật là khác hẳn các văn-minh khác đã xuất-hiện ra trên thế-giới này. Tôi thử làm như vậy, nhưng chắc là chỉ quyết-đoán mấy lời mà thôi, chớ không mong rằng có cái tài vẽ ngay ra được cái xã-hội Âu-châu hiển-nhiên như một bức tranh thật, khiến cho các ông nhìn vào đó mà nhận-chân ngay được ; tôi không dám tự-phụ như thế.

Thử xét cái văn-minh trước văn-minh Âu-châu đời cận-đại, hoặc ở Á-châu, hoặc ở nơi khác, kể cả văn-minh Hi-lạp La-mã nữa, thời thấy có một điều ai cũng từng nhận, là những văn-minh cổ ấy thuần-giản lắm, hình như cùng do một nguồn, cùng bởi một cái lý-tưởng chung mà ra ; hình như cả xã-hội cùng thuộc một cái nguyên-lý làm chủ, mà bao nhiêu chế-độ, phong-tục, tôn-giáo, hết thảy mọi sự phát-đạt đều do đấy mà ra.

Như ở Ai-cập (Egypte), thì cái nguyên-lý ấy là thuộc về thần-quyền (*principe théocratique*), cả xã-hội đều gồm trong hai chữ thần-quyền ; thần-quyền xuất-hiện ra ở phong-tục, ở đền-đài, ở các di-tích của cái văn-minh Ai-cập còn lại ngay này. Lại như ở Ấn-độ cũng vậy, cũng là cái thần-quyền làm chủ hết thảy. Ở chỗ khác thời cái

(1) **Tăng-lữ** 僧侶 — Những người chuyên nghiệp tu-hành như các cố, các sư. — LE CLERGÉ, LES PRÊTRES.

(2) **Thị-chánh** 市政 — Công-việc chánh-trị trong các nơi thị-thành. — AFFAIRES MUNICIPALES.

nguyên-lý lại khác : hoặc một bọn người đến xâm-chiếm mà giữ chủ-quyền, khi ấy thì cái nguyên-lý của xã-hội là võ-lực ; pháp-luật, chế-độ trong xã-hội đều là do ở cường-quyền mà ra ; hoặc nữa cái nguyên-lý là thuộc về dân-chủ (*principe démocratique*), như là các dân buôn-bán đặt thành những nước cộng-hòa (*républiques*) nhỏ ở các bờ bể đất Tiểu-Á-tế-á (Asie mineure) và đất Syrie, ở đất Ionie, đất Phénicie. Nói tóm lại, phàm xét các văn-minh cổ, trong chế-độ, trong tư-tưởng, trong phong-tục, đều thấy có một cái tính thuần-nhất lạ (*singulier caractère d'unité*) ; hình như có một cái sức mạnh độc-nhất vô-nhị, không thời cũng là một cái sức mạnh chiếm phần to hơn cả, nó chi-phối, nó quyết-định hết thảy.

Nói thế không phải là nói rằng cái nguyên-lý, cái hình-thức trong văn-minh của những nước cổ ấy bao-giờ cũng là thuần-nhất như vậy đâu. Càng xét xa trong lịch-sử thời mới biết rằng trong một xã-hội thường có nhiều cái nguyên-động-lực xuất-hiện ra, tranh-dành nhau để chiếm phần hơn, như ở dân Ai-cập (*Egyptiens*) mà đến cả dân Hi-lạp (*Grecs*) nữa, đảng võ-sĩ thường tranh-dành với đảng tăng-lữ ; ở dân khác thời cái trí tư-đảng (*esprit de clan*) thường phản-đối với cái trí tự-do hợp-quần (*esprit d'association libre*) ; nhưng mà những sự tranh-dành phản-đối ấy thường là thuộc về những đời thượng-cổ cả ; trong chính-sử chỉ còn nhớ phảng-phất mà thôi.

Một đôi khi sự tranh-dành cũng diên-man mãi đến sau, nhưng mỗi lần xảy ra thì giải-quyết được ngay ; trong mấy cái nguyên-động-lực tranh nhau tất có một cái mạnh hơn thắng được và chiếm lấy chủ-quyền trong xã-hội. Phàm chiến-tranh bao giờ kết-cục cũng là xuất-hiện ra một cái động-lực mới lấn-đoạt được hết cả các cái khác. Những khi trong một dân một nước có nhiều cái động-lực đồng-thời xuất-hiện và tranh-dành nhau là những buổi giao-thời mà thôi, không phải bao giờ cũng như vậy.

Bởi vậy nên phần nhiều các văn-minh đời cổ-đại có cái tính giản-dị lạ. Cái tính giản-dị ấy sinh ra nhiều sự kết-quả khác nhau. Có khi như ở nước Hi-lạp, bởi cái nguyên-lý trong xã-hội giản-thuần quá mà xã-hội được tiến-hóa cực mau ; dễ không bao giờ có một dân nào trong một thời-kỳ ngắn như thế mà phát-đạt được mau như vậy. Nhưng sậu-tiến lên một hồi, rồi vụt chốc hình như kiệt-lực ; nước Hi-lạp lúc suy đi tuy không mau bằng lúc thịnh lên, nhưng kể cũng là nhanh lắm. Hình như cái động-lực của văn-minh Hi-lạp đã kiệt mất rồi, không còn sáng-tạo được gì nữa, mà không có cái động-lực nào khác đến giúp sức cho.

Lại có khi như ở Ai-cập (Egypte) và Ấn-độ (Inde), bởi cái nguyên-lý trong xã-hội thuần-nhất mà lại sinh ra một sự kết-quả khác hẳn trên kia : là xã-hội thành ra ngưng-trệ lại không tiến lên được nữa. Giản-thuần quá thành ra y-nhiên bất-dịch ; quốc-gia vẫn bền chặt, xã-hội vẫn vững-vàng, nhưng không biến-đổi gì nữa, đông-đặc lại như đá như băng vậy ! [1]

Cũng bởi một cái nguyên-nhân đó mà trong các văn-minh đời xưa thường hay có cái thói áp-chế (*caractère de tyrannie*), hoặc lấy lẽ này làm

(1) Tức như văn-minh Tàu cũng là thuộc vào hạng đó. Có thể nói từ đời Đường Tống đến cuối thế-kỷ thứ 19 văn-minh Tàu không tiến thêm được chút nào, mà hình như ngưng-trệ hẳn lại.

cớ, hoặc lấy lẽ kia làm cớ, hình-thức có khác nhau mà xét cho kỹ ra văn-minh nào cũng như vậy. Xã-hội đã thuộc một cái chủ-quyền độc-nhất vô-nhị thời ngoài cái chủ-quyền ấy không dung cái nào khác nữa. Hễ thấy nẩy ra cái ý-hướng nào khác thời bài-trừ ngay đi. Không bao giờ cái nguyên-lý làm chủ lại có chịu để cho một cái nguyên-lý khác xuất-hiện thi-thố ra được.

Cái tính thuần-nhất trong văn-minh ấy cũng nhận thấy trong văn-chương, trong những công-trình về tinh-thần (*ouvrages de l'esprit*). Gần đây các sách văn-học Ấn-độ đã lưu-thông sang Âu-châu, ai là người không từng đọc? Ai đã đọc tất cũng nhận rằng cái tôn-chỉ của các sách ấy đều giống nhau như hệt, hình như hết thảy cùng do một nguồn mà ra, cùng theo một lý mà diễn : sách tôn-giáo, sách luân-lý, sách sử-ký, sách thi-kịch, sách nào cũng vậy, như in một giọng ; lịch-sử và chế-độ đơn-sơ thế nào thời văn-chương cùng mĩ-thuật cũng đơn-sơ như thế. Lại xét Hi-lạp cũng vậy, tuy những công-trình của tri-thức người ta mở mang ra phong-phú vô-cùng, thế mà trong văn-học mĩ-thuật cũng nhận thấy một cái tính thuần-nhất như vậy.

Đến văn-minh Âu-châu đời nay thời thật là khác hẳn. Không cần phải xét cho đến nguyên-ủy xa-xôi, các ông cứ thu-thập ký-ức mà tự nghĩ riêng cũng đủ biết rằng cái văn-minh ấy phiền-phức tạp-đạp là dường nào; các hình-thức, các chế-độ trong xã-hội lẫn-lộn cả ; chính-quyền, giáo-quyền, quân-quyền, thần-quyền, qui-tộc, bình-dân, các hạng người, các đẳng-cấp lộn-xộn cả ; sự tự-do, sự quyền-thế, sự giàu-có cũng là huyền-cách nhau xa lắm. Mà các cái động-lực khác nhau ấy cứ hằng tranh-cạnh nhau, không có một cái nào át hẳn được cái khác mà chiếm được chủ-quyền trong xã-hội. Về đời xưa, cứ hễ đến một thời-kỳ cực thịnh thời các xã-hội đều như đổ theo một khuôn cả ; hoặc là quân-chủ, hoặc là thần-quyền, hoặc là dân-chủ, mỗi thời-kỳ một chính-thể riêng, mà thời-kỳ nào chính-thể nấy, không có lẫn lộn. Âu-châu ngày nay thời chính-thể nào cũng có, xã-hội nào cũng có, hỗn-đầu cả : nào là thuần-quân-chủ, nào là quân-dân-chủ, nào là thần-quyền, nào là cộng-hòa mà thuộc qui-tộc hoặc ít hoặc nhiều, bấy nhiêu hình-thức trong chính-trị, trong xã-hội, đều xuất-hiện ra một lúc, đều cùng nhau sinh-tồn cả. Song xét cho kỹ, tuy tạp-đạp như vậy, không cái nào giống cái nào, mà cái nào cũng có hao-hao hơi giống nhau một chút, nhận kỹ biết ngay.

Nay xét đến sự tư-tưởng cảm-giác của người Âu-châu ngày nay cũng thấy hỗn-độn tạp-đạp như vậy. Người thì phục thần-quyền, người thì theo quân-chủ, người thì về phái qui-tộc, người thì thuộc đảng dân-quyền, người này phản-đối người kia, phái kia công-kích đảng nọ, hạn-chế nhau, mà có khi biến-dịch lẫn nhau nữa. Thử giở những sách có tiếng là tư-tưởng rất kịch-liệt từ đời trung-cổ đến giờ : không thấy bao giờ xướng ra cái lý-tưởng nào mà dám suy-diễn cho đến cùng-cực. Những người xướng cái thuyết chuyên-chế, trông thấy sự kết-quả mà ghê, nửa chừng phải dừng lại ; đủ biết rằng quanh mình còn có nhiều cái lý-thuyết khác nó ngăn-cầm, nó hạn-chế, không thể theo đến cùng được. Những nhà chủ-trương cái thuyết dân-chủ cũng phải bị hạn-chế như vậy. Không đâu là thấy đi liều bước bạo, suy-lý cho đến cùng-cực cứu-cánh như về đời cổ-đại. Tư-tưởng như vậy, cảm-tình cũng vậy, cũng mâu-thuẫn, cũng tạp-đạp như vậy : người ta thấy rất ham độc-lập, mà lại rất dễ phục-tòng, rất muốn trung-thành liên-đái với kẻ khác mà lại rất nóng nẩy muốn ra ngoài khuôn phép, tự-lập

một mình, tùy-ý hành-động, không thiết đến ai. Thành ra tâm-tình người ta cũng náo-động như xã-hội vậy.

Lại xét đến văn-học đời nay cũng thấy một cái tính-cách như vậy. Chắc rằng về đường từ-chương cú-điệu thời văn-học đời nay còn kém văn-học đời xưa nhiều, nhưng về đường tình-cảm ý-tưởng thời mạnh-bạo hơn, phong-phú hơn biết bao nhiêu! Đọc sách đời nay thời biết rằng tâm-hồn người ta có cảm-động nhiều và sâu hơn đời xưa. Văn-chương không được điêu-luyện bằng đời xưa tức là bởi cái nguyên-nhân đó. Tài-liệu càng phồn-phú thời càng khó khuôn vào cái hình-thức giản-thuần được. Một bài văn hay là thế nào? Là lời-lẽ sáng-suốt, từ-điệu thanh-thoát, ý-tứ quán-triệt từ đầu chí cuối. Nay trong văn-minh Âu-châu đời nay những tình-cảm lý-tưởng của người ta phồn-tạp như vậy thời nói làm sao cho được thập-phần thanh-thoát, thập-phần thấu-triệt như xưa?

Vậy thời xét về đường nào cũng vậy, đều thấy văn-minh Âu-châu có cái tính-cách phồn-tạp như thế cả. Nhân cái tính-cách ấy mà thành ra có cái kém như sau này, là cứ lấy từng bộ-phận trong cuộc tiến-hóa của tinh-thần người ta, hoặc về văn-học, hoặc về mĩ-thuật, mà xét riêng rời ra, thời thấy về đường nào cũng vậy, đời nay, tiến-hóa không bằng đời xưa; nhưng nếu không xét rời ra từng phần mà xét gồm cả toàn-thể thời mới biết văn-minh Âu-châu bây giờ thiệt là phong-phú hơn cả các văn-minh từ xưa đến nay, không cái nào sánh bằng; vừa phong-phú mà lại vừa phát-đạt ra nhiều đường nhiều lối hơn. Thử nhìn mà coi: cái văn-minh ấy xuất-hiện tới nay đã được mười-lăm mười-sáu thế-kỷ rồi, mà từ bấy đến giờ vẫn cứ tiến-bộ luôn, không dừng một lúc nào; tuy không tiến mau bằng văn-minh Hi-lạp đời xưa, mà sự tiến-bộ không có đình-đậu bao giờ. Cái tiền-đồ ở trước mặt rộng-rãi vô-cùng, mỗi ngày một rảo bước đi lên, càng ngày càng mau, vì càng ngày càng được tự-do vận-động. Trong các văn-minh khác, một cái nguyên-lý hay là một cái hình-thức đã chiếm lấy chủ-quyền thời ắt cả các hình-thức, các nguyên-lý khác đi, nên thường sinh ra áp-chế; chớ trong văn-minh Âu-châu đời nay thời các nguyên-lý, các hình-thức dựng ra xã-hội phồn-tạp quá, không cái nào bài-trừ hạn-chế được cái nào, mới thành ra được cái tình-trạng tự-do như ngày nay. Các nguyên-lý khác nhau không thể bài-trừ tiêu-diệt được nhau thời thế-tất phải đồng-sinh cộng-tồn với nhau, hình như mỗi cái đều có thương-lượng điều-đình với nhau vậy. Mỗi cái thuận-nhận chỉ được giữ cái phần tiến-hóa riêng của mình mà thôi; thành ra ở các nơi khác thời vì một cái nguyên-lý thống-nhất để giữ chủ-quyền mà sinh ra cái tệ chuyên-chế, ở Âu-châu thời lại vì các nguyên-lý trong văn-minh phồn-tạp, thường tranh-dành xung-đột nhau mà sinh ra được tự-do.

Các ông ạ, đó tức là cái ưu-điểm tối-cao của văn-minh Âu-châu đó. Nếu ta xét sâu hơn nữa, qua cái hiện-trạng bề ngoài mà cứu đến bản-chất sự-vật, thời ta mới biết rằng cái ưu-điểm ấy là chánh-đáng, dù suy-lý dù nghiệm-thực cũng thấy như vậy. Nay hãy tạm để cái văn-minh Âu-châu đó mà thử rộng trông ra khắp thế-giới này, xét xem cuộc lớn trong thiên-hạ thông-biến thế nào. Việc đời ra làm sao? Cuộc đời xoay thế nào? Tất ta thấy việc đời cũng phồn-tạp, cuộc đời cũng tranh-dành như trong văn-minh Âu-châu vậy. Không từng có một cái nguyên-lý nào, một cái chế-độ nào, một cái lý-tưởng nào, một cái động-lực nào là có quyền chiếm-đoạt được

cả thế-giới, khuôn cả thế-giới vào trong một cái hình-thức nhất-định, nhất-thống thiên-hạ, không cho cái gì khác trình-bày ra được. Chỉ thấy những động-lực, những nguyên-lý, những chế-độ khác nhau, pha-lộn với nhau, hạn-chế lẫn nhau, tranh-dành nhau hoài, khi được khi thua, mà không bao giờ thắng hẳn bại hẳn. Các hình-thức, các lý-tưởng, các nguyên-lý hỗn-tạp với nhau, tranh-dành lẫn nhau, ganh nhau tiến lên một cái mục-đích, một cái lý-tưởng chung, chưa chắc có bao-giờ tới được hay không, nhưng bao-giờ nhân-loại cũng cố công cùng sức cho được thêm tự-do mà khuynh-hướng về đường ấy; đó tức là cái đại-thế trong thế-giới vậy. Vậy thời văn-minh Âu-châu chính là cái hình-ảnh chân-chính của sự sinh-hoạt trong thế-giới: văn-minh ấy cũng như cuộc đời này, không có khu-khu, không có chật-hẹp, không có đình-trệ bao-giờ. Tôi tưởng văn-minh Âu-châu là cái văn-minh thứ nhất không có chuyên-chủ về một đường nào; là cái văn-minh thứ nhất phát-siển ra cũng phồn-tạp, cũng phong-phú, cũng cần-cù khắc-khổ như cuộc đời trong vũ-trụ vậy.

Có thể nói rằng cái đường-lối của văn-minh Âu-châu là hợp với lẽ tiền-định thiên-cổ, hợp với cái qui-mô của Tạo-vật, đúng với phép-tắc của đứng Thiên-chúa muôn đời. Văn-minh Âu-châu sở-dĩ hơn các văn-minh khác là bởi cái lẽ chân-chính như vậy.

Tôi muốn rằng các ông bao giờ cũng nhớ cái tính-cách đặc-biệt cốt-yếu của văn-minh Âu-châu ấy, và trong những bài tôi giảng nghĩa sau này bao giờ cũng chú-ý đến. Ngày nay tôi mới đề-xướng lên thế mà thôi, còn chứng-cớ thời phải đợi kỷ-thuật các việc sau này mới biết được. Song, ví ta xét nguyên-ủy cái văn-minh của ta mà thấy từ khi khởi-thủy đã có cái tính-cách ấy rồi, ví ta nghiệm từ khi cái văn-minh ấy mới phôi-thai ra, nghĩa là từ lúc La-mã-đế-quốc bị đổ, đã thấy trong thời-thế bấy giờ, trong những việc lớn trong thiên-hạ đời bấy giờ làm cơ-sở cho văn-minh Âu-châu bây giờ, đã có cái tính-cách phồn-tạp mà phong-phú như bây giờ, thời thiết-tưởng cũng là một cái chứng-cớ hiển-nhiên vậy. Nay tôi xét cái tình-trạng Âu-châu về hồi La-mã-đế-quốc bị đổ mà tìm xem trong chế-độ, trong tôn-giáo, trong tình-cảm lý-tưởng của người đời bấy giờ có những phần gì là phần của đời cổ-đại truớc di-truyền cho đời cận-đại này. Nếu trong những phần ấy đã thấy có cái tính-cách như tôi nói trên kia, thời thiết-tưởng các ông cũng chịu nhận ngay cho cái tính-cách ấy là chánh-đáng, không cần phải đợi có chứng-cớ khác nữa.

Trước hết phải biết rõ La-mã-đế-quốc là gì và thành-lập thế nào.

Thành La-mã (Rome) lúc khởi-thủy mới là một « chợ » (*municipalité*), một xã (*commune*). Chính-trị La-mã là gồm những chế-độ thích-hợp cho một dân ở trong một khu thành-thị; chế-độ đó là lối « thị-tỉnh-chế-độ » (市井制度 = *institutions municipales*): đó là cái đặc-tính của chính-trị La-mã.

Cái đó không riêng cho một thành La-mã mà thôi. Xét đất Ý-đại-lợi thời bấy giờ, chung quanh thành La-mã cũng chỉ có những thị-tỉnh cả. Bấy giờ gọi là các dân-tộc chẳng qua là mấy « chợ » kết-liên với nhau mà thành ra. Như dân « la-tinh » (*peuple latin*), tức là các « chợ » la-tinh kết-liên với nhau; dân *Etrusques*, dân *Samnites*, dân *Sabins*, cùng các dân ở đất Đại-Hi-lạp (*la Grande Grèce*) cũng đều thế cả.

Thời bấy giờ không có nhà-quê: nghĩa là nhà-quê không có giống như nhà-quê bây giờ; có cầy-cấy nhưng không có dân ở. Người có ruộng đất ở nhà-quê là người kẻ chợ; thường-thường ở tỉnh về quê để thăm ruộng

lúa ; lại nuôi ít nhiều những nông-nô để làm việc canh-tác : nhưng mà nhà-quê như nhà-quê ta ngày nay, nghĩa là có dân-cư tản-mát, hoặc ở rời từng nhà, hoặc ở họp thành làng, đâu có đất là có dân ở, thời đất Ý-đại-lợi đời xưa tuyệt-nhiên không có.

Đến khi thành La-mã bành-trướng ra thời làm thế nào? Cứ xét lịch-sử La-mã thời biết rằng mỗi lần thành La-mã bành-trướng ra là hoặc chiếm lấy, hoặc đặt thêm các « chợ » khác ; cạnh-tranh cũng là cạnh-tranh với các « chợ », kết-ước cũng là kết-ước với các « chợ », mà đem người đi thực-dân cũng là thực-dân ở các « chợ ». Lịch-sử La-mã đi chinh-phục thiên-hạ, tức là chinh-phục hoặc sáng-lập ra nhiều các « chợ » mới. Ở Đông-phương thời cái chinh xâm-lược của La-mã không có rõ hẳn ra tính-cách như vậy, vì dân-cư ở khác bên Tây-phương ; cái chế-độ trong xã-hội cũng khác, nên người dân không có tập-hợp cả ở những nơi kẻ chợ. Nhưng đây ta chỉ bàn về dân Âu-châu mà thôi, vậy phần Đông Đế-quốc ta không xét làm gì.

Nay chỉ xét riêng về phần Tây-Đế-quốc thời thấy đâu đâu cũng giống như lời tôi nói trên kia. Hoặc ở đất Pháp (thời bấy giờ còn là đất *Gaule*), hoặc ở đất Tây-ban-nha, đâu đâu cũng là kẻ chợ cả, ngoài kẻ chợ thời toàn là rừng rậm đồng lầy. Lại xét các cung-thành, các đạo-lộ của La-mã, chỉ thấy những con đường cái lớn đi tự thành nọ sang thành kia ; không có những con đường nhỏ chạy ngang chạy giọc trong khắp xứ như ngày nay. Cũng không có những đền-đài nho-nhỏ, những làng xóm con-con, những cung-thành, những giáo-đường, rải-rác trong khắp mọi nơi như từ đời Trung-thế (*Moyen âge*) đến giờ. Những đền-đài cung-điện của La-mã để lại đều có cái khí-tượng vĩ-đại, có cái « thị-tỉnh-tính-cách » (*caractère municipal*), và dựng ở những nơi dân-cư đông, tập-họp lại cả một chỗ. Cái « La-mã thế-giới » (*le monde romain*) muốn xét về phương-diện nào cũng chỉ thấy phần kẻ-chợ nhiều mà phần nhà-quê tuyệt-nhiên không có.

« La-mã thế-giới » có cái tính-cách thuộc về thị-tỉnh, nên rất khó lập thành cho nên một quốc-gia thống-nhất. Một thị-tỉnh như thành La-mã có sức đủ chinh-phục được cả thiên-hạ ; nhưng muốn cai-trị, muốn kinh-doanh thiên-hạ thời khó lắm. Bởi thế nên khi cái công chinh-phục đã thành, khi cả Tây-phương và một phần to Đông-phương đã về dưới quyền La-mã, thời thấy bao nhiêu là những tỉnh-thành, tức như những quốc-gia nhỏ độc-lập cách-biệt nhau, chỉ chực phân-li thoát-lạc, chẳng có liên-lạc gì với nhau cả. Đó là một cái nguyên-nhân cần phải đặt chính Đế-quốc, nghĩa là đặt một cái chính-phủ trung-ương mạnh để mà hóa-hợp lại làm một những cái nguyên-chất linh-tinh như vậy. Đế-quốc lập ra thời cố liên-lạc cho được cái xã-hội rời-rạc ấy, khiến cho có thống-hệ. Kể cũng đã thành-công được to. Trong khoảng từ đời vua Auguste đến đời vua Dioclétien, trong nước vừa mở mang dân-luật, vừa dựng ra một cái hành-chánh-cơ-quan rất to rộng, rất bền-chặt, hình như một cái lưới quan-lại chăng ra khắp nội-địa La-mã, quan-chế rất nghiêm, hết thảy các quan-lại đều liên-lạc với nhau cùng thống-thuộc về Triều-đình và chức-trách là phải truyền mệnh-lệnh của Triều-đình vào trong xã-hội, và thu tài-lực cùng những cống-vật của xã-hội về Triều-đình.

Không những cái cơ-quan ấy đủ cầm-giữ liên-hợp được các phần trong nội-địa La-mã, mà dân-tình cũng thuận-nhận quyền chuyên-chế của chánh-phủ trung-ương. Kể cũng lạ, trong một mớ những dân-tộc nhỏ không có liên-lạc gì với nhau, trong một đám những tỉnh-

thành độc-lập, mà khiến cho nhân-dân phải tôn-trọng cái quyền của Hoàng-đế như cái quyền thần-thánh không ai dám xâm-phạm đến, thời cũng giỏi thật. Chắc trong nội-địa La-mã bấy giờ, sự yếu-cần phải liên-lạc các phần lại làm một cho toàn-cảnh được thống-nhất đương mạnh lắm nên mới khiến được dân-tâm dễ tin dễ chịu cái chính chuyên-chế như vậy.

Nhờ có cái hành-chánh-cơ-quan mạnh như vậy, nhờ có lòng dân tin thuận như vậy, lại nhờ có cái quân-chế đặt ra để giúp cho quyền hành-chánh, nên La-mã-đế-quốc mới đứng vững được, trong thời giữ cho các phần khỏi giải-tán, ngoài thời phòng các rợ man-di khỏi xâm-nhập. Phòng-giữ cũng đã được lâu, tuy mỗi ngày một thấy suy-vi, mà vẫn đứng được. Đến một lúc thời sự giải-tán mạnh quá, không thể giữ được nữa : dẫu quyền chuyên-chế khôn-khéo đến thế nào, dẫu dân-tâm vẫn cam-chịu thuận-nhận, nhưng cũng không thể nào giữ cho khỏi tan được nữa. Đến thế kỷ thứ 4 thời thấy các phần rời-rạc tan-tác cả, rợ Bắc-man xâm-nhập khắp mọi nơi, các hàng tỉnh không phòng giữ gì nữa, không lo gì đến vận-mệnh chung trong nước. Bấy giờ mới có mấy ông vua nghĩ ra một cái ý cũng kỳ : là muốn đặt ra một cuộc liên-bang (*confédération*), tức như ngày nay ta gọi là cái « đại-biểu-chính-thể » (*gouvernement représentatif*), thử xem lòng dân có ham muốn tự-do, chán quyền chuyên-chế, để nhờ đấy mà duy-trì lấy cái La-mã-đế-quốc đã sắp tàn. Năm 418 vua Honorius và Théodose thiếu-đế (*le jeune*) có hạ một đạo sắc-lệnh cho quan Tổng-đốc đất Gaule, định đặt ở phương Nam đất ấy như một nơi nghị-viện tại thành Arles, để năm năm cứ đến kỳ nhất-định thời các tỉnh phải đại-biểu đến mà bàn việc chung, ý là muốn nhờ đó để duy-trì cho cuộc thống-nhất trong Đế-quốc [1].

Nhưng cái ơn-huệ của hai vua ban cho dân ấy, không tỉnh nào, không thành nào muốn nhận cả ; không đâu muốn phải đại-biểu, không người nào muốn lại họp tại Arles. Đủ biết rằng cái xã-hội ấy vốn không có tính hợp-nhất, không chịu qui-tập về một chốn trung-ương ; đâu đâu cũng chỉ thấy cái bụng tây riêng, cách-biệt thành này với thành khác, xứ nọ với xứ kia ; quả không thể nào họp thành một xã-hội, một quốc-gia chung được. Thành nào cũng chỉ khu-khu trong tường thành ấy, chỉ biết việc riêng mà thôi, thành ra Đế-quốc phải đổ, vì không ai muốn làm dân Đế-quốc, ai cũng chỉ biết làm dân một tỉnh-thành mình mà thôi. Thế ra lúc La-mã-đế-quốc tan cũng như lúc La-mã-đế-quốc mới thành, đâu đâu cũng chỉ thấy cái « thị-tỉnh-chế-độ », đâu đâu cũng chỉ thấy cái « thị-tỉnh-tinh-thần » (*esprit municipal*) mà thôi. Thế ra nội-địa La-mã trước thế nào sau lại hoàn thế : khi lập lên là nhân các thị-tỉnh mà thành, khi tan ra thời các thị-tỉnh lại hoàn là thị-tỉnh.

Nói rút lại thời văn-minh La-mã đời Cổ-đại di-truyền lại cho Âu-châu đời Cận-đại là di-truyền cái « thị-tỉnh chế-độ » (*régime municipal*) vậy ; chế-độ ấy chắc lúc sau đã suy-sút đi, không được mạnh bằng lúc trước nhiều, nhưng sau khi các phần gây dựng ra La-mã-đế-quốc đã bị tan-tác cả thời chỉ có cái chế-độ ấy là vững bền còn lại mà thôi.

Nói hẳn rằng duy chỉ có cái chế-độ ấy là sót lại, thời cũng chưa được đúng lắm. Còn một cái lý-tưởng nữa cũng sót lại về sau : là cái lý-tưởng về Đế-quốc (*idée de l'Empire*), cái danh-hiệu của Hoàng-đế, cái quan-niệm về oai-quyền của Hoàng-đế, về một cái quyền chuyên-chế thánh-thần, không ai dám

(1) Trong nguyên-văn có lục-dịch cả đạo sắc-lệnh ấy ; đây xin tỉnh-giảm.

xâm-phạm đến. Đó toàn là những « tài-liệu » của văn-minh La-mã truyền lại cho văn-minh Âu-châu : một bên là cái « thị-tỉnh-chế-độ » cùng những lề-lối phép-tắc riêng của cái chế-độ ấy, tức là cái nguồn những lý-tưởng tự-do độc-lập trong xã-hội ; một bên là cái dân-luật chung phổ-thông cho mọi người cùng những lề-lối phép-tắc của Đế-chính, tức là cái nguồn những lý-tưởng chuyên-chế trật-tự trong xã-hội.

Nhưng trong xã-hội La-mã đời bấy giờ lại mới nhóm lên một cái xã-hội nữa khác hẳn cái xã-hội trên, nguyên-lý cũng khác, tinh-tình cũng khác, sau này sẽ giúp cho văn-minh Âu-châu những tài-liệu mới lạ hơn: xã-hội ấy tức là « Thiên-chúa giáo-hội » (*Eglise chrétienne*) vậy. Tôi nói « Thiên-chúa giáo-hội » mà không nói « Thiên-chúa-giáo », là bởi thế này. Về cuối thế-kỷ thứ 4, đầu thế-kỷ thứ 5, đạo Thiên-chúa không phải là một sự tín-ngưỡng riêng của từng người nữa, mà đã thành một cái chế-độ chung trong xã-hội ; đã tổ-chức thành đoàn-thể, có quyền cai-trị, có đặt quan-liêu, có định phẩm-trật cho các hạng tăng-lữ, có tiền tư-bản, tiền thâu-nhập, có cách hành-động riêng, có phép chiêu-tập những người đồng-giáo, có hội-đồng hàng tỉnh, hội-đồng hàng xứ, hội-đồng cả nước, xử-trí mọi việc đều là công-đồng cả ; nghiễm-nhiên là một xã-hội vậy. Nói rút lại thời vào thời bấy giờ, đạo Thiên-chúa không những là một tôn-giáo (*religion*) mà đã thành một Giáo-hội (*Eglise*) vậy.

Vì đạo Thiên-chúa chưa thành Giáo-hội thời không biết giữa lúc La-mã đế-quốc đổ, cái vận-mệnh đạo Thiên-chúa ra thế nào. Tôi nói đây là lấy lẽ nhân-sự mà bàn, nhân một việc bày ra tự-nhiên như thế thời xét xem cái kết-quả xảy ra tự-nhiên thế nào, không bàn đến sự gì khác ở ngoài : như vậy thời vì đạo Thiên-chúa thời bấy giờ hãy còn là một cái tình-cảm (*un sentiment*), một sự tín-ngưỡng (*une conviction*) riêng của mỗi người như hồi đầu, thời có thể ngờ rằng có lẽ cũng bị truy-lạc trong lúc Đế-quốc tan và các rợ Bắc-man đương xâm-nhập vào nội-địa. Xem như sau này ở Á-châu và ở bắc-bộ Phi-châu, đạo Thiên-chúa cũng vì các rợ Hồi-man (*Barbares musulmans*) xâm-nhập mà truy-lạc, mà hồi bấy giờ đã có chế-độ, đã thành Giáo-hội rồi ; huống đương lúc La-mã đế-quốc đương giải-tán, cái hiểm-tượng đó lại không có lẽ xảy ra được hay sao ? Đời bấy giờ, những thế-lực về tinh-thần (*les influences morales*), ngoài các chế-độ đặt ra, không có phương-cách gì khác để mà bảo-tồn, để mà chống-giữ như bây giờ, một cái lý-tưởng trọi không có cách mà trưởng-át được tinh-thần người ta, chi-phối được công-việc ở đời, quyết-định được thời-thế như ngày nay. Về thế-kỷ thứ 4, cái lý-tưởng, sự tình-cảm riêng của người ta, chưa từng có thế-lực như vậy. Phải có một cái xã-hội tổ-chức rất bền, quản-trị rất mạnh, thời mới chống nổi được với cái hiểm-tượng như vậy, thời mới qua được cơn gió-bão mà không đến nỗi nguy-vong. Nay tôi nói về cuối thế-kỷ thứ 4 đầu thế-kỷ thứ 5, nhờ có Giáo-hội Thiên-chúa mà đạo Thiên-chúa mới cứu vớt được, tưởng cũng không phải là nói quá vậy. Nhờ Giáo-hội có chế-độ, có quan-quyền mà đạo Thiên-chúa ở trong chống được nổi Đế-quốc giải-tán, ở ngoài giữ được khỏi phong-trào dã-man, không những thế, lại chinh-phục được các rợ Bắc-man, làm cái giây liên-lạc, cái mối cảm-hóa của thế-giới La-mã với các rợ man-di. Vậy thời muốn xét xem đạo Thiên-chúa đã giúp cho văn-minh Âu-châu được gì, cần phải xét cái tình-trạng của Giáo-hội về thế-kỷ thứ 5 thế nào, hơn là xét cái tình-trạng của tôn-giáo. Nay Giáo-hội Thiên-chúa về đời bấy giờ thế nào ?

Cứ lấy cái lẽ nhân-sự mà xét nghiệm những sự cải-cách trong lịch-sử đạo Thiên-chúa tự khi mới nhóm thành cho đến thế-kỷ thứ 5, nghĩa là lấy đạo Thiên-chúa là một xã-hội mà quan-sát, chớ không lấy làm một sự tín-ngưỡng riêng, thời thấy đạo Thiên-chúa đã có qua ba tầng khác nhau như sau này.

Ngay hồi đầu, tự hồi mới khởi đầu, cái xã-hội của đạo Thiên-chúa chẳng qua là một đoàn-thể họp những người cùng cảm-tình cùng tín-ngưỡng như nhau ; các giáo-đồ Thiên-chúa lúc bấy giờ chẳng qua là họp nhau lại để cùng nhau cùng tin cùng cảm, chớ chưa từng có đạo-thống, có kỷ-luật, có quan-liêu gì cả.

Chắc rằng phàm xã-hội nào cũng vậy, dù mới lập ra mà chưa thành đoàn-thể mạnh, tựu-trung cũng phải có một cái chủ-não để sai-khiến vận-động. Trong các giáo-hội Thiên-chúa đời bấy giờ cũng có những người giảng-giáo, người dạy học, người đứng chủ-trương quản-trị cả giáo-hội ; nhưng không ai gọi là ông quan đặt ra để cai-quản việc Hội, không có gì là kỷ-luật định sẵn để ai nấy phải theo ; vậy thời cái trạng-thái lúc băn đầu của xã-hội đạo Thiên-chúa là sự họp-tập nhau lại để cùng tin cùng thờ vậy.

Nhưng giáo-hội càng tiến lên, mà tiến mau lắm, vì có thấy vết-tích trong các đền-đài thư-tịch hồi băn đầu, thời đạo-thống cũng dần-dần dựng lên, kỷ-luật dần-dần lập ra, các quan-chức cũng dần-dần đặt ra : có chức gọi là « kỷ-cựu », tức là các bậc giáo-sư ; có chức gọi là thanh-tra kiểm-soát, tức là bậc giám-mục ; có chức-gọi là « đồ-đệ » (*diacres*) coi về việc trông nom và bố-thí cho các người nghèo khổ.

Chức-quyền của mỗi bậc ấy mà muốn phân-biệt cho rõ-ràng thời cũng khó lắm, vì giới-hạn chưa được phân-minh ; nhưng từ đó là trong giáo-hội đã bắt đầu có chế-độ vậy. Nhưng trong thời-kỳ thứ nhì ấy vẫn còn có một cái đặc-tính như sau này : là cái chủ-quyền trong giáo-hội rút lại vẫn là thuộc về các giáo-đồ ; khi cất đặt các chức-quan, khi nghị-định các thể-thống luật-lệ, đều là theo ý-kiến chung của toàn-thể giáo-đồ. Bọn cầm quyền trong giáo-hội với dân theo đạo chưa có cách-biệt nhau, chưa thành mỗi đẳng một nơi, biệt-lập không có dính-dáng với nhau ; mà phần thế-lực trong giáo-hội vẫn là thuộc về bọn giáo-đồ.

Đến thời-kỳ thứ ba thì thấy khác hẳn. Bấy giờ đã thành ra một bọn tăng-lữ cách-biệt hẳn với nhân-dân, tức là một cái đoàn-thể có của-cải riêng, có pháp-luật riêng, có thể-chế riêng, chẳng khác gì một cái chính-phủ hoàn-toàn, tổ-chức như một xã-hội có đủ các cách sinh-hoạt, đối với cái xã-hội các tín-đồ kia là biệt-lập mà có thế-lực, có quyền-chức được quản-trị. Ấy trong lịch-sử giáo-hội Thiên-chúa thành-lập đến đấy là thời-kỳ thứ ba, và cái trạng-thái của giáo-hội về đầu thế-kỷ thứ năm là như thế. Phàm quan-quyền không thể cách-biệt hẳn với nhân-dân, không bao giờ có quan-quyền nào như thế, càng về tôn-giáo lại càng không có lẽ như thế được ; nhưng trong sự giao-tiếp của bọn tăng-lữ với tín-đồ, thời quyền chủ-trương là ở trong tay một bọn tăng-lữ, mà quyền ấy là quyền tuyệt-đối.

Thử-ngoại, bọn tăng-lữ của đạo Thiên-chúa hồi bấy giờ lại còn có một cái quyền-thế khác nữa. Các giám-mục cùng đồ-đệ vừa coi việc bên giáo mà lại vừa sung các chức trưởng-quan trong thành-thị. Trên kia ta đã nói rằng La-mã đế-quốc thời bấy giờ còn sót lại duy chỉ có cái « thị-tỉnh-chế-độ » mà thôi. Nhưng các thị-quan (*curiales*) nhân cái chính chuyên-chế phiền-nhiễu, cũng nhân các nơi thị-thành mỗi ngày một suy-sút, ai cũng chán-nản, không chăm công-việc ; đến như

các bậc giám-mục cùng cả bọn tăng-lữ thời bấy giờ thời đương siêng-năng hăng-hái, sẵn lòng ra thay mà quản-trị trông nom các việc. Không phải rằng bọn đó có ý muốn xâm-lấn quyền-thế gì, nếu trách như vậy thời không công-bằng quá. Nhưng cái lẽ tự-nhiên như thế ; lúc bấy giờ chỉ có bọn tăng-lữ là có cái thế-lực về tinh-thần đương cường-thịnh, quyền-thế tất mỗi ngày một bành-trướng ra là phải lắm ; cái phép thiên-nhiên như thế.

Sự cải-cách ấy xét trong luật-lệ các vua thời bấy-giờ đều thấy ghi chép cả. Thử mở bộ Luật vua THÉODOSE hay là bộ Luật vua JUSTINIEN sẽ thấy vô-số các điều-lệ trao quyền thị-chính cho bọn tăng-lữ và cho các bậc giám-mục [1].

Xét các điều-lệ đó thời biết rằng sau cái thị-chính-chế-độ của La-mã và trước cái thị-chính-chế-độ của đời Trung-thế, còn có một cái thị-chính-chế-độ của bọn tăng-lữ nữa (*régime municipal ecclésiastique*) ; thành ra quyền quản-trị công-việc trong thị-thành trước thuộc các « thị-quan » La-mã, sau truyền sang bọn tăng-lữ, sau cùng mới thành ra cái chế-độ các thị-thành đời Cận-đại.

Các ông coi đó thời biết cái thế-lực của Giáo-hội La-mã to-tát là đường nào, tự trong đoàn-thể riêng đã mạnh rồi vì có quyền riêng trong các nhân-dân theo giáo, lại tham-dự vào việc thị-chính mà thế-lực càng mạnh thêm lên nữa. Bởi vậy nên ngay tự đời ấy Giáo-hội đã giúp cho văn-minh Âu-châu được phát-đạt nhiều lắm. Nay ta xét xem đã giúp được những phần gì.

Trước nhất phải biết rằng đời bấy-giờ là giữa buổi cái sức vật-chất đương thịnh, muốn tràn-ngập cả xã-hội, nay có một cái thế-lực, cái sức-mạnh về tinh-thần, chỉ lấy lòng tin-ngưỡng sự cảm-tình làm gốc, thật là một cái lợi to cho thế-giới vậy. Vì bằng không có Giáo-hội Thiên-chúa thời thế-giới tất ngập vào trong vòng vật-chất thô-bỉ cả. Duy chỉ có Giáo-hội là có cái thế-lực về tinh-thần vậy.

Kkông những thế mà thôi : Giáo-hội lại còn gây-dựng nên, truyền-bá ra cái phép-tắc cao hơn cả các phép-tắc của người ta ; Giáo-hội dạy rằng muốn cứu-tế được cho loài người thời phải tin rằng ở trên cả các pháp-luật của người ta, còn có một cái pháp-luật cao hơn hết thảy, tùy thời tùy xứ hoặc gọi là chính-lý (*raison*), hoặc gọi là thiên-lý (*providence*), nhưng danh-hiệu có khác mà bao-giờ cũng vậy, ở đâu cũng vậy, đều là một cái lẽ chí-công tuyệt-đích mà thôi.

Sau hết, Giáo-hội lại xướng ra một sự rất quan-trọng là quyền chính-giáo phân-li. Chính-giáo phân-li, đó là cái nguồn gốc của quyền tự-do tín-ngưỡng (*liberté de conscience*) ; cái nguyên-lý của sự phân-li ấy cũng giống như cái nguyên-lý của cái quyền tự-do tín-ngưỡng rất hoàn-toàn. Chính-giáo phân-li là gốc ở cái lý-tưởng rằng phàm sức vật-chất không có áp-chế được tinh-thần, không có đè nén được sự tín-ngưỡng, không có che-lấp được cái chân-lý ; gốc ở sự phân-biệt cái thế-giới về tư-tưởng (*monde de la pensée*) với cái thế-giới về hành-động (*monde de l'action*), cái thế-giới về nội-tâm với cái thế-giới về ngoại-vật, hai cái tuyệt-nhiên không giống nhau. Âu-châu trong bao nhiêu lâu phải cạnh-tranh khó nhọc mới chiếm được cái quyền tín-ngưỡng-tự-do, mà chiếm cho được thường vẫn bị Giáo-hội phản-đối, không ngờ rằng gốc cái quyền tự-do ấy là ở ngay sự phân-li chính-giáo và xuất-hiện ra tự khi văn-minh Âu-châu mới phôi-thai ; mà khởi xướng ra trước nhất, bảo-tồn lại về sau lại chính là tự Giáo-hội Thiên-chúa, vì thời-thế bách-xúc phải làm như thế để chống đối với các rợ man-di vậy.

(1) Trong nguyên-văn có lục-dịch mấy điều luật La-mã, đây xin tỉnh-giảm.

Dựng ra một cái thế-lực thuộc về tinh-thần, đặt ra một cái pháp-luật thuộc về tuyệt-đích, phân-li chính-giáo hai quyền, đó là ba cái công-quả lớn của Giáo-hội Thiên-chúa đã gây thành cho văn-minh Âu-châu vào khoảng thế-kỷ thứ 5 vậy.

Song, ngay tự bấy giờ cái ảnh-hưởng của Giáo-hội cũng đã không được toàn tốt cả rồi. Tự thế-kỷ thứ 5, trong Giáo-hội đã thấy xuất hiện mấy cái mầm xấu có quan-hệ đến sự tiến-hóa của văn-minh Âu-châu. Như phân-biệt kẻ có quyền với người trị-hạ, bắt người trị-hạ phải theo pháp-luật, như muốn cưỡng-đoạt lấy tinh-thần sinh-mệnh người ta, không để cho người ta tùy lòng tự thuận. Giáo-hội có cái khuynh-hướng muốn dùng thần-quyền mà đoạt lấy chính-quyền, muốn một mình đứng làm chủ-nhân-ông trong xã-hội. Khi nào không thể tự mình lấy thần-quyền mà chiếm-đoạt được chủ-quyền trong xã-hội, thời kết-liên với các vua chúa, cùng bọn vua chúa chia quyền-chính, hại cho quyền tự-do của kẻ thần-dân.

Đó là mấy cái nguyên-liệu văn-minh (*éléments de civilisation*) mà Âu-châu đã chịu nhận được, một là của Giáo-hội, hai là của Đế-quốc về khoảng thế-kỷ thứ 5. Đó là cái trạng-thái của thế-giới La-mã lỗi các rợ Bắc-man đến xâm-chiếm. Nay muốn biết cho hết cả các tài-liệu khác đã hỗn-hợp dung-hóa mà làm ra văn-minh Âu-châu, thời chỉ còn phải xét các rợ Bắc-man thế nào.

Tôi nói xét về các rợ Bắc-man, chắc các ông cũng rõ rằng không phải là xét lịch-sử các rợ ấy đâu. Ta không cần phải thuật lịch-sử làm gì ; ta biết rằng về đời bấy giờ những rợ vào xâm-chiếm Đế-quốc gần là một giống người cả, giống ấy là giống Nhật-nhĩ-man (*Germains*), chỉ trừ có mấy rợ thuộc về giống Ti-lạp-phu (*Slaves*) như rợ A-lãnh (*les Alains*). Ta cũng biết rằng cái trình-độ văn-minh của các rợ ấy đều lã sàn-sàn như nhau cả. Giản-hoặc rợ nọ rợ kia cũng có khác nhau một đôi chút, là tùy theo có giao-tiếp với thế-giới La-mã ít hay nhiều vậy. Như dân Gốt (*Goths*) sánh với dân Phật-lăng (*Francs*) chắc là đã có văn-hóa hơn và phong-tục đã thuần-hậu hơn một chút. Nhưng cứ lấy đại-khái và lấy cái kết-quả đối với văn-minh ta mà xét thời trình-độ các dân man-di đời bấy giờ cũng không có cao thấp hơn nhau mấy tí.

Ta cần phải biết đây là biết cái tình-trạng trong xã-hội các rợ man-di ấy thế nào. Nhưng ngày nay mà cứu xét cho được cũng khó lắm. Như muốn biết cái thị-tỉnh-chế-độ của La-mã hay là các chế-độ trong giáo-hội Thiên-chúa thế nào thời không khó gì cho lắm, vì còn di-tích trong các chế-độ, trong những việc hiện-thời bây giờ, có nhiều cách mà nhận-chân cùng giải-thích được. Chớ đến như phong-tục xã-hội của các rợ man thời ngày nay đã tiêu-diệt gần hết cả rồi ; muốn biết được thời phải xem-xét những di-tích cũ, phải tưởng-tượng suy-nghĩ mà đoán ra mới được.

Nay xét ra có một điều cần phải biết trước thời mới giải được cái tâm-lý của người Man (*la psychologie du Barbare*) thế nào : là cái tính thích tự-do, ham độc-lập, không chịu bó buộc, muốn ngang-nhiên mà ra xông-pha với muôn sự may rủi ở đời ; không biết chăm-chỉ cần-cù mà muốn hoạt-động cho khoái-lạc, thích tiêu-diêu khoáng-đãng, thăng-trầm mạo-hiểm, không có khư-khư gìn-giữ như người ta. Ấy cái đặc-tính của các dân man-di là thế, cái đặc-tính ấy tức là cái động-lực dễ chuyển được những lũ người mộc-mạc ấy. Ngày nay xã-hội ta đã thành nền-nếp, người ta phải theo qui-củ, khó lòng mà tưởng-tượng được cái tính khoáng-đãng của các rợ man ấy về thế-kỷ thứ 4 và thứ 5 nó mạnh là dường nào. Tôi xem chỉ có một quyển sách là mô-tả được cái tính ấy cương-cường thế nào : sách

ấy là sách « Sử Rợ Nô-măng sang chinh-phục đất Anh » (*Histoire de la conquête de l'Angleterre par les Normands*) của ông AUGUSTIN THIERRY, đọc sách ấy đủ biết được tinh-tình tâm-lý những dân gần như mọi rợ, mà có cái sức hoạt-động hăng-hái như thế, đọc sách ấy tưởng như đọc truyện hào-kiệt đời cổ xưa vậy. Không đâu vẽ được tỏ-tường cái hình-dung, sự sinh-hoạt của người Man bằng trong sách ấy. Duy có trong tiểu-thuyết của ông COOPER về các man-dân ở Mĩ-châu là hơi vẽ phảng-phất được ít nhiều cái tinh ấy, nhưng cũng không được rõ-ràng và không được chất-phác bằng. Trong phong-tục cùng cách ăn ở của các man-dân ở những nơi rừng rú Mĩ-châu cũng có điều hơi giống như các rợ Nhật-nhĩ-man ở Âu-châu đời xưa. Chắc rằng những cảnh trong sách ông THIERRY cũng là hơi vẽ văn-hoa ra cho nó có thi-vị hơn, và những phần ác-liệt trong phong-tục các rợ man không có bày tỏ được rõ-ràng lắm. Không những là trong phong-tục đó có nhiều điều hại cho xã-hội, mà trong cái tinh-tình khoáng-đãng người man cũng có một cái gốc bỉ-liệt, một phần thô-tục thuộc về vật-chất, trong sách ông THIERRY chưa mô-tả được rõ lắm; có một cái tinh hoang-tàn, say-sưa mà ít cảm-giác, trong sách chưa vẽ được tinh-tường. Song ví xét cho cùng thời người Man tuy có tinh hoang-tàn vị-kỷ, chỉ biết trọng vật-chất, mà tinh tự-do khoáng-đãng cũng là một cái tinh-tình cao-thượng của người ta; có tinh ấy thời người ta mới biết mình là người, biết mình có cái nhân-cách đặc-biệt và được tự-do mà phát-đạt ra.

Tinh ấy chính là nhờ các rợ Nhật-nhĩ-man (*Barbares Germains*) mới thâu-nhập vào trong văn-minh Âu-châu; thế-giới La-mã, Giáo-hội Thiên-chúa cùng các văn-minh cổ đời trước đều không từng biết cái tinh ấy cả. Các văn-minh cổ có biết quyền tự-do, là cái quyền tự-do về chánh-trị, quyền tự-do của công-dân mà thôi: người ta không ham cái tự-do riêng của mình, chỉ ham cái tự-do làm dân trong nước mà thôi; mỗi người là thuộc về một đoàn-thể, ra công hiệu-lực cho cái đoàn-thể ấy, sẵn lòng làm hi-sinh cho cái đoàn-thể ấy. Trong Giáo-hội Thiên-chúa cũng vậy: mỗi người đều một lòng quyến-luyến với giáo-hội, tận-tụy với giáo-hội, một lòng tuân theo phép-luật của giáo-hội, khoáng-trương thế-lực cho giáo-hội; hoặc là lòng tôn-giáo lại làm cho người ta tự cưỡng-chế tâm-tinh mình, ất-ức cái tự-do của mình để tùy theo cả về lòng tín-ngưỡng. Nhưng cái tinh tự-do độc-lập, cái tinh khoáng-đãng tiêu-diêu thời xã-hội La-mã, giáo-hội Thiên-chúa cũng đều không biết cả. Nhờ có các rợ man mới thâu-nhập được vào trong văn-minh Âu-châu. Cái tinh ấy đã ảnh-hưởng rất sâu xa, đã sinh-sản ra được những kết-quả rất tốt đẹp, không thể không phát-minh ra mà cho là một cái yếu-tố đệ-nhất trong văn-minh Âu-châu vậy.

Nay còn có một cái yếu-tố thứ nhì nữa, văn-minh ta cũng là chịu được của các rợ man, là cái lòng trung-tín với nhau, quân trung với tướng, tuy vẫn là bình-đẳng, vẫn là tự-do, mà trong bọn võ-sĩ có phân trên dưới, kẻ dưới một lòng trung-tín với người trên, tức là manh-nha ra cái « qui-tộc chế-độ » (*organisation aristocratique*) của đời Phong-kiến (*Féodalité*) vậy. Cái đặc-tinh của lòng trung-tín ấy là sự quyến-luyến một người với một người, sự trung-thành một người với một người, tự mình quyến-luyến, tự mình trung-thành, không có cớ gì ở ngoài, không có lẽ gì bắt-buộc. Trong các dân-quốc đời xưa không có từng thấy người nào là tự mình phục-tòng người khác bao giờ; có phục-tòng là chỉ phục-tòng quốc-gia xã-hội mà thôi. Trong các rợ Man thì sự phục-tòng ấy là một người đối với một người, trong

khi các rợ còn chia ra từng đảng mà ngang-giọc đất Âu-châu thời là người võ-sĩ phục-tòng tướng mình; đến đời Phong-kiến sau này thời là các chư-hầu phục-tòng với minh-chủ. Cái yếu-tố thứ nhì ấy, cái lòng trung-tín một người đối với một người ấy, đã có ảnh-hưởng sâu xa trong lịch-sử văn-minh Âu-châu cũng là do tự các rợ man đem lại, cũng là tự trong phong-tục người Man mà truyền sang phong-tục ta vậy.

Các ông coi cái bức tôi phác-họa về văn-minh Âu-châu trên đó, thời đủ biết rằng cái văn-minh ấy lúc mới phôi-thai thật là bác-tạp phiền-phức như tôi đã nói trên đầu bài này. Các ông thử nhận ó phải hồi La-mã đế-quốc đổ bao hiêu các nguyên-liệu làm ra văn-minh Âu-châu sau này đều là hỗn-tạp cả không? Hồi bấy giờ có ba cái xã-hội thật là khác nhau: một là cái « thị-tỉnh xã-hội » (*société municipale*), là di-tích của Đế-quốc La-mã; hai là cái xã-hội của đạo Thiên-chúa; ba là cái xã-hội của các rợ Man. Các xã-hội ấy tổ-chức mỗi cái một khác, nguyên-lý mỗi cái một khác, gây cho người ta cái tình-tình cũng khác nhau: nơi thì rất mực tự-do, chỗ thì phục-tòng hết sức; chỗ thì quân trung với tướng, nơi thì tăng-lữ cầm quyền; ở đâu cũng thấy chính-quyền với giáo-quyền đối-ngang nhau; chỗ này thì pháp-điển của Giáo-hội, chỗ kia thì luật-lệ của Đế-quốc, lại chỗ khác thời là những thói-tục chưa thành văn của các rợ Man; đâu đâu cũng thấy hỗn-tạp những giống người, những tiếng nói, những phong-tục, những tình-tình thật là khác nhau. Trên kia tôi nói rằng cái tính phổ-thông của văn-minh Âu-châu là sự bác-tạp. nay thật đã chứng-giải rõ-ràng vậy.

Chắc các ông cũng hiểu rằng văn-minh ta mà có cái tính bạc-tạp như thế thật đã có nhiều điều không lợi: Âu-châu tiến-bộ không được mau, phải kinh lầm-than loạn-lạc cũng là phần nhiều vì đó. Song tôi tưởng cũng không phải là sự không may gì. Các dân-tộc cũng như người ta, muốn phát-đạt cho thật rộng thật to, muốn tiến-hóa đến vô-cùng, thời dẫu phải mạo-hiểm mới thành được tưởng cũng đáng công vậy. Tóm lại mà xét, văn-minh Âu-châu có bác-tạp, có kỳ-khu, có trắc-trở như thế mới vượt cao được hơn các văn-minh khác vốn giản-thuần hơn; và nhân-loại nhờ đó được lợi nhiều hơn là phải chịu hại.

Tôi xin dừng lại đây. Thế là ta đã biết đại-khái cái tình-trạng Âu-châu về hồi La-mã đế-quốc tan thế nào, ta đã biết các nguyên-chất đương dung-hòa hỗn-hợp mà làm ra văn-minh Âu-châu. Sau này ta sẽ xét cái cách các nguyên-chất ấy vận-động hoạt-dụng thế nào. Trong bài sau tôi sẽ giải xem những nguyên-chất ấy biến-hóa ra làm sao và làm thành những hiệu-quả gì trong cái khoảng thời-đại người ta thường gọi là đời Man-di, nghĩa là hồi các rợ đương xâm-nhập nội-địa và tình-thế Âu-châu đương hỗn-độn vậy.

* * *

Lời bàn của người dịch. — *Bài trước là giải nghĩa chung về văn-minh; bài này là xét riêng về tính-cách văn-minh Âu-châu và tìm xem những nguyên-chất gì đã làm ra cái văn-minh ấy. Văn-minh Âu-châu có một cái tính-cách khác các văn-minh đời xưa đời nay: tính-cách ấy là sự phồn-tạp, nghĩa là rậm-rạp bề-bộn, ví như cái rừng sâu bụi cây rậm, ở trong cây quí cỏ lạ rất nhiều mà thú dữ rắn độc cũng lắm, không thể qua một lượt mà biết hết được. Các văn-minh khác thời rất là giản-thuần, hình như do một cái nguyên-lý chung mà suy-diễn ra, có thể gồm lại một câu mà giải-thích được; như nói văn-minh Ấn-độ*

là thuộc về « thần-quyền-chủ-nghĩa », văn-minh Tàu là thuộc về « tộc-trưởng-chế-độ », v. v. Đến như văn-minh Âu-châu thời không có thể bao-gồm mà giải-thích được như vậy, vì tài-liệu nó phong-phú vô-cùng. Tài-liệu nó phong-phú vô-cùng, vì văn-minh Âu-châu đời nay là kế-tục mấy cái văn-minh cũ từ đời trước, mỗi cái di-truyền lại ít nhiều phần, phần nào cũng mạnh, không phần nào át được phần nào ; mà bấy nhiêu phần đều phát-đạt lên đến cực-điểm, gây ra cái thế-giới huy-hoàng sán-lạn ngày nay. Cứ như Guizot *tiên-sinh xét thời văn-minh Âu-châu là do ba cái nguồn lớn mà ra : một là đế-quốc La-mã, hai là Giáo-hội Thiên-chúa, ba là xã-hội Bắc-man. Đế-quốc La-mã truyền lại cho cái « thi-tỉnh chế-độ », tức là gốc của lối chánh-trị dân-chủ cộng-hòa về sau này ; Giáo-hội Thiên-chúa thì truyền cho cái tư-tưởng thống-nhất về tinh-thần và cái quan-niệm chính-giáo phân-li, tức là gốc của quyền tín-ngưỡng-tự-do về sau này ; còn xã-hội Bắc-man thời truyền cho cái tinh hiếu tự-do, ham độc-lập, mạo-hiểm, hoạt-động, gây ra cái « võ-sĩ-đạo » của Âu-châu và là mầm các cuộc cách-mệnh về sau này. Ấy các nguyên-chất làm ra văn-minh Âu-châu phồn-tạp như vậy, nên cái văn-minh ấy cũng phồn-tạp. Sự phồn-tạp ấy là hay hay là dở ? Khó lòng mà quyết-đoán được. Nhưng sự sinh-hoạt trong trời đất, cái cảnh-tượng của tự-nhiên cũng là phồn-tạp phong-phú, mà không phải bình-dị giản-thuần ; như vậy thời văn-minh Âu-châu thật là hình-ảnh chân-chánh của sự sinh-hoạt, sự tự-nhiên vậy. Như vậy thời văn-minh Âu-châu có lẽ là cái văn-minh hoàn-toàn hơn cả, vì bao-gồm được nhiều nguyên-chất khác nhau, phản-chiếu được hết tâm-tình loài người, và cái tinh phồn-tạp kia có lẽ là cái ưu-điểm đệ-nhất của văn-minh ấy, và là cái động-lực rất mạnh khiến cho cái văn-minh ấy có thể tiến-hóa đến vô cùng vậy.*

THƯỢNG-CHI

MUỐN CẢI-LƯƠNG HƯƠNG-TỤC NÊN LÀM THẾ NÀO ?

Phong-tục chốn hương-thôn có hay, thời trình-độ quốc-dân mới khá lên được ; nếu phong-tục dở thời trình-độ quốc-dân còn kém xa. Vì chốn hương-thôn là một đoàn-thể nhỏ trong toàn-thể quốc-dân, họp năm mười họ lại làm thành một làng, trong làng có kỳ-mục, lý-dịch, quan-viên, chức-sắc, góp đủ các hạng người, làm thành ra một dân-đoàn nhỏ, trong dân-đoàn ấy quanh năm những việc quan, hôn, tang, tế, thù-ứng giúp đỡ cho nhau, tình-ý rất là thân-mật ; ngoài việc kỳ-thần bái-xã, dưỡng-sinh tống-tử ra, lại còn việc nộp thuế, đương binh để cung-ứng về việc công Nhà-nước. Nếu dân-cư mà tán-mạn mỗi người một nơi, rời-rạc mỗi nhà một chỗ, không có đoàn-thể, không có thể-thống gì cả, thời làm sao mà bảo-trợ được lẫn nhau, làm sao mà cai-trị được cho tiện. Nay dân-đoàn nước ta đã biệt thành ra từng làng từng xóm như vậy, chính là chỗ quê cha đất tổ ở đấy, chính là nơi chôn rau cắt rốn ở đấy, sống gửi thịt chết gửi xương ở đấy, thân-thiết biết là chừng nào. Ở trong có các đấng phụ-huynh tôn-trưởng,

ra ngoài có các người hương-đảng kỳ-hào, trong họ ngoài làng, tối đèn tắt lửa có nhau, hễ động có việc dân hay việc quan, thời trên bảo dưới nghe, trong hòa ngoài thuận, tuy là một làng mà cũng như một người một họ vậy.

Ấy cái dân-đoàn mà chia ra từng làng là hay như thế đấy, là cốt rằng khi ra vào thời bè-bạn với nhau, khi canh giữ thời giúp đỡ lẫn nhau, khi tật-bệnh tử-táng thời phù-trì lẫn nhau, có đâu những hạng kỳ mọt kỳ nát, gà què ăn quẩn cối xay ; có đâu những hạng thày kiện thày cò, đâm bị thóc chọc bị gạo ; dân-gian mà được nhiều làng phong-tục thuần-hậu như thế, thời Nhà-nước có chánh-sách gì hay thi-hành ra cũng dễ, rất tiện về việc cai-trị, như là thân mình vận động cánh tay, sai khiến ngón tay vậy.

Truyền rằng đời Lê trung-hưng, người dân Đan-loan phủ Bình-giang (Hải-dương) khi xiêu lưu mới về, cùng họp nhau ở cả xung-quanh đền đình miếu cũ, không cứ họ thân họ sơ, cùng liên-lạc làm một họ, lập khoán-ước bảo-trợ phù-trì lẫn nhau, tục gọi là họ Nghè. Ấy cái gương phong-tục tốt của dân làng khi xưa như thế đấy, không biết cái phong-tục chốn hương-thôn bây giờ có được như thế không ? Muốn xét cái phong-tục hương-thôn tốt hay xấu, thời trước nhất phải xét cái tư-cách các kỳ-mục dở hay hay. Bảo rằng tốt mà hay cả thời tôi không dám chắc, mà bảo rằng dở mà xấu cả thời chẳng oan lắm ru ?

Những thường thấy trong chốn hương-thôn vào đình vào đám, phí-tổn rất nhiều ; khao lão khao nhiêu, ăn-uống rất hại ; mà một người chết mà làm chết đến mấy con trâu bò, lắm khi làm cho hiếu-chủ phải bán hết cả tư-cơ, mà không đủ cung mấy bữa no say trong làng xóm ; cưới một người vợ, mà phải đợ mất mấy mẫu ruộng, lắm khi làm cho chú rể phải bán hết điền-sản, mà cũng chưa nộp đủ lệ cheo cưới chốn thôn-quê. Ấy cái phong-tục ăn uống nặng-nề như vậy, ấy cái phong-tục trả nợ miệng xấu-xa như vậy ! Mà các kỳ-mục lại nhân được cái phong-tục xấu ấy để làm mồi kiếm ăn, hết giữ phần lính lại tranh phần trưởng ; hết đòi gói chè đỏ, lại vòi hộp thuốc xanh ; đầu gà má lợn, dành được miếng phần to, ấy tức là sự-nghiệp ; hơi men khói thuốc, năm ba câu truyện vẩn, ấy tức là kinh-luân. Giá có hỏi đến sự vệ-sinh, sự tuần-phòng trong làng xóm, thời cứ mặc gậy gộc mấy chú tuần phiên, chớ có biết gì đến chánh-sự cảnh-sát ; hỏi đến sự chi-tiêu, sự bổ-bán trong dân làng, thời cứ mặc giấy má trong tay thày lý-dịch, chớ có biết gì đến sổ-sách biên-lai. Sổ chi-tiêu đã không có, thời chỉ tiện cho các kỳ-dịch nhân công chế tư. phù-thu lạm-bổ, làm một ruồng trong đám hương-thôn. Rồi lại sinh ra điêu-toa kiện-cáo, kiếm mồi lên quan, ấy cái tư-cách kỳ-mục mà hư, mà dở như thế, thời chỉ làm anh dắt mối hàng lên cửa công-nha ; muốn cải-lương phong-tục mà chỉ mong về bọn ấy, thời sao cho thành được ?

Nhà-nước mà có thi-hành chánh-sách gì hay, Triều-đình mà có ban-bố chỉ-dụ gì để khuyên-dụ duy-trì lấy nhân-tâm phong-tục, thời bọn kỳ-mục đó chỉ ù-ù cạc-cạc, như vịt nghe sấm, chẳng biết là hiểu-dụ gì, thời còn biết sửa sang thế nào được phong-tục. Thậm-chí lại bảo rằng phép vua thua lệ làng, miếng giữa làng bằng sàng sở bếp, thời tự bọn kỳ-mục đó khi nào lại muốn tỉnh-giảm những phong-tục hủ-bại ấy đi.

Than ôi ! cái nền dân-đoàn xã-hội nước ta đã mục nát lâu năm như thế, có khác gì cái nhà đã gần đổ ? Nếu các quan trên mà có lòng sửa-sang lại tục-lệ cho dân, lập sổ chi-tiêu, đặt ra hương-nghị, rồi trở bảo bọn kỳ-mục

ấy tuân-theo mà làm thời cũng mong có ngày xây-dựng lại được. Nhưng quan có đến mà hiểu-dụ cho những sự cải-lương chẳng qua họ chỉ hư-ứng, quan mà về khỏi, thời những sổ-sách điều-lệ ấy lại bỏ xó một nơi, dẫu có phép hay ý tốt, mà không có người khá thời cũng không thể nào làm được, có khác gì muốn dựng lại cái nhà đổ, mà chỉ dông tạm lên đó, không tu-bổ lại những cái dui mục cột nát ấy đi, dẫu dông lên đó thế-tất rồi cũng lại đổ.

Thế thời phong-tục không thể nào cải-lương được hay sao ? Xã-hội không thể nào tu-bổ lại được hay sao ? Sao không được. Muốn cải-lương phong-tục chốn hương-thôn, thời trước phải cải-lương tư-cách các kỳ-mục. Phải dạy cho kỳ-mục biết những điều tri-thức phổ-thông, như là : sổ-sách chi-tiêu phải làm như thế nào ; vệ-sinh cảnh-sát phải đặt như thế nào ; thủ-quĩ thư-ký là để giữ việc gì ; hội-viên hương-nghị là để bàn việc gì ; chức-phận người dân đối với các quan cai-trị là những chức gì ; đối với nhà nước phải làm thế nào cho hết bổn-phận ra lính, nộp thuế, không có điều ẩn-lậu ; tục-lệ khoán-ước những điều gì nên theo, điều gì nên giảm ; tiền công để dùng làm gì cho ích cả công-dân. Phàm những điều phổ-thông tri-thức như trên này mong các quan phủ huyện có chức-trách thân-dân, thường đem giảng-dụ cho dân biết. Nhất là đặt ra một trường kén những kỳ-mục trong dân mà dạy bảo cho biết qua những sự thông-thường như trên kia, không bao lâu họ tự hiểu ra, rồi họ tự cải-lương lấy được, không cần phải quan giảng-diễn, mà làng nọ trông làng kia, tự biết sửa đổi lại phong-tục.

Nghe đâu năm trước (1915) quan Tổng-đốc Hà-đông Hoàng đại-nhân có đặt ra một trường dạy kỳ-mục ở về huyện Đan-phượng, chỉ chuyên dạy cho biết những điều phổ-thông, thế mà về việc cải-lương phong-tục rất có công-hiệu, là vì dạy được những hạng tân-kỳ-mục đã có ít nhiều tri-thức thông-thường, rồi hợp với những bọn cựu-kỳ-mục mà làm, tự-nhiên là có kết-quả hay, không có sự gì ngăn-trở cả.

Xem như hạt Hà-đông mà cải-lương trước nhất là làng Đông-ngạc, đã có tờ tưởng-lục ban khen, đó là nhờ có quan tổng-đốc bản-tỉnh, mà trong làng lại có được một vài người tri-thức biết nghe theo lời hiểu-dụ của quan trên, mới cải-lương được chóng như vậy. Thế cho nên việc dạy kỳ-mục cho có tri-thức phổ-thông là việc rất cần.

Nhưng ít lâu nay cái trường dạy kỳ-mục ở Đan-phượng lại đình bãi không thấy giảng dạy nữa, thời chẳng đáng tiếc lắm ru ! Vì rằng sự giáo-dục cho phổ-cập cả toàn-thể quốc-dân, không phải một ngày mà thành được ; vậy phải trước luyện lấy một ít phần người có tri-thức mới, thời mới làm được những việc cải-lương hay ; ít phần người ấy tức là bọn kỳ-mục trong hương-thôn, nếu không dạy thời về sau chúng nào tật ấy, cứ giữ thói quen chỉ thành ra một đám mọt trong xã-hội. Nếu lựa lấy ít người mà dạy, thời trí khôn nhanh-nhẹn, lầu thông quốc-ngữ, biết sửa đổi theo những phong-tục hay, tức là gieo một thứ giống lúa tốt cho ruộng công-dân vậy.

Tôi mong rằng các phủ huyện các tỉnh chỗ nào cũng có một trường dạy kỳ-mục, công-khóa dạy đại-lược như là trường của quan Tổng-đốc Hà-đông đã làm qua, hoặc quan phủ huyện diễn bảo, hay là các quan trợ-tá hằng ngày giảng dạy cho dân, để luyện thành lấy ít phần người tri-thức, thời về việc cải-lương mới chóng thành-hiệu được. Ước gì Nhà nước Bảo-hộ lưu-tâm đến việc phong-tục cho dân, hễ làng nào

có người đại-biểu đồng-dân, cải-lương phong-tục, thời Nhà nước ban cho tưởng-lục để kích-khuyến nhân-dân. Xem như lời yết-thị ngày mồng một tháng giêng năm nay của quan Khâm-sứ Trung-kỳ Tissot đại-nhân khi ngài ở Nam-định có yết cáo rằng : « Xét những việc quan, hôn, tang, tế, trong tỉnh hạt, hãy còn tập-tục xa-xỉ lắm, trong các hương-thôn có người nào biết xướng-suất cải-lương, thời sẽ tưởng-lục cho, vân vân ». Xem đó thời biết ngài rất lưu-tâm về việc phong-tục.

Phong-tục có hay thời trình-độ quốc-dân mới tấn-tới lên được. Nhưng muốn cải-lương phong-tục mà chỉ đặt ra điều-lệ xuông, không bằng mong có người kỳ-mục khá, có cải-lương tư-cách kỳ-mục, thời phong-tục mới có ngày cải-lương.

ĐÔNG-CHÂU

BÀN VỀ CÁC KỲ-MỤC NHÀ-QUÊ

Bản-quán mới tiếp được một bài lai-cảo nói về các kỳ-mục nhà quê. Nhân bàn về việc cải-lương hương-tục, xin đăng ngay sau đây, để các bạn đọc báo cùng xem nhân thể.

Nước Nam ta làng nào cũng có kỳ-mục, để khi làm việc quan có sự hồ-nghi thời lấy các ông ấy làm tin thực. Cứ suy xét nghĩa hai chữ ấy, chữ *kỳ* là người sáu mươi tuổi, chữ *mục* là người đàn anh ; người đàn anh mà lại sáu mươi tuổi trở lên, giữ lẽ công-bình cho làng thực là đích-đáng lắm. Nay tôi thấy rặt những ông Tổng, Lý, Hương. Khán cựu, cũng có người mới hai ba mươi tuổi, quốc-ngữ không biết chữ A, B, C, hán-văn không biết chữ *nhất* là một, cũng là ông « kỳ-mục ». Còn ông quan, ông khoa-mục, ông chức-sắc và ông cụ bảy tám mươi tuổi, đều không dự cả. Vậy chỉ có một ngôi ấy là ngôi sửa sang các công việc trong làng, chính-sự hay cũng ở các ông ấy, chính-sự dở cũng ở các ông ấy — Khi đến trước mặt quan, các ông ấy nói năng rất khéo, biện bác rất nhanh. Phải nói ra trái quan cũng nghe, trái nói ra phải quan cũng nghe, quan đã nghe thời dân dẫu oan ức đến đâu cũng phải chịu, khổ sở thế nào cũng phải nín, chỉ còn ngửa cổ mà kêu trời thôi. Vậy cái ngôi ấy danh-giá nhất ở trong làng, cũng có người bán cả gia-tài, để lo chạy dự vào ngôi ấy. Nghĩ kỹ ra thì cũng danh-giá và vẻ-vang lắm thực. Này như ăn thời ngồi chiếu trên, cỗ to, nói thời dân phải nể, phải sợ, vắng thời phải biếu, thiếu thời phải chờ, hơi động có việc quan thì tất phải có ăn uống. Quan phê chữ « Hỏa » thời tán là « Yên-hỏa », phải mua lạng thuốc phiện, quan phê chữ « Mã » thời tán là « Khuyển-mã », phải biện con cầy béo ; nào tài-bàn, nào tổ-tôm, nào chén, nào phiện, dẫu việc to thế nào cũng chẳng cần, chẳng nay thì mai, quan không thiếu gì giấy, dân không thiếu gì tiền ; cũng có tháng ba mươi ngày, thời hai mươi chín ngày như vậy ; lại còn lẽ trong làng người nào có việc gì, không cứ kẻ giàu có kẻ nghèo khổ, ắt là phải nói năng chè lá tất cả, ông lớn thì miếng lớn, ông bé thì miếng bé, thiếu ông này, thì ông này hạch, thiếu ông nọ thì ông nọ hạch, hễ sơ-suất một tí thời có sự bất-kỳ sự khốn-nạn đến ngay. Nếu có mang cái tình khốn-nạn ấy lên tỏ bầy với quan, thời các ông ấy lại viện đẳng ra khai rằng không có như thế. Vì dù gặp được ông quan minh đến đâu cũng không có cớ gì mà xét được. Vậy nên cái quyền các ông càng to, cái thế các ông càng mạnh.

Vị chi là « quốc công hầu, dân tổng lý ». Cũng có làng hơn trăm suất đinh, đã ông lý, lại ông phó, lại ông hương, ông khán, không còn thể đặt ông gì được, lại vẽ vời ông « tăng-thiết » nữa, cha đỡ cho con, vợ lo cho chồng, cốt ra làm việc một hai tháng để dự vào cho có danh-giá.

Tôi trộm nghĩ phong-tục mỗi làng một khác, không lẽ làng nào cũng thế, tính nết mỗi người mỗi khác, không lẽ ai cũng như ai, chẳng qua cái sâu mất cả nồi canh, *một người làm dĩ mất danh đàn bà!* Tôi thấy có một ông đang ở ngôi kỳ-mục sang-trọng mà từ thôi, không đi ăn uống chi cả, lại xin đổi tên ông cựu, ông kỳ, gọi là bố cu, bố đĩ, kẻ cười là ngu, người chê là dại ; tôi có đến chơi nhà ông ấy, tôi hỏi : « Ông mất bao nhiêu tiền của lo chạy, ông tốn bao nhiêu công-trình sửa sang, bây giờ được đến ngồi ăn chốn ngồi, một miếng giữa làng, bằng sàng sớ bếp, mà ông lại từ thôi đi không sợ người ta chê cười ru ? — Ông ấy nói : « Tôi ơn Vua giấy vàng, ơn làng giấy trắng, ra làm việc quan năm sáu năm trời, về theo chân nối gót các cụ kỳ tôi ba bốn năm nay, ngón hào-hoa, cách lịch-sự, đi nói dối quan, về nói dối dân, không thiếu ngón chi chi cả, và khi tôi ra chốn đình-trung diếm-sở, trên phải vì nể, dưới phải kính trọng, nghĩ cũng sung sướng, không giá-trị nào hơn nữa. Vì tôi thấy con em trong làng kẻ thì nghèo đói không có khố mà đeo mang, người thì tha-phương bỏ cả ngôi đóng góp, tôi sợ rằng cứ như thế, chẳng bao lâu thì con em đi hết, mình làm đàn anh với ai ? Kẻ nghèo đi hết, mình giàu ở sao được ? Mà khi mình qua đời con cháu mình lại phải người hà-hiếp. Phương-ngôn có câu rằng : *Càng khôn ngoan lắm càng oan trái nhiều.* Bấy lâu nay tôi đã có lời nói với dân để chỉnh-đốn phong-tục lại, mà không lọt vào tai các cụ tôi cả, vậy nên tôi phải từ thôi đi trước, họa may tôi khỏi phải hổ thẹn về sau ». — Tôi nghe ông ấy nói xong mà tôi cũng xôn-xao cả ruột tôi lên, tôi càng lấy làm kính-phục ông ấy lắm, ông ấy thực là người suy-nghĩ đứng mực, kiến-thức cao xa, chớ không phải là người ngu dại đâu ! Mấy năm nay tôi thấy quan Công-sứ và quan Tổng-đốc tỉnh Hà-đông các ngài tỏ hết tất cả cái tình-tệ chốn dân làng như thế, và các ngài cũng hết lời nhủ bảo cho những các huynh-thứ trong bản-hạt, nên bỏ hết lối hủ-bại, mở rộng đường văn-minh, lấy những người tộc-biểu làm kỳ-mục tín-thực, đem những khoản-lệ miệng làm sổ sách phân-minh, hiện trông thấy mấy làng tuân theo, chính-sự thực là nhẹ nhàng, tiền công cũng có thừa-thỗi, những làng ấy đều thỏa-lạc và sung-sướng cả. Tôi lại thấy có làng con em họp nhau lại đi nói với các ông huynh-thứ bắt chước làm như thế thời các cụ kỳ nói rằng : « Xưa nay làng ta không có phong-tục thời có bỏ việc gì không? Khi vắng chúng tôi thời có xong việc gì không ? Nếu làm ra tôi chắc là chỉ tốn-hại tiền dân, vất vả chúng tôi mà thôi! Tre già măng mọc, qua đời chúng tôi đến đời các ông, chớ ai ? » Những người đàn em không thể lấy lời gì mà đáp lại với các cụ ấy được nữa. Xem trên như thế, dưới biết làm sao được, dân như thế, quan dẫu có thương cũng uổng ! Nguyên tôi cũng là một người kỳ-mục, mắt có trông thấy, tai có nghe thấy, tôi nói không phải là tôi dám khinh bỉ các cụ đâu, tôi chỉ muốn các cụ đem cái danh-giá hủ-bại đổi làm cái danh-giá văn-minh. Chính là tôi kính-trọng các cụ lắm đấy ! Cụ nào không như thế chớ lấy làm động lòng, cụ nào có như thế xin mau mau nghĩ lại cốt làm sao cho khỏi mang tiếng kỳ-hào trong nước Việt-Nam ta.

NGUYỄN ĐỨC-DIỄN *lai-cảo*

THƠ CHO NGƯỜI BẠN

Các tạp-chí tây thường có một mục đề là « Thơ cho người bạn », để dùng lời giản-dị thân-mật mà diễn những ý-tứ phổ-cập thông-thường, không tiện đặt thành bài đại-luận. Lối viết thơ vừa tiện và vừa rộng hơn lối nghị-luận, vì nghị-luận phải nghiêm-trang mà viết thơ được thân-mật, nghị-luận phải bàn những lẽ công mà viết thơ có thể nói những ý riêng được ; nếu khéo dùng cũng là một cách ngôn-luận rất hay, có cảm-tình, có ý-vị.

Nay bắt chước các tạp-chí tây, đặt ra mục « Thơ cho người bạn » *này, mỗi kỳ đăng một bài, lấy lời thân-thiết diễn những ý-tưởng riêng về thời-thế nhân-tình trong nước ta bây-giờ. Tác-giả muốn mượn lời người bạn nói với người bạn, xin độc-giả cũng lấy con mắt người bạn mà suy-xét ngẫm-nghĩ ; họa may nhân những lời nói chuyện thiết-tha thân-mật này mà xét rộng nghĩ sâu thêm ra thời cũng là bổ-ích được ít nhiều vậy.*

T.-C.

I

Nguyễn Nhân-huynh kỷ-hạ,

Ngô-huynh thường phàn-nàn với tôi rằng từ khi về chốn quê-mùa cô-lậu, ít được gặp người tri-kỷ vãng-lai, thường buồn nhớ đến bạn Thăng-long, nhớ đến những lúc anh em cùng họp mặt bàn chuyện tâm-huyết với nhau, mà muốn năng thơ-từ đi lại cho khuây-khỏa nỗi lòng. Ngô-huynh ở chốn cô-lậu mà buồn, đệ ở giữa nơi phiền-hoa mà lại càng thêm tẻ ngắt. Không phải có dám tự lấy mình làm cao-thượng chi mà không vui theo cái vui chung của kẻ khác, nhưng bọn mình vốn mang một cái lý-tưởng thâm-thiết ở trong lòng, trong khi giao-tiếp với người ngoài chỉ thấy nhất-thiết phản-trái cái lý-tưởng bình-sinh, gặp những người hoặc mơ-hồ mà không nghĩ tới, hoặc có biết mà làm thinh, hoặc điên-đảo mà phản-trắc, thành ra sự giao-du không có hứng-thú gì nữa, mà giữa nơi đông-đảo có cái cảm-giác vô-liêu vậy. Người ta thường nói có ở chỗ đông người mới biết cái khổ vắng-vẻ, mới nghe tưởng là nói ngược, mà thiệt không gì đúng bằng. Ở nơi tịch-mịch mà có người bạn tâm-giao, thời dẫu cảnh-vật có vắng-vẻ mà trong lòng càng vui-vầy ; ở chốn đông-đúc mà không gặp người tri-thức thời dẫu cảnh-vật có vui-vầy mà trong lòng thật vắng-vẻ. Những lúc trong lòng vắng-vẻ như vậy, tôi thường nhớ đến ngô-huynh, ao-ước được gặp mặt cầm tay, tưởng-tượng như người ngồi bên cạnh. Vì cái lý-thuyết về sự thần-giao cách-cảm [1] là đúng thời có lẽ những lúc ấy chính là lúc ngô-huynh cũng tưởng-nhớ đến tôi, mà cái tinh-thần ta thường gặp nhau ở chỗ bất-tri bất-giác vậy.

Ôi ! thế-thường bè-bạn với nhau là phần nhiều có cái mối lợi-quyền ở trong ấy cả. Anh em mình yêu-mến nhau thiệt chỉ vì một chút lý-tưởng ở trong lòng ; cái giao-tình ấy trong mà nhạt như nước mùa thu vậy. Ôi ! cái lý-tưởng của bọn mình, sao mà càng nghĩ lại càng thấy xa xa, càng nhìn mà càng không biết đến bao giờ thành

(1) *Thần-giao cách-cảm* 神交隔感 = Giao-du với nhau bằng tinh-thần, ở xa-cách nhau mà cảm-thông được. — PHÉNOMÈNE DE LA TÉLÉPATHIE.

được ? Vẫn biết rằng làm trai ở đời, không gì cần bằng phải lập-chí, nhưng chí đã lập phải có gặp thời xuôi thế thuận mới mong thành-tựu được ; chớ như thời-thế này, nhân-tâm ấy, còn mong-mỏi gì? Ngô-huynh có nhớ tôi vẫn thường phàn-nàn với ngô-huynh rằng bọn mình sinh giữa buổi giao-thời thật không gì khổ bằng ; vì sinh năm mươi năm về trước hay năm mươi năm về sau, có lẽ còn được chút khoái-lạc cho thỏa cái chí bình-sinh ; nay ở vào lúc hỗn-độn, danh không chính, ngôn không thuận, cất chân đi những vấp-váp, hở môi ra những thẹn-thùng, còn sự-nghiệp công-danh chi mà mong-mỏi ? Mỗi lần tôi phàn-nàn như thế, ngô-huynh thường phấn-nhiên gạt đi mà nói rằng : « Ở đời quí về cái chí, tức ta gọi là cái lý-tưởng. Những kẻ ăn sổi ở thì, là những kẻ trong lòng không có chí-khí gì, cho nên gặp thời-thế cảnh-ngộ nào cũng thích-hợp được ; kẻ đó chẳng nói làm chi. Còn người trượng-phu hơn người vì cái chí lớn, thường mang cái lý-tưởng cao-xa ở trong lòng, nếu gặp được thời xuôi thế thuận thời càng dễ đạt được cái mục-đích bình-sinh, vì sinh vào buổi quốc-gia đa-nạn mới thật là lúc nên ra những thủ-đoạn phi-thường. Người có chí với kẻ không có chí hơn kém nhau ở đó ; người có tâm-huyết với kẻ không huyết-tính cũng phân-biệt nhau ở đó. Chớ cứ khư-khư mà cầu lấy sự khoái-lạc riêng cho mình, thành được cái chí nhỏ của một mình, mong nên công-danh sự-nghiệp trong một lúc, thời chẳng là nhỏ-nhen lắm ru ? » Ngô-huyhh nói bấy nhiêu lời mà giọng nói hùng-hồn quả-quyết, tôi còn như nghe thấy văng-vẳng bên tai. Nghĩ cho kỹ, có lẽ lời ngô-huynh nói cũng là phải. Ừ, nếu ở đời mà cứ gặp thời xuôi thế thuận, thời nhân-sinh không có giá-trị gì nữa. Phải ở vào buổi nguy-hiểm khó-khăn mới biết ra công nỗ-lực, mà cái giá-trị ở đời chính là ở sự nỗ-lực vậy. Gắng sức mà làm cho nên, càng nguy-hiểm càng mạnh-bạo, dù không kết-quả gì mà trong sự gắng-sức đã có một cái thú thanh-cao rồi. Huống lại gắng-sức để giúp cho nước cho nhà, gắng-sức để làm hết cái nghĩa-vụ đối với quốc-gia, đối với xã-hội, thời nhân-sinh còn có cái lạc-thú nào hơn nữa ? Tuy ở đời không phải là ai ai cũng có cái tư-cách kẻ trượng-phu, nhưng ai ai cũng có thể hi-vọng tới được bậc đó : tiên-nho ta chẳng đã dạy rằng người nào ở đời cũng có thể làm được Khổng Mạnh, miễn là hết sức sửa mình cho xứng-đáng thời được, ru ? Như vậy thời trừ những kẻ ăn sổi ở thì, trừ những kẻ vô-huyết-tính như ngô-huynh đã nói, còn người có chí ai ai cũng có thể lấy cái nghị-lực, cái tư-cách, cái tâm-thuật, cái sự-nghiệp người trượng-phu mà tự-kỳ được ; không những ai ai cũng có thể tự-kỳ thế được, mà ai ai cũng phải tự-kỳ như thế mới nên. Có thế thời người mới hay, nước mới mạnh được ; nếu tự ủy-mị mà không có cái chí ngang bằng thời-thế thời chẳng bao lâu mà sẽ bị thời-thế trôi-rạt đi mất : còn mong ích nước lợi nhà sao được? Cho nên nghĩ cho cùng cũng chẳng nên oán-thán thời-thế làm chi, thời-thế càng trắc-trở mà cái chí mình càng có chỗ thi-thố, miễn là chí mình đừng thấp kém thời-thế thời thôi. Bởi vậy mà tôi càng nghĩ lại càng phục cái chủ-nghĩa tự-cường của ngô-huynh vậy.

Nay thời-thế đã như thế thời chí mình phải thế nào cho khỏi thẹn với non sông ? Cái vấn-đề đó anh em ta đã bàn đi bàn lại biết bao nhiêu lần, ngô-huynh thời giữ cái chủ-nghĩa thực-hành mà đệ thời khuynh-hướng về đường tư-tưởng, nhưng hai người đều biết rằng làm dân trong nước vào thời buổi bây giờ không thể đặt mình ra

ngoài việc nước được, và mỗi người phải tùy tài tùy sức ghé vai mà gánh vác một phần việc chung. Cổ-nhân đã dậy : nước nhà suy thịnh, dầu người sất-phu cũng có trách. Người sất-phu còn có trách, kẻ thư-sinh có lẽ tự đặt mình vào chốn bàng-quan được hay sao ? Kẻ thư-sinh còn không thể đứng bàng-quan được, bậc sĩ-phu có lẽ ngồi bó tay mà trông thời-thế hay sao? Vận-mệnh là vận-mệnh chung cả một nước, mỗi người là một phần-tử trong nước, mỗi người tất có một phần trong cái vận-mệnh chung ; phần ấy vi không ra sức đảm-đương, thời định phó mặc cho ai thay hộ ?

Như vậy thời cái chí của bọn mình đã rõ-ràng lắm rồi : cái chí của bọn mình phải là cái chí ở việc nước, lấy việc thịnh-suy trong nước làm trọng hơn sự lợi-hại cho mình. Tôi càng nghĩ mà càng rõ cái nghĩa-vụ ấy khẩn-thiết và lớn-lao là dường nào, tưởng làm dân nước Nam bây giờ không có nghĩa-vụ nào cần-cấp hơn nữa. Nếu trong quốc-dân ai ai cũng biết lấy đấy làm trọng, thời thời-thế nào mà không truyền-dịch được, còn phải lo gì thời không thuận thế không xuôi ! Chỉ hiềm vì hiện bây giờ phần nhiều người trong nước còn mơ-hồ không biết cái nghĩa-vụ chân-chính là ở đâu ; có người lại nhận lầm lấy những việc không đáng làm việc nghĩa-vụ, đem công-phu mà phụng-sự những lý-tưởng không đâu ; còn lắm kẻ biết mà không làm, muốn nhân thời-thế hỗn-độn mà cầu sự lợi-lộc một thân, thời những kẻ ấy đáng khinh đáng bỉ vô-cùng.

Nay bọn mình đã lập-chí như vậy, đã đem cái ý-nguyện nhất-sinh mà gửi vào non-sông thiên-cổ, thời nên làm thế nào cho đạt được cái chí bình-sinh ? Đó là cái vấn-đề mà đệ muốn nghiên-cứu với ngô-huynh ; bất-giác bức thơ này đã dài quá, vậy xin để đến lần sau.

Người ta thường nói thơ-từ là câu chuyện nói với người bạn ở xa : từ khi ngô-huynh xa vắng, đệ những khao-khát chuyện-trò, nên mượn tờ giấy cây bút cùng bạn cũ giải chút tư-tưởng trong lòng, lắm lúc phảng-phất tưởng như ngô-huynh ngồi bên cạnh, đương cùng nhau đàm-luận như ngày nào !

Đệ

THƯỢNG-CHI

HƯU-ĐÊ THUYẾT

Tôi đọc báo *Nam-Phong* kỳ thứ 24 có bài Quan Huyện Bùi huyện An-Mô bàn về sự hưu-đê, thực là thỏa-đáng lắm ; tôi nhân ngẫm-nghĩ, sự nghị-luận ấy chạm vào não-tưởng, nhân thành ra mấy lời để tiếp theo, lời nói tôi kiến-thức cô-lậu, bàn-bạc sơ-sài, không biết có đủ để chữa được bệnh nước lụt ấy không, nhưng tôi là một phần người ở xứ Bắc-kỳ, cho nên trong óc tôi nghĩ-ngợi được thế nào thời cũng phải bàn-bạc, so-sánh lợi hại, để biết bổn-phận một phần tôi, phải hay là không phải, xin các ngài đọc báo lượng cho.

A — *Nguyên-nhân nước to và quả-kết về sau*

Trong hoàn-cầu bây-giờ, sự học kỹ-nghệ một ngày một khéo, không thiếu gì thứ lạ-lùng, không thiếu gì thứ tiện-lợi, nước nào cũng có một thứ để giữ lấy lợi-quyền ; đến như nước ta sự kỹ-nghệ tiến-bộ thật là chậm-

trạp, không có một thứ gì đủ để các nước cần dùng, mà cũng không đủ để trong nước tiện dùng hằng ngày, duy có một thứ thóc gạo là một khoản thổ-sản lợi xuất-cảng mà thôi ; người ta gọi nước Nam ta là nước làm ruộng cũng phải.

Lợi ruộng ở xứ Bắc-kỳ là nhiều, mà cứ đến kỳ nước lớn những nhà làm ruộng suốt ngày sợ-hãi, bao-giờ nước xuống thời mới có bụng mừng, mấy năm nay tin báo sự vỡ nước chẳng ở nơi này thì ở nơi khác, may mới được một năm khỏi sự tai-hại ấy mà thôi, thực là một sự ngăn-trở đường tiến-bộ của nhà làm ruộng đó.

Sông Nhị-Hà phát-nguyên ở núi tỉnh Vân-nam bên Tàu và cái duyên-cớ nước to, những nhà học địa-dư cũng đã biết rõ rồi, cùng sự khó-nhọc về sự đắp đê, và sự thiệt-hại về nước vỡ, cũng đã in vào tai mắt người Bắc-kỳ ta rồi, tôi cũng không phải kể ra làm gì nữa

Xét trong lịch-sử nước ta, tiền-cổ cũng không dùng đê, mà nhân-dân cấy-cấy vẫn được tiện-lợi, đến đời nhà Trần mới đắp đê, đặt tên là đê *đỉnh-nhĩ*, đê ấy cũng không cao lớn lắm, tức như ta nay gọi là « đường quai » vậy. Bấy-giờ lòng sông Nhị-hà còn xâu, nước chắc cũng không lớn lắm như bây giờ, ví có tràn vào đồng thời cũng màng-màng thôi, cho nên đắp thứ đê tầm-thường ấy không cho nước vào đồng làm cho những người cấy cấy phải lội-lặm.

Từ khi đắp đê *đỉnh-nhĩ* nước đỏ với đồng-điền cách-trở nhau, cho nên phù-sa không bồi vào ruộng hai bên bờ, phải lắng xuống lòng sông, lòng sông đầy bao nhiêu thời nước càng lớn bấy nhiêu, nước lớn bao nhiêu thời đê càng phải cao lên bấy nhiêu, ví-dụ như một chén nước, cho vào một đồng hào nhỏ thời nước đầy lên một chút, cho vào hai hào thời lại đầy hơn, cho vào một đồng bạc chắc nước phải giàn, xem thế đủ biết ; độ vài ba trăm năm về sau có lẽ thành ra hai giẫy núi ở trên bờ sông, bấy giờ bất-hạnh đê vỡ, sông sẽ thay làm ruộng, nhân-dân sẽ làm cá, tài-sản sẽ là một thứ chìm đắm dưới đáy nước vậy !

Xem như nhà làm ruộng có cách *cầy ải*, đương lúc đất khô thời đem cầy lên, mà những đất vãng cầy ấy nhỏ nhất cũng là vuông hai tấc ($0^{m}20$) tây, trong mười ngày khí đất khô kiệt, được một trận mưa, thời đất tự-khắc bở ra, ví như một đoạn đê cao bao nhiêu, rộng bao nhiêu, giầm mưa dãi nắng, đứng một mình ở trên mặt đất, cứ phép toán mà nhân lên, bao nhiêu năm đất ải, bấy giờ nước sông lớn lên, đất thấm nước mà bở ra, thế tất vỡ lở, chỉ có xây thành « vạn-lý trường-thành » như bên nước Tàu thời mới có thể giữ được cái núi nước ấy sô giốc vào đồng-điền và dân-thôn.

B) *Phương-pháp hữu-đê.*

Những kẻ không biết lo xa ở trong dân-thôn, ai cũng bảo rằng sự đắp đê là một kế rất đích-đáng để phòng nước lụt, nhưng không biết thế là lợi trực-tiếp trước mắt, hàng năm mà thôi, còn như sự nguy-hiểm gián-tiếp về sau không biết người xứ Bắc-kỳ ta có ngẫm-nghĩ đến những cảnh-tượng về sau này không.

Tôi thiết-tưởng rằng đắp đê để bảo-hộ cho sự làm ruộng, lại hóa ra gây nên cái hại cho nhà làm ruộng, thế thời có đê lại chẳng bằng không đê là ổn-thỏa không.

Sự hữu-đê cũng đã nhiều nhà nghị-luận rồi, nhưng mà không so-sánh đầu đuôi, tính-toán lợi hại, giả-dụ đem làm ra công việc thời làm thế nào, có lẽ nói ra mà làm hay là nói ra mà để hay sao.

Có người bàn rằng : thí-dụ như một chén nước, để ở trong chén thì sâu, đổ ra mâm thì nông, đem phá hết cả

đê đi cho nước vào cả trong đồng, thời nước cũng không sâu lắm, cũng như là chén nước đổ ra mâm vậy. Than ôi ! lời nói ấy thực là vu-vơ quá, như thế chỗ ruộng cao thời cũng không chìm đắm cho lắm, đến như chỗ ruộng đánh thăng-bằng mà thấp hơn lòng sông, có lẽ hóa ra hồ đầm cả. — Trong một năm không may mất một mùa, dân còn kém đói khát, huống chi trong toàn-kỳ năm năm ruộng thu nhất-luật mất hết, ruộng mùa hạ không đủ cho người ta ăn ; đức cổ-thánh có nói rằng : *dưỡng nhi hậu giáo* (nuôi rồi mới dạy), ăn còn chẳng xong còn nói gì đến sự dạy, những con nhà cắp sách hồ hết hóa ra những kẻ cầm giáo cả, không có giáo-hóa để dạy-dỗ, thời mất cả nhân-cách. — Đói khát luôn luôn, trên không đủ để phụng-thờ cha mẹ, dưới không đủ để nuôi vợ con, những kẻ nghèo lưu-tán mà đi các nơi, thời việc to nhất trong chánh-trị như là tuyển lính, thu thuế thực là khó quá, như thế có phải lại làm cho Chánh-phủ một sự lo lớn không.

Lại có người bàn rằng: trên thượng-du đất cao, trung-châu đất thấp, thế nước phải xô về bể, phép hưu-đê không gì bằng trước hết phá ra mấy trăm trượng ở nơi gần bể, thời hai bên nước đục chảy tràn, sa phải lắng xuống cánh đồng, mà nước trong thì giót ngay xuống bể, chờ nơi ấy đồng-điền bồi cao, cầy cấy được rồi, bấy giờ sẽ phá mấy trăm trượng đoạn khác trên chỗ ấy, như thế thì đất bằng lần lượt bồi cao lên, thân đê lần lượt phá đi, năm ba mươi năm về sau có lẽ đê bỏ hết đi được. Lời bàn ấy lại là lời bàn quẩn, không biết rằng hai bên thân đê phá đi một chỗ, thế nước chảy xô về đấy chắc sâu đến đôi ba trượng, trong một năm chỗ nào bồi chóng chẳng qua được vài thước thôi, chờ chỗ ấy cầy cấy được cũng đến vài mươi năm, cứ theo cách ấy mà làm, trong vài ba trăm năm việc phá đê cũng không chắc xong được. Vả chỗ gần bể thế nước tiêu-thoát cũng chóng, thời cũng không hại lắm, đến như đoạn thứ nhì mà phá mở ra, thời chỗ bồi trước nhất ngăn nước không cho chảy về bể, tất phải chảy ngược, thời những nơi hãy còn đê cũng bị phải nước chảy chàn, ở chỗ nọ chảy đến chỗ kia, thời sự hại ấy biết thế nào mà kể cho xiết được. Trong vài mươi năm ấy nhân-dân phải thiên-tỷ để tránh nước lụt, nước chảy sa bồi, giang-sơn biến-cải, nào nhà ở đâu, nào phần-mộ ở đâu, mông mênh biết đâu mà tìm, tình nhớ quê-hương, nhớ tổ-tiên có thể khuây được chăng? Dân mà hại thì nước có lợi sao được?

Những sự lợi hại tôi đã kể hết ra đây, nếu muốn hưu-đê trước hết phải khai sông, năm nay khai sâu được một thước, chắc sang năm nước rút được một thước, năm nay khai sâu được hai thước, ba thước, một vài trượng, chắc sang năm nước cũng rút được hai ba thước, một vài trượng, chờ khi nào lòng sông thật sâu, tuy rằng mực nước lớn nhất cũng bằng một cánh đồng, bấy giờ nơi nào nơi ấy đều xây cửa cống cho nước vào trong đồng thời còn lo gì.

Tôi nói khai sông không phải là lấy đất mà đề lên bờ sông đâu ; vì xét nước vẫn có tính đánh vỡ-lở đất, thuận theo tính ấy làm cho nó đem cát trôi ra bể, nhân lẽ tự-nhiên mà lợi-dụng thời cũng không phiền cho lắm.

Cách khai sông phải dùng tầu hơi, tính từ thượng-du cho đến cửa bể bao nhiêu ki-lo-mét, chỗ nào bồi đầy quá phải dùng một thứ máy để bánh xe lớn nằm xuống lòng sông, trong bánh xe ấy có những lá-sát to nằm nghiêng (hình như quạt máy bằng đồng) trên tầu mở máy để bánh xe ấy chạy guồng làm cho nước xoáy bốc cát mà tung ra bể, chỗ nào lòng sông

phẳng, lại dùng một thứ máy để bừa nạo, đằng sau lại có bánh xe guồng ấy dựng đứng, để làm lộn cát lên, tầu chạy máy bừa bánh xe cản nước mà phải quay, cát tự-khắc mà phải trôi. Việc cơ-khí tôi cũng chưa từng học, chỉ lấy một sự tư-tưởng cỏ-lậu hãy bầy đặt tạm ra đây, còn có thứ máy gì tiện-lợi hơn thời xin để các nhà cơ-khí chuyên-môn chế-tạo.

Nước chẩy sa trôi, từ trên xuống dưới, thế tất phải đem chỗ nọ bồi ra chỗ kia, nhưng mà chỗ nào bồi tắc, thời lại dùng máy guồng tung lên, bừa lộn đi, sa dần dần phải trôi ra bể, làm như thế cũng không cần gì mau lắm, ngày nay một tấc, ngày mai lại một tấc, tháng này một thước, tháng khác lại một thước, dần dần mà lòng sông phải sâu, thời nước còn dâng lớn lên sao được ?

Việc đê-phòng ở xứ Bắc-kỳ mỗi năm có đến hàng vạn, thực là một khoản chi-tiêu lớn của Chánh-phủ, kho bạc hao mòn, sức dân kiệt-quệ mà sự lo lớn vẫn không trừ được, nếu lấy sự phí-tổn ấy để làm việc khai sông chẳng cũng lợi hơn ru ? sổ chi-tiêu việc đê tôi không được biết đích số, mà phí-tổn việc khai sông tôi cũng chưa tính trước được, sự chi-phí khai sông nếu có tổn hơn, nhưng khó nhọc một bận mà ích lợi lâu dài, một năm hai năm, năm mười năm cho đến vài mươi năm, sông đã sâu, nước đã cạn, thời cũng không phải dùng sự phí-tổn ấy nữa, khó nhọc trong vài mươi năm mà trừ được cái vạ trăm năm, nghìn năm về sau, chẳng cũng nên ru ?

C) *Sự ích-lợi việc hưu-đê*

Xứ Bắc-kỳ nhiều nơi có ruộng chua, là thứ ruộng màu cát mỏng, hễ hơi cầy sâu thì đất-xét lộn lên, bó chặt gốc lúa không sinh nở ra được, nếu đê đã mở cống ra rồi, nước đỏ phụ thêm cho màu sa, ruộng chua cũng hóa ra ruộng tốt, thóc gạo trong xứ Bắc-kỳ sẽ thêm được một phần lợi, mà kẻ nông-phu cũng không phải lo rằng bỏ công việc mà đi đào đất giữ nước nữa.

Thường thấy lòng sông mông mênh mà lối tầu bè đi lại được chẳng qua chỉ một lạch nước sâu rộng độ vài mươi thước tây mà thôi, tầu bè phải theo lạch ấy mà đi lại, thời mới khỏi cạn, lạch nước thời hẹp, hai tầu gặp nhau tránh rẽ thực khó, người cầm lái vô-ý thời xô trạm phải nhau, hại người hại của, như thế sông nông không những là làm hại cho nhà làm ruộng, mà những nhà buôn bán cũng phải chịu tai-ách ấy. Nếu khơi nạo những cát lắng ấy đi, lòng sông chỗ nào cũng sâu, tầu xuôi lái ngược, dầu lòng tự-do, lợi cho nhà làm ruộng còn trậm, mà lợi cho nhà đi buôn đã chóng thấy ngay ; Nhà nước mà đánh thêm thuế tầu, chắc những chủ tầu cũng bằng lòng nộp ngay, để giúp cái phí-tổn nạo sông ấy.

Về một việc đê Nhà nước không tiếc phí-tổn, là chỉ hết lòng gìn-giữ cho nhà làm ruộng thôi, nhà làm ruộng nhờ mà được lợi, trừ một khoản thuế ruộng ra, Nhà nước thực không có chút lợi gì ; đến như cách nạo sông, thời cát phải trôi ra bể, đã trôi ra bể tất phải chìm xuống mà bồi nên đất mới, đất một ngày một rộng, thuế một ngày một thêm, Nhà nước cũng có lợi, không phải mất không sự phí-tổn ấy, như thế thời sông nước đục trước làm hại cho xứ Bắc-kỳ nhường nào, bấy giờ lại làm lợi cho nước biết là bao nhiêu, thế không phải là khéo dùng lợi tự-nhiên của sông nước được ư ?

D) *Kết-luận*

Cũng có kẻ nói rằng sau khi sông đã nạo rồi, lâu ngày sa lại ủng-tắc, nước lại dâng lớn, mà đê đã mở phá

ra rồi, lấy gì mà ngăn giữ nước; tự-hồ không lợi ; lời nói ấy thực là không nghĩ kỹ, vì rằng đắp đê *đỉnh-nhĩ* mà lòng sông mới tắc, nước mới tràn ; vả tự nhà Trần đến bây giờ hơn mấy trăm năm mà sông Nhị-hà ngày nay mới nông như thế, huống-chi sa đã một nửa đem vào làm mầu-mỡ trong cánh đồng, một nửa trôi ra bể mà làm đất bồi, tuy sa sông Nhĩ-hà nhiều là nhường nào cũng không có lẽ nào bồi lấp chóng ngay được. Sa tuy cũng không bồi hết vào trong đồng, mà cũng không trôi hết ra bể được, chắc cũng chìm lắng xuống lòng sông nhưng mà lòng sông lắng xuống một tấc, thời trên đồng cũng bồi được một tấc, chỗ cao thời vẫn cao, mà chỗ thấp thời vẫn thấp, lại còn lo lắng gì nữa. Xem như quan huyện Bùi nói sông Mê-kông ở trong Nam-kỳ thời sông ấy có đê bao giờ mà cũng không thấy ủng-tắc như sông Nhị-hà, mà nước cũng không đầy-ứ như xứ Bắc-kỳ, tức là chứng-cớ minh-bạch đó.

Phó Đức-Đôn

Thừa-phái huyện Ân-thi (Hưng-yên)

NAM-ÂM THI-THOẠI

I

Văn thơ đến như đời Hồng-đức nhà Lê cũng đã là toàn-thịnh. Truyền rằng vua Lê Thánh-tôn có vịnh bài thơ làm ra lời bà mẹ Vương-Lăng tiễn sứ-giả như sau này :

Đình phô [1] đẳng-đẳng ngựa dời chân,
Nỗi mẹ con này gửi sứ quân.
Nhớ Hán niềm còn đan một tấm,
Thương Lăng tóc đã bạc mười phân.
.....(Thiếu hai câu 5, 6).
Mệnh mẹ lá vàng dầu mỏng mỏng,
Về thời nhận kỹ nghĩa quân thần.

Bài thơ trên này còn thiếu hai câu thứ năm thứ sáu, là hai câu luận. Vua bèn bảo quan Thám-hoa Nguyễn Quí-Đức (người Thiên-mỗ, huyện Từ-liêm) vịnh bổ thêm vào. Ông vịnh rằng :

Chăm bề trung hiếu khôn hai vẹn,
Gặp hội công-danh dễ mấy lần.

Vua khen hay, thưởng cho hai nén bạc. Nay xem hai câu ấy thực là tỏ được bụng bà Lăng-mẫu, chỉ cốt khuyên con một lòng theo vua Hán-Cao, chớ đừng lấy cớ mẹ bị Sở bắt, sợ rằng thất-hiếu, mà nản mất lòng trung. Rồi bà liền tự-tử để cho Lăng quyết chí theo Hán, xưa nay trung-hiếu thực là khó được lưỡng-toàn.

II

Lại truyền rằng Vua Thánh-tôn có khi qua chùa Bà-Đanh, nghe trong chùa có tiếng người tiểu-nữ tụng kinh, tiếng vàng lanh-lảnh. Vua bèn ngự vào chơi, đề lên vách một câu :

Tới nơi thấy cảnh thấy người,
Tuy vui đạo Phật, chửa nguôi lòng trần.

Vua bèn lấy 2 câu ấy làm đầu đề, sai các quan tụng-thần vịnh ra thơ. Quan phó-nguyên-soái Thân vịnh rằng:

Ngẫm sự trần-duyên khéo nực cười,
Sắc không tuy bụt, hãy lòng người.
Chầy kềnh một tiếng tan niềm tục,
Hồn bướm ba canh lẫn sự đời.

(1) Hai chữ này còn nghi, ý là trỏ chốn trường-đình nơi viễn-phố.

Bể ái nghìn trùng mong tát cạn,
Nguồn ân muôn trượng chửa khơi vơi.
Nào nào cực-lạc là đâu nữa,
Cực-lạc là đây chín rõ mười.

Vua bèn đưa bài thơ cho tiểu nữ xem, tiểu nữ chê hai câu 5, 6, thiếu ý cảnh. Bèn sửa lại :

Gió thông đưa kẻ tan niềm tục,
Hồn bướm mơ tiên lần sự đời.

Vua khen hay, bèn đưa nàng ấy về cung, đi đến cửa Đại-hưng chợt biến mất. Vua lấy làm lạ, bèn sai dựng một cái lầu, gọi là Vọng-tiên-lâu, để làm di-tích.

Xét hai câu thơ trên này là chữa vào hai câu 3, 4, là hai câu thực mới phải. Xem đó thời biết trong câu thơ có đủ cả tình-cảnh thiết-đoán, mới là thơ hay, chớ không phải chỉ bập-bẹ ngâm xằng thế nào cũng gọi là câu thơ được. Khen thay trong đám trai-thiền tiểu-nữ mà có kẻ văn tài như vậy cũng ít có, còn như mơ tưởng mà bảo là tiên, thực là một sự huyễn.

III

Tương-truyền có người học trò hay chữ, chí quyết đại-khoa, mộng thấy thần bảo rằng đến 60 tuổi mới đỗ được tiến-sĩ, người ấy bèn vịnh rằng :

Sách thuộc văn hay sự chẳng ngờ,
Trong ba mươi tuổi đỗ thời vừa.
Thần-nhân chẳng biết mà rằng vậy,
Đến sáu mươi thời đã Thượng-thư.

Quả-nhiên khoa ấy thi đỗ tiến-sĩ, 60 tuổi làm đến thượng-thư thật.

Lại có ông đi thi hội, cũng mộng thấy thần bảo đến 30 tuổi mới đỗ, bèn vịnh rằng :

Tiến-sĩ khoa này ta lấy giải,
Việc chi mà đợi đến ba mươi.
Thần-nhân chẳng biết mà rằng vậy,
Nên ở người nay há ở trời.

Quả-nhiên khoa ấy đỗ tiến-sĩ. Xem đó thời biết người ta có chí thời làm nên, chí-khí đã ứng ra khẩu-khí câu thơ như vậy thời tài nào mà không làm nên. Chớ còn như mộng-triệu là sự huyễn-hoặc không lấy gì làm tin được.

IV

Ông Nguyễn Minh-Triết 阮明哲 người Lạc-sơn huyện Trí-linh, đỗ tiến-sĩ triều Lê ngự-tứ-danh là Thọ-Xuân, ông thường vịnh câu gà mái gọi con rằng :

Nửa hạt gọi con kêu cúc-cúc,
Một đoàn theo mẹ đứng xao-xao.

Ông lại thường có vịnh một bài thơ hà-tiện rằng :

Giàu thời ba bữa, khó thời hai,
Lần đổi cho qua tháng thiếu đầy.
Nón đổi lá ngoài, quần đổi ống,
Dép thay da mặt, túi thay quai.
Dặn vợ có cà đừng gắp mắm,
Bảo con bớt gạo xá thêm khoai.
Thế-gian mặc kẻ cười hà-tiện,
Ta chẳng phiền ai chẳng lụy ai.

Những câu thơ trên này lời lẽ rất là bình-dị tự-nhiên. Bài thơ ở dưới rõ tỏ ra một nhà môn-phong tiết-kiệm ; không có hoa-hòe những lối quần nọ áo kia, không có đua đàn những lối văn-minh ngoài vỏ, cho nên không phải phiền-lụy gì đến ai. Đọc câu thơ mà tưởng-tượng cái thói tiết-kiệm của cổ-nhân ; lại càng sợ thay cho thói đời bây giờ rất là xa-xỉ.

V

Phố Hiến là nơi tỉnh-lỵ Hưng-yên khi trước, đời Lê-mạt mở nơi ấy làm chỗ thông-thương, cho người các nước Tây Tàu đến làm nhà cửa ở đó để buôn bán, cũng là một nơi đô-hội. Vậy tục-ngữ có câu : «*Thứ nhất Kinh-*

kỳ, thứ nhì phố Hiến ». Truyền rằng ông cống Quỳnh [1] có đến chơi đó, thấy lắm trò hay, mới đọc bốn câu rằng :

Đồn rằng phố Hiến vui hơn kinh-kỳ,
Quỳnh ra ba ngày chẳng thấy quái gì.
Ngô lớn ngô con răng trắng nhởn,
Đĩ già đĩ trẻ dách thâm xì !

Mấy câu trên đó dẫu là nói hài-hước, nhưng cũng đủ biết cái cảnh-tượng phố Hiến lúc bấy giờ.

VI

Tôi có nghe thấy truyền lại bài thơ sau này của một ông quan nào ở về đời Lê Trịnh, lúc tri-sĩ ở nhà, thọ đến 90 tuổi, có tự vịnh-rằng :

Hai vua, ba chúa, bảy thằng con,
Lẩn-thẩn xuân thu chín chục tròn.
Ân nước chưa đền sinh cũng hổ,
Quan-tài sẵn đó chết thời chôn.
Giang hồ lang miếu trời đôi ngả,
Bị gậy cân đai đất một hòn.
Cũng muốn sống thêm mươi tuổi nữa,
Sợ ông Bành-tổ tống đồng-môn.

Bài trên này có một đôi câu hơi khác với bài ông Chương-dân chép ở mục Thi-thoại số báo 22, vậy xin cũng chép ra đây để các ngài xét.

ĐÔNG-CHÂU

CUỘC THI DỊCH

Kỳ trước bản-báo có đăng một bài pháp-văn của quan Hàn-lâm ANATOLE FRANCE, mời các bạn đọc-báo dịch giùm ra quốc-ngữ. Cuộc mua vui ấy xem ra các ngài cũng cổ-võ và nhiều ông đã gửi bài dịch về. Hiện nay bản-quán nhận được hơn hai mươi bản rồi, còn đương soạn xem bản nào dịch đúng và hay hơn cả kỳ sau sẽ đăng báo và sẽ gửi cái phần thưởng nhỏ đã hứa để tặng dịch-giả.

Nay các bạn đọc báo đã có bụng chiếu-cố như vậy, thời kỳ sau trở đi, mỗi kỳ sẽ có một cuộc thi nhỏ như thế, hoặc thi dịch Pháp-văn, hoặc thi dịch Hán-văn, hoặc thi làm bài luận về một vấn-đề gì ; trước là mua vui với các bạn hàn-mặc, sau là khuyến-kích cho quốc-văn ta mỗi ngày một phát-đạt lên, tưởng cũng là một cuộc chơi thành-nhã và có ích-lợi vậy.

N. P.

(1) Ta thường gọi là ông Trạng-Quỳnh.

KÍNH-CÁO NHỮNG NHÀ THỰC-NGHIỆP NƯỚC TA

Ở trong đời sinh-kế cạnh-tranh này, ai cũng biết thực-nghiệp là rất quan-hệ ; kẻ có chí về thực-nghiệp biết bao nhiêu người ; nhưng mà mười người thường thất-bại đến chín là cớ sao vậy ? Người nói tại không sẵn địa-vị ; kẻ nói tại không gặp thời may ; cố-nhiên tại thế thật. Đều thiết-nghĩ địa-vị làm mãi thế nào cũng phải thành, thời may làm mãi thế nào cũng phải gặp, trong đó cũng thiếu gì người có địa-vị, gặp thời may mà vẫn không khỏi thất-bại thì là cớ gì? Xét cho cùng chỉ tại chưa đủ cái tư-cách làm nhà thực-nghiệp vậy.

Nhà thực-nghiệp cần phải có những tư-cách thế nào ? Cần-kiệm, chánh-trực, hòa-dễ, yên-phận, tiến-thủ, tri-thức, kinh-nghiệm, bấy nhiêu cái không thể thiếu được cái nào.

* * *

Sự-nghiệp thành bởi siêng mà hư bởi lười ; sinh-kế thừa bởi kiệm mà quẫn bởi hoang : cái lẽ nhất-định xưa nay như thế. Nói giả-thử có hai người cùng làm một sở, bằng đầu lương bổng cũng như nhau ; một người làm công việc siêng, tiền lương được mỗi ngày mỗi tăng, tính lại tiết-kiệm, mỗi năm để dành được một món tiền làm vốn, vốn làm ra lãi, lãi lại bắt lên làm vốn, chẳng bao lâu mà có bạc ngàn ; một người làm công việc lười biếng, ở hiệu nào ít ngày cũng bị đuổi, tính lại hoang toàng, có đồng nào sào đồng nấy hết, rút lại đến đói rét bần cùng. Cùng một hạng người, trong một ít lâu mà hơn kém nhau xa đến thế, chỉ khác nhau cần-kiệm với không cần-kiệm thôi. Kia những ông đại phú-hào Hoa-kỳ, phần nhiều xuất-thân ở chốn bần-hàn, trong vài chục năm, giàu có thiên-tải-vạn-ức, tuy có nhiều nguyên nhân khác, mà cần-kiệm vốn là cốt nhất vậy. Vì những nhà làm thực-nghiệp, bằng-đầu phải ra công khó nhọc để làm ra tiền, trước thì nhờ khó nhọc mà có vốn, sau thì nhờ có vốn mà làm ra lãi ; công khó-nhọc làm ra tiền có hạn, mà tư-bản đẻ ra lãi không cùng ; làm một nhà thực-nghiệp bình-thường ở nước mình, năm thu nhập được ba bốn ngàn đồng là cùng ; nếu tích được cái tư-bản hàng muôn, tính lãi một phân, một muôn đồng vốn, năm lãi được một ngàn, một ngàn đồng lãi ấy lại đem làm vốn, lãi được một trăm nữa ; cứ thế mà tính mãi lên, mấy nỗi mà giàu có bạc triệu. Cho nên không dè-dịn được tiền vốn, không trông có ngày giàu, mà muốn cho có tiền dư, phải siêng làm mới được ; cần-kiệm thật là cái cái lợi-khí để xây đắp cái nền giàu. Lúc đã giàu rồi, công việc làm ăn càng to, càng phải tốn công coi-sóc, so hơn quản thiệt, chi-li từng tí mới được. Ông Morgan là chúa nhà băng bên nước Hoa-kỳ, một ngày muôn việc, tiếp một người khách chỉ hạn định năm phút đồng-hồ. Các nhà chế-tạo lớn bên Âu-châu, lợi-dụng cả những đồ hư nát vụn-vặt, lại làm ra thành đồ bán có tiền được cả : từ mặt cưa vỏ bào, không bỏ một thí. Cần-kiệm như thế, không phải là mô-phạm của các nhà thực-nghiệp ư ?

* * *

Chánh-trực, hòa-dễ, hai cái đó vốn là đạo gốc lập-thân xử-thế của người ta, mà những nhà thực-nghiệp càng phải lấy làm cốt-thiết lắm. Ôi ! giả-giối lừa-gạt, khi bị người ta chỉ-trích,

về cá-nhân thời thân-danh điếm-nhục, không mặt mũi nào đứng trong xã-hội được nữa, về sự làm ăn thời tín-dụng truỵ-lạc, bằng-đầu dù có được cái lợi kiều-hãnh, sau tất chịu thiệt-hại vô-cùng. Ông Lincoln tổng-thống nước Hoa-kỳ, hồi nhỏ làm công ở một cửa hàng tạp-hóa ; có một người đàn-bà vào mua hàng, trả dư tiền ; ông đến tối tính sổ, biết lầm, đi mấy dặm đường tìm tới nhà người đàn-bà ấy trả lại tiền dư cho người ta. Từ khi ấy cửa hàng bán càng cực đắt ; ông cũng được người ta tín-dụng nhiều. Nước ta năm trước bên Tây đong bắp nhiều ; người mình đem bắp bán, phần nhiều thấm nước vào cho nặng cân, người ngoài mắc lừa mình một lần, sau không thèm mua của mình nữa ; nghề trồng bắp cả nước mang hại, đứa làm gian đó cũng không tránh khỏi cái họa ấy được ; lợi bất cập hại, tưởng người ngu mà trở lại hóa minh ngu. Còn những kẻ ăn lận ăn lừa, ăn bớt ăn sén, được chẳng là mấy, mà kẻ khinh người ghét, không còn mong làm ăn gì được với ai nữa ; tham cái lợi nhỏ trước mắt, mà không kể đến cái danh-dự, cái sự-nghiệp một đời : giại gì có giại đến thế ! Xét kỹ những nhà đại-thực-nghiệp xưa nay thành công được, đại-dề là người chánh-trực phần nhiều ; thường có người chất-phác mộc-mạc, không tài-cán gì cho lắm, mà vì một cái đức chánh-trực, được nhiều người tin cậy, mà làm nên được sự-nghiệp lớn-lao ; có người tài-năng xuất-sắc, rất quỉ-quyệt, rất khôn-lanh, mà không làm nên công việc gì, chỉ vì thiếu cái đức chánh-trực, thành ra tài-trí cũng vô-dụng cả. Cho nên chánh-trực là một cái đức rất quí, rất cần cho nhà thực-nghiệp. Khiêm-tốn vui-vẻ ai thấy chẳng ưa ; gắt-gỏng kiêu-kỳ, ai thấy chẳng ghét. Hai cái hiệu buôn cùng ở một phố, cùng bán một thứ hàng ; một hiệu tiếp đãi khách-khứa rất nhã-nhặn tử-tế, vô-luận khách mua hàng nhiều hay ít, cũng chào mời mềm-mỏng, lễ-ý ân-cần, khách muốn lấy xem thức gì thời xem, mua không tùy lòng, chẳng hề nói động nửa tiếng ; hiệu kia tiếp-đãi khách-khứa không được châu-chi, khách vào hàng không mua, ra giáng lẩu-cẩu ngay, xem mà không mua, hoặc mua mà lựa-lọc quá kỹ, thời gắt-gỏng điều này tiếng kia, thử hỏi những khách đi mua hàng thích vào hiệu nào hơn ? Cho nên hòa-dễ lại là một đức rất quí, rất cần cho nhà thực-nghiệp. Người muốn làm thực-nghiệp, thời hai cái ấy phải tập cho quen ; vả lại người mà chánh-trực hòa-dễ, so với người không chánh-trực không hòa-dễ, thân-tâm lại thấy thư-thái sung-sướng hơn nhiều, không phải khắc-khổ gì mà tập không được ; kìa kẻ không chánh-trực, thời che đậy giấu-giếm, chỉ sợ người ta thấy được, tinh-thần nó thống-khổ vô-cùng ; kẻ không hòa-dễ, thời khí-khái với người ta luôn, sinh oán sinh hờn, mấy khi mà được vui vẻ. Hay, giở, lợi, hại, rành-rành ra đó, nhà thực-nghiệp nên biết đường mà theo.

* * *

Tục-ngữ có câu : *Nhân dục vô nhai.* Cái đó là thông-tính loài người ta, mà thế-giới văn-minh chính nhờ thế mà có tiến-hóa, nhưng có nhiều người vì thế mà sinh lòng dục-tốc, không nhòm chỗ tỉ-cận, mà cứ tính chuyện viễn-vông, không chăm lo chức-nghiệp hiện-thời, mà mong-mỏi đường trường chưa tới ; mười voi không được bát sáo, rút lại cái to không thấy, mà cái nhỏ đã hỏng mất rồi, cái tương-lai không chắc gì, mà cái nhãn-tiền đã đi đứt ; ấy hỏng vì không yên-phận vậy. Những bậc phú-hào trong thế-giới, về cái mục-đích doanh-nghiệp của các ngài có biết thế nào là mãn-túc ; vậy mà đương lúc

chưa phát-đạt lớn, xứ cảnh nào làm theo cảnh ấy, cứ cẩn thận tuần thường, để giữ địa-vị cũ, siêng-năng tu-dưỡng, để mong phát-siển dần ; tư-bản một ngày một nhiều, tín-dụng một ngày một đông, năng-lực một ngày một lớn, mà cái mục-đích doanh-nghiệp, tự-nhiên thấy thứ-đệ thành công. Cho hay việc thiên-hạ đi xa tất tự gần, lên cao tất tự thấp ; những chuyện kiều-hãnh, gặp thì được chớ cầu thì không nên ; kìa những người cầu nên hóa hư, cầu mau hóa chậm, đều là không yên phận mà cầu kiều-hãnh, mới đến nỗi thế.

Tuy vậy, yên phận thì tốt, mà tự-túc thì không nên. Cũng có nhiều người yên phận giữ mình, chỉ khư-khư lo mất cái địa-vị hiện có, không dám mong khoáng-trương gì hết ; ấy bởng vì không biết tiến-thủ vậy. Ôi ! thế-giới tiến-hóa vô-cùng, người ta thành-tựu cũng vô-cùng ; không nỗ-lực tiến-thủ thì không trông gì thành-tựu to-tát được ; mà nếu thế-giới, không có những người thành-tựu to-tát, thì còn có tiến-hóa gì? Nhà chánh-trị nỗ-lực tiến-thủ thì chánh-trị mới có tiến-bộ ; nhà giáo-dục nỗ-lực tiến-thủ thì giáo-dục mới có tiến-bộ ; nhà quân-sự nỗ-lực tiến-thủ thì quân-sự mới có tiến-bộ ; nhà thực-nghiệp cũng vậy ; phương-chi đồng-tiền là mẹ muôn việc, không tiền thì muôn việc bỏ hết, tuy có nhà chánh-trị, nhà giáo-dục, nhà quân-sự, cũng khó sao tiến-thủ cho nổi ; vậy thì nhà thực-nghiệp càng cần phải tiến-thủ cho lắm mới được. Người không nghĩ cứ bảo phú-hào chuyên-chế là bệnh cho xã-hội ; không biết thiên-hạ nếu không người phú-hào, nếu không người muốn làm phú-hào, thì người không việc làm, lợi bỏ đầy đất, loài người ta khốn-khổ biết đến đâu mà kể ! Thế-giới còn mong gì có tiến-hóa nữa ! Cho nên xã-hội không có những người phú-hào không được, không có những người muốn làm phú-hào không được ; mà muốn làm phú-hào tất phải có tiến-thủ, có tiến-thủ mới thành được phú-hào. Cái cách tiến-thủ có hai điều cần : 1º Cần có dũng-khí ; 2º Cần có kiên-nhẫn. Thương-chiến cũng như binh-chiến, không dũng-khí quyết không thắng được giặc. Trên giường mở mắt, nhẩy chồm giở giấy, dũng-khí vậy. Vật-dục cám-dỗ, bám xung-quanh mình, quyết tình đoạn-tuyệt, dũng-khí vậy. Ra cửa là đi, mưa gió không quản, dũng-khí vậy. Việc gì nên làm, làm ngay lập-tức, dũng-khí vậy. Đã đem thân ra thực-nghiệp, những việc như thế, kể sao cho cùng, phi có dũng-khí không làm nổi. Có dũng-khí rồi, mà nếu hữu-thủy vô-chung, thấy trắc-trở thì ngã lòng, gặp gian-nan thì nỗi chí, giữa đường đứt gánh, mong gì thành công ; lại phi có kiên-nhẫn nữa cũng không nên việc. Thật có dũng-khí mà lại có kiên-nhẫn, thì không việc gì không thành công, không người nào không thành công, bất-quá một chậm một mau, một lớn một nhỏ, theo cái thiên-tài, cái cảnh-ngộ của mỗi người mà có mỗi khác thôi.

* * *

Nhân-vật trong thực-nghiệp-giới nước ta phần nhiều thiếu thường-thức quá ; bởi thiếu thường-thức nên xem-xét giở lắm, trí mở-mang kém lắm, tuy làm việc lâu mà kinh-nghiệm vẫn không được lõi, tuy tập nghiệp chuyên mà kỹ-thuật vẫn không được tinh.

Kinh-nghiệm lõi hay không lõi, kỹ-thuật tinh hay không tinh, quan-hệ về thường-thức cả ; thí-dụ thế này thì đủ hiểu : như có hai người kia cùng làm nghề buôn ; anh Giáp có cái thường-thức địa-dư, bác-vật và đồ-họa, anh Ất thì không ; vì thế anh Giáp về những các chỗ xuất-sản nhiều ít, đồ hàng tốt xấu, trông cái biết liền, thấy thứ gì lại có thể vẽ ngay vào sổ tay để nhớ kiểu hàng và giơ cho người

khác xem được ; anh Ất về đường-xá thủy-bộ không hiểu gì cả, hàng-hóa xấu tốt lại lờ-mờ không cái gì tinh ; tuy làm cùng một nghề, cùng một lúc, mà về sau thành-tựu tất hơn kém nhau xa. Lại có hai người kia cũng làm nhà máy ; một người có cái thường-thức toán-thuật và đồ-hoạ, một người thì không ; kỹ-thuật tất rồi cũng giỏi giở khác nhau xa. Ấy là chỉ tập-nghiệp mà nói vậy. Còn đến sự giao-tế trong xã-hội, càng là cái yếu-kiện của những nhà thực-nghiệp thành công ; trong khi thù-ứng vãng-lai, không có thường-thức, không thể đàm-luận được với ai, mà cũng không thể nghe hiểu đàm-luận của người khác ; như thế thì thân-cận người ta thế nào được ? Đã không thân-cận được với người ta mà muốn người ta giúp mình, muốn người ta giao-dịch với mình, chẳng khó lắm ư ? Ấy là giao-thiệp với đời cần phải có thường-thức vậy. Nói về sự doanh-nghiệp, phương-diện nào cũng ứng-phó cho xong ; không kể giấy tờ sổ sách, thường ngày phải dùng đến đã đành ; đến như thưa kiện cần phải hiểu pháp-luật, giao-dịch với ngoại-quốc cần phải biết tiếng ngoại-quốc, tuy có thày kiện cãi hộ, thông-ngôn nói thay, nhưng nếu mờ-đặc không hiểu tí gì, không những sợ bị gạt mắc gian, mà làm sao biết chỉ-hoạch định-đoạt ; phương-chi những lúc thảng-thốt, sự bất-kỳ, lấy đâu sẵn có người thay mình ngay được. Nhà thực-nghiệp phải gắng cầu cho có đủ thường-thức, mới mong đạt cái mục-đích doanh-nghiệp vậy.

Người có đủ thường-thức rồi, nhưng nếu chưa có kinh-nghiệm, cũng còn lo thất-bại. Người nước ta kinh-doanh sự-nghiệp mới, mười người thất-bại đến chín, tuy bởi nhiều nguyên-nhân, mà kinh-nghiệm không có, thực là một cái nguyên-nhân lớn. Một ông tổng-lý ngân-hàng Nhật-bản nói chuyện với người ta rằng : « Công-ti chúng tôi đây rất trọng kinh-nghiệm ; những bác-sĩ tốt-nghiệp ở các trường đại-học chỉ để làm những việc biên chép xẳng-xẳng được thôi. » Coi thế biết thực-địa kinh-nghiệm là trọng-yếu lắm ; thứ nhất là những người có học-vấn cao-đẳng, lấy học-lý làm cơ-sở, thì kinh-nghiệm lại càng lắm, năng-lực lại càng to ; không thì chẳng thà không học-vấn mà có kinh-nghiệm, còn lấy cái kinh-nghiệm sở-đắc, tuần-qui đạo-củ mà làm được, nếu chỉ có học-vấn mà không kinh-nghiệm, lấy sự-nghiệp làm đồ thí-nghiệm, thì cái tiền-đồ thực-nghiệp nguy biết nhường nào ? Sự-nghiệp càng lớn, càng cần phải có kinh-nghiệm nhiều. Cổ-ngữ có câu : *Cách phố bằng cách non* ; ý nói người bán hàng này không cái kinh-nghiệm ở hàng kia, thì tình thế không thông, như cách mấy lần non, không sao khỏi trở-ngại vậy.

Muốn có kinh-nghiệm thì làm thế nào ? Ấy là một câu hỏi khẩn-yếu của những nhà thực-nghiệp vậy. Thiết-tưởng có ba cách này : 1° Chọn định một nghề, gắng sức mà làm, không kinh-dị cải-nghiệp ; 2° gặp việc gì cũng lưu-ý tới, nghiên-cứu cho đến đầu đến đuôi ; 3° chịu khó nhọc, không lần việc, không du việc cho kẻ khác. Đời không ai chịu ham làm việc, thù-bất-tri ham làm việc chẳng những được nhiều việc lại được có kinh-nghiệm nhiều. Thử đọc chuyện-ký những nhà thực-nghiệp lớn Âu-Mỹ, đương hồi chửa đạt, không mấy ông không làm công với người khác và không chịu khó làm gồm năm bảy việc, mới nên được cái tài kinh-nghiệm như thế.

Tư-cách một nhà thực-nghiệp phải như thế mới là tạm đủ. Những người có ý muốn làm thực-nghiệp, nên giảng-cứu mà thực-hành mấy điều ấy, không thời tuy nay nói thực-nghiệp, mai nói thực-nghiệp, có ích gì cho thực-nghiệp nước nhà không ?

TÙNG-NHAM

HI-VỌNG VỚI ĐỜI NGƯỜI

Nhà danh-sĩ nước Đức GŒTHE có nói: « Hi-vọng là linh-hồn thứ hai của người thất-ý. » Nhưng hi-vọng há có phải là linh-hồn thứ hai riêng của người thất-ý mà thôi ư? Phàm những bậc thánh-hiền, hào-kiệt, chí-sĩ, nhân-nhân, cho đến nhà tôn-giáo, nhà chánh-trị, nhà phát-minh, nhà mạo-hiểm từ xưa tới nay, đã làm nên được những công việc không-tiền tuyệt-hậu, đã gây nên những sự-nghiệp khoáng-cổ thước-kim, thực hết thảy chẳng có ai là chẳng nhờ cái linh-hồn thứ hai ấy nó khu-sách, nó khích-lệ, nó khiến cho bước vững lên con đường tiến-thủ, nó làm cho thỏa-mãn được chí-nguyện bình-sinh.

Cái hi-vọng kia, thực là cái tư-liệu làm thành-tựu ra anh-hùng. Cái hi-vọng kia, thực là cái căn-để gây-dựng nên thế-giới. Cái hi-vọng kia là cái tư-tưởng rất quí-báu, rất sáng rộng, rất có giá-trị ở trong chốn nhân-gian. Thế thời ta sao lại chẳng nghiên-cứu để lấy nó làm tư-trợ cho thân-thể ta mà hết sức thi-hành cho được nên công việc to-lớn, sự-nghiệp vẻ-vang. Vậy xin chia từng đoạn mà bàn như sau này.

* * *

Hi-vọng là gì? Là cái thần-kinh thuộc về ý-chí người ta, người ta tựa vào nó mà theo đuổi những cái lợi-ích ở hiện-tại hay ở tương-lai.

Người ta không bay được như chim, chẳng chạy được như muông, thế mà giá-ngự được muôn loài, ở trên được các giống, thời là tại sao? — Chẳng có chi là khác cả, chỉ là nhờ cái tri-thức rộng-rãi. — Song tri-thức sao mà được rộng-rãi? Xin trả lời rằng: nhờ có tư-tưởng cao-thượng. — Tư-tưởng sao mà được cao-thượng? — Xin trả lời rằng: nhờ có hi-vọng viễn-đại. Thế thời có thể tóm lại rằng có hi-vọng ấy thời tư-tưởng nhờ đấy mà cao-thượng, tri-thức nhờ đấy mà rộng-rãi, mà con người ta cũng vì đó mà hơn được các động-vật khác. Loài người hơn các động-vật khác là loài người có hi-vọng, cho nên ta nói rằng hi-vọng là cái của riêng của loài người.

Con người ta ai mà không có hi-vọng. Cái hi-vọng ấy tức là cái lòng mưu-toan của người ta. Cái hi-vọng ấy tức là cái bụng mong muốn của người ta. Người ta mưu-toan thời mưu-toan gì? Há ai lại chẳng mưu-toan những sự lợi-ích ư? Người ta mong muốn thời mong muốn gì? Há ai lại chẳng mong muốn những sự lợi-ích ư? Mong cho được sinh-tồn, mong cho được đứng vững, mong cho được tài-hóa; mong cho có danh-dự, tính những sự vẻ-vang cho thân mình, tính những điều thịnh-vượng cho nhà mình, mưu những đường tiến-bộ cho xã-hội, mưu những cách long-thịnh cho quốc-gia, « năm hoa tám cửa », kể biết bao là, thử hỏi xem có phải điều nào cũng rút lại đến lợi-ích cả không? Vậy thời cái hi-vọng ấy thật là người ta lấy cái thần-kinh có ý-chí để mà suy-xét cái lợi-ích hiện-tại với cái lợi-ích tương-lai.

Loài người ta mới sinh ra ở trên mặt đất, trước kia hãy còn ngây-ngô ngớ-ngẩn, mọi-rợ ngu-hèn, đói thời tìm ăn, khát thời tìm uống, nhọc-nhằn thời nghỉ-ngơi, thử-ngoại không còn có sự động-tác gì khác cả, mà cũng không còn có cái lý-tưởng gì khác nữa. Vả sự ăn uống nghỉ-ngơi đó chẳng qua cũng chỉ cầu thích-ý lấy giây lát mà thôi. Nào đã có cái gì là súc-tích? Nào đã có cái gì là dự-phòng? Nào đã có cái gì là

trù-hoạch ? Như thế thời có khác các loài động-vật khác là mấy tí. Ấy đương cái thời-đại đó thực không còn có cái gì mà gọi là « hi-vọng » được vậy. Mãi mãi sau này, cái tư-tưởng của người ta càng ngày càng phát-đạt, cái khích-thích của ngoại-giới càng ngày càng kịch-liệt, rồi thời cái quan-niệm về tương-lai của loài người mới dần dần nẩy mầm ra, mới mong-mỏi làm sao cho được ăn, uống, nghỉ-ngơi, có cái kế trường-cửu mà được hơn xưa. Đã biết mong muốn như thế, rồi những cái mà ta gọi là trí-thức, cảm-tình, ý-chí cũng theo đó mà càng ngày càng manh-động ra. Cái hi-vọng kia nhân đó mà phát lên. Nay xin đem hai cái lẽ « tư-tưởng phát-đạt » « ngoại-giới khích-thích » đã nói trên ấy chia ra mà nói như sau.

Tư-tưởng phát-đạt. — Người ta lúc mới mở mang ra còn hỗn-độn, cái tác-dụng của thần-kinh hãy còn suy-nhược, cho nên cái vận-dụng của tư-tưởng cũng rất đơn-sơ, cái hi-vọng của người ta chắc cũng hãy còn ở trong thời-đại phôi-thai, chửa lọt lòng mẹ mà ra đời vậy. Đến sau cái tư-tưởng của con người ta nhờ được thiên-nhiên mở cửa, ngày càng phát-siển ra, thời cái tác-dụng của thần-kinh cũng nhân đó mà ngày càng phức-tạp. Nghĩ có ngày nay, lại nghĩ có sáng mai, nghĩ có hiện-tại lại nghĩ có tương-lai ; lòng hi-vọng ấy mới phát-động ra rất mạnh vậy. Vả lại cái kinh-nghiệm của người ta không đời nào là không có. Cái não-cân từ khi phát-đạt ra thời ngày nào là ngày chẳng cùng với ngoại-giới cùng cảm-xúc, vậy cái kinh-nghiệm của người ta chắc càng ngày càng nhiều. Nhờ được nhiều cái kinh-nghiệm ấy mà khiến cho tư-tưởng loài người đương ở trong vòng « bất-tri bất-giác » dần dần có lắm tài-liệu, được nhiều đường-lối, mà sự tác-dụng của thần-kinh cũng nhân đó mà thêm nhanh-nhẹn ; tai nghe mà biết là tiếng vàng tiếng sắt, mắt nhìn mà biết là sắc đỏ sắc xanh, mũi ngửi mà biết là mùi thơm mùi thối, lưỡi nếm mà biết là vị ngon vị chẳng ngon. Hết thảy muôn hình nghìn vẻ ở trong trời đất này, không cái gì là không nhân sự kinh-nghiệm ấy mà đem chứa cả vào trong não-cân, bởi đó mà tư-tưởng của người ta mới càng ngày càng phát-dương, càng ngày càng chu-mật. Đến cái sự vị mình mà mưu-toan cũng bởi đó mà ngày thêm hoàn-bị, rút lại là cái lòng hi-vọng của loài người thực bởi đó mà càng ngày càng lớn-lao.

Ngoại-giới khích-thích. — Cõi đất lớn thủa còn mới-mẻ, hãy còn là thời-đại của thực-vật đương phồn-vinh, đồ ăn đồ uống, ngổn-ngang bày ra trước mặt, chẳng phải doanh-cầu, cũng được no bụng, tùy lòng sở-dục, hễ thỏa là yên, dẫu không có hi-vọng cũng không có tổn-hại cho sinh-mệnh, dẫu không có hi-vọng cũng không có phương-ngại cho sinh-kế. Song, đương cái thời-đại cây cỏ tốt tươi kia thời cũng là cái thời đại chim muông phồn-thực, hùm dữ ưng to, sâu ghê rắn độc, chỗ nào là cũng vô-vàn. Người ta không nanh không vuốt, không vẩy không mai, không cánh mà bay, không sừng mà húc, chỉ có một cái mình thịt lại muốn dọc ngang giong-duổi ở trên mặt đất mênh-mang, tài nào mà không đến ngày bị đào-thải đi mất ? Bởi thế cho nên loài người muốn sinh-tồn trên đại-lục, thế tất phải chống-chỏi mọi cái trở-lực ở ngoại-giới, tiễu-trừ mọi cái chướng-ngại ở ngoại-giới, để mà chiếm phần ưu-thắng với muôn loài. Vậy cái tư-tưởng của loài người mới diễn ra càng lắm, tiến lên càng tinh. Những cách phòng-bị cầm-thú, những phép chế-ngự vạn-vật, cùng là những chước tránh hùm beo, xa rắn rết mới càng ngày càng được hoàn-bị, càng ngày càng được châu-đáo. Rồi đồ ăn cầu cho được nhiều, đồ uống cầu cho được đủ, chỗ

ở cấn cho được yên. Đã được bền vững một buổi, lại nghĩ sao cho được lâu dài, đã được sung-túc bây giờ, lại nghĩ sao cho được đến mai hậu. Tư-tưởng nhân sự khích-thích của ngoại-giới mà càng thêm nhiều, hi-vọng mới nhân đó mà càng thêm lớn.

Vật có dẫn-lực, mà cái dẫn-lực của vật không bao giờ là bằng ; người có hi-vọng, mà cái hi-vọng của người không bao giờ là đủ. Ấy bởi cái hi-vọng của người ta không biết bao giờ là đủ, cho nên cái hi-vọng mới phát-siển ra không biết bao giờ là cùng. Cái trình-độ phát-siển của hi-vọng thời cố-nhiên, là tùy từng người mà khác nhau, cái thuận-tự về sự phát-siển của hi-vọng, thời xem dưới này đủ rõ.

1° — Đói thời mong ăn, khát thời mong uống, ấy là cái hi-vọng thuộc về nhục-thể. Trông thời mong tỏ, nghe thời mong rõ, ấy là cái hi-vọng thuộc về tinh-thần. Cái hi-vọng thuộc về nhục-thể chẳng qua là cái hi-vọng ở thời-đại phôi-thai, vì cái hi-vọng không phát-siển ra cái gì khác nữa thời con người ta không có cái gì hơn các loài động-vật khác. Cái hi-vọng thuộc về tinh-thần thời là cái hi-vọng ở thời-đại manh-động, nhờ cái hi-vọng đó mà tư-tưởng người ta ngày một nhiều, cái hi-vọng ấy một ngày một tiến lên cao mà người ta mới linh hơn muôn vật, làm « chủ-nhân-ông » được cái thế-giới này.

2° — Đủ ngày hôm nay lại nghĩ đến ngày mai, đủ ở một thân mình lại nghĩ đến mọi người sau, cái hi-vọng ngày hôm nay, của một thân mình là cái hi-vọng thuộc về hiện-tại, cái hi-vọng ngày mai, đến mọi người sau là cái hi-vọng thuộc về vị-lai. Đã có cái hi-vọng thuộc về vị-lai thời có ngay những cái hiện-tượng như cần-kiệm, trữ-súc, tu-nghiệp, dự-phòng, rồi đến những cái tư-tưởng như tu-đức, cần-bạch, lập-công, dương-danh cũng nhân đó mà sinh ra. Cuộc kinh-tế nhờ đấy mà mở-mang, sự văn-minh nhờ đấy mà tiến bộ.

3° — Người ta không có thể đứng trơ-vơ một mình mà sinh-hoạt được. Muốn cầu sự vẻ-vang ở vị-lai phải nương nhờ vào quốc-gia và xã-hội. Đã nương nhờ vào quốc-gia và xã-hội thời lại phải mong cho quốc-gia và xã-hội được thịnh-vượng. Nhân cái lòng « ái-kỷ », mà sinh ra lòng « ái-tha », lòng ái-kỷ là cái hi-vọng thuộc về cá-nhân, lòng ái-tha là cái hi-vọng thuộc về xã-hội. Thế-giới càng văn-minh bao nhiêu thời cái hi-vọng thuộc về xã-hội càng phát-đạt bấy nhiêu. Vì khiến bỏ một mình đi mà có thể cống-hiến cho xã-hội được, thời « sát-thân thành nhân », « xả-sinh thủ-nghĩa », có sợ gì mà chẳng làm. Vậy cũng là bởi cái trình-độ phát-siển của hi-vọng cao mà gây nên được cho quốc-gia nhờ đấy mà phú-cường, xã-hội nhờ đấy mà diễn-tiến.

Do cái hi-vọng thuộc về nhục-thể mà tiến lên cái hi-vọng thuộc về tinh-thần, do cái hi-vọng thuộc về hiện-tại mà tiến lên cái hi-vọng thuộc về tương-lai, do cái hi-vọng thuộc về cá-nhân mà tiến lên cái hi-vọng thuộc về xã-hội, đó là chủng-loại của hi-vọng tiến dần lên đó, mà cũng là chủng-loại của hi-vọng càng phát-siển ra bao nhiêu thời văn-minh của thế-giới càng tiến-bộ lên bấy nhiêu. Văn-minh của thế-giới càng tiến-bộ đến chừng nào thời cái lòng không biết thế nào là đủ của người ta không biết thế nào là đủ chừng nấy. Cái lòng không biết thế nào là đủ của loài người ta càng thiết đến thế nào thời cái tư-tưởng cầu lấy đủ càng thiết đến thế ấy. Cái tư-tưởng cầu lấy đủ càng thiết đến nhường nào thời cái thủ-thuật mưu-toan cho được đủ càng cạnh-tranh hăng lên. Cái thủ-thuật mưu-toan cho được đủ càng cạnh-tranh hăng lên thời sự tiến-bộ

của thế-giới lại càng phát-đạt lên không biết đến thế nào mà nói cho xiết. Cho nên nói rằng sự phát-siển của hi-vọng cùng với cuộc văn-minh của thế-giới, có một cái quan-hệ trực-tiếp là nghĩa thế.

* * *

Như ở trên đã nói, sự phát-siển của hi-vọng cùng với cuộc văn-minh của thế-giới cùng làm nhân-quả cho nhau, thời chẳng phải bàn ai cũng biết cái công-dụng của hi-vọng là thế nào. Song hi-vọng rất to-tát mà thành được cái công-dụng rất to-tát là tổng-hợp những cái hi-vọng bé nhỏ tụy-tập những cái động-lực bé-nhỏ mà nên. Cho nên cái công-dụng bé-nhỏ, thực là căn-nguyên cho những công-dụng to-tát. Nay hãy bàn những cái công-dụng bé nhỏ rồi dần đến những công-dụng to-tát hơn.

A) *Cái công-dụng đối với cá-nhân.* — Cái hi-vọng ấy nó làm cho người ta khác chim-muông, cái hi-vọng ấy nó làm cho văn-minh khác dã-man, mà cũng là cái hi-vọng ấy nó khiến cho người anh-hùng phân-biệt với kẻ thường-nhân. Vì con người ta ở đời sinh-bình được thành-tựu cái gì đó, đều là theo cái hi-vọng to nhỏ làm kém hơn. Hễ hi-vọng viễn-đại thời thành-tựu cũng viễn-đại, hi-vọng hẹp-nhỏ thời thành-tựu cũng hẹp-nhỏ. Thế cho nên cái cảnh-ngộ của người ta là ở hi-vọng mà ra ; cái phẩm-cách của người ta là ở hi-vọng mà ra, cho đến cái học-thức, cái đạo-đức, cái vinh-dự, cái đê-nhục, cái phú-quí, cái bần-tiện chẳng có cái gì là không ở hi-vọng mà ra. Có hi-vọng ra thời kẻ thường-nhân cũng khả-dĩ làm nên người anh-hùng, không có hi-vọng ra thời người anh-hùng cũng chẳng khác chi kẻ thường-nhân. Ông Á-lịch-sơn-đại (Alexandre le Grand) đi viễn-chinh nước Ba-tư (Perse), đem chia hết những đồ châu báu cho các kẻ thần-hạ. Quần-thần hỏi rằng : « Thế thời Đại-vương còn có cái gì? » Ông Á-lịch-sơn-đại trả lời rằng : « Trẫm chỉ còn giữ một cái của báu thôi, cái của báu ấy gọi tên là cái hi-vọng ». Ôi ! cái công to nghiệp lớn của ông Á-lịch-sơn-đại rỡ-rỡ ra lừng lẫy xưa nay, mà hỏi lại thành-tựu được chỉ là nhờ cái hi-vọng làm tiên-đạo, thời cái cái hi-vọng kia trọng-yếu đến giá nào ? Mà không một mình ông Á-lịch-sơn-đại mà thôi ; này ông Ma-tây (Moïse) mà bỏ nước Ai-cập (Egypte) đi ra, vài mươi năm trời bồi-hồi trong bãi sa-mạc mà rồi đến thoát được cái cơ-ách nước Ai-cập, thành-công được, thực là nhờ cái hi-vọng chốn lạc-thổ mà nên. Ông Kha-luân-bố (Christophe Colomb) đi thám-hiểm, mưu với đám quí-tộc, đám quí-tộc cự-tuyệt, mưu đến vua Bồ-đào-nha (Portugal), vua Bồ-đào-nha bài-sích, cho đến nỗi tới lúc đi thời các người thủy-thủ hối-hận chán-nản muốn giết chết mình đi, mà rồi mở-mang ra được châu Mĩ, vì thế-giới tìm ra một cõi đất mới ; ông Kha-luân-bố mà thành-công được là nhờ cái hi-vọng phát-kiến tân-địa mà nên. Ông Hoa-thịnh-đốn (Washington) chống lại nước Anh, quật-khởi ở dưới quyền chuyên-chế, huyết-chiến tám năm trời, kinh-doanh gây dựng, mà rồi thoát-li được cái ngược-cảnh, dựng nên một nước cộng-hòa mới ; ông Hoa-thịnh-đốn mà thành-công được là nhờ cái hi-vọng độc-lập nước Mĩ mà nên. Cũng chẳng cứ gì các bậc anh-hùng hào-kiệt ở Âu Mĩ mà thôi, ông Câu-Tiễn là một ông vua thua giặc phải hàng mà có năm nghìn quân lại phá được nước Ngô, là nhờ có cái hi-vọng báo-thù mà nên ; ông Thân-Bao-Tư là một kẻ bầy-tôi trốn tránh vì việc nước, khóc bảy ngày ở trước sân vua Tần, mà rồi đuổi được quân Ngô phục được nước Sở, là nhờ có cái

hi-vọng bảo-tồn nước Sở. Ông Ban-Định-Viễn là một kẻ học-trò, mà mở thông được Tây-vực, chế-ngự được Hung-nô là nhờ cái hi-vọng lập-công tuyệt-vực. Kể qua đi thế mà xem thời cổ-vãng kim-lai những bậc anh-hùng, hào-kiệt, chí-sĩ, nhân-nhân thật là không có ai là không nhờ cái hi-vọng mà thành-công ; thế cho nên hi-vọng ấy thực là cái căn-bản để mà thành-tựu các sự-nghiệp, thực là cái tư-liệu để tạo-tựu các bậc vĩ-nhân. Đối với cổ-nhân như thế thời cái hi-vọng kia chẳng là vẻ-vang to-tát lắm ru ?

Nói trái trở lại, người anh-hùng mà không có hi-vọng thời như ông Tấn Lăng-Quân lui về ẩn ở Phong-ấp, ông Sở Hạng-Vương hát khúc bi-ca ở bến Ô-giang, ông A-Thich-Phi u-tù ở Tich-lan, ông Nã-phá-Luân cấm-cố ở Hải-đảo, đều chỉ thở dài vỗ vế, thần-khí đồi-đường, như là đất trời dẫu rộng, mà thành không chỗ gửi mình, ngày tháng dù giải, mà thành ngồi chờ chết đến. Ngoài đàn-bà rượu tốt thời thôi chẳng sự-ughiệp gì, trừ bỏ tay chịu tội cũng đành không mưu-toan nữa ! Thân còn chẳng kể, thương gì người sau, sớm chẳng tính chiều, ai hay xa nghĩ, mấy người ấy há trước kia không phải là những bậc gầm mây thét lửa lừng lẫy một đời, anh-hùng thiên-hạ đó ư ? Đương trong khi hi-vọng viễn-đại, dẫu cái công-danh rợp đời cũng không coi bằng khóe mắt, đến lúc hi-vọng đã tuyệt, dạ buồn chí nản, tồi-tàn thảm-đạm, trước sau như tựa hai người. Thời mới biết ra anh-hùng mà là anh-hùng, chỉ cốt hi-vọng làm chủ-động, tài-năng trí-lự theo đó mà sinh-trưởng hao mòn. Than ôi ! cái hi-vọng đối với cá-nhân công-dụng kỳ-lạ lắm thay !

B) *Công-dụng đối với quốc-dân.* — Họp người lại thành nhà, họp nhà lại thành nước. Họp các cá-nhân lại thời thành quốc-dân ; cá-nhân đều có hi-vọng cả, họp những cái hi-vọng của các cá-nhân lại làm một cái hi-vọng rất lớn-lao. Cái hi-vọng ấy là hi-vọng của quốc-dân. Cái hi-vọng của cá-nhân thời chỉ mưu-toan được cái sự-nghiệp của cá-nhân. Cái hi-vọng của cá-nhân thời chỉ tính-liệu được cái vinh-dự của cá-nhân. Cái hi-vọng của quốc-dân mưu-toan được sự kiến-thiết của một nước, tính-liệu được sự thắng-lợi của một nước ; mà lớn ra thời lo-toan được sự-nghiệp vài ba nước, mà lớn hơn thời mưu-toan được sự-nghiệp mươi lăm nước, càng lớn nữa thời mưu-toan được sự-nghiệp cả hoàn-cầu. Thế cho nên cái hi-vọng đối với quốc-dân công-dụng lại càng rộng lớn, càng thiết-yếu lắm. Người nước Anh là người ở cái dân-tộc không ưa những sự kịch-liệt, song le một lần tranh cái Đại-hiến-chương, một lần đổi cái trường-kỳ quốc-hội, chịu đựng những sự tao-nhiễu trong mấy đời, là bởi cậy ở cái hi-vọng được tự-do. Người Pháp ba lần cách-mệnh, càng khởi càng bị ẹp, diễn ra một cái thảm-kịch đại-khủng-bố giòng-giã vài mươi năm trời là bởi cậy ở cái hi-vọng được dân-chủ. Người Mĩ quất-khởi lên chống lại nước Anh, tắm đạn gội máu, huyết-chiến tám năm trời là bởi cậy cái hi-vọng được độc-lập.

Những quốc-dân ấy đều không chịu cầu-an ở cái địa-vị hiện-tại, trong tư-tưởng đều treo một cái thế-giới thứ hai, lấy rằng không có cái thế-giới thứ hai ấy thời không sao mà cho cái lòng hướng-thượng lòng tiến-thủ của loài người ta được no đủ. Mới lấy cái thế-giới thứ hai ấy làm mục-đích, hết tinh-thần để mưu-toan cho tới cái mục-đích ấy, chú toàn-lực để lo tính cho đạt cái mục-đích ấy. Long-đong chạy chọt ở trên cái tiền-đồ mông-mênh chẳng có cõi bờ, bao giờ được đến nơi cái mục-đích ấy mới là. Cho nên thành-tựu được nhiều sự-nghiệp lớn-

lao, mà cái văn-minh cũng nhân đó tiến-bộ rất là mau chóng. Than ôi ! cái hi-vọng kia đối với cá-nhân công-dụng đã như thế ấy, mà đối với quốc-dân công-dụng lại như thế này. Quí vậy thay !

* * *

Công-dụng của hi-vọng đối với cá-nhân, đối với quốc-dân đã như thế, nay ta nên xét những cái gì là cái chướng-ngại của hi-vọng.

Các bậc đại-anh-hùng đại-hào-kiệt duy-trì được hi-vọng; gặp cái gì phản-đối với hi-vọng thời kháng-cự nó đi, gặp cái gì phá-hoại được hi-vọng thời trừ bỏ nó đi, thời những cái chướng-ngại của hi-vọng cũng được giảm bớt đi mà việc làm có thể thành-tựu được. Đến như người thường không biết duy-trì hi-vọng, cũng không biết bảo-hộ hi-vọng, thời làm thế nào mà chẳng bị những sự chướng-ngại kia nó làm hỏng mất cái hi-vọng của mình. Vậy xin đem cái chướng-ngại của hi-vọng ấy chia làm hai hạng mà thuật như sau.

A) *Lòng bảo-thủ.* — Ông Lão-tử nói rằng : « Biết đủ thời chẳng nhục, biết thôi thời chẳng nguy ». Người ta thường nói rằng : « Biết đủ thường được vui » Lại bảo : « Nên thôi thời thôi ». Ôi ! chữ « đủ » với chữ « thôi » kia thực là do lòng bảo-thủ mà ra. Lời nói lầm ấy thật là lời nói giết hại tư-tưởng, nó có một cái ma-lực phá-hỏng hi-vọng của người ta. Người ta nếu ai cũng lấy chữ « đủ » chữ « thôi » làm chủ-nghĩa thời chỉ quyến-luyến cái quá-khứ mà chẳng có cái quan-niệm gì đến vị-lai, chăm chăm sự thoái-xúc mà không còn có cái hùng-tâm tiến-thủ, thành ra tư-tưởng suy-xút không được cao-viễn, mà kiến-thức cũng câu-nệ cố-chấp chẳng còn có cái gì là trác-lạc. Vì rằng yên ở cái địa-vị hiện-tại mà không có phát-siển ra nữa, không kể đến kẻ không có hi-vọng không thể thành-tựu được sự-nghiệp, mà nói ngay đến những bậc có cái hi-vọng tuyệt-đối cũng phải tiêu-duyệt dần dần đi lúc nào không biết. Cho nên ta nói rằng lòng bảo-thủ là một cái chương-ngại to lớn cho hi-vọng.

B) *Sức đề-kháng.* — Lòng bảo-thủ đã cố-nhiên là một cái chướng-ngại to lớn cho hi-vọng. Song lòng bảo-thủ ấy chẳng qua chỉ là một cái sức ma-sát nó qua một phần ở hi-vọng, nó có lâu dần thấm-thía, dài ngày mới làm trở-lực cho hi-vọng được. Đến như cái sức đề-kháng này thời cùng với sự thành-tựu của hi-vọng có một cái phản-sạ thật là tuyệt-đối, cái sức nó có thể chèn được cái hi-vọng, cái thế nó có thể chống được cái hi-vọng. Hi-vọng còn thời sức đề-kháng này phải mất, sức đề-kháng này còn thời hi-vọng phải mất. Sức đề-kháng là cái gì ? Là cái sức nó chèn nó chống mình, nó đánh nhau với cái hi-vọng để nó ngăn mình không thành-tựu được cái gì. Nếu có đánh được nó thời cái hi-vọng mới có lối mà càng ngày càng phát-siển ra được, nếu không đánh được nó thời bị nó đánh lại ngay, nó làm cho cái hi-vọng càng ngày càng co rụt lại, nó khiến cho cái hi-vọng vì nó mà mòn-mỏi hết đi. Cho nên ta nói rằng sức đề-kháng là cái chướng-ngại to lớn hơn cái lòng bảo-thủ mà thực là làm hại cái hi-vọng không biết đến thế nào ?

Sức đề-kháng phải phân ra hai giống mà bàn : một là cái sức đề-kháng ở ngoài ; hai là cái sức đề-kháng ở trong. Đề-kháng ở trong ấy là cái sức đề-kháng ở tư-tưởng. Sức đề-kháng ở tư-tưởng thời như là sợ-hãi, ngờ-vực, nghĩ trái ; đều là những cái quan-niệm thật là phản-đối rất mực với hi-vọng. Người ta dù ai ai cũng có hi-vọng cả, song dẫu thế mà cái hi-vọng thường bị cái sức đề-kháng của nội-bộ nó đánh đổ, nó làm cho tiêu mòn tuyệt-duyệt đi mà đến mất. Bởi vậy cho nên thánh-hiền mở miệng ra

dạy đời cứ khuyên người ta rằng: « Trước hết phải lập lấy chí »; tại cái ý-chí của con người ta thường-thường nhân cái sự quan-sát của mình, hay là sự cám-dỗ của ngoài, nó làm cho không sao mà chiếm-giữ lấy một cái địa-vị nhất-định, không tài nào là tránh được cái sự biến-động đổi dời, nhân thế mà cái hi-vọng ngày hôm nay thế này ngày mai thế khác, lúc trước ở cái nọ lúc sau ra cái kia, thành ra những sự-nghiệp của mình muốn được thành-tựu đều như là mưu toan sự làm nhà bên đường cả, chẳng nên cơm cháo gì hết; ấy là cái sức đề-kháng của nội-bộ nó làm chướng-ngại cho hi-vọng đến như thế.

Đề-kháng ở ngoài ấy là cái sức đề-kháng ở ngoại-giới, phàm không phải là ở tư-tưởng thời đều là nó cả. Ta thường hay trông thấy luôn luôn như là ốm đau châm-chọc, của-cải thiếu thốn, cùng là những cái đốc-trách của gia-đình, những cái chèn-chụa của xã-hội, những cái giới-hạn của quốc-gia, những cái trào-lưu của thế-giới; mà cả đến những cái hiểm-trở của núi sông, những cái ba-đào của dương-hải, nay mưa dầm mai nắng chảng, khi rét giá lúc sương mù, bốn mùa đắp đổi, giời đất vần xây và các vật-tượng ở trong vũ-trụ đều có thể làm cho cái thế-lực của hi-vọng mình phải ngăn-trở. Vậy phàm cái gì mà nó có thể phản-đối được với cái hi-vọng mình đó, đều là có thể ngăn-trở con đường tiến-hành của hi-vọng, phương-hại được cái sức phát-siển của hi-vọng cả, cho nên cái sức đề-kháng của ngoại-giới thực là nhiều, nó làm chướng-ngại hi-vọng thực là lớn. Ôi! con người ta ai lại chẳng bão-phụ một cái hi-vọng viễn-đại, ai đã bão-phụ một cái hi-vọng viễn-đại lại chẳng mong-mỏi cho nó được an-toàn mà phát-siển ra. Nào biết đâu ngoài cái hi-vọng đó biết bao nhiêu là chướng-ngại, khiến cho cái hi-vọng kia không đạt được mục-đích, khiến cho tấm thân mình không được thỏa-mãn cái chí-nguyện bình-sinh. Thương thay! không trách được đời nay có nhiều kẻ hối-hận, nhiều kẻ nghèo khổ, nhiều kẻ đê hèn, lắm người bi-quan mà ít người lạc-quan, lắm người tầm-thường mà hiếm mặt hào-kiệt anh-hùng! Tổng-chi là bởi hoặc ít lòng hi-vọng, hoặc có lòng hi-vọng mà bị những sự chướng-ngại ở trong ở ngoài nó ngăn-cấm cả.

MÂN-CHÂU *dịch-thuật*

(theo trong *Học-sinh-tạp-chí* của Tàu)

BÀN GÓP BÀI "TRẢY CHÙA HƯƠNG"

Của ông THƯỢNG-CHI *trong « Nam-phong » số 23*

Tôi xem bài *Trảy Chùa-Hương* của ông THƯỢNG-CHI trong báo *Nam-phong* số 23 mới rồi, tôi lấy làm trân-trọng tấm lòng ái-quốc của tôn-ông đã sốt-sắng mà phàn-nàn về lòng sùng-tín nghèo hèn của quốc-dân ta. Thiệt quả thế, nước ta chỉ vì không giầu lòng sùng-tín, nên biết bao nhiêu là công-quả hay của tôn-giáo, người ta có mà mình thì không.

Tôi cũng xin đồng-ý với tôn-ông mà bàn góp về những chữ ở trong bài của tôn-ông mà thiển-kiến tôi cho là chửa đúng, có khi vì những chữ ấy mà không bằng lòng người nghe.

Tôn-ông bảo: « Nước ta đã tiêm-nhiễm cái vô-thần-chủ-nghĩa của Khổng-giáo ».

Điều ấy thiệt là không phải. Khổng-giáo không khi nào có vô-thần-chủ-

nghĩa. Khổng-giáo chỉ là một nhà giáo-dục, chứ không phải là một nhà tôn-giáo. Khổng-giáo dạy người ta lấy luân-lý, lấy đạo làm người ; cha gọi phải dạ, mẹ bảo phải vâng, tức là « đạo » ấy, có người là phải có đạo ấy, bất-kỳ tôn-giáo nào cũng phải có đạo ấy. Khổng-giáo chỉ dậy người ta lấy điều rất phải ở trong đạo ấy mà thôi. Vậy thì Khổng-giáo cũng tức là khoa-học tu-thân luân-lý ở nhà trường bây giờ.

Đến như sự quỉ-thần thì đức Khổng-tử ngài không nói đến, mà không nói đến là phải, vì nói thế nào được ; hãy xem như trong nhà trường bây-giờ có thể đem sự quỉ-thần ra mà dạy được không ? Vậy đủ hiểu cớ sao mà ngài không nói.

Tuy vậy, nhưng trong sách ngài có những câu như là : *Quỉ thần chi đức, kỳ thịnh hĩ hồ* ; *tế như tại, tế thần như thần-tại* ; v... v... còn những câu khác đều nói về sự thờ cúng không biết bao nhiêu mà kể. Như vậy mà bảo vô-thần-chủ-nghĩa ở Khổng-giáo mà ra, chẳng hóa oan lắm ru ?

Nhưng ta xưa nay vẫn có thói quen cứ cho riêng bọn Hán-học là Khổng-giáo mà dễ thường chữ Khổng-giáo của tôn-ông nói đấy cũng có ý ấy, Chính cái vô-thần-chủ-nghĩa ở bọn Hán-học nông-nổi mà ra.

Đại-phàm học chữ nào cũng thế, lúc mới học, chưa từng trải việc đời, thì ai cũng sẵn mang một cái vô-thần-chủ-nghĩa ở trong trí-nghĩ ; bởi vì đã tập suy xét vật-lý thì những đều mắt không trông thấy, tai không nghe thấy, hẳn là không tin. Ngay như Tôn-ông đây, lúc Tôn-ông mới học cách-trí, Tôn-ông có tin rằng trong không-khí có gì không ? Song đến khi đã lịch-thiệp con đường thế-cố, nửa thì chua sót việc đời, nửa thì thương sót nhân-loại, bấy giờ mới quay lại sốt-sắng về tôn-giáo, mới phải sụp xuống mà than khóc trước mặt các đấng Đại-từ Đại-bi.

Tôn-ông hẳn cũng thế mà chính ông Pierre Loti mà Tôn-ông đã dẫn mấy lời của ông ấy trên đầu bài Tôn-ông, hẳn cũng thế, xem những lời ông nói « đấng Phật-tổ và đấng Gia-tô », và câu « Phải có đấng Đại-từ Đại-bi mới được, muốn gọi là tên gì thì gọi », thế là đủ biết rằng xưa ông hẳn vô-thần, nay ông mới sùng-tín đó.

Nhưng chỉ những bọn nông-nổi không chịu nghĩ kỹ, vô-thần-chủ-nghĩa nẫy ở trong óc, vọt ngay ra miệng, dám to tiếng mà xướng ra ở đời, nên cái vô-thần-chủ-nghĩa mới thịnh-hành ra bởi bọn ấy.

Vậy nên tôi muốn chữa câu của Tôn-ông nói đó là : « ..... đã tiêm-nhiễm cái vô-thần-chủ-nghĩa của bọn Hán-học nông-nổi mà ra ».

Bàn về đạo Phật. — Đạo Phật có 3 dòng, có bậc Thượng-thừa, bậc Trung-thừa, bậc Hạ-thừa. Nhưng những người đi Phật nước ta bây giờ, thật chẳng vào dòng nào bậc nào cả. Cái sự sai-nhầm ấy, có phải từ cổ đã thế đâu ; đời Lý, Trần ngày trước đạo Phật thịnh lắm, các sư có thi, thì chắc hẳn không đến nỗi thế. Nhưng các bậc đế-vương có lòng sùng Phật thì lại bị các nhà sử-thần bài bác hoài. Về đến đời Lê thì Chính-phủ không nhìn đến đạo Phật nữa, chỉ coi đạo Phật là tả-đạo hoặc-chúng, không cấm đi là tốt. Gia-dĩ bậc thượng-lưu tư-cách không có ai đi tu. Bậc thượng-lưu đã không ai đi tu thì lấy ai là kẻ hiểu đạo Phật mà giảng-thuyết cho người ta nghe. Giản-hoặc cũng có một vài người vì bực đời mà đi tu, nhưng những người ấy chẳng qua coi cái chùa như một chỗ rảnh, ở đó cho qua ngày tháng ; cho khuây lo phiền ; cho tránh việc đó mà thôi, không có chí gì tôn-giáo sốt cả ; vậy thì còn hòng gì những người ở ngoài đời ấy có bổ-ích cho đạo Phật.

Còn như sự Phật-giáo không có thống-nhất, thì thật quả như lời Tôn-ông đã nói. Điều ấy là điều thứ nhất quan-hệ thịnh-suy cho đạo Phật. Nhưng cái khuyết-điểm ấy là cái khuyết-điểm của toàn-thể đạo Phật ở Đông-phương này, chớ không phải riêng một nước ta. Phật-giáo cổ thời có Phật-tổ đứng đầu đạo Phật, cũng như Giáo-hoàng ở đạo Thiên-chúa. Phật-tổ ấy giả thì chọn một người môn-đồ cao nhất mà truyền áo cà-sa, đồ pháp-bảo cho, gọi là *truyền y-bát*, để làm Phật-tổ nối sau. Nhưng tiếc thay dòng y-bát chỉ truyền đến Tổ thứ 6 là tổ Huệ-năng thì thôi ; Tổ thứ 6 không truyền cho ai nữa. Ấy Phật-giáo thành ra tán-loạn từ đấy. Gián-hoặc có những nước như Xiêm-la, Nhật-bản, Cao-man, trong các nước ấy, Phật-giáo có thống-nhất là nhờ các bậc Quốc-vương nước ấy trông nom đến, mới có sự hay riêng trong từng nước ấy mà thôi.

• *Nói đến nhà nho.* — Quốc-dân kem lòng sùng-tín mà đổ tội cho nhà nho, thật là đáng lắm. Nhưng chỉ tội ở nhà nho nông-nổi đó mà thôi ; còn nhà nho thâm-thủy thì lại rất là sùng-tín. Thật thế, kinh Phật không có nhà nho ai dịch, đạo Phật trừ nhà nho ra ai hiểu ? Nhà nho thâm-thủy thì tự mình sẵn có tính Phật, xem kinh Phật như hợp lòng mình, khi nào lại có bài-bác. Chỉ có nhà nho cố-chấp chỉ lấy mình làm phải mới hay bài-bác tôn-giáo, nhưng ngán thay bọn ấy lại là phần nhiều. Vậy đổ tội cho cũng chẳng oan là mấy.

Còn như câu Tôn-ông nói rằng : « Nhà nho chỉ bài-bác Tôn-giáo, không biết rằng cái lý-tưởng của Tôn-giáo còn cao bằng mấy mươi lần đạo Nho. » Điều ấy tôi thiết-tưởng nên so-sánh về đường công-quả thì hơn rằng so-sánh về đường lý-tưởng.

Đạo nho tức là đạo dạy ở nhà trường. Đạo nho dạy người ta lấy nhân-sự, mà tôn-giáo dạy người ta lấy thần-quyền. Tôn-giáo thì tôn thượng ở Tòa-sen, Thiên-đường, mà đạo nho thì tôn thượng ở lương-tâm, bổn-phận ; tôn-giáo bảo người ta chịu thiệt phần xác để hòng phần hồn, đạo nho bảo người ta bỏ thân mà làm nghĩa-vụ ; tôn-giáo thì khi đau đớn đã có đấng Đại-từ Đại-bi an-ủy, mà đạo nho thì khi đau đớn đã có Hoàng-thiên an-ủy, mà Hoàng-thiên lại không ở đâu xa, lại không phải thờ cúng cầu nguyện chi cả. Hoàng-thiên tức là Công-lý, hễ mình ăn ở hợp với lẽ phải ấy tức là có trời biết cho. Xem như thế thì cái lý-tưởng chưa dễ mà phân cao thấp được.

Song nhưng về phần công-quả thì đạo nho thực kém tôn-giáo ; đạo nho chỉ thành-tựu được những hạng người biết trọng lương-tâm, và một hạng người biết tin ở ông trời Công-lý mà thôi. Nhưng những hạng người này vẫn là phần ít, còn những hạng khác thì phải có tôn-giáo mới thành-tựu được ; cho nên cái công-quả của tôn-giáo bao giờ vẫn to hơn đạo nho.

Vậy tôi muốn đổi câu của Tôn-ông nói đó là : « Cái công-quả của tôn-giáo đối với nhân-loại còn to bằng mấy mươi lần đạo Nho. »

Gọi có mấy lời bàn góp, nên chăng thế nào để ông THƯỢNG-CHI xét nghĩ.

MAI ĐĂNG-ĐỆ
ở làng Tràng-lũ, huyện Phụ-dực (Thái-bình).

* * *

Ông MAI ĐĂNG-ĐỆ bẻ tôi hai điều :

1° nói Khổng-giáo là vô-thần-chủ-nghĩa không phải ;

2° nói lý-tưởng của tôn-giáo cao hơn lý-tưởng của đạo Nho không đúng.

Xin đáp :

1° Khổng-phu-tử không từng nói quyết rằng quỉ-thần có hay không có,

nhưng mỗi lần học-trò hỏi đến việc quỉ-thần thì ngài từ chối không đáp ; chắc trong ý ngài nghĩ rằng : « Quỉ-thần chẳng hay có thật hay không, nhưng dù có dù không cũng không có quan-hệ gì đến đời người ta, đã không quan-hệ đến người ta thời bận lòng cứu xét mà làm chi. Vì có thật thời nên « kính nhi viễn chi», vì không có cũng chẳng hề gì. » Phu-tử nghĩ như vậy cũng thật là khôn-ngoan lắm, nhưng Phu-tử nghĩ như vậy chẳng là cái chứng rằng ngài không tin thần-quyền ư? Ngài không tin thần-quyền thời cái đạo của ngài chẳng là « vô-thần-chủ-nghĩa » thời là gì ?--Vẫn biết rằng ngài không phải là nhà tôn-giáo, mà là nhà luân-lý, và nhà luân-lý chỉ phải dạy người ta đạo xử-thế, không tất-nhiên phải nói đến thần-quyền ; nhưng Khổng-phu-tử không phải là một nhà luân-lý tầm-thường, không phải là ông giáo dạy luân-lý ở trường nhà-nước ; Khổng-phu-tử là bậc thánh-nhân muôn đời, Khổng-phu-tử là « vạn-thế sư-biểu ». Thánh-nhân dạy người đời không thiếu sự gì, duy có thần-quyền là không hề nói đến, không nói đến tất có lẽ làm sao, không nói đến là vì trong bụng không tin. Thánh-nhân không tin thần-quyền, không nói đến thần-quyền, không cho thần-quyền là có quan-hệ đến đời người, thời cái đạo của Thánh-nhân chẳng phải là « vô-thần-chủ-nghĩa » thời là chi ?

2° — Cái yếu-tố của tôn-giáo là sự tín-ngưỡng về một cái thế-giới siêu-hình, nghĩa là một cõi đời cao hơn cái cõi đời ta sống này. Đạo nho thời chỉ biết cái thế-giới hiện-tại mà thôi, và ra công kinh-doanh cho cuộc đời ta sống này được hoàn-toàn tốt-đẹp. Lý-tưởng ấy vẫn là hay lắm, thiết-thực lắm, nhưng chắc là không cao bằng cái lý-tưởng của tôn-giáo. Đời người cũng ví như một bức sơn-thủy, có xa có gần, có đậm có nhạt, có thiển có thâm, có giòng nước uốn quanh trước mắt, cũng có ngọn núi trót-vót đằng xa, mây bao sương phủ, khói tỏa tuyết che, thời mới thành bức phong-cảnh đẹp. Nhà thợ vẽ nếu chỉ biết vẽ những cái ngay trước mắt, như dịp cầu, giòng nước, bụi cây, con thuyền, mà không biết mô-tả ra cái hoàn-cảnh phiếu-diểu mung-lung nó bao-bọc chung-quanh, thời sao cho thành bức tranh được ? Nhà Khổng-học chỉ trọng cách ăn-ở trong xã-hội, không biết đến cái lòng hoài-vọng cao xa của người ta, tức như người thợ vẽ chỉ biết vẽ cái vật trước mắt mà không biết vẽ cái hoàn-cảnh vô-hạn ở chung-quanh, bức tranh tất có khuyết mà không được trọn vậy. Nhà tôn-giáo lấy cái « vô-hạn » làm mục-đích, chắc về đường lý-tưởng còn cao hơn nhiều.

Đó gọi là bàn qua mấy lời để đáp lại ông Mai Đăng-Đệ. Tôn-giáo là một vấn-đề rất uyên-áo, không thể nói qua-loa mà hết được. Coi bài của ông trên kia thời biết ông đã có đọc *Âm-băng* nhiều : nhưng thiết-tưởng muốn nghiên-cứu về tôn-giáo mà lấy sách *Âm-băng* làm chỉ-nam, chưa phải là chánh-đáng vậy.

Thượng-Chi

TỒN-CỔ LỤC

Cụ Phạm Đình-Hổ 范廷琥, *tự là* Tùng-niên 松年, *làm ra rất nhiều sách, mà sách nào cũng kê cứu về đường phong-tục điển-lễ nước ta, kỷ-thực được nhiều truyện hay. Tôi đã lược dịch bộ sách* Tang-thương ngẫu-lục *của cụ, lần lượt đăng báo cả rồi. Nay tôi lại dịch*

bộ Vũ-trung tùy-bút *của cụ, để đăng tiếp theo vào mục* Tồn-cổ *này. Trừ ra những bài nào ông Trần Văn-Ngoạn đã dịch rồi thôi thôi, còn tôi lại lựa lấy từng bài mà dịch đăng sau này, may có giúp được một vài phần về đường khảo-cổ.*

Đ. C.

*
* *

I

Bài tự kể sự-trạng lúc thiếu-niên của Phạm tiên-sinh Đình-Hổ

Ta sinh năm *mậu-tí* đời Cảnh-hưng, lúc lên năm sáu tuổi, đấng tiên-đại-phu ta đương làm tuần-phủ Sơn-tây, bổng-lộc dư-dụ, song những cảnh chơi cây, đá, hoa, chim, ta cũng không nghĩ chi đến. Bà bảo-mẫu Hoàng-thị thường hỏi cái chí muốn của ta. Ta nói : « Phận sự con trai thời phải lập-thân để ra hành-đạo, cái đó không phải nói chi. Nếu sau này mà thành-đạt, được nổi tiếng văn-thơ ở đời, để cho người ta biết là con nhà ấy nhà nọ, ấy là cái chí tôi đó ». Bà bảo-mẫu thuật lời nói ấy cho đấng tiên-đại-phu và đấng tiên-cung-nhân ta nghe, thời hai ngài đều khen chí ta cả. Thấm-thoắt hơn 20 năm nay, vâng lời dưới gối, hãy còn văng vẳng bên tai, mà lạo-đảo cùng-đồ, ta chỉ than-thở suông về nỗi không kịp đội gạo để nuôi cha mẹ, trời xanh thăm thẳm, còn nói sao được nữa !

Đấng tiên-đại-phu lịch-lý án-sát Nam, và tuần-phủ Sơn, trong tráp vẫn thường để một cái khăn bịt đầu, một cái mũ thêu con trãi [1], ta lúc chơi đùa thường đem ra đội, mà thích nhất là đội mũ thêu con trãi, dẫu cấm thế nào cũng không được. Hễ có ai đem những truyện nôm nhảm-nhí và trò thanh-sắc, cuộc cờ bạc gì để bày ra chơi đùa, thời ta bịt tai lại không buồn nghe. Học đã thiệp-liệp sách vở, mà quốc-âm vẫn không biện-biệt được hết ; vậy nên những khúc hát, bài đàn, tai dẫu nghe qua mà vẫn không hiểu là gì cả.

Năm *giáp-thìn* ta mắc bệnh, xuýt nữa thời nguy đến tính-mệnh, khi khỏi rồi tiên-trưởng-huynh mới dạy ta đánh cờ tướng, tập đánh mãi mấy năm trời mà đánh với ai cũng thua. Đến ngoài hai mươi tuổi, theo đòi cùng bạn tri-giao, mới biết đánh cờ, gọi là biết thế-công thế-thủ, chớ cũng không để bụng nghĩ. Đến như những nghề cờ bạc phán-thán, vốn không thích chơi, cũng có lúc thử tập đánh chơi, mà tập mãi cũng không tinh được cái thuật đó. Đó là cái thiên-tư mình về đường ấy lại ám-muội lắm, không thể sao cưỡng được.

Từ khi lưu-lạc sau này, thành ra nghiện chè tàu, dẫu ấm chén không đủ, tiền mua không sẵn, mà vẫn thích nhất chè tàu không gì bằng, tuyết chè, hương chè, hạng nào cũng nếm thử qua ; thường muốn chừa hẳn đi mà không thể chừa được. Nhớ xưa đấng tiên-cung-nhân ta lúc còn sinh-thời, thường lấy những sự cờ, bạc, rượu, chè làm răn, nay ta mới ngoài 30 tuổi, mà bốn điều răn ấy đã phạm mất ba, đêm thanh nghĩ lại, ân-hận biết là chừng nào ! Sau này xin cố gắng chừa dần, để khỏi phụ lời tiên-huấn.

Ta khi lên 9 tuổi học sách *Hán-sử*, được 4 năm thời đấng tiên-đại-phu ta qua đời, đương lúc ta nằm rơm gối đất, mắc việc tang-chở, học hành buổi được buổi cái ; đến khi hết tang mới bỏ sử mà học kinh. Phàm những chữ cổ thơ cổ, ta rất ham-thích không lúc nào dời tay.

---

(1) Là con thú có một sừng, tính trung-trực, hễ thấy người bất-trực thời húc, cho nên mới thêu hình con trãi để làm mũ quan ngự-sử.

Năm *nhâm-dần*, tiên-trưởng-huynh ta đi lại ở trên kinh-đề[1]; trọng-huynh ta xuống ngụ dưới đất Hạ-hồng[2]; chỉ có một mình ta ở nhà quê hầu mẹ. Khi ấy, đấng tiên-cung-nhân ta ở nhà nội-tẩm mé trong, một mình ta ở nhà giữa: nhà rộng bảy gian, tọa đông hướng tây, trước là nhà chính-tẩm của đấng tiên-đại-phu ta; nối theo mái tây, tiếp liền sối nước, lại có năm gian nhà khách, trước mặt trông xuống cái ao vuông, trồng sen đỏ và sen trắng, xung quanh ao thời liễu xanh và quất vàng sen nhau. Qua phía nam cách nhà khách năm sáu bước, trồng chắn ngang một bức hàng rào tre, tự phía nam nhà giữa đến phía tây giáp giới bờ ao. Đối bên phía bắc thời lại có một bức bình-phong hoa che thấp thoáng. Giáp góc ao về mé đông, dưới thềm nhà khách có trồng các thứ hoa nhài, hoa hồng, hoa ngâu, hoa mẫu-đơn ba bốn khóm. Trông xa ra ngoài đồng rộng, cách rào thấp-thoáng có cái quán ngói đứng một mình.

Mỗi khi cơm sớm xong rồi, ra chơi nhà khách, bên cạnh chất đầy mấy giá sách, tùy ý mở xem, mặt trời xế chiều, trẻ mục-đồng đuổi trâu qua về vừa đi vừa hát, hoặc cuốn lá thổi kèn ti-te, thời giấc mộng trưa mới tỉnh, không khác gì nghe dịp hát thuyền-chài véo-von ở trên sông Nhược-gia vậy. Tối đến mặt trăng mới mọc, đi tản-bộ quanh ao, ngâm nga vài câu thơ Thịnh-Đường. Lúc thời tựa gốc cây dừa, hóng mũi xem hoa, hoặc ngắt lá tước nhỏ; trở về trên thềm nhà thời hương hoa bóng nguyệt thấp-thoáng trên bàn ghế, thường đến gà gáy mới đi ngủ.

Cuối mùa đông năm ấy, tiên-trọng-huynh ta thong thả về ở nhà, cùng sớm tối ở với ta lại gần được một năm nữa. Nay hai anh ta mất cả rồi, làng cũ tiêu-điều, mà ta thời lạc-phách bơ-vơ, non sông xa cách, nghĩ đến càng thêm giọt lệ tuôn sa...

Lạm-bình. — Đây là bài tựa của PHẠM tiên-sinh tự kể sự-trạng lúc thiếu-niên, lời nói thiết-thực không có câu gì khoe-khoang. Xem như chí-khí cụ lúc còn bé chỉ muốn lấy sự văn thơ nổi tiếng ở đời, quả-nhiên sự-nghiệp cụ về sau này, rất có danh-giá về đường văn-chương trước-tác. Còn đến những trò chơi cờ-bạc, phản-thán, dịp-hát, cung-đàn, vốn tính cụ vẫn không thích, đó thực là cái tính hay cái nết tốt của các bậc cổ-nhân, không ham sự chơi bời, cho nên mới chăm-chỉ về đường học-vấn được.

Xem đó thời biết cụ dẫu là con quan lớn mà không dám tự-phụ là con quan lớn, dẫu là cậu ấm cậu chiêu mà không dám đua đàn với những cậu « công-tử bột », không dám bén mảng đến đám cờ-bạc, làng xướng-ca. Khi còn thanh-niên chỉ quanh-quẩn ở nơi viện sách chốn sân Lai, lúc thời câu thơ trong nguyệt, nước cờ dưới hoa, di-dưỡng lấy cái tinh-thần thanh-khoáng. Chí-khí có cao-thượng như thế, thời về sau mới thành được sự-nghiệp cao-thượng vậy.

II

Lối chữ thời cổ

Lối chữ viết nước Việt-Nam ta tự đời Đinh, Lê trở về trước, không còn trông thấy đâu nữa. Tự đời Lý, Trần trở về sau này, lối chữ viết bắt chước theo người nhà Tống, đã kể rõ ra ở sách *An-nam kỷ-lược*. Nay còn trông thấy lối chữ cổ như là: chữ bia tháp ở núi Dũng-thúy, chữ khắc vào cái chuông chùa Thiên-phúc núi Phật-tích; chữ cái bia nhà biệt-nghiệp của

(1) Là nhà trọ ở chốn kinh-thành Thăng-long tức là Hà-nội bây giờ.
(2) Bây giờ là Ninh-giang (Hải-dương).

quan Tam-sương cấm-binh Châu-công ở làng Châu-khê huyện Đường-an ; nét chữ viết rất là tù-kính [1]. Còn đến như chữ biển Đông-hoa-môn 東華門 chính là chữ ngự-bút vua triều Lý, nét bút thiên-nhiên, hùng-hồn tuấn-tú, tuyệt-nhiên khác thường, mà xem từng nét phẩy, mác, sổ, móc, đã phôi-thai khởi-tổ ra lối chữ nước Nam ta. Chữ biển Đại-hưng-môn 大興門 là chế ra tự năm Hồng-đức, nửa viết chân nửa viết khải lẫn lộn, lối chữ cổ đến đấy đã là một lần biến.

Năm Duyên-thành nhà Mạc, có con gái Đà-quốc-công là Mạc-thị dựng ra chùa Bối-am, mài vách đá khắc bài minh, lối chữ viết đầu cong chân vẹo, hơi giống lối chữ ta bây giờ, chỉ có bên tả vênh lên, bên hữu thấp kém, là hơi khác lạ một chút ; thiết-tưởng lối chữ lúc Lê-sơ và lúc triều Mạc đại-lược như thế cả ; thể chữ trong Thuận Quảng bây giờ cũng gần giống như thế, cũng còn giữ được lối cũ của cổ-nhân.

Từ lúc Lê trung-hưng đến giờ, các nhà học nghề thi-cử theo tập một lối chữ khải cổ, hoặc thêm vào bớt ra làm ngoa-ngoét hầu sai mất cả chân-tướng chữ, gọi là lối chữ *nho*. Tờ bồi chốn công-nha, thời dùng riêng một lối chữ, là vì phòng dân-gian hay làm giả mạo, nên mới phân-biệt ra thế. Vậy có dạy riêng một lối chữ việc quan, sáu năm một lần duyệt, ai thi đỗ thời cho sung vào làm học trò thơ-lại chốn nha-môn. Nhưng cái thói làm giả-mạo, đều tại kẻ tơ-lại làm ra, tệ ấy càng ngày càng tệ, quan trên không thể cấm được. Còn như lối chữ *chân*, *thảo*, *triện*, *lệ*, lâu nay không có thầy dạy, giản-hoặc cũng có người tập, nhưng đều là ức-đạc, luộm-thuộm vẽ-vời, mô-phỏng thiết-sắc như anh thợ vẽ, xem đến không ai buồn nhìn.

Trong năm Cảnh-hưng, đức Thánh-tổ Thịnh-vương thích lối chữ Tàu, kẻ học-giả mới hơi biến lối chữ ta đi để bắt chước chữ Tàu, không cứ là thể chữ nào, chỉ cầu nét viết cho thôi cứng vuông-thẳng, để cho vừa mắt người ta coi, có khi một chữ mà nét chấm là lối triện, nét móc là lối lệ-nét phẩy nét vòng là lối chữ chân ; hoặc gặp chữ rậm nét, lại viết tá-thảo [2] cho thông-hoạt đi, gọi là lối, « *chữ câu-đối* ».

Chữ thảo thời tổ-thuật lối *vũ-kiếm* 舞劍 cứng quếu thô bỉ, chẳng còn có vẻ hẳn-mặc một tí nào, gọi là lối chữ *đề-thơ*. Còn như lối *chân-phương* 眞方, *chân-hành* 眞行, *lão-thảo* 老草, *nộn-thảo* 嫩草, *đại-triện* 大篆, *tiểu-triện*, 小篆, *cổ-lệ* 古隸, *cổ-lựu* 古籀, *tiểu-kỷ* 小紀, *tiểu-khải* 小楷, suy ra đại-loại như thế cả.

Bây giờ có mấy người như Thương, Lan, Dao, Diễm, nổi tiếng chữ tốt, kẻ hậu-học tôn-phụng làm thầy, thường bảo nhau rằng : « Lối đó là chính dòng tôn-phái của Dao tiên-sinh, lối kia là cái mối-thừa của Dao tiên-sinh », tâng bốc nhau lên, không còn biết trước có thiên-cổ nữa. Giá có hỏi đến tự-thể các nhà chữ tốt xưa nay, thời tuyệt-nhiên không biết gì cả. Than ôi ! kẻ tơ-lại tập chữ để đi kiếm ăn, thời không kể làm chi, ta thường đau đớn cho các sĩ-phu đời bây giờ không ai lưu-ý đến việc ấy. Cổ-giả trong nhà học có dạy đủ cả lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số [3], khi nhỏ học tập, khi lớn thời dùng ra làm việc. Bên Tàu tự đời Tần, Hán trở xuống, đời nào cũng có người nổi tiếng

(1) Tù-kính 遒勁, là mềm-mập cứng-cát.

(2) Tá-thảo 借草, là mượn thêm nét viết thảo

(3) Lễ 禮 là lễ phép, nhạc 樂 là âm-nhạc. xạ 射 là tập bắn, ngự 御 là tập ngự xe cầm cương ngựa, thư 書 là tập viết, số 數 là tập tính, đó là sáu nghề dạy ở trong nhà học.

chữ tốt, như là : Sái Ung, Chung Do ở đời Hán ; Vệ phu-nhân, cha con Vương Hi-Chi ở đời Tấn ; tiếng hay thói tốt, sau trước theo nhau, đến như vua Văn-hoàng nhà Đường là bậc tôn-quí, mà còn ham thích lối chữ *phi-bạch* 飛白, vua Lương Vũ-đế, ông Vương Dật-Thiếu đều là tay chữ tốt cả. Các bậc danh-khanh cự-công, như là Ngụy Trưng, Trử Lượng, Ngu Thế-Nam, Trử Toại-Lương, và đến cả họ Nhan, họ Liễu, họ Hàn, họ Bạch, đều là các nhà chữ tốt có tiếng. Nhà Tống hơn ba trăm năm, các bậc tiên-nho như là : Châu, Trình, Trương, Chu, Chân, Ngụy, và hai họ Tô, họ Hoàng, họ Tống, nét mực đến bây giờ hãy còn như mới, nào có kém mất huân-danh đức-nghiệp đi đâu.

Nước ta văn-hiến cũng không khác gì nước Tàu, thế mà học viết các lối chữ, chỉ phó mặc cho kẻ tơ-lại, không ai chịu lưu-ý đến là làm sao ?

Lạm-bình. — Ta học theo văn-chương tàu, nên lối chữ nước ta phải viết theo Tàu. Tự đời Lý đời Trần, bắt trước lối chữ người nhà Tống, nay hãy còn trông thấy bia tháp Dũng-thúy, chuông chùa Phật-tích và cái bia nhà biệt-nghiệp Châu-công ở làng Châu-khê, thời lối chữ cổ ấy hãy còn truyền di-tích. Nhưng chữ ta viết cũng có một lối đặc-sắc riêng, như ngự-bút triều Lý treo ở cửa Đông-hoa thật là một lối chữ ta rất tốt. Rồi lại biến ra lối pha lẫn nửa chân nửa khải tự năm Lê Hồng-đức, chữ lối cổ tự đấy đã hơi biến khác xưa rồi.

Tự đời Lê trung-hưng trở về sau này, bọn học trò thời viết riêng một lối gọi là chữ nho ; chốn quan-nha thời viết riêng một lối gọi là chữ tơ-lại ; lại còn lối chữ câu đối, lối chữ đề thơ, chẳng qua chỉ là bắt chước những lối chữ *triện, lệ, chân, thảo*, mà mô-tả phỏng-chừng, chớ không có lối-lăng, không có sư-truyền gì cả. Vì thế cụ Phạm tiên-sinh mới than-thở về tự-học [1] nước Nam mình, mà lại tiếc cho các bậc sĩ-phu nước mình không mấy người lưu-tâm đến việc ấy. Không trách được học chữ Tàu mà vẫn không bằng Tàu, không biết rằng sau này học chữ Tây có cố theo được bằng Tây không? Thôi thời trước nhất ta hãy học lấy chữ quốc-ngữ ta cho phổ-thông, *ch, tr* cho khỏi lẫn, *s,x* cho khỏi sai, viết cho tốt, xem cho nhanh, rồi luyện thành ra một lối quốc-văn nước mình, đó mới là chữ ta, chớ xưa nay nhiều người thường nhận lầm chữ Tàu là chữ ta, mà không biết quốc-ngữ là chữ gì cả. Vậy thời ta phải trước biết chữ quốc-ngữ ta, mà có học chữ Tàu nữa thời phải cho ra Tàu.

III

Văn-thể các đời trước

Từ đời Lê trung-hưng trở về sau này, văn-thể càng yếu-ớt hèn-hạ, trong tập *Cát-xuyên tiệp-bút* ông Trần Tiến đã kể rõ cả rồi. Ta thường xét nước ta là nước văn-hiến, văn đời Lý cổ-áo xương-kính [2] phảng-phất như giọng văn người nhà Hán, xem như bài chiếu của vua Thái-tổ khi thiên-đô ra Long-biên ; bài văn hịch vua Thái-tôn kể tội Vương An-Thạch ; cùng là bài di-chiếu của vua Nhân-tôn thời biết.

Văn đời Trần lại hơi kém văn đời Lý. Nhưng điển-nhã văn-hoa, nghị-luận phô bày, đều có sở-trường cả, so với văn của các nhà danh-gia nhà Hán nhà Đường, cũng nhiều bài giống. Gián-hoặc cũng có một vài bài giả-thử để lẫn vào trong tập văn Hán, Đường, cũng không thể phân-biện ra được.

Văn lúc Lê-sơ từ năm Thuận-thiên trở về sau này, truyền lại cũng nhiều,

(1) Tự-học 字學, phép học viết chữ.

(2) Cổ-áo xướng-kính 古奧蒼勁, là ý tứ cổ-kính sâu-sắc già-giặn.

duy có bài văn bia Thần-đạo Vĩnh-lăng và bài chế-sắc cho Vệ-quốc trưởng-công-chúa hạ-giá của ông NGUYỄN-TRÃI; cùng bài chế tiến-phong phụng lăng vua Thái-tôn của ông VÕ VĨNH-TRINH, dẫu công-lực khác nhau, nhưng thể-tài khí-phách những bài đó, đều có thể nối gót theo được cổ-giả. Đến như những bài « Bình Ngô đại-cáo » năm Thuận-thiên (1428), các bài sớ tòa đài-giản năm Thiệu-bình (1434), bài chiếu thân-chinh Chiêm-thành năm Hồng-đức (1470), đều là những bậc đại-thủ-bút [1] lúc bấy giờ làm ra cả. Nhưng cái khí-lực văn không được hậu, mà chỉ chuộng lập ra thể văn mới, hoặc từng chữ từng câu không được ôn-luyện, hoặc trước sau, đầu đuôi, chỗ thì tinh-thuần, chỗ thì thô-tạp, không được thông-hoạt, so với văn đời Lý đời Trần, chẳng khác gì đương lên vọt trên đỉnh núi mà sa xuống dưới chân bờ. Còn những các bài khác nữa không kể sao cho xiết được.

Trong khoảng năm Minh-đức, Đại-chính [2], sĩ-khí càng ngày càng kém, những kẻ văn-nhân chỉ đua nhau lối văn phù-bạc, so với lúc Lê-sơ lại càng kém xa. Nhưng sĩ-tập bấy giờ chửa đến nỗi tệ-lậu lắm, về đường học-vấn, văn-chương, chính-sự, công-nghiệp, cũng không kém gì cổ-nhân mấy, là vì theo đường học-hành cũng không đến nỗi sai-lầm mếch-lệch cho lắm.

Từ lúc nhà Lê mới trung-hưng, khôi-phục vật cũ, danh-nghĩa dẫu chính, nhưng quyền về chúa Trịnh, thân-sĩ trong Hoan Ái [3] nhiều người làm quan lo, phong-thanh khí-tập không được như ngoài Tứ-Tuyên [4] ta bình-dị khoan-hòa. Vả lại cái nhân-chính của năm Minh-đức Đại-chính, hãy còn cố-kết được nhân-tâm, cho nên vận trời dẫu lại về nhà Lê, mà lòng người vẫn còn hướng nhà Mạc, những kẻ thông-nho văn-sĩ, thường còn ẩn nán không chịu ra, mà những kẻ ứng-thế ra làm quan, phần nhiều là kẻ thiển-lậu chờ ít có người bác-hợp. Còn như học trò châu Hoan châu Ái, gặp buổi loạn-ly, bỏ học đã lâu, đến lúc ra làm quan, thời chỉ tự-dụng ý-kiến của mình, khoe hơn các bậc tiền-nhân, hễ có giảng sách học, ra đầu bài cũng không để ý xét đến những việc đắc thất, trị loạn cổ kim, và đại-ý trong sách Kinh sách Truyện ; chỉ tìm tòi những câu ngoắt nghéo, hiểm hóc ở trong sách sử và những câu chú-thích của các nhà hậu-nho để ra đầu bài. Những kẻ đua chen đường công-danh lúc bấy giờ, chỉ đón ý thừa phong, cóp-nhặt những câu văn nước giải thừa của các đấng tiên-nho, để chắp chênh làm cái văn chi-diệp về sau này, thời cái ý hay của đời Lý đời Trần lập-giáo để dạy người biến hết đi mất cả, cái tệ-tập ấy đã lâu, những người học nghề văn cử-nghiệp [5] chỉ chặt lấy từng đoạn từng câu chính-văn trong Kinh Truyện, mà chuyên học lấy những câu văn tiểu-chú, học sử cũng chỉ nhớ lấy những câu nghị-luận vụn-vặt. May mà đỗ lên, đến lúc đương việc lớn, bàn lễ lớn, thời chỉ cẩu-thả tạm-bợ cầu cho xong việc. Còn đến như phép tắc văn-minh, hồ dễ đã có mấy người sửa-sang được ; sĩ-tập như thế, mà mong rằng giúp Nhà-nước để kinh-luân tham-tán những công việc tày trời, thời có được không ?

---

(1) Đại-thủ-bút 大 手 筆, tay cầm bút có tiếng hay chữ.

(2) Minh-đức 明 德 Đại-chính 大 正, là niên-hiệu nhà Mạc (1527-1530).

(3) Hoan 驩, là tỉnh Nghệ. Ái 愛, là tỉnh Thanh.

(4) Là bốn tỉnh thừa-tuyên ngoài Bắc.

(5) Cử-nghiệp 舉 業, chỉ chuyên về nghiệp đi thi-cử.

Lạm-bình. — Hán-học truyền-bá sang nước ta đã lâu, ta đã học theo hán-học, thời phải làm theo lối hán-văn. Nhưng văn-thể mỗi đời một khác, có lúc thịnh, có lúc suy. Xem như văn đời Lý thời hơn nhất cả, mà văn đời Trần lại kém Lý, văn đời Lê lại kém Trần, đó là tại cái khí-vận xui nên thế chăng? hay là tại cái lối văn khoa-cử sau này nó làm cho suy-đồi mất văn-khí đi chăng? Cái đó tự người xem văn cũng đã biết, mà cụ Phạm tiên-sinh cũng đã nói rõ cả ở trên ấy rồi, không cần phải bàn chi nữa.

Bây giờ bãi bỏ khoa-cử, hán-học đã gần thành ra một khoa cổ-điển, mà hán-văn lại không có mấy người học được cho đến căn-nguyên, thời tài nào mà có văn hay như đời Trần Lý được. Tuy rằng khỏi được cái tệ văn khoa-cử, nhưng còn cái tinh-túy hán-văn không lẽ cũng cứ phó mặc cho tiêu-diệt đi chăng. Vậy thời Nhà-nước nên đặt hán-văn làm một khoa chuyên-môn, ai muốn chuyên tập về đường hán-văn, cũng lựa cho mà học, để luyện-tập lấy những người học hán-văn có lực lượng; hán-văn có học được đến thâm-thúy, thời họa may mới giữ được cái tinh-túy của hán-học, mà về đường học quốc-văn cũng có bổ-ích được ít nhiều.

Đông-Châu

LỜI KHUYÊN HỌC-TRÒ [1]

III

25. — Ở đời

Ở đời mỗi người phải gánh một việc. Việc lớn hay nhỏ là tùy theo học-thuật và tài-đức từng người; sự-nghiệp dù có khác nhau, song cũng là muốn ích-lợi chung cho xã-hội. Nếu ai cứ riêng mình, không biết đến kẻ khác, như thế gọi là đời ký-sinh.

Người ta là giống đa-tình, đã có tình thời có dục, muốn điều nọ lại muốn điều kia, muốn ngon-ngọt, muốn yên-vui, muốn công-danh, muốn tiền-của; bấy giờ mới sinh ra công này việc nọ; tình càng nhiều, dục càng lớn, việc càng nhiều. Cho nên vô-tình, vô-dục, không gọi là người ở đời được.

Than ôi! cảnh đời là một cái trò dối, người đời là những con người dối. Nếu ở đời mà không sẵn có lòng cao-thượng, mỗi khi cảnh-ngộ, sao cho khỏi động-tâm. Lúc giàu-sang sinh ra kiêu-ngạo; lúc nghèo hèn sinh ra xiểm-dụ; lúc thất-chí thì khóc, lúc đắc-chí thì cười, có khác gì con người gỗ cứ để người ta giật mà nhảy mà múa. Phải biết rằng khi tình-dục người ta đã no đã chán, nghĩ lại mùi đời cũng không có ý-vị gì mật-thiết cho lắm.

Thử để mình ra ngoài thế-giới, ngảnh lại mà trông, nào hình-hình, sắc-sắc, nào lợi-lợi danh-danh, người ta đang om-sòm trên chốn diễn-trường, mà thực đã nên người giác-ngộ. Làm người có tình-dục cũng phải có nghĩa-lý. Tình-dục bởi khí-huyết mà ra, mà nghĩa-lý bởi học-vấn mà ra; vậy nghĩa-lý để phòng tình-dục thì nghĩa-lý thắng, tình-dục phải lui; nếu cứ buông dông thả dài, mắt trông động

(1) Tục kỳ trước (*Nam-phong* số 25, trang 61-65.)

lòng, tai nghe động tưởng, cả đời chỉ để cho cái tình-dục nó sai khiến mình, nó chói buộc mình; thế gọi là tình-lụy.

Ở đời, có học-vấn cũng phải có kinh-lịch; học-vấn cho biết lẽ phải, kinh-lịch để tập thói quen. Những kẻ có học-vấn mà không có kinh-lịch, ngồi nói thì thật là khôn, đến lúc ra tay mà làm lại hay nát việc. Như thế gọi là người gàn. Những tay triết-học non non, hễ hết mắc phải bệnh ấy.

Gan nên lớn mà lòng phải tế-nhị. Nếu táo gan mà hay suất-lược, chỉ là người tráng-sĩ chớ chưa được là vĩ-nhân.

Tình nên nhiệt mà tính phải hòa-bình. Nếu cứ nóng-nẩy không biết nhẫn-nhục, thành-sự thì ít mà bại-sự thì nhiều.

Tư-tưởng nên cao mà nước đi phải thấp; ý-khí nhỏ hẹp thì ra người tầm-thường, mà việc làm không cứ tuần-thường thì ra người vu-khoát.

Phàm vật đã đến cực-điểm thì hay giống nhau: cho nên người cực-hiền giống như ngu; người cực gian giống như thật, cực nhã giống như tục; còn những kẻ chi nhỏ tài sơ mới hay khoe tài khoe trí.

26. – Sống lâu

Đời người có hạn mà sự-nghiệp vô cùng. Cho nên người ta sống lâu về sự-nghiệp, chớ không sống lâu về tuổi.

Những người có tài có trí, không thấy có tóc bạc da mồi, ai cũng tiếc sao chẳng sống lâu ở dời để làm lấy công này nghiệp khác. Như thế chẳng những thiệt cho một người, mà cũng thiệt chung cho xã-hội. Cho nên làm người ở đời cũng nên sớm sớm gắng công lập nghiệp.

Thường-tình người ta ai cũng tham sống mà sợ chết, song trọng công-danh khinh sinh-tử, lại là ý-khí kẻ làm trai. Này có người đáng sống chín mười mươi, vì ham muốn công-danh, lao-tâm khổ-tứ đến nỗi chỉ sống được năm sáu mươi, như thế không gọi là thiệt thòi được; vì mệnh thì yểu mà danh thì thọ.

Vì thế người ta chỉ lo không có sự-nghiệp, để mang tiếng sống thừa; không lo không được sống lâu, đầu bạc răng long để hưởng cho nhiều miếng ngọt miếng ngon của thế-giới.

27. – Sự vui sự khổ

Cảnh vui không có chừng hạn, thích-chí gọi là vui. Nếu mình sinh vào thời phú-quí, nào ăn miếng ngon, mặc của tốt, nào se ngựa, lâu-đài, tự con nhà nghèo hèn trông mình đã lấy làm nhân-sinh lục-địa. Mà tự mình còn uốn a uốn éo đã lấy gì làm bằng lòng.

Suy ra cảnh khổ cũng vậy; lưng cơm hẩm, bát canh suông, ngồi chõng tre, nằm ổ dạ, tự con nhà cao-lương đài-các lấy làm khám-khổ; mà con nhà chân lấm tay bùn đã lấy thế làm mãn-nguyện. Vì cả ngày còn đầu tắt mặt tối, rồi lúc nào mà tưởng đến sự sung-sướng khác, chỉ chiều về ngồi bóng cây nghỉ mát, uống chén rượu nhạt, nói câu chuyện nông-tang, bấy giờ tưởng thân-thể đã hóa ra Phục-hi Hoàng-đế.

Cảnh khổ ở đời không gì bằng già, ốm, biệt-ly và mất lòng trông cậy. Song có sinh có tử, có tụ có tan, thịnh-suy, bĩ-thái là lẽ tuần-hoàn, nếu đã biết những sự ấy là sự phải có ở đời, thì còn việc gì mà lấy làm khổ.

Duy làm người ai cũng có phận-sự; có phận-sự phải làm cho xong. Nếu làm con phụ ơn cha mẹ, làm dân phụ nghĩa nước nhà, làm tôi bội đạo cùng thầy, cho đến nói lời không nhớ, mắc nợ không đền, đều là sự khiếm-khuyết về bổn-phận, để cho lương-tâm mình nó cắn dứt; ấy là một sự đau ngầm, một sự khổ kín, không bao giờ khuây nhẫn cho được. Muốn tránh cái khổ

ấy chỉ phải làm cho hết phận-sự. Ấy là cảnh cực-lạc ở đời.

Người đời ai cũng cầu điều khoái-lạc, như công-danh, phú-quí, ăn uống, trai gái, được vẻ-vang trong xóm làng, có danh-dự với chúng-bạn ; ấy là những sự khoái-lạc về khu-xác ; còn sự làm cho đầy đủ trách-nhậm, mới là sự khoái-lạc về tinh-thần.

28. — Lý-tưởng

Người đi tu lấy cứu người là được phúc, người làm tướng lấy giết người là có công ; thị thị, phi phi, biết lấy gì là công-lý. Cho nên xưa nay lý-tưởng với việc làm vẫn trái nhau là thế.

Này hãy nói về việc làm. Cuộc đời là cuộc cạnh-tranh, tính người là tính tàn-ác, đua tranh lấn cướp còn có nhân-đạo gì. Lưỡi gươm cho sắc, khẩu súng cho trường, giết người cho nhiều, ấy là quyền-lợi. Kìa mầy-day như sao sa, kìa tượng-đồng như bụt-mọc, lấy thế làm danh-dự, lấy thế làm anh-hùng ; nếu đem con mắt bác-ái mà trông chẳng qua là những sự dã-man tàn-sát.

Còn những kẻ thương nòi tiếc giống, đã đau quyền-lợi, lại khóc tự-do, có khí-huyết, có tâm-can, ai là chẳng nghiến răng mắm miệng. Song ở đời này lấy giữ được lợi-quyền là chủ. Vậy sự tranh-cạnh cũng là đạo thiên-diễn tự-nhiên, không ai tránh cho được.

Nay hãy để mình ra ngoài thế-giới, ngảnh lại mà trông. Trời đất mù-mù, sấm sét ù-ù, non sương bể máu, gió thảm mưa sầu, thực đã lấy làm ghê gan xót ruột. Kìa Tần-hoàng, Hán-Võ, kìa Sơn-đại, kìa Uy-liêm, sinh-chí một người, lầm-than trăm họ, đã là những người có tội trong loài người. Đọc câu : *gấm từ gây việc binh-đao, nắm sương vô-định đã cao bằng đầu*, phàm giống hữu-tình ai là không sa nước mắt. Mong cho loài người ta bao giờ ra khỏi kiếp trầm-luân, cùng hưởng phúc hòa-bình trong thế-giới. Xưa đức Thích-ca, đức Gia-tô, dựng nên tôn-giáo cũng vì một cái lý-tưởng ấy

29. — Chán đời

Những người học-vấn càng rộng, lý-tưởng càng cao, thấy việc đời như trò giối, coi phú-quí như phù-vân, bấy giờ mới sinh ra lòng yếm-thế ; thủa xưa những người ở ẩn-dật tu-hành cũng vì cái tâm-lý ấy.

Còn như kẻ tài nhỏ chí to, việc lớn không làm nổi mà việc nhỏ lại không thèm làm, dở-dở dang-dang, đến khi tuyệt-vọng, cũng sinh ra yếm-thế. Có kẻ hữu-tài vô-vận, bước không gặp may, làm hay nhỡ dịp ; đến khi thất-vọng cũng sinh ra yếm-thế ; ấy là những kẻ vô-chí vô-tài, mượn tiếng ẩn-dật làm cao ; không tưởng gì đến đời, không tưởng gì đến xã-hội : như thế gọi là hư-sinh, không đáng cho người ta tôn-kính.

30 — Chê đời

Lấy tai mắt kẻ lòng ngay tính thẳng mà xem người đời, mà nghe chuyện đời ; nào vô-lương, nào bạc-hạnh, nào bất-hiếu, nào bất-trung, nào tự-tư, nào tự-lợi, giả nghĩa, giả nhân, nào một nước, hại dân, vô-liêm vô-sỉ, tự-nhiên không ghẻ mà ngứa, không ghen mà hờn, nhịn sao đừng chê dừng mắng cho được ?

Muốn vun cây, phải nhổ cỏ, muốn khen điều chính phải bác điều tà. Vậy chê đời cũng là sự chánh-đáng của những người có lòng với nhân-tâm thế-đạo.

Anh-hùng tiếng đã gọi rằng,
Trong đường dẫu thấy bất-bình mà tha.

Trong óc có trí khôn, trong tim phải có máu nóng ; trong mắt có nước mắt, trong miệng phải có mũi gươm. Có biết chê đời, có dám chê đời, mới là người có tim có óc.

Tiếng chê là những tiếng bất-bình, trong lòng có bất-bình phải phát ra lời nói. Những tiếng vị thiên-hạ bất-bình mà nói là những tiếng công-phẫn. Còn vị lợi hại riêng mà nói là những tiếng oán tiếng ghen. Không oán ai, không ghen ai, mới là người chân-chính.

31 — Phá hủ-tục

Trong các tôn-giáo, giáo nào cũng có điều mê-tín, song đến những mối dị-đoan quái-gở như những điều ta đã thấy trong xứ ta, chỉ nên gọi là hủ-tục mà không phải là mê-tín, ấy tự nhà phú-quí cho đến kẻ ngu hèn lưu-truyền mấy nghìn năm, in vào óc, nhuộm vào sương, nhất là việc tin họa-phúc.

Tôn-giáo khuyên bảo người sống, dạy dỗ người sống, tế-độ cho người sống, lo hạnh-phúc cho người sống, mà cái hủ-tục mình lại trông cậy người chết, sợ-hãi người chết, tế-độ người chết, khu-trừ người chết, như những việc : làm chay, làm bùa, bắt tà, phụ đồng, gọi hồn, xem bói, xem đất, tạ mả, tống-thần, tiễn ôn.

Có nhiều kẻ khai-minh đã biết hẳn là những điều dả-dối, mà thói quen bắt buộc vẫn phải giữ mãi để che mặt thế-gian. Còn trách kẻ hạ-ngu tối như đêm dầy như đất làm sao được ? Tập-tục càng ngày càng lắm, dân-trí càng ngày càng kiệu, người càng yếu, nước càng nghèo. Đau đớn thay dân-trí như thế, tập-tục như thế, đang buổi cạnh-tranh như thế, còn mong khỏi tiêu-duyệt tồi-tàn làm sao được !

Các bọn thiếu-niên ơi ! sự-nghiệp duy-tân phải bỏ hủ-tục là đầu mọi việc, ta đã cắp sách đi học phải nhận lấy điều ấy là phận-sự mình, không đổ cho ai, không chắc vào ai, cũng không đợi đến ngày nào được nữa. Tự mình phải làm gương lên trước, bỏ hết mọi thói dã-man hủ-lậu, gặp việc phải nói, gặp người phải khuyên, phải tìm cách, phải tìm lẽ, phải trừ cho tiệt, phải phá cho tan ; ấy là lòng yêu nước yêu đời lớn hơn hết.

32 — Thượng-lưu

Kẻ làm đầu mục dân trong một sứ gọi là thượng-lưu. Đầu có khôn thì toàn-thể mới an-toàn, mắt có sáng thì chân tay mới hiệu-dụng. Cho nên trong xứ nào có những bọn thượng-lưu hào-kiệt, thì xứ ấy phải thịnh mà dân càng khôn ; xứ nào có những bọn thượng-lưu hư-hèn, thì xứ ấy hẳn suy mà dân cũng dại.

Đời này là đời tạp-nhũng ; lễ-nghĩa đã suy, liêm-sỉ cũng ít, chỉ tiền bạc thần-thế là có quyền hơn cả. Cho nên có tiền có thế thì chiếm thượng-lưu, còn ai kể đến kiến-thức, đến đạo-đức.

Muốn gây dựng lấy bọn thượng-lưu cho đứng-đắn có đủ tài đủ nết để ứng-dụng trong xã-hội tương-lai này, còn trông vào ai, còn chờ đợi ai ?

Hỡi các cậu thiếu-niên ơi ! thời-thế tương-lai là thời-thế các cậu, sự-nghiệp là sự-nghiệp các cậu, danh-dự các cậu, hạnh-phúc các cậu. Xã-hội trông mong vào các cậu, chờ đợi ở các cậu, ; hôm nay các cậu còn là học-trò, ngày mai các cậu là dân nước. Các cậu đã học-hành làm sự-nghiệp thì các cậu phải nhận lấy trách-nhậm thượng-lưu là phận-sự mình. Muốn làm thượng-lưu, phải có tư-cách.

Chỉ có tiền, chỉ có thế, không phải là thượng-lưu.

Không có lòng công-ích, không phải là thượng-lưu.

Không có lễ-nghĩa liêm-sỉ, không phải là thượng-lưu.

Không có học-vấn nghệ-nghiệp, không phải là thượng-lưu.

Lắm trí khôn hay dan vặt, không phải là thượng-lưu.

Ham lợi-lộc hiếu hư-danh, không phải là thượng-lưu.

Lấy thế người ngoài bắt nạt người nhà, không phải là thượng-lưu.

NGUYỄN BÁ-HỌC

VĂN-UYỂN

CỔ-PHẦN LÝ-KHÚC

古 汾 俚 曲

Của quan TRẦN MỸ, *tuần-phủ Hà-nam* (*tiếp theo*)

24 — Thương-tá tự trào

Thương-tá như « moa » sướng lắm à !
Gần dinh quan thượng lại gần tòa.
Một tuần chủ-nhật nghỉ cả bẩy,
Tám chục đồng lương để lại ba.
Chị đỏ từng ngày tính tiền nước,
Bà nghè cứ tháng hỏi thuế nhà.
Ra đường có kẻ bẩm quan trợ,
Thương-tá như « moa » sướng lắm à !

25 — Mừng ông tú cùng làng mới đỗ (1)

Đã gián hai khoa *mão ngọ* rồi,
Mầy may nhờ được chút thơm rơi.
Đường mây âu hẳn thang từng bực,
Đất sấm rầy xem pháo sẵn ngòi.
Họ mạc nở nang nề nếp cũ,
Láng giềng lừng lẫy tiếng tăm hơi.
Kìa như Phạm-Lão đương thời Tống,
Sự-nghiệp từ xưa cũng Tú-tài.

26 — Làm hộ người làng Đông-am mừng ông tú làng ấy (2)

Nghe ông thi đỗ có tin về,
Trong họ ngoài làng mừng rỡ ghê.
Phúc quả mấy đời vun gốc hạnh,
Bảng hoa một bức rãi sân hòe.
Khoa-danh đề trước thầy đồ Cồ,
Hào-mục ngôi nhường bác lý Lê.
Cá nhảy chim bay còn có sức,
Thi hương ông cống hội ông nghè.

27 — Vịnh Mỗ-gia sơn-trà (3)

Vật chi phơn-phớt cái mầu da,
Phấn điểm son tô khéo mặn mà.
Ngày vắng dử mồi con bướm sở,
Đêm xuân họp mặt bóng trăng tà.
Nụ vàng yếm trắng anh ưa lắm,
Ruột đỏ cùi xanh chị thế à ?
Nhắn nhủ khách chơi đừng tấp-tểnh,
Yêu hoa có lúc thẹn cùng hoa.

28 — Chẳng tham ruộng cả ao sâu, Tham vì một nỗi tốt râu mà hiền

Cô kia má đỏ lại răng đen,
Kén chọn như cô đã đáng khen.
Lắm lúa béo mè thây kệ hắn,
Mè rồng nết bụt ấy là duyên.

---

(1) Ông tú người khác thôn nhưng ở cùng xóm, họ ông ấy trước cũng nhiều người khoa-mục, đã cách 2 khoa, trong làng không có ai đỗ.

(2) Ông tú đời bố làm điển-hộ rồi làm tri-huyện, đã thác rồi. Thôn ông ấy có một người kỳ-mục họ Lê được ăn tiên-chỉ sắp làm lễ khao, nghe tin ông ấy đỗ, liền hoãn việc lại, ông tú biết ý, nhường ngôi tiên-chỉ cho người kỳ-mục. Làng Đông làng Cồ 2 làng liền nhau, làng Cồ vẫn có tiếng văn-vật, mà khoa này được một ông tú lại đỗ dưới ông tú làng Đông.

(3) Ở hàng phố có một nhà buôn báu, nhà có hai cây trà, một cây hồng, một cây bạch, một hôm có một ông quan tỉnh ấy đến chơi, trông thấy ngắm nghía mãi, vợ nhà chủ ấy nguyên là người vợ tây, tính đa tình, liền nói rằng : « Quan lớn có dùng thì xin dâng, nếu ngài dùng cả người cũng xin dâng nốt ». Khi ấy tôi ở đấy, cũng nghe thấy tiếng nói ấy, rồi vợ chồng nhà ấy liền sai người nhà khiêng hai cây trà đem đến dinh cho ông quan tỉnh ấy, cũng muốn sau này kiếm một việc kéo lại ; chẳng may độ một tháng thì ông quan ấy phải đổi, khi rọn đồ, khiêng hai cây trà qua cửa nhà ấy, người vợ nhà chủ liền ra đòi lại hai cây trà, bảo rằng : « Tôi chỉ cho ngài mượn mà thôi », ông quan bất-đắc-dĩ phải trả lại. Thơ này vịnh trà, mà ám động vào người.

Sá chi chú-bá hơi bùn lấm,
Kém tí anh đồ sự bút nghiên.
Mai một việc dân nhiều đám chén,
Tốt râu bố nó hẳn ngồi trên.

29 — Vịnh chú Mãi ghẹo sư Chiêm (1)

Vào chùa ướm hỏi tiểu mười ba,
Chuông trống từ đâu nửa tối qua.
Vừa lúc sư bà êm giấc điệp,
Đang tay hộ-pháp bẻ cung nga.
Phúc chưa tròn quả nên vo quả,
Lòng rắp yêu hoa nỡ rập hoa.
Chú Mãi thôi đừng dương cán tẩu,
Chứng minh này đã phật tam tòa.

30 — Đã bỏ lại mó theo

Quân-tử như ai khéo khéo hay,
Bỏ thôi sao lại mó liền ngay.
Duyên cò ruồng rẫy cơn ban tối,
Tay vượn mon men cái mọi ngày.
Ba chữ phó cho chi sá nghĩ,
Mảy tình vướng lấy mãi thêm rầy.
Ai lên gửi với ông tơ đỏ,
Tình phụ xin ông xử kiện này.

32 — Diễn bài thơ của quan phó-bồi-thẩm (2)

Tiếng tăm đâu đến cụ bàn ba,
Trước viện rèm treo bóng ác tà.
Ghém sẵn sai đòi rom lửa bếp,
Đường ngay giục nhỏ giắt xe nhà.
Buồng đêm kẹt cửa bà ban quở,
Lương tháng khan tiền khách nọ tha.
Được buổi gió mưa vui vẻ tệ,
Đèn lê khói tỏa ngát mùi hoa,

33 — Hùng-sơn thứ chú hí tác (3)

Giặc giã coi chừng cũng chẳng to,
Việc gì quân thứ đến nhà nho.
Mỗi ngày đánh giấy về quan Tiễu,
Cả tháng đem quân giữ núi Vua.
Thám báo khó người còn bạc thưởng,
Gạo heo dễ tính sẵn tiền mua.
Có ai hỏi mỗ đi đâu tá,
Trước sở ông nằm lĩnh chức phò.

---

(1) Cô sư Chiêm gần bốn mươi tuổi, nhưng người hãy còn xuân, ở chùa làng Thượng, trong làng có anh kỳ-mục tên là Mãi (tiếng tây gọi là Mai) có ý khuy-du, năm trước đã nhận làm hưng-công chùa để lấy làm đường đi lại, nhưng những người sư chân-tu không thể ghẹo được; độ tháng năm mới rồi nửa đêm ra phá phòng sư, ôm lấy cô sư ghẹo bỡn, mà cô sư không nghe, liền dọa đánh, sau cô sư dật ra được, lên chùa đánh chuông trống ầm lên, sáng mai lên kiện ở tòa án, khi xử kiện có một quan Tây, hai quan An-nam quan bồi-thẩm, quan phó-thẩm) dân đều gọi là ba tòa, mà bây giờ có sơ thẩm, trung-thẩm, thượng-thẩm, cũng là ba tòa.

(2) Nguyên thơ. 陪臣公簡院無華, 高捲疎簾日半斜. 灶具嘉蔬婢熱火, 門希曲徑僕遲車. 多猜老拙防偷密. 過訪窮交索贈賒. 營得自家眞樂趣, 滿城風雨一燈花.

(3) Khi tôi làm án sát Hà-đông, có giấy đòi tôi đi giúp việc quan năm (phàm tư báo gì chỉ viết: « Hà đông án-sát tá trợ ngũ hoa quan thứ vụ ».) Tôi lên Thái-nguyên, liền mộ một toán quân đóng ở Hùng-sơn, tặc đội ẩn trốn ở núi Pháo, tôi cho người tầm thám mãi không được, tôi có yết thị rằng ai thám được đích giặc ở đâu, thời thưởng riêng cho một trăm bạc, nhưng mà số bạc ấy vẫn còn. Ở bên núi Pháo có một phiến rừng gọi là « Đèo vua núi chúa », đường đất rộng lắm, thường phải đem quân phòng tiệt, để cho giặc khỏi thoát đi. Dân ở đấy tuy rằng thổ mán, nhưng có bụng trung thành; quan quân thiếu lợn gạo có sức thời đem nộp ngay, trả bao nhiêu tiền cũng bằng lòng.

31 — Mất chóe toi (1)

Đã bấy lâu nay tính ngõa-toàn,
Vì tình một chút bỗng xui nên.
Chơ không ra đó bình cùng trác,
Lẽ có đâu mà sỏ với siên.
Ngọc bích chắc gì về giả Triệu,
Chén vàng hầu dễ tếch lên tiên.
Thôi ông đừng có sân si nữa,
Của dẫu mất kia đã nọ đền.

(Còn tiếp theo)

TRẦN MỸ
Tuần-phủ Hà-nam

Thơ dịch

I

自君之出矣
Từ khi chàng bước chân đi,
不復理殘機
Thiếp lên khung cửi làm chi nữa chàng ?
思君如月滿
Trăng tròn như thiếp nhớ chàng,
夜夜減清輝
Một đêm một khuyết thì chàng nhớ chăng ?

II

君知妾有夫
Chàng ơi, biết thiếp có chồng,
贈妾雙明珠
Của tin đưa thiếp đôi vòng ngọc trai.
還君明珠雙淚垂
Trả chàng giọt vắn giọt dài,
恨不相逢未嫁時
Căm rằng không gặp những ngày còn xuân.

III

雨前初見花間蕊
Chửa mưa thấy nhị mới ra,
雨後全無葉底花
Mưa rồi dưới lá còn hoa đâu nào ?
蜂蝶紛紛過牆去
Qua tường ong bướm giỉu nhau,
却疑春色在隣家
Tưởng rằng xuân sắc ở đâu láng giềng.

IV

尚有縕袍贈
Tặng nhau còn bức áo bào,
坦憐范叔寒
Thương chàng Phạm-Thúc xiết bao lạnh-
不知天下士 [lùng
Trần-ai chưa tỏ anh-hùng,
猶作布衣看
Ngờ rằng ai cũng khốn cùng như xưa.

V

遙聽江上笛
Vẳng nghe tiếng sáo bên sông,
臨觴一送君
Đau lòng chuốc chén rượu nồng đưa ai.
還愁獨宿夜
Một mình dằn-dọc canh dài,
更向郡齋聞
Tiếng đâu lại tới bên tai thêm sầu.

* * *

Thơ tình

I

Xuân phong lương, xuân phong lương,
Hoài giai-nhân hề bất năng vương.

---

(1) Tôi có một cái bình một cái chóe, bày chung một cái trác. Có hai ông bạn đến chơi, một ông đương tại chức, một ông đã về nghỉ, ông tại chức bảo tôi rằng : «Anh có hai cái đồ cổ quí thực, nhưng để làm gì lắm thế, anh cho tôi một cái, để tôi đưa anh này đến người có quyền thế, sẽ mưu cho anh ta một chức, chả hay lắm ư ? » Tôi liền nói rằng xin bằng lòng, hai cái ấy, các ông muốn lấy cái nào thì lấy. Hai ông đứng ngẫm nghía mãi, rồi lấy một cái chóe, mà dủ nhau đi Hà-nội. Cách mấy tháng, không thấy tin tức gì, sau tôi có hỏi ông hưu-quan rằng sao chậm thế ? Ông trả lời rằng : « Khi ấy anh ta bảo tôi mang cái chóe đem đến chỗ quí quan, anh ta đứng nói chuyện tiếng tây một lúc, rồi từ bấy đến giờ không thấy tin tức gì nữa, hay anh ta xỏ chúng mình, một người mất chóe toi, một người phải làm thầy tớ hầu mang chóe cho anh ta ! » Tự xưa đến nay không có thỉnh thác gì bao giờ, mà gặp chuyện này lấy làm khó chịu lắm.

春 風 凉 春 風 凉
懷 佳 人 兮 不 能 忘

Kể từ khi gặp mặt chàng,
Lòng này luống những mơ-màng nhớ trông.

Hạ nguyệt nùng, hạ nguyệt nùng,
Bất tri hà nhật hựu tương-phùng.

夏 月 濃 夏 月 濃
不 知 何 日 又 相 逢

Tuy rằng kẻ Bắc người Đông,
Cũng nên tạc một chữ đồng làm ghi.

Thu hoa si, thu hoa si,
Hà đố dư hề báo tín tri.

秋 花 癡 秋 花 癡
何 妬 予 兮 報 信 遲

Đã đành tâm phúc tương-tri
Ta đây há dám say gì quên ai.

Đông tuyết lai, đông tuyết lai,
Thư phòng dạ tọa ý bồi hồi.

冬 雪 來 冬 雪 來
書 房 夜 坐 意 徘 徊

Trạnh niềm giạo tới mái ngoài,
Gió rèm thoang thoảng tưởng người qua chơi.

Tiện đây xin một hai lời !

II

Xuân tửu nùng, xuân tửu nùng,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

春 酒 濃 春 酒 濃
桃 花 依 舊 笑 東 風

Bây giờ lòng mới tỏ lòng,
Quyết xin tạc một chữ đồng làm ghi.

Nhàn vi kỳ, nhàn vi kỳ,
Vô đoan xuân sắc nhập la vi.

閒 圍 棋 閒 圍 棋
無 端 春 色 入 羅 幃

Ngày xuân hoa nở gặp thì,
Tin xuân chưa dễ đi về cho năng.

Dạ minh cầm, dạ minh cầm,
Cao-sơn lưu-thủy thục tri âm.

夜 鳴 琴 夜 鳴 琴
高 山 流 水 孰 知 音

Biết bao yêu trộm nhớ thầm,
Vắng ai nào biết ôm cầm với ai ?

Phóng thi hoài, phóng thi hoài,
Độc bộ nhàn đình bách-cảm thôi,

放 詩 懷 放 詩 懷
獨 步 閒 庭 百 感 催

Vui xuân vui cả một trời,
Sầu xuân riêng nặng một người tương tư.
Tự tình phúc một bức thư !

***

Từ-khúc

I

Bóng trăng tàn,
Tựa câu-lan,
Văng-vẳng xa đưa tiếng rế ran,
Một mình than,
Than con Tạo khéo đa đoan,
Rớn cợt hồng-nhan !

II

Rọt sương bay,
Thấm lá cây,
Gió thu đưa thoảng bức rèm lay,
Động niềm tây,
Giầu sang theo đuổi mấy làn mây,
Chau đôi lông mày !

III

Cành trúc giủ,
Lim-dim ngủ,
Giấc bướm mơ màng người cảnh cũ,
Sao nỡ phụ,
Để khách Đào-nguyên mong mỏi chủ,
Cạn giòng vui thú !

IV

Trống bên lầu,
Dạ trạnh đau,
Nhớ ai đăng-đẳng suốt canh thâu,
Biết tìm đâu,
Để khách đeo mang một khối sầu,
Rốc chén nghiêng bầu !

Vũ Tích-Cống (Sơn-tây)

1

Ba người em giễ viếng chị vợ

Ba mươi năm lẻ kiếp phù-sinh,
Bóng nguyệt chênh chênh vụt sế mành.
Những tưởng liễu xanh tư ấm túi,
Bao ngờ đào biếc một chia cành.
Tóc tơ cha mẹ vương đôi nợ,
Non nước chồng con nặng tấm tình.
Sân nhạn liền chăn chung chút nghĩa,
Lạnh lùng riêng để một mình anh.

2

Vịnh chim công

Đẹp cánh càng thêm đẹp cả lông,
Giống này ắt hẳn giống nhà tông.
Đuôi tôm quắp đít ve ve múa,
Mắt phượng giơ mày nhác nhác trông.
Đức sánh loan-hoàng thì xứng áo,
Tài như anh-vũ nọ khoe lồng.
Hoa vàng mũ gấm sao cho đáng,
Khỏi tiếng con cùi tốt mã không?

3

Khâu áo tơi

Sự đời hợp hợp lại chia chia,
Thợ tạo gì-phùng cũng gớm-ghê.
Khéo khéo lá lành đùm lá rách,
Xinh xinh dây nọ buộc dây kia.
Bốn phương khuyết-liệt đôi tay ghép,
Muôn kẻ đơn-hàn một cánh che.
Rầy gió mai mưa thời-thế nọ,
Mượn đem tay ấy vá trời kia.

4

Vịnh Long-biên Ái-hoa hội

Gặp hội đồng-xuân rộng phẩm-đề,
Nghìn hồng muôn tía một mầu khoe.
Lan thêm họ Tạ hương thơm ngát,
Đào cửa ong Lương sắc đỏ hoe.
Gấm rệt trại-hoa khi tựa gác,
Nệm dài hàng-cỏ chỗ dừng xe.
Câu thơ đan-quế đàn cung-nguyệt,
Gọi ả hằng-nga hát thử nghe.

5

Đêm thất-tịch thay lời ông Ngâu tự-tình với bà Ngâu

Tình xưa đêm cũ cái đêm này,
Mai nở sen tàn lại thấy đây.
Tan hiệp bao ngần trăng lặn mọc,
Bi hoan mấy nỗi nước vơi đầy.
Đốt lò vàng cũ thêm hương mới,
Giở túi đàn xưa lựa phiếm rầy.
Ân ái trăm năm nồng nỗi ấy,
Hỡi đàn ô-thước thấu chăng mày?

6

Thay lời bà Ngâu họa nguyên-vận trả lời ông Ngâu

Hiệp tan nỗi ấy nước non này,
Suốt một năm ròng mới gặp đây.
Dạ thiếp mong chàng vầng nguyệt khuyết,
Lòng chàng nhớ thiếp bến ngâu đầy.
Phỉ niềm ân ái đây cùng đấy,
Bõ tấm chua cay trước đến rầy.
Ô-thước biết tình nhau đó nhỉ,
Giắt giây hội-ngộ cám công mày!

Liễu-viên DƯƠNG MẠNH-HUY

1

Hỏi xuân

Nhân khi năm mới vừa xuân,
Mừng xuân tôi nghĩ lẩn-thẩn hỏi chơi.
Bốn mùa kể tháng mười hai,
Chúa xuân là chức đương-sai ban đầu.
Mưa xuân ai chẳng đợi mầu,
Nơi dàn ruộng thấp nơi cầu ruộng cao.
Gió xuân đâu chẳng lọt vào,
Những nơi hàn-cốc cớ sao sau cùng.
Vườn xuân mở rộng mênh-mông,
Lòng xuân xem tựa như lòng riêng ai.
Có đâu kẻ ép người nài,
Hoa lan sờ sạc cành gai dầm-gì.
Chim quyên chim ấy buồn chi?
Chim oanh thỏ-thẻ sao thì những vui?
Non xuân mủm mỉm như cười,
Cười người mán rợ hay người dở-dang?
Nghe rằng xuân ở Đông-phương,
Xưa kia thần gọi Câu-mang xuống đời.
Kể từ tí-hội sơ-khai,
Trước trên thế-kỷ mấy mươi xuân nghìn?
Đài xuân ai biết đâu tìm,
Giống người như thể muông chim khác gì.
Sau từ đế-quốc trở đi,
Rằng vương rằng bá xuân thì cũng chung.
Thái-Tây xuân tự mùa đông,
Á-Đông xuân vẫn ở trong tháng đầu.

Xuân theo quả đất xoay vần,
Ngũ châu xuân tính đâu phần hơn đâu ?
Trải bao nhiêu cuộc bể dâu,
Xin nghe xuân trước xuân sau lần lần.
Chữ rằng « ngọc luật hồi xuân »,
Tại trời hay tại chuyển vần tay ai ?
Buồn xuân sao những đêm dài,
Vui xuân đêm ngắn tại người hay sao ?

II

Hỏi trăng

Nhân khi trăng tỏ đêm rằm,
Hỏi trăng tôi gửi lời thăm mấy lời.
Đá xưa ai đội vá trời,
Lúc giờ trăng ở vào nơi phận nào ?
Bè xưa ai tựa vì sao,
Lúc giờ trăng có qua vào hay không ?
Xưa kia cây quế ai trồng,
Ai đem ngọc-thỏ vào cung-phủ nhà ?
Bởi đâu mà gọi trăng già,
Thấy mây thì sợ thấy hoa thì mừng ?
Thấy người sao dửng-dừng-dưng,
Ai hay ai giở chẳng từng nói chi ?
Có trăng bảo thở bao thì,
Ngó lui ngó tới tương chi mấy người ?
Cớ sao cũng học thói đời,
Dáng buồn lâm-tẩu mà vui thị-thành ?
Đức gì đo với tướng-khanh,
Rằng em rằng chị ra tình nữ-nhi ?
Cùng sông cùng núi lòng ghi,
Sông khô núi lở trăng thì trơ trơ ?
Nào nơi chén rượu cuộc cờ,
Ai chào mời đó mà thơ-thẩn vào ?
Hay là những bậc thanh-cao,
Một mình mình biết quản bao bụi trần ?
Mấy câu ký-chú ân-cần,
Xin nhờ chú Cuội trước sân giãi-bầy.

Cử-nhân NGUYỄN KỲ-NAM.

Dịch Đường-thi

1

隔 商 夜 烟
江 女 泊 籠 泊
猶 不 秦 寒 秦
唱 知 淮 水 淮
後 亡 近 月
庭 國 酒 籠
花 恨 家 沙

Đỗ bến Tần-Hoài

Trăng soi đáy nước trắng ngần,
Thuyền ai đêm ghé sông Tần xa xa.
Cách đò dạy tiếng sinh-ca,
Gái tơ chưa biết lệ hòa nước non.

2

君 數 楊 楊
向 聲 花 子 淮
瀟 風 愁 江 上
湘 笛 殺 頭 別
我 離 渡 楊 友
向 亭 江 柳
秦 晚 人 春

Đưa bạn trên sông Hoài

Lơi thơi bờ liễu sông Tần,
Qua đò chưa sót mấy lần hoa dương.
Còi ai mấy tiếng đưa ngang,
Con sông hai ngả con đường chia hai.

NGUYỄN KIỂM (Cao-bằng)

TỪ-KHÚC

I

Cảnh mùa thu

(Điệu Nga-mi-dương)

Tựa bên lầu,
Ngắm cảnh thâu,

Bóng ác chen bãi cát cồn dâu,
Cánh hồng nương gió biết về đâu ?
Lầu ngang đỉnh núi,
Cuốn bức rèm châu,
Vẻ tranh sơn-thủy mùi chưa lợt,
Xui khách yên-hà giạ vẫn đau,
Ngắm cảnh thâu,
Tựa bên lầu !

II

Ngày xuân nhớ bạn
(Điệu Như-mộng-lệnh)

Thỏ thẻ tiếng oanh ngoài cửa,
Thầm nhớ bạn lành những bữa,
Ngao ngán lúc xa xuôi,
Tháng đợi ngày trông như rứa,
Chan chứa,
Chan chứa,
Có mấy người thân hơn nữa !

III

Trời thu cảm-hoài
(Điệu Tiêu-dào-tiên)

Mưa chan chứa,
Nước mênh mông,
Lá rụng cây rơi,
Núi tối mây phong,
Dặm trời mờ mịt,
Bát ngát xa trông,
Vắng vẻ tin hồng,
Thổn thức tấm lòng,
Chẳng biết là ai có biết không ?
Hết ngày nay lại ngày mai,
Thiên-nhai lắm lúc cũng buồn cười,
Ghê cho con tạo, ngán cho đời,
Ghét ghen chi mãi thế,
Cất cớ cứ trêu ngươi,
Hay muốn thử lòng người.
Trải cho khắp đến nơi,
Khi mưa, khi nắng, khi héo, khi tươi,
Cho vẹn cả mười mươi,
Mới ra công tô bồi !

ĐẠM-PHƯƠNG nữ-sử (Huế)
làm mùa thu năm 1919 ở Hà-tĩnh

1

Làm mấy câu chơi

Sung-sướng như ta dễ nhất đời,
Ăn chơi như phá truyện như trời.
Đầy vườn lan huệ đua chen nở,
Chật vách cầm thơ gẩy họa chơi.
Khi ngựa sườn non nghe khướu hót,
Lúc thuyền mặt nước dạy con bơi.
Ơn trời lộc nước còn chan chứa,
Sung sướng như ta dễ nhất đời.

2

Hỏi thăm bạn thân

Cái nhớ hình-dung nó thế nào,
Khiến người luống những ngẩn ngơ sao !
Biết nhau cho lắm thêm giầy nhỉ,
Để khách bên trời những ước ao !

3

Chừa đánh cờ bạc

Làm chưa giầu có đã hay chơi,
Chơi quá rồi ra lại oán trời.
Trời biết trời cười trời lại khóc,
Khóc thần Cờ-bạc hắn trêu ngươi !

Tống-sơn VŨ ĐÌNH-KHÔI

VĂN XUÔI

Đêm thu đọc sách

Tiết đã sang thu, khí trời hiu-hắt, gió vàng một thổi, lá úa liền rơi ; chẳng biết những kẻ vui thú việc riêng thời đối với cảnh này cảm-giác ra sao ? Chớ chắc rằng những khách giang-hồ, những người lữ-thứ, những bạn cô-phòng, những người bạc-mệnh, thời cái cảnh này đều cũng thấy buồn-bực như ai ! Bởi vì cảnh thu ảm-đạm, sương thu lạnh-lùng, những cái xúc vào mắt, động vào mình người ta đều

thấy tiêu-sơ ngây-ngất cả. Mà nhất là đêm mới lại ngán thay! Cửa nhà đóng khít, người tụ ở trong, tiếng rế tiếng run dì-dì déo-dắt, giọt mưa giọt móc thánh-thót dào-dào, thuần là những cái xui dục cho người ta thêm tẻ ngắt. Thế mà khách giang-hồ, người lữ-thứ, góc biển chân trời, tha-hương dị-vực, mẹ cha cách-trở, bầu-bạn xa-xôi, cùng là những bạn cô-phòng, những người bạc-mệnh, chăn đơn gối lẻ, chiếc bóng canh tàn, lứa đôi chờ đợi, nhạn yến ngóng trông, đều đeo một cái tâm-sự không thể bộc-bạch được cùng ai, chỉ có một mình mình biết với mình mà thôi, thời đối với cái đêm nay thật ngổn-ngang trăm nỗi, vơ vẩn muôn đường! Mà như ai đây, thời cũng cùng chung với người cái mối sầu trong lúc đêm thu này vậy. Chẳng hay người sầu thời người lấy chi làm giải, chớ ai sầu thời ai lấy sách làm vui.

Này, một mình với chồng sách, lựa chọn mà lần xem, trăm ba câu của thánh-nhân, một vài bài của danh-sĩ, như có thầy tốt bảo-ban, như gặp bạn hiền chỉ dẫn: này nhân, này nghĩa, này sự, này tình, này phong-hội mở-mang, này thời-thế biến-chuyển, này người hay đáng bắt-chước, này kẻ giở đáng chê cười. Thâu đêm cầm đọc, như đem mình vào cõi cực-lạc, như thân-lịch trong chốn non-bồng, như cùng người kim-cổ cùng chung nguy-hiểm, cùng hưởng công-lênh, như đối bạn đồng-tâm cùng trù mưu-kế, cùng tính việc đời. Thân xác mình thời với sách, mà tinh-thần mình thời lúc nhường theo các nhà hùng-biện đứng trên chốn diễn-đàn, lúc nhường theo các bậc anh-hùng xông trong trường chiến-đấu, lúc nhường theo các ông nhiệt-thành thám-hiểm đến chỗ xứ la đất kỳ, lúc nhường theo các vị xuất-thế giai-nhân tới nơi hào-hoa phong-nhã. Sung-sướng thay! thu cứ là thu, sầu cứ là sầu, người với sách là người với sách, mặc gió, mặc mưa, mặc run, mặc rế, mặc tiếng lá rụng, mặc nỗi lạnh-lùng!

Khi xem đã mỏi, buông sách ra, nằm nghĩ-ngợi, thời thấy cái sầu kia lại là cái thú của mình, tưởng không nên oán-hận hóa-công chi. Ai ơi, từ xưa đến nay, đông, tây, nam, bắc, không cứ ông anh-hùng, hào-kiệt, bậc chí-sĩ, nhân-nhân, nhà văn-chương, tay thám-hiểm, khách hồng-phấn, bạn thoa-quần, người càng hơn đời, chí càng xuất-chúng, tài càng cao, sắc càng đẹp bao nhiêu thời cái sầu càng to lớn bấy nhiêu. Kìa xem như ông Mã-chi-ni hồi đi trốn-tránh, ông Hoa-thịnh-đốn lúc chửa thành-công, ông Mạnh-tử lúc đi du-thuyết, ông Gia-tô lúc ra cứu đời, ông Đỗ Thiếu-Lăng lúc ở trên non, ông Kha-luân-bố lúc đi giữa biển, nàng Ngu-cơ lúc xuống Cai-hạ, bà Trưng-vương lúc đến Hát-giang, ai ai cũng sầu đầy trong bụng. Ừ, ví không hơn đời, không chí lớn, không sắc đẹp, không tài cao, thời can chi đến phải như thế. Ôi! người thường ra dễ vui, mà người khác thường ra lắm bực! Trong cái đêm này người vui cũng nhiều, người sầu chẳng ít. Chắc cũng lắm người cho cái sầu là thú mà đọc sách để nuôi sầu...

Sự đọc sách quí biết nhường bao!

CHÂU-NGUYÊN.

Gà Nam-Việt và gà Nhật-bản

Một ngày kia, tôi đưa thằng con tôi ra ga Hàm-rồng đi Hà-nội học. Ngày hôm ấy tiết trời u-ám, lác-đác mưa sa; lại nhân cái đồng-hồ quả lắc ở nhà đã dùng hơn mười năm nay, lao-động đã nhiều, ngày hôm ấy nghỉ, không chạy, chẳng biết là mấy giờ. Hai cha con đưa nhau ra ga quá sớm, phải đợi hơn một giờ đồng-hồ xe lửa mới đến ga. Khi đợi xe, dạo chơi cảnh

núi Hàm-rồng là nơi mình ở làm việc bỏa-xa thủa trước. Khi trở về ga đứng xem những thứ hoa xuân đua nở chung quanh vườn đó, thì gặp một lũ người hành-khách cũng đợi xe như mình vậy. Trong lũ hành-khách đó, xem ra đủ các hạng người : nào là kẻ đi học, người đi buôn, nhà làm ruộng, kẻ làm công, lại thêm có mấy thầy đồ đi kiếm nơi dạy học.

Sốt-nhiên thấy hai con gà Nhật-bản[1] cùng hai con hùng-kê của ông chủ ga kiếm ăn trong vườn hoa ấy. Ông đồ kia hỏi :

— Thịt gà Nhật-bản có ngon không nhỉ ?

Ông nọ đáp :

— Gà Nhật-bản thịt lại chả ngon !

Ông kia lại hỏi :

— Nó có gáy không nhỉ ?

Ông nọ đáp :

— Gà Nhật-bản lại chả gáy !

Ông kia lại hỏi :

— Lông nó có dùng được không nhỉ ?

Ông nọ đáp :

— Lông gà Nhật-bản lại chả dùng được !

Nghe hai ông nói truyện cùng nhau như thế, bọn hành-khách kia ngót bốn mươi người, ai nấy cũng đua theo hai thầy đồ mà tán-tưởng đôi gà Nhật-bản. Nào là thịt ngon, nước suýt béo, da vàng, lông mượt, gáy to, hình nhã ; lại có ông tán đến thế này : « Đôi gà Nhật-bản kia mĩ-miều như con gái mười tám. Đẹp thật ! qui thật ! » — Chẳng có người nào đoái đến đôi hùng-kê của Nam-Việt ta.

Nghe lời vấn-đáp của hai thầy đồ nọ cùng lời tán-dương của bọn hành-khách kia, xem ra người nào cũng có ý yếm cựu tòng tân, xu viêm phụ nhiệt ; tôi lấy làm buồn và khổ-tâm cho cái vận-hội của nước Nam nhà. Xét cái ý-kiến của bọn người nhà mình như vậy, tôi phải ra đứng giữa mà giải-quyết cái lý-tưởng của bọn hành-khách kia đủ bốn hạng người ; tôi bèn nói :

— Thưa các ngài, tôi đây là một nhà thư-sinh, ý-kiến hẹp hòi, chẳng dám khoe là biết, là tinh đời. Xin các ngài đoái đến hai con hùng-kê của Nam-Việt ta, thời cũng tự biết cái giá-trị của nó có kém gì hai con gà Nhật-bản ! Chỉ vì nước mình, dân mình yếu, khiến cho lòng các ông thay đổi, không tự biết giống của nhà mình là qui. Kìa xem như gà sống ta có nhiều cái tính-cách rất hay, mà các ông nhẫng bỏ. Nó có cái tri-giác lạ-nhường, gáy năm canh báo giờ cho ta biết rất là chừng-mực, không cần phải có đồng-hồ, khi đêm thức dậy nghe gà gáy cũng đủ biết là mấy giờ mấy phút ; nhất là ích-lợi cho những nhà nông-gia. Tiếng nghe xa, dáng rất hùng, lông ngũ sắc, ánh mặt trời phản-chiếu rực-rỡ là bao ! Chẳng những là khi sống báo thức cho ta, cung-cấp ta cái thịt rất ngon. Khi hết kiếp để lại cho ta một cái bộ lông rất nhã, dùng làm cái chổi, quét sạch bụi trần ; tiện thay ! qui thay ! Ấy giống gà của nước ta qui là vậy và ngon là vậy, mà chẳng ông nào thèm nói đến. Các ông bảo rằng : « Gà Nhật-bản biết gáy và thịt rất ngon. » Nào có gáy gì đâu, chỉ « kéc kéc » nghe rất buồn, thịt có ngon đâu, chỉ béo lờn là hết. Thế mà khiến cho các ông ai nấy cũng đều tán-tưởng là trang-trọng, là thơm ngon, là qui-báu, lại có ông thêm cho nó một cái dáng mĩ-miều chẳng kém gì một bậc mĩ-nhân ! Nực cười thay ! Sao nỡ ? Là vì nước Nhật-bản ngày nay đứng đầu trong cõi Á-Đông, thứ năm của ngũ đại-cường trong vạn-quốc. Sao nước Nhật có cái vinh-dự đặc-biệt lạ-lùng như thế ? Là vì họ biết cách theo !

(1) Nguyên nó ở Phi-châu, người Nhật lấy giống về nuôi, nên ta gọi gà Nhật ; người Pháp gọi là « la pintade ».

chọn người đi học, cho đi các nước văn-minh, học đủ cách khôn cách khéo, nào là chánh-trị, nào là kinh-tế, nào là mĩ-thuật, nào là kiến-chúc, vân, vân,... đem về truyền-bá cho nhau. Xem lịch-sử của nước Nhật trước còn hèn yếu, cương-giới nhỏ hơn nước ta ; thế mà mới có ngót ba mươi năm nay đã hùng-cường là vậy ! Chẳng những là người trong nước đi đến đâu ai nấy cũng đều ngợi-khen, khiến cho cả đến những loài vật vô-tri như đôi gà kia, các ông đua nhau mà tán-tưởng, cả đến những đồ dùng là vật vô-hồn : như khay sơn, như đĩa chén, như đèn xếp, như đồ sắt tây, đồ gỗ, đồ giấy, đồ giẻ, ai nấy đều đua nhau mà mua cực đắt. Nhà có bộ chén Nhật, khi khách tới, đem ra pha trà, cho là trang-trọng. Các ông thử vào trường Bác-cổ ở Hà-nội mà xem mấy cái lư đỉnh, choé nậm của nước Nam ta, cổ-kính là bao, đẹp hơn những lư đỉnh Nhật ngày nay là mấy !

« Nay nước Nam ta, trước có đức Kim-thượng là đứng Minh-quân, sau có Nhà-nước Bảo-hộ là ông thày giỏi, cố dìu-dặt mà đưa giắt ta lên đường tấn-bộ, mong sao những bậc thiếu-niên của nước Nam nhà học được những cách văn-minh của Thái-Tây mà thầy Pháp ta đã sẵn lòng truyền-bá cho ta, khiến cho tương-lai người nước Nam ta đi đến nước nào, dân nước ấy cũng đều kính-phục, thầm-thì mà bảo nhau rằng : « Ấy người Nam-Việt đấy ! » Mà lại khiến cho cả những đồ vật của ta dùng cũng nhờ đó mà có cái giá-trị cao, ai nấy cũng đều đua nhau mà khen ngợi rằng : « Gà Nam-Việt đấy, chóe nậm Nam-Việt đấy, đĩa bát Nam-Việt đấy ! . . . . . »

Tôi nói mà bất-giác thành một bài diễn-thuyết nhỏ, nhưng xem chừng không mấy người có ý nghe ! Than thay !

PHẠM KỸ
Giáo-học ở Thanh-hóa

Văn-chỉ làng tôi

Văn-chỉ xã tôi lập ở đầu làng, chỉ có năm bệ thờ, không xây thành đình thành miếu, không có mái nhà che tối, không có tường ốc bao quanh ; mặc dầu cỡ gió tuần mưa, suốt năm nắng dãi bốn mùa trăng soi ; trông rất đơn-sơ mà chỉnh-đốn, không có tí gì khuất-khúc, phải che giấu mắt người ; đường-chính như đạo đức Thánh truyền lại vậy. Nền văn-chỉ cỏ mọc xanh rì, lác-đác vài cụm cỏ hiên, răm bẩy chùm hoa cúc áo ; chỗ này cây thị cây muỗm, chỗ kia cây nhãn cây đa, lá rủ rườm rà, quanh năm xanh tốt, thật là những tàn những tán thiên-nhiên ; trước mặt hồ sen xanh biếc, sau lưng đồng rộng mênh mông, biệt ra một cảnh rất xinh rất đẹp.

Lúc tôi còn đề chỏm, thường hay ra văn-chỉ cùng những trẻ đồng-niên đánh đình đánh đáo suốt ngày dưới bóng cây ; trừ những lúc nắng lửa mưa rào, hễ nhà muốn tìm chỉ ra đấy là thấy. Nên chi xuân thu đinh-tế thường được thấy các cụ khoa-mục, thày nhất thày nhì đến tế trước các bệ thờ. Cái vẻ trang-nghiêm nghi-vệ ấy, cái lòng thành-kính ấy, bấy giờ đã hình như theo cùng điệu bát-âm mà in vào óc non-nớt, vào lòng thơ-ngây ta vậy. Nhất những khi tế ban đêm lại càng dễ cảm lắm. Trên thì trời xanh ngắn ngắt, chin-chít những sao, dưới thì đèn nến sáng choang, khói hương nghi-ngút ; trông những ngọn lửa ấy gió thổi rung rinh, lóng la lóng lánh, chẳng khác các vì sao trên kia, thành ra khó lòng mà phân-biệt được cái giới-hạn trên trời dưới đất, làm cho kẻ qua đường phải ngạc-nhiên mà tự hỏi có phải đó là một mảnh trời rơi xuống cõi trần chăng ?

Lại những lúc ngày lành tháng tốt, các cậu học trò mới nhập-môn đầu cạo nhẵn căng, mặc quần áo mới, lẽo đẽo theo thày ra lễ Thánh, mặt mũi tỉnh tao, đi đứng khép nép, những lăm le ông Nghè ông Cống mai sau ; có gặp bạn

quần-thảo hôm trước cũng không dám dừng chân cởi-nhả, đi rảo bước, nghiêm nét mặt, rõ ra ráng một « cậu đồ con »; « tiên học lễ » đã bắt đầu từ lúc ấy.

Ở Văn-chỉ tôi lại còn được vài lần trông thấy một cảnh-tượng vui-vẻ rực-rỡ hơn nữa, là những lễ vinh-qui các bậc tân-khoa. Sênh-sang mũ áo vua ban, bệ-vệ võng rủ làng đón, trăm người dắng vào, nghìn mắt trông một; các cụ già lấy mình làm gương, răn con cháu gắng công đăng-hỏa; những vợ non vin mình làm mẫu, khuyên cậu đồ kinh-sử dùi-mài; dẫu chưa được mảy-may ích làng lợi nước, nhưng sự đón rước đó cũng là một cách biệt-đãi kẻ có tài; cái quang-cảnh ấy, cái vinh-hạnh ấy, ở đời thật có một không hai.

Những cái cảm-tình của tôi lúc còn nhỏ đối với văn-chỉ đã in sâu vào trí nhớ, không khi nào quên được. Bây giờ những khi tôi về quê, lúc đến gần làng, trông xa thấy ngọn cây đa văn-chỉ nhô lên trên những đám tre xanh, trong lòng mừng rỡ vô cùng, giá đi bộ thì muốn chạy lấp tới nơi, đi xe thì dù cu-li kéo nhanh thế nào cũng vẫn còn thấy chậm. Kịp đến khi đi qua văn-chỉ thì bao nhiêu những kỷ-niệm lúc thiếu-thời hình như một bối lửa rấm trong lòng tự-nhiên bừng lên, không sao lả cho rõ được....

Một hôm lúc đã ngàn nắng, mới hơi hây-hẩy gió chiều; lá cây rung động, trông ra đồng ngọn cỏ lướt xuống dô lên, lớp lớp như sóng trào; mặt trời gần sát chân trời, trông tựa đĩa son đỏ trói; các đám mây hè, trăm hình trăm vẻ, chỗ hợp chỗ tan; chim chóc đã sao-sác về tổ, người làm ruộng đã lác-đác về nhà; tôi giắt một đứa em đi giạo quanh làng, đến văn-chỉ, dừng lại dưới gốc cây đa, ngắm đi ngắm lại, nhìn xem phong-cảnh nay đã khác xưa. Cùng một sân cỏ ấy, xưa sao như gấm dệt, giờ coi tựa trông gai; cùng những rêu xanh phủ tường ấy, xưa sao như đổi mới, giờ sao tựa những vết nhọ nhem; cho hay cảnh cũng tùy lòng, người buồn cảnh cũng không vui thật! Mà bấy giờ cái lòng hoài-cổ lai-láng khôn cầm; nghĩ vơ nghĩ vẩn, như dại như ngây.

Nhớ từ lúc nước ta chịu phong-hóa Tầu, đạo Khổng Mạnh đã lan khắp châu quận. Kể từ đời Triệu-Đà đến giờ trải hơn hai mươi thế-kỷ, gây dựng cho ta nên gia-tộc, hương-đảng, quốc-gia, triều-chính, công-đức cũng đã to vậy. Bởi nhớ ơn lớn nghĩa dầy, làng nào cũng có văn-chỉ phụng-thờ, các nhà nho họp nhau thành hội tư-văn, năm năm kính-tế, bụng sùng-tín ấy nghĩ cũng hay vậy.

Đến bây giờ nhà nước Đại-Pháp sang bảo hộ, đem Âu-hóa truyền-bá cho ta, mở cho ta một hội văn-minh tấn-hóa khác, giắt tay ta cho chóng kịp nước người, thấy lối học ta, chuyên về văn-chương luân-lý mà khoa-học tịnh không; nên cải-lượng học-chính, bỏ khoa-cử, dựng nền tân-học, thật là ân-cần cho ta lắm lắm.

Nhưng nếu đã có thầy mới, ta bỏ lại bội-bạc đến nỗi quên những đấng Thánh-hiền đã dựng thành cái quốc-hồn ta chăng? Từ nay nho-học một ngày một ít, các viên khoa-mục hiếm dần mãi đi; trong vài ba mươi năm nữa, chắc chỉ còn bọn tân-học ta thôi, đó là một lẽ tất-nhiên. Vậy bọn ta cũng nên sốt-sắng mà duy-trì lấy cái lòng thành-kính ấy, để cho cái vẻ trang-nghiêm nơi văn-chỉ khỏi phải theo nho-học mà giảm dần đi, ấy là lòng tôi mong đợi lắm.

Bài quốc-ca dân Ti-ba-đạt (Sparte) có câu rằng :

« Xưa tiền-nhân thế nào,
« Ngày nay ta noi theo.
« Bây giờ ta thế nào,
« Hậu-thế sẽ noi theo. »

Lời giản-dị mà ý thâm-trầm, đủ cảm người động người vậy.

VŨ NGỌC-LIỄN.
Giáo-học Nam-định.

Cái đau-đớn trên đời

Đau-đớn trên đời chia ra làm hai thứ : một là thuộc về thân-thể, hai là thuộc về linh-hồn. Nếu tự thân-thể của mình mà làm cho mình đau-đớn thì không đủ kể. Nếu vì sức kẻ khác mà làm cho mình đau-đớn thì không bao giờ đau-đớn được cùng, vì Tạo-hóa không muốn cho loài người dùng được hết cách độc-ác mà hại loài người, vì như tra khảo lối dã-man, hình-phạt cách tàn-bạo thì Tạo-hóa đã bầy ra cái quen, cái mê, cũng có khi là cái chết mà làm cho người ta mất đau. Vậy thì cái đau-đớn của thân-thể không phải là đau-đớn thật của loài người.

Đây xin tả một thứ đau-đớn gọi là đau-đớn của linh-hồn. Cái bệnh ấy hình như nó chỉ muốn quấn-quít không rời ở óc những bậc đa tư-tưởng. Người ta ở trên đời sống một nết, chết một lật, không ai giống tính ai, tính không giống nhau thì cái đau-đớn cũng khác, thành ra trên đời biết bao nhiêu là giống đau-đớn khác nhau, từ bậc cao đến bậc hạ, tự người khó đến người giầu, đã là góp mặt với đời, tắm bụi trần trên đất, ắt phải qua cái cầu ấy kẻ ít người nhiều.

Cái trình-độ sự đau-đớn tùy theo trình-độ tư-tưởng của loài người. Người ta càng thông-minh, thâm-hiểu bao nhiêu thì sự đau-đớn lại càng sâu, càng mạnh, càng ngấm-ngầm bấy nhiêu. Cho nên : *giai-nhân tài-tử vẫn giống đa sầu*. Cái sầu ấy, cái đau-đớn ấy có khi là chính ở việc mình mà ra thì một mình mình hay, một mình mình biết, mà có tỏ ra nữa thì thường chỉ cùng vầng trăng nhờ ngọn bút mà thôi. Cũng có khi là trải qua một cuộc bể-dâu mà đau-đớn lòng vì những điều trông thấy.

Trong vòng ngắn-ngủi năm, sáu, bầy, tám, chín, mười mười năm của đời người, tưởng chẳng ai muốn mua sầu chác não làm gì, nhưng khi mối sầu đã đưa đến thì trong cảnh ấy lại có thú hữu-tình. Lúc ta có việc gì muốn khóc hay là đương khóc, thử dùng một thứ con mắt gọi là mắt biết ngắm cảnh mà trông ra ngọn cỏ cành cây, vừng trăng, mặt nước, hình như những vật ấy cũng đương khóc với ta. Mà giọt sương buổi sáng lóng-lánh trên bông hoa mới nở thì lúc ấy hình như giọt lệ trong dưng-dưng trên cái hồng-nhan ủ-dột.

Những người bi-sầu tư-lự thường hay ưa cảnh buồn cảnh vắng, thấy ngọn gió rung cây, bóng trăng soi nước cho là thú ; nghe tiếng quyên điêm nguyệt, tiếng dế gọi sầu, cho là hay, mà càng hay, càng thú bao nhiêu thì cái cảm-tình lại càng lai-láng, cho nên thường chỉ ở trong cảnh sầu, cảnh thảm, cảnh đau-đớn mới nẩy ra được những câu văn tuyệt-diệu, ý-tưởng lạ-lùng, vì cái tấm tình u-uất, cái tinh-thần dớm nước mắt kia đã mượn ngọn bút mà họa ra cả.

Phàm những sự đau-đớn trên đời, chỉ về chữ tình là nhiều nhất và lại là sâu nhất. Ngẫm như truyện Thúy-Kiều còn cảnh nào đau-đớn hơn là cảnh chia tình rứt ruột. Thứ nhất là lúc đem mối tình gửi lại cho em, từ bố mẹ mà đi với khách, rồi đến cảnh đưa hồng ngậm cho chuột vọc, thì cay đắng xiết bao. Giả một người con gái khác mà phải đẩy vào kiếp ấy thì lâu dần tưởng cũng phôi-pha, nhưng Kiều là một bậc thông-minh, hiểu việc đời, thì cảnh đoạn-trường ấy với cô ta càng thêm nẩy nét. Thường vẫn cho cô Kiều vì chữ hiếu mà thiệt mình thì trong lòng tự nghĩ là thỏa, mà cái cay-đắng

mất đi, nhưng tưởng khi rứt tình ra thì sự đau-đớn đã đưa ngay đến, nó mạnh quá cho nên phải mượn cái lực của luân-lý mà làm cho bớt đi. Cái ý-tưởng ấy đến sau mà làm cho bớt một đôi hồi đó thôi, chớ cái đau-đớn nó đã đến trước rồi, nó lại đeo đẳng bên mình mãi mãi.

Ngẫm như truyện Thị-Kính giá bây giờ ta thử ngồi chỗ vắng mà tưởng-tượng ra hình như bà Thị-Kính mới ở một cái chùa nào gần đây, rồi tưởng-tượng ra hình như ta được trông thấy cái cảnh bà ta bị chồng bỏ ra ở chùa ; lúc bị tra khảo, cảnh mẹ vò nuôi con dện, một mình lạnh lẽo chốn tam-quan, đêm khuya thanh vắng, tiếng con khóc, tiếng chuông rền, làm cho cảnh càng thêm sầu-não. Ta lại tưởng đến cả cái cảnh lúc trao thư lại cho đứa hài-nhi ba tuổi mà thở tiếng sau cùng ở chốn tiêu-điều vắng-vẻ, chung quanh chỉ cỏ cùng cây, thì chắc hẳn những bậc nào đã hiểu cái đau-đớn của loài người tất dỏ thầm mấy giọt-lệ mà khóc cho cái mối vợ chồng ở trên đời là một mối đã vui thú thì thật là vui thú, mà đã đắng cay thì quá nỗi đắng cay.

Kìa như truyện đôi lứa thiếu-niên mới xảy ra độ vài tháng nay : hai bên đã ý hợp tâm đầu, nước thề, non nguyện, những một hai là kết tóc se tơ. Trải biết bao nhiêu là bước nguy-hiểm gian-lao : nào khi dầm sương, giải gió, lúc đi trăng về trầm. Những mong rằng nay mai lan cúc xum vầy, cho bõ công đeo đẳng. Nào ngờ đâu đất bằng nổi sóng, làm cho duyên dằm-thắm lại ra duyên hững-hờ, phần vì phong-tục bó buộc, phần vì thế-sự eó le. Đau-đớn thay một mối tơ mành, trăm đường dằng dặt thì tài nào mà không đứt tan ra ! Nên đến nỗi liễu tủi, hoa sầu, uyên gầy, én vỡ. Đã sắp toan sống thác với tình, song lại vì trung kia hiếu nọ, chưa chút báo đền, nên phải ngậm đắng nuốt cay, lưu chút thân sống thừa lại để mong gặp người tri-kỷ trong giấc chiêm bao...

Tình cảnh ấy ai là không đau-đớn !

Cái đau-đớn về cảnh chết của loài người, chắc ai cũng đã hiểu. Nếu cái chết nó xảy ra trong một nhà thuận cảnh tưởng cũng là thường, vì có sinh ắt phải có tử. Nhưng nếu cái chết nó làm cho thay đổi cửa nhà đi một cách khác thường thì đáng cho là cảnh đoạn-trường vào bậc nhất. Cái đau-đớn của con thương bố mẹ, bố mẹ thương con, anh em vợ chồng thương nhau, trong cảnh thay đổi bất-kỳ ấy và cái đau-đớn của người ngoài trông thấy thế-tình ấy tưởng viết cũng không hết, nói cũng không cùng, mà vẽ cũng không ra.

Đây xin kể qua những cái cảnh đau-đớn nó thường vẫn xảy ra luôn, còn cái đau-đớn cao-thượng của loài người, kẻ thì đau-đớn về nhân-tình thế-thái, kẻ thì đau-đớn về nòi-giống nước nhà, kẻ thì đau-đớn về nhân-quần xã-hội ; ngọn bút yếu ớt này không thể tả được vào đây, xin để những bậc cao-sĩ phẩm-bình.

Tóm tắt lại, xin ngừng bút mà thưa rằng : nếu người ta ai hiểu được cái đau-đớn của đời, thì lòng yêu nhân-loại phải xuất-hiện, lòng yêu nhân-loại đã xuất-hiện thì biết thương nhau, biết quí nhau, biết sống làm người một cách êm-ái.

HOÀNG NGỌC-PHÁCH
Học-Sinh trường Bảo-Hộ (Hà-nội)

Đêm thất-tịch

(Xúc cảnh cảm hoài)

Lửa lựu vừa tàn, lệ Ngâu lại tưới, tiếng thu mới gọi, gió vàng đã đưa. Cây cây lá lá đương xanh, từ đây úa rụng ; quốc quốc ve ve trước hát, bây giờ lặng im. Đàn sáo đã về đông, đàn nhạn cũng ra bắc, mà con chim yến lánh sang tây.

Trời thu khéo não nùng thay,
Cảnh ngao ngán cảnh người ngày ngất người!

Những giọt nước mắt chung tình thẩm-đát của vợ chồng ai ly-biệt kia từ trên không chút xuống, suốt ngày hôm nay mà vẫn còn giàn-dụa láng-lênh, mãi đến bây giờ canh đã sang ba, hãy còn giọi tí-tách quanh thềm, hòa lẫn với những tiếng cóc, tiếng nhái, tiếng ỉnh-ương cùng tiếng chó ngoài đồng trong xóm mà đưa vào tai người tráng-sĩ để khêu gợi cái tấm lòng lữ-thứ bi-thu!

Mỗi năm một chuyến sang đò,
Mình sầu mình lại khiến cho ai sầu!

Ngọn đèn khuya le-lói, con án tuyết thẫn-thờ, sách không muốn dọc, thơ chẳng buồn ngâm, bút hoa toan viết lại ngại-ngùng, thư nhạn hồng đưa mà e-lệ, chống tay lên trán, nghiêng mình trước yên, nghĩ xa lại nghĩ gần, tính sau rồi tính trước, riêng mình mình những thở-than.

Nỗi ai sầu mấy muôn vàn,
Nỗi ta ta cũng bàn-hoàn như ai!

Ôi! chen-chúc trong đám bụi hồng, xô-đẩy ở trường danh-lợi, chí-nguyện to mà tài-lực nhỏ, hư-danh có mà thực-sự không. Kẻ yêu người ghét chan-chan, lối giọc đường ngang ngan-ngát. Dấn thân có bước, biết bao giờ mó tới được cái mục-đích của mình mong mỏi xưa nay?

Thời giờ thấm-thoắt tên bay,
Hè kia đi khỏi thu này lại sang.

Tấm thân con người ta chưa hẳn được dài bền. Cái già thiều-não, sồng-sộc theo sau, chẳng mấy chốc mà đã đầu phơ tóc trắng, mà dúm da mồi, mắt lòa chân chậm, lưng còng tay run, tiêu-điều như cảnh thu này vậy.

Thế mà nay, gia-tình còn vướng-vít, hương-sự cứ phân-vân; đạo thần-hôn thời bỏ lỗi, tình cốt-nhục thời để qua, ơn thầy chưa báo trả, nợ nước chửa đền xong; đeo một cái tình trong bụng, chẳng thỏa được cùng ai....

Muốn lên mà hỏi ông trời,
Khéo xoay, xoay mãi, xoay người đến đâu?

Nhớ đến ngày nào cùng một người bạn họ Lê cùng nhau xum họp, lầu cao gác kín, luận đạo đàm văn, khi than-thở nỗi đời, khi tỏ bày tâm-sự, lúc phẩm-đề phong-nguyệt, lúc xướng-họa giang-sơn, thấm-thoắn mới hôm nào đã thành ra một giấc chiêm-bao đỉnh Giáp non Thần!

Tìm đâu cho thấy cố-nhân,
Đem lời trung-khúc khuây dần nhớ thương

Đương vẩn-vơ vơ-vẩn, cảm cảnh nhớ người, nhìn vào tường trắng, thấy hình như bóng ai thấp-thoáng, da ngăm ngăm đen, lưng gù gù cúi, cổ đeo giây vàng treo ảnh thánh, mình mặc áo vải ngả mầu nâu, như ma hiện, như tiên sa, như trò chớp bóng, như bức truyền-thần, mà tựa cất tiếng oanh khuyên nhủ khách: « Thôi, than chi mà buồn nữa mà chi, cổ nhân đã nói: « Bao nhiêu sự não-nùng đau-đớn đều là thày dạy ta nên người ». Bọn ta đem thân đứng ở trần-gian, chẳng khác gì người lính ra mặt trận, các sự gian-hiểm lúc nào cũng ở trước mắt, không chùng không sợ mà chống chỏi đi thời được thành-công. Hỡi hỡi, người thiếu-niên tráng-sĩ tư-kỷ của ta kia ơi, thờ-phụng ông vua Hi-vọng cho kính-thành, tòng-phụng ông tướng Nghĩa-vụ cho tận-tụy, rồi ra cùng nhau thu cũng như xuân! Xin đừng nóng-nẩy, hãy nuôi lấy lòng....»

Tai nghe mắt vẫn được trông,
Tẻ ra tưởng tượng chớ không có gì.
Mấy lời son-sắt chi chi,
Gác sầu bụng hãy tạc ghi lấy mà...
Tạnh mưa đã rộn tiếng gà!...

HỘI-NHÂN

Câu chuyện nên ghi

Sưa hường rậm lục, tiết xuân chừng đã qua, cảnh mùa hè sắp sửa đến. Mây trắng trăng đầy mặt núi, gió nam thổi tạt dặm hòe; dầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông. Tiếng quyên riu-rít, tiếng sáo mỉa-mai; xem muôn vật như đã có phần tự-đắc, sao lòng người còn bận-biu nỗi gần xa. Cuộc đời dầu trong đục đục trong củng là ; thế mà muốn giòng Kinh Vị phân chia cho đúng lạch ; để thế khôn phân ngọc thạch, nhưng nói ra rút giây e sợ động rừng. Mảng còn nghỉ ngợi bâng-khuâng, bỗng nghe có tiếng năn-nỉ bên tai. Ta nghiêng mình lại mà xem tỏ, thì là một người thiếu-nử học-sinh, củng bạn thân-thiết đó mà. Vội vàng chào hỏi :

— Em có điều chi bất-bằng nên than-thở thế ? Chị đây tuy tài sơ học thiển, không dám so-sánh với ai, củng ám-hiểu nhiều ít lẻ đời, có thể phân-ưu cùng em, không được một đôi chút hay sao ?

Người bạn tôi nét mặt không tươi, ý ngậm-ngùi, nói rằng :

— Thưa chị, em tưởng chúng ta khi trước còn đương thơ dại chưa biết học-hành, nên trí khôn chưa mở, kiến-văn còn hẹp. Vậy nên lầm lỗi không biết những điều phải trái, nhưng đạo cương-thường. Còn như nay, người đã chịu công ơn Nhà-nước giáo-dục, có học-thức, có tư-tưởng, chắc làm sao một ngày kia, củng gây-dựng nên một nền khuôn-phép trói rạng, để cho kẻ dưới người sau trông vào. Thế mà nay em dòm thấy người đời học-thức mỗi ngày một tiến-tới thiệt, nhưng đức-hạnh mỗi ngày một lui-sút, tánh phù-bạc thì ở phần nhiều, mà tình trọng-hậu lại về số ít.. Cách tự-do bằng-hái đến dường nào, vòng luân-lý lại vắng teo đi dường nấy. Lễ nghĩa xem dường bó buộc không được thỏa thích, nên ít ai nhìn đến đó mà làm chi cho rối rít cái lòng sốt-sắng của người đời đối với cơ-hội hiện bây giờ. Vậy thì hai lẻ đều mênh-mông quá, không biết kết-quả nó ra thế nào, thiệt là khó giải-quyết cái vấn-đề ngày nay vậy.

Tôi cười mà đáp rằng :

— Không những mấy điều mà em đả kê-cứu ra đó là đủ đâu, còn lắm nỗi khiên-khê hơn nữa, song le củng có một lẻ nhứt-định. Ta muốn giải-quyết cái vấn-đề nầy tất phải bình-tỉnh mà ngôn-luận, chớ không nên lấy câu tân cựu mà phân-biệt, vả sự học-vấn có thể đúc nên một nền chính-đại quang-minh không? Điều ấy chắc không sao dám giải-quyết ngay được. Bởi vì sự học-vấn là một cái máy nhiệm-mầu vận-động cho nhơn-trí ; người ta nhờ đó mà phát-đạt tư-tưởng cao-xa ; nhờ đó mà thông-hiểu sự vật ; cương-thường, luân-lý từ đó mà ra. Nếu theo đường phải mà tiến-tới, thế nào củng thành-tựu một con người xứng-đáng. Còn quay về ngả trái thì cái tai-hại ấy lại càng kịch-liệt hơn những người trước khi chưa biết học biết tỉnh một cách lạ-thường, không thể nói được. Vậy cho nên nhứt-cử nhứt-động, đều có quan-hệ với tánh-tình hết thảy. Người ta không biết lấy điều đức-hạnh lễ-nghĩa mà duy-trì, cứ nhiệm-ý phóng-túng, thế là một điều không may cho cái kết-quả về sau lắm lắm ; còn có sự nghiệp gì mà mong cho vững bền. Chi có một lẻ không có hai đâu. Chi như lấy sự học mới và học củ mà trách lẫn nhau thời ai đả dám chắc rằng ai là hoàn-toàn hết thảy chưa ? Chắc là chưa Xưa có bà Khương, bà Nhâm, há không ả Bao, ả Đắt hay sao ? Nay có người xằng người xấu, há lại không có kẻ bạt-tụy siêu-quần hay sao ? Dầu đời nào nước nào củng thế, có hay tất có dở, có hèn mới có sang. Điều hay để cho người bắt chước, điều dở để cho người ngăn ngừa. Vậy cho nên làm người cốt phải học mới có tiến-hóa, nay học mà không hóa, thì sự học ấy

vô-ích là tại mình, chớ như trách vì học mới học củ sao cho hợp nghĩa.

Người bạn tôi nghe bấy nhiêu lời bèn vui lòng tươi cười lại như xưa.

NGUYỄN-KHOA DIỆU-NHƠN
Nữ-giáo-viên (Huế)

I

Lễ Thanh-minh

Năm nay, lễ Thanh-minh, tức là Tảo-mộ, vào ngày mồng sáu tháng ba. Kim-thượng ta ngự-giá trước một ngày, nghĩa là ngày mồng năm; còn hôm sau thời thường-dân, lại nhằm ngày chủ-nhật, cho nên lễ lại vui lắm.

Hai ngày đó khí trời mát-mẻ, gió thổi hiu-hiu, nắng hơi hoe-hoe, cây cối rườm-rà, ngọn cỏ xanh tươi mơn-mởn. Nhà-quê kẻ-chợ, tin-nam thiện-nữ, nô-nức dập-diu, sắm-sanh lễ-vật ra mồ thăm viếng. Hương-khói nghi-ngút, vàng đốt đỏ rực. Vui thay cảnh này! Cảnh này lễ ấy, hả tấm lòng kẻ thăm viếng.

Vui vẻ Ông Bà, mừng con cháu tới. Lễ này tình ấy, thương nhớ biết bao, sui kẻ còn sống hằng năm lại tới.

Lễ này kẻ bảo ông bà tuy vắng hình vắng mặt, mà hồn vẫn vãng-lai phù-hộ con cháu; kẻ quyết rằng đã qua đời là mọi sự cùng qua. Lạ thay! tin hay chẳng tin mà vẫn theo một lối cúng-vái viếng-thăm. Cúng-vái viếng-thăm là nhớ ơn ông cha mà cúng-vái viếng-thăm, bởi giây thiêng-liêng ràng-buộc người trước kẻ sau, người khuất kẻ còn, lý-tưởng ấy rất hay, phải nên gìn-giữ.

Quê tôi ngoài Bắc, nay tôi ở nơi Đế-đô, thấy cảnh mà hưng-hoài, lòng tôi ngao-ngán, tôi buồn tôi cũng theo anh em ra đồng thăm viếng mộ người, mà chưa biết có ông cha tôi ở đó cũng nên. Không chăng nữa, tất cũng có đấng anh-hùng bậc nghĩa-sĩ, người quốc-sắc, kẻ tài-ba. Vậy tôi cũng là tình.

Tôi tới lòng tôi bâng-khuâng, mặt tôi ủ-dột, nhưng mà chẳng khóc. Chẳng khóc chẳng phải chẳng nhớ, chẳng kính, chẳng trọng, chẳng khóc chẳng phải là quên, ra người tình khác, nhưng không thể khóc được, có nhiều nỗi phải cầm giọt lệ trong lòng.

Trời đã chiều, ác đã nửa vành ngậm non đoài xanh biếc, thêm mấy đám mây đỏ vàng rực-rỡ xung quanh, cây cỏ gió đưa đề-huề, người đi lại đã thưa, khói-hương đã tàn; một mình còn thơ-thẩn dưới cây tùng giữa đồng cỏ mông-mênh bát-ngát, tiếng tem im lặng như tờ, thỉnh thoảng còn động tiếng vạc đi ăn đêm. Bấy giờ ngắm đến những nấm đất kia mà ngao-ngán đời người trên cõi tục, rồi lòng lại hỏi lòng: — Không biết tổ-tiên ta có về không, ông bà ta có về không, ước gì được gặp dám xin hỏi han cái việc dưới âm có như trên trần này không. — Bỗng đâu văng-vẳng có tiếng đằng xa gió đưa lại, lắng tai nghe kỹ thì rõ rằng: « Các « con ơi! các con tới đây viếng ta thì « ta cũng biết các con có lòng vọng-« tưởng ông cha, song các con tới đây « cũng chưa đủ thỏa lòng ta đâu, ta « chỉ mong các con hiểu cái bổn-phận « của các con. Nước non này, phong-« cảnh đó, một ngày một vẻ-vang rực-« rỡ, ấy nhờ ai? Nhờ các đấng Minh-« quân trải bao khó nhọc, gội tuyết « nằm sương, từ Đinh, Lê, Lý, Trần, « Lê cho đến bây giờ các con thừa-« hưởng. Nay lại nhờ thêm Đại-Pháp « bảo-hộ, lấy văn-minh Âu-châu mà « dung-hóa cho; vậy các con há chẳng « một lòng mà tô-điểm cùng người cho « mai lá cờ vàng cùng phe-phẩy đó « đây, khỏi hổ tiếng con tiên cháu rồng. « Được thế ta đây mới thỏa chút lòng « thờ nước. Thôi mấy lời khuyên các « con, ta kíp về nơi Cực-lạc. » Ngơ ngác thay! Thấy tiếng chẳng thấy

người. Mấy lời giáo-huấn thiết-tha đó làm cho tôi tự-vấn hoài-hoài. Tự-vấn mà xấu hổ vì tôi vô-tài.

Thôi trời còn cho tôi trông thấy ánh sáng ngày nào, tôi cũng theo bổn-phận nhỏ mọn của tôi mà ghé vai chút đỉnh cùng người vì ta gánh nặng, dẫu rằng hạt muối bỏ biển có thấm vào đâu, song nước mặn cũng vì nhiều hạt hòa lẫn, vậy tôi tuy ngại cũng phải gắng, cho chữ Hiếu, chữ Trung may có vẹn chăng, để kẻ hậu-sinh lại nhớ đến ta như ta nhớ người trước.

Tôi mong rằng năm nay tôi tới đây thấy non sông này, cảnh-tượng ấy, sang năm cũng non sông này, cảnh-tượng ấy lại thêm ánh sáng văn-minh thay đổi nên mới nên đẹp nghìn năm mãi mãi, cho kẻ viếng-thăm lòng càng mến cảnh, dạ càng hớn hở ca tụng công-đức của ông cha.

*
* *

2

Tu-thân

Nghe chừng chuông chùa Diệu-Đế thỉnh hồi lâu ; ừ, bốn giờ đã gần sáng ; mau tỉnh giấc hoàng-lương, dậy khêu ngọn đèn mờ, mở quyển sách tu-thân bằng quốc-ngữ, may nhờ đang lúc thiên-hạ còn say, tranh cạnh trên đường lợi-danh bọt-nước chửa ồn ào, tiếng gà cảnh-tỉnh chưa eo-óc, ngựa xe phú-quí phù-vân chưa rộn ràng ; may nhờ đang lúc tinh-thần còn tỉnh, dạ còn chay, có chuốt lột được chút hương thơm của ông cha hết lòng gìn giữ cho ta mà ta nỡ bỏ bấy lâu nay, mong cho đức ta xưa mỏng nay dầy.

Từ khi lọt lòng đã mang tiếng khóc. Thế-sự dêu-dao cho đến bây giờ cầm được quản bút sắt để kiếm ăn soàng, kể đã 25 năm trời. Cái khoảng đó chia làm ba độ : độ thứ nhất từ một cho đến sáu tuổi, chỉ no cười đói khóc, xuân rằng xuân thế, chưa biết xuân là gì, theo phép thiên-dưỡng mà hô-hấp chung-không ; từ sáu đến mười lăm tuổi ơn cha nghĩa mẹ cho ăn đi học, nhưng học thời học nào đã biết chi, *giả* ấy *giả* vậy, *a* tròn *b* méo, khỏi cửa trường, đã đáo đã quay, giọi vọt chẳng chừa, tính nào tật ấy, mang tiếng mang tai con nhà vô-giáo ; đến năm 16 học-hành đã chăm, nghĩa-lý hơi hiểu, đùng một cái ! gia-đình hữu-sự, buôn thua bán lỗ, kẻ gạt người lừa, họ hàng khinh trước, làng nước khinh sau, đủ điều xấu xa, phải rời nơi quen thuộc, kiếm ăn quê người. Từ đó ngày học ngày không, sau đành phải từ giã thầy, từ giã bạn để đi sinh-nhai cho đến bây giờ. Thế là đức-dục trí-dục dở-dang ! Than ôi ! lúc được học thời chơi, khi biết thời cảnh-ngộ ngăn cấm ! Khuyên ai sớm liệu kẻo hoài, cái hối-hận nó vẫn thời theo sau !

Nghĩ mình hán-học thời không, tây-học dở, nào nông nào công nào thương cũng ù-ù cạc-cạc, thế mà đứng trong trường ganh đua bằng trí, bằng tài, bằng tiền rất kịch-liệt này, thiệt lấy làm lo làm sợ, không biết sau ra thế nào ! Nếu trong nước trăm người mà chín mươi chín người lại như ta thời tình-thế Việt-Nam ra sao ?

Thôi bề nào cũng không đua ganh nổi, đành cam phận với thường nghề, trí-túc là hơn. Song chẳng lẽ đã không ích quốc lợi dân thời cũng phải lo sửa tấm thân hèn cho khỏi lan thói xấu này khắp mọi nơi, cho khỏi tiếng tăm khi trăm tuổi.

Vậy mở sách Tu-thân, thấy dậy bốn điều :

1° — Kén chất tốt mà bỏ chất xấu.
2° — Dùng thêm khí-lực.
3° — Đúc óc.
4° — Tụ linh-hồn.

Học trọn theo trọn được bốn điều ấy, và suy rộng bốn điều ấy, há chẳng vui lòng tự-trọng ru ? Mà suy rộng

bốn điều ấy chi bằng coi các sách-vở cùng báo-chương. Lấy làm ao-ước đêm ngày.

PHÓ ĐỨC-THÀNH (Huế)

Bợm say

Mới đây, tôi thấy cảnh-tượng một người say, thiệt rỏ chua lòng chát dạ.

Chiều hôm qua, tôi ở trường về, gần đến đầu làng, thấy xa xa một người đương đi tới thì phải. Đầu nghẻo bên vai, khăng thòng trước ngực ; hai con mắt lườm lườm đỏ đỏ, ngó nỏ có thần ; áo sao quần vậy, lấm đất xuống bùn, ống thấp ống cao, nút gài nút thả.

Vẫn đi, đều hai tay xuội xuội, vẫn bước, đều chưn nọ bỏ qua chưn kia, lúc bổ chúi xuống, lúc va vào cây, rồi lủng lẳng lại dậy đi, tự cười tự khóc.

Miệng lẩm-bẩm, không nên chuyện nỏ thành câu, đều vẫn nói luôn, vả cũng không biết với ai mà nói.

Tôi đến gần nghe nặt cả hơi men, như cháu Lưu-Linh, như con Tất-Trác, nhìn lâu mới biết mặt ; phải nào ai lạ, vẫn là tên thợ mộc ở trong làng, bởi mắc trí khôn, lại đè người mà trến.

Tội nghiệp : cũng vì ham vui theo rượu, không biết giẳng mình !

Bài của sinh-viên Quốc-tử-giám (Huế)

Tư-tưởng một nhà gõ đầu trẻ

Thầy ngồi trên ghế, chống tay vào bàn, nhìn năm chục cậu thiếu-niên, lúc cúi làm việc, tay cầm bút, mắt nhìn vở, một mực im như tờ, thầy thấy có cảm-tình, tự nghĩ trong giạ :

« Các con đến đây, ngồi trên ghế nhà trường, cùng với ta một năm trời, theo lời ta răn, nghe bài ta dậy. Ta với các con cũng như cùng một giatộc, ta cố giắt các con vào đường chính-đạo, ta cố dậy các con biết những sự thiết-yếu ở đời cạnh-tranh này, mà người ta muốn mưu sự sinhtồn không thể không biết được.

« Ta muốn cho các con hay, ngày sau nên người thông-thái, có ích cho nhà, cho nước. Các con ngày sau mở mày mở mặt với trên thế-giới, người nào tinh nghề người nấy, lắm kẻ anh-tài, nhiều tay hào-kiệt, ấy là nước ta khá. Ấy cái tiền-đồ thịnh-vượng nước ta bởi đó. Ta dậy các con một năm, sang năm các con lên lớp, học thầy khác, ta lại trông nom đám trẻ mới, luyện tập từng đám một, cho quốc-dân ai cũng có học-thức, ai cũng luyện được tinh-thần để ra đời gánh vác công kia việc nọ cho xứng-đáng. Các con làm giải-phiền cho ta, làm vui vẻ cho nhà, làm hi-vọng cho nước.

« Trong những óc non nớt kia, ước gì ta in vào đấy được những tư-tưởng thâm-viễn, nhưng kiến-thức cao-minh. Những bài ta cho đây, mong rằng những hạng đầu xanh này, am-hiểu được cho sâu, để thực-hành những điều hay lẽ phải, và tránh khỏi những thói hủ nết xấu.

« Chẳng những mong khi hạng tuổitrẻ ra đối với đời, chớ nên làm những sự hèn mạt mất phẩm-giá người, mà lại còn phải tô-điểm giang-sơn, mỗi người mỗi cách, miễn là có dự một phần trong việc giúp đỡ nước nhà. Vì đương thời-buổi này, nước nhà ta cái gì cũng còn khiếm-khuyết cả. Tự quan chí dân, từ thầy đến trò, phi kiệt-lực mà học hành để sau giúp giập nước nhà, thì không thể nào mong chiếm được địa-vị trên võ-đài thếgiới và trong trường sinh-hoạt của loài người. Mong sao ít những bậc dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm ; ít những hạng cờ gian bạc lận, giết người lấy của ; ít những đứa hèn mạt đệ tiện, lừa nhà giối chúa ! Mà sao gây dựng được những bậc văn-nhân tài-tử, mở mang dân-trí, bồi-dưỡng quốc-

hồn, lắm nhà phú-thương, buôn tàu bán bè, xuất-cảng nhập-cảng, nhiều tay thợ giỏi, công-nghệ sảo-thủ, máy móc tinh-tường, nhiều nhà nông-gia, gội nhuần ân đất, khẩn thổ khai điền !

« Mong sao trong các con đây đến khi ra đời ai ai cũng có đủ tư-cách làm người nết-na đứng-đắn, không nên tự-đắc, nhưng phải tự-cao, phải giữ giá-trị mình, có giáo-dục, có luân-thường đạo-lý, biết thương sót người đau, biết an-ủy kẻ khốn. Vậy gì mà chẳng đổi được phong-tục, gì mà chẳng có cách êm-ái để cư-xử trong xã-hội !

« Ấy ta mong cho các con như thế, ngày đêm chỉ những mơ màng được thấy các con vẻ-vang, sung-sướng, về sau xuất-hiện được cái chi-ý của ta rèn tập các con bây giờ.

« Nay chỉ xin chịu khó nghe bài ta bảo, đừng coi thường lời ta răn, mà nếu các con có lòng thảo, thì xin chút đỉnh cái lòng thân-ái đối với ta. »

NGUYỄN THẾ-ĐẠT
Giáo-học

VĂN TRUNG-KỲ

DIỄN-THUYẾT Ở QUỐC-TỬ-GIÁM

(*Bài diễn-thuyết của quan* ĐOÀN ĐÌNH-DUYỆT *Công-bộ Thượng-thư*)

Hoàng-triều Khải-định năm thứ ba ngày 22 tháng giêng

Nay mừng thiên-nhựt trùng-quang, văn-minh thời-đại, tôi ở Bộ hầu việc Ngự-giá du-xuân mới rồi, đến chiều ngày 20 tháng giêng này, mới được giấy Quí-Học-bộ tư định ngày hôm nay phần tôi diễn-thuyết. Tôi xem đi xem lại trong tờ tư ấy, lòng riêng vinh-hạnh chẳng biết chừng nào, vì rằng kể trong tờ tư các quan phải ra diễn-thuyết củng nhiều, ngài thời danh-vọng càng cao, ngài thời phẩm-trật đã lớn, ngài thời văn-chương chánh-sự, ngài thời trung-ngoại lịch-dương, đều bực nhứt thời kỳ-kiệt, thế mà tên tôi lại được đứng đầu ! Nhờ ơn quan Học-bộ-đại-thần đã chỉ mặt đặt tên như thế, tuy chưa dám nói ăn trước ngồi trên chi, mà vào phường ăn nói với người ta, chẳng đến nỗi ăn theo chạy dọi. Năm cũ bước qua năm mới, ấy cũng một sự tốt-lành. Nhân nay tết nhứt mới rồi xin đem những sự ngày tết vài điều, diễn ra sau này, mấy thày nghe thử.

Khoản thứ nhứt : Nói về việc các nha thâu lễ tết. — Thường thường các quan phủ huyện, đến cuối tháng chạp, thời phải đi tết thượng-quan, vào tòa vào tỉnh. chờ chực đến năm ba ngày, hoặc có chỗ phủ huyện đàng xa, đến tết phải ở lại trong tỉnh đôi ba ngày, chực lạy nguyên-đán, về nhà thời tết đã hết rồi. Gần xa dân-xã, nghĩ rằng quan đã đi vắng, có dâng lễ-vật, quan không biết tên thấy mặt, rồi cũng như không. Làm vậy xã-dân tết nhứt sơ sài, chỗ nào cũng thế. Tôi đã thấy một đôi ngài đến ngày tết, truyền cho dân xã ai có thành-tâm dâng lễ, dầu quan đi vắng, đã có các cậu gia-nhơn, người nào tên họ ở đâu, biên vào mảnh giấy, rồi hãy trình lại quan hay, đã khỏi chờ đợi khó lòng, mà sau quan về, thời tên họ

lễ-vật có giấy rõ ràng, quan lại sẵn lòng soi xét ; ấy là cũng lợi ích cho quan, má giản tiện cho dân lắm đó chút. Nhưng tôi tưởng rằng, sự lễ mễ thường sanh việc lôi thôi, lúc vắng mặt lại càng nên giò xét, vì rằng những xã dân có lòng yêu mến quan trên, nhơn ngày tiết lễ, đưa đồ ba-quả đến cho, phải thâu lấy cho bằng lòng dân cũng được, còn có kẻ hiện đương can cứu, sự nọ sự kia, quan giữ gìn, theo lẽ công bình, thỉnh thác khó được. Những kẻ ấy hay nhơn khi quan đi vắng, lấy đều tài lợi kiếm thế hãnh cầu, có lẽ nhơn khi tết nhứt làm vậy mà đưa vật nọ vật kia, chẳng những gia-nhơn các quan sanh lòng tham lam mà thôi, mà ngày sau quan có biết ra dầu đem lễ vật phát-hoàn đi nữa thời cũng khó lòng ; chi cho bằng, khi quan đi khỏi đừng cho người nhà thâu lễ vật gì : quan tiền thúng gạo, chai rượu mâm trầu, lợi ích không đặng bao nhiêu, ơn vua lộc nước, nhờ hãy lâu dài ; xin nghĩ làm sao cho phải

Khoản thứ hai : Nói về việc ngày tết phải làm ơn cho nha thuộc. — Tôi thấy thường thường các nha, đến khi tết nhứt, hay kiếm đơn bằng hoặc sự nọ sự kia xin quan phê phó, lại lừa khi quan chơi bời, khi quan bận việc chi đó, mới đem tờ giấy ra xin ; quan thời nghĩ rằng cả năm đến tối, nha lại việc quan cực khổ, cũng cho một đôi khoản gì đó mà nhờ, lại tưởng rằng nha-thuộc cũng như người trong nhà chẳng dám gian dối, thời quan phê phó cho ngay, các thày ấy được chữ quan phê, lập tức đưa ra, lấy tiền tiêu tết, chẳng đè « bút sa gà chết », sau ra nhiều sự khó lòng, đến khi dả-sự có đem mấy người nha-thuộc ấy ra mà hỏi, thì quan mang tiếng đã rồi. Vậy nên đến khi tết-nhứt, có thương nha-thuộc quanh năm làm việc công-lao, thì chỉ xin cho người ta thăng thưởng là hơn, dầu muốn phê phó cho đơn bằng chi, cũng phải xét đi xét lại, sự lý chẳng can ngại gì mới được. « *Thượng quan nhứt điểm châu, hạ dân nhứt điểm huyết* », xin cẩn-thận thì hơn.

Khoản thứ ba : Nói về việc ngày tết phải cấp dưỡng xem xét tù-phạm. — Vả chăng giam-xá các nhà, không được mấy nơi tử-tế, lịnh Bộ vẫn có truyền, phải thường thường quét dọn cho sạch sẽ, cho khỏi tù-phạm tật dịch, mà hiệp vệ-sanh. Vậy đến ngày tết nhứt, tù-phạm đứa thời nghèo khổ, đứa thời thân thuộc ở xa, quan phải cấp dưỡng cho chúng nó ăn uống một đôi lần, cũng là một điều nhơn-chánh; lại nhơn khi ấy, cũng xin quan quá bước đến chỗ giam-xá một đôi lần mà xem, trước nữa thời thăm tù-phạm và xét đồ chúng nó ăn chỗ chúng nó ở có sạch sẽ không, sau nữa xem người nào tạp-giam, tình tội chẳng hệ-trọng chi, cũng nên cho về ăn tết, tết rồi sẽ đòi mà cứu xét, cũng chẳng can chi. Lại còn các thày lại-lệ, hay nhơn dịp tết, đem người nào đi ký-giam, mấy cận con cháu nhà giầu, nỏn về ăn tết, lễ vật nhiều ít chi đó, cũng xin phụng nạp cho thày, quan trên không khi nào biết, về những tệ ấy cũng xin xem xét cho luôn.

Khoản thứ tư : Nói về việc phòng đạo kiếp và cấm cờ bạc. — Thường đến ngày tết cuối tháng chạp, phải sức các xã thôn, tuần phòng trộm cướp, còn đến tết rồi thời phải sức cấm cờ bạc, phủ huyện các nha đều làm như thế, nhưng phải có ý thì hơn. Tôi tưởng rằng trát sức các xã thôn, lơ-láo tuần-phòng, thời trộm cướp cũng không bớt được, mà làm cho kỹ-lưỡng thì làng nào cũng làm điếm mà canh, đêm nào cũng điểm mục đi tuần, thiệt là giữ của nhà giầu mà dân cũng lại càng khổ lắm. Tết nhứt đến nơi, chẳng cho rảnh-rang, mà kiếm chác gạo tiền ăn chơi ba bữa, còn phải đi canh tuần,

đêm nào sáng đêm ấy, khổ biết chừng nào ! Nhưng vậy đạo kiếp tuần phòng là sự quan yếu, lẽ nào mà lại bỏ, vậy tôi tưởng các quan làm phủ huyện, thuộc về hạt mình các tổng, chỗ nào có tên nào du đãng, ngày thường đã biết rõ-ràng, đến khi ấy, cứ đòi đích danh những đứa ấy đến nha, đứa nào ở chỗ nào, thì trách cứ cho nó xem xét chỗ ấy, chẳng những người trong hạt có tình dan-phi, thì chúng nó đã rõ, dầu những đảng hạt khác, có đến hạt mình củ-tụ, muốn làm đạo kiếp sự gì, thì chúng nó cũng xét được ngay, xét được dám nào, cho phép chúng nó lập tức báo với tổng lý, tùy cơ thảm nã, voi thuộc voi, ngựa thuộc ngựa, lẽ nào còn đạo kiếp dâu. Tưởng như vậy, sự tuần phòng đã đỡ khổ cho dân, mà quân trộm cướp cũng không đến hại. Còn sự cờ bạc, đến khai-hạ mới có những sòng to lớn ; những sòng ấy, lại kiếm những nhà cao cửa kín, nha phái có lọt vào đó, tang tích cũng mất đi rồi, trừ ra những đám bắt có tang trạng chẳng nói chi, còn những đám không tang trạng, thì phải giò-xét người nào oa-gia, người nào đồng cuộc, lại xét trong các người ấy, xem tên nào tầm thường hèn hạ hơn, đòi trước tên ấy một mình đến nha mà hỏi, có lẽ nó chịu khai thú ra liền, vì rằng nó nghĩ nội trong đám đồ-bác nó hèn hơn cả, dầu có tội lỗi đã có những người giầu sang khác chịu, tội chi mà dấu phải chịu giam chấp khó lòng. Đến khi ấy, sẽ đòi mấy tên kia, lẽ nào chối được ? Dầu không tang tích mà có chúng chứng khai-tiêu xát-tạc, qui kết cũng xong. Tôi lại xét thường thường mấy đám đánh to, hẳng có dựa một đôi thế thần chi đó, vì rằng các thày nha thuộc, nhơn lúc đầu năm, dân-xã chưa ai thưa kiện, đương lúc giêng hai thong thả, lại hay kiếm cớ, đi rảo ngoài dân, tìm những sòng đồ-bác lớn, không vào hốt cái thì cũng đánh con, không ngồi thị-thành thì cũng tìm phương bắt-buộc. Đến khi quan trên rõ được, đòi mấy người đồng-cuộc đến nha tra xét, thì có nha thuộc dự vào trong ấy, việc đà hôi ồ, mở miệng mắc quai, tha bắt khó lòng, vì quan không hay liệu trước. Vậy tôi tưởng lúc giêng hai không có việc gì, nên bắt nha thuộc khảo cứu sách sổ đinh điền, biên sao lệ-luật, đừng cho các thày ấy nhiều ngày ở nề, thì mới ít sự lôi-thôi. Thứ nhứt mấy thày đội lệ đến khai-hạ rồi thì hay xin trát mà đi tuần nã trộm cướp, sanh sự khuấy dân, thì nên phái riêng một việc đốc sức cầu đảng chi đó, cho y mắc chưn một nơi, cũng là tiện lắm.

Các khoản trên ấy vẫn là sự thiệt, nói chuyện mà nghe ; tôi tưởng rằng các ông Sinh-viên Hậu-bổ cùng Quốc-tử-giám hiện bây giờ đều không thong thả. Sanh-viên Hậu-bổ thời lo sửa soạn bài vở mà hạch Sortie, các thày khuê-mục Quốc-tử thì lo sửa soạn hạch vào Hậu-bổ, còn phần tôn-ấm thời lo trại-tráp mà tới trường thi, các ông không rảnh ngày giờ, diễn-thuyết thêm nhiều điều khoản, sợ phiền cho kẻ ngồi nghe. Vừa khi tết nhứt mới rồi, nên tôi lựa vài điều ngày tết, gọi là diễn-thuyết mai xưa, và cũng nhơn dịp đầu năm, cung chúc Thánh-thượng vạn-thọ vô cương, quí Bảo-hộ và các quan Đại-thần, vị-lộc cao-thăng, lại xin chúc các ông Sanh-viên Hậu-bổ Quốc-tử-giám năm nay hoạn-lộ hanh-thông, khuê-danh phát-đạt, núi Ngự-bình hương mai thơm phức, sông Hương-giang ngọn nước trong veo, văn-minh trước mắt, xuân tiết đứng đầu, xin các thày phải vì nước mà tự-trọng, phải vì dân mà tự-trọng.

ĐOÀN ĐÌNH-DUYỆT.
Công-bộ Thượng-thơ (Huế)

VĂN NAM-KỲ

Thốtnốt, le 14 Juillet 1919
Nam-Phong Chủ-bút Phạm đại-nhân quang-cố,

Bấy lâu cái tiếng nói ở Nam cùng Bắc không đặng giao-thông với nhau, đàng này nói, đàng kia khó hiểu, đàng kia nói, đàng nọ lại không thông, nên tôi có ý mong trông cho mỗi kỳ báo đều cái văn Nam-kỳ như mấy số trước vậy (số 21 và 22) là sự có ích lắm, vì Nam đặng hiểu văn Bắc, mà Bắc cũng hiểu tiếng Nam. Nay nhờ có tập *Nam-phong* nầy tôi càng trông cho các bậc văn-nhân trong Nam-kỳ tôi đây, nên gia-công mà gởi các bài lai-cảo ra cho có thường.

Tôi vừa nhập thế-cục chừng hai chục ngoài năm nay, tánh rất ghét những người đứng cạnh trông người làm mà khen chê hay dỡ, còn mình thì không làm xong sự gì, cứ chực trông người làm mà bài-bác thôi, lúc nầy xem sách của ông Ẩm-băng-tử, có bài văn « *Kha bàng quan* », tôi lấy làm hiệp-ý lắm, nên dịch đây một đoạn gởi đến quí-quán, xin làm ơn đăng báo cho, v. v....

T. T.-Ph.

* * *

Bác những kẻ bàng-quan

Trong thiên-hạ những cái người đáng chê, đáng ghét, đáng bỉ, không gì hơn tụi bàng-quan.(1). Kẻ bàng-quan như đứa đứng bên bờ đông coi tai lửa bên bờ tây, mà trông nó chói-lòe lấy làm vui, như đứa đứng bên chiết thuyền kia nó bị chiềm-đắm, mà thấy nó lêu-bêu lội-lặng lấy làm ngộ. Người như thế gọi nó là âm-hiểm vậy chẳng đặng, mà gọi nó là độc-ác vậy cũng không đặng, giống người đấy không biết lấy gì mà đặt tên cho nó, thôi đặt tên cho nó là loài vô-huyết-tánh.

Thang ôi ! Cái huyết-tánh là cái đồ loài người nhờ nó mà sống, thế-giới nhờ nó mà lập vậy. Nếu không huyết-tánh thì thật không có nhân-loại thế-giới gì cả vậy, cho nên kẻ bàng-quan là giống mâu-tặc của nhân-loại, giống cừu-địch của thế-giới vậy. Người ta sinh trong khoan trời đất, đều có cái trách-nhặm, biết cái trách-nhặm là việc đầu cũa đứng làm trai, còn làm cái trách-nhặm là việc cùi cùng cũa đứng làm trai. Nếu tự mình buôn bỏ cái trách-nhặm của mình, thì thặc là mình buôn bỏ cái đồ đặng mà làm người vậy. Bởi thế nên làm người vậy, hễ đối với một nhà thời có cái trách-nhặm với một nhà, đối với một nước thời có cái trách-nhặm với một nước, đối với thế-giới thời có cái trách-nhặm với thế-giới. Những cái người trong một nhà ai ai đều buôn bỏ cái trách-nhặm của mình cả đi thì nhà ấy phải hư, còn cái người trong một nước ai ai cũng tự buôn bỏ cái trách-nhặm của mình thì nước ấy phải mất, đến cả thế-giới ai ai cũng buôn bỏ trách-nhặm cũa mình thì thế-giới phải tan. Đây rằng kẻ bàng-quan là những người buôn bỏ trách-nhặm vậy. Nhà từ-chương ở Trung-quốc có hai câu kĩnh-ngữ rằng : « 濟人利物非吾事, 自有周公孔聖人 » ; lại người tắm-thường ở Trung-quốc vải có tục-ngữ rằng : « 各人自掃門前雪, 不管他人瓦上霜 ». Xem vải câu ấy, là cái kinh-điển cái khẩu-hạo của lũ bàng-quan vậy, mà cái giống kinh-

(1) Bàng-quan là đứng bên cạnh trông người làm mà khen chê hay dỡ.

điễn khẩu-hạo ấy nó đã thăm sâu vào trong óc người cả nước. Chả nó không sức, rữa nó không sạch, tóm mà nói chắt đi, tức hai chữ « bàng-quan » nó làm đại-biểu cho cái tánh-chất người toàn-quốc ta vậy,

Thặc là ba chữ « vô-huyết-tánh » nó làm cái vật riêng có của người nước ta vậy. Thang ôi ! ta vì thế mà sợ.

Cái bàng-quan là cái ý-nghĩa đứng vào hàng khách-vị, việc trong thiên-hạ chẳng hay có khách mà không chủ, ví như một nhà kia, việc lớn là giáo-huấn con em, thu giữ của cải, còn việc nhỏ nữa thì như việc mở cửa quét nhà, đều là cái việc của chủ-nhân vậy, chủ-nhân là ai, tức cái người trong một nhà ấy vậy. Những người trong nhà ấy ai cũng gắn hết cái chức-phận chủ-nhân, thì nhà ấy đặng hưng-vượng.

Còn như những người trong một nhà ấy ai cũng tự đứng vào hàng khách-vị cả, cha thì bỏ quĩ việc cho con, con thì đỗ thừa cho cha, anh thì bỏ quĩ việc cho em, em lại đỗ thừa cho anh, chồng quĩ việc cho vợ, vợ lại đỗ cho chồng, thế ấy gọi là nhà vô-chủ. Cái nhà vô-chủ nó hư mau, đứng chờ không mỏi vậy.

Duy đến nước cũng vậy. Cái người chủ trong một nước ấy là ai, tức cả cái người trong nước ấy vậy. Các nước bên Thái-Tây người ta đặng cường-thạnh, chẳng có cái gì lạ, nhân cả cái người trong nước ấy ai ai cũng gắn hết cái chức làm chủ-nhân mà thôi. Nước Trung-quốc thì không vậy, vào trong nước hỏi ai là chủ-nhân, thì chẳng ai chiệu cả. Mang hỏi bá-tánh là chủ-nhân chăng thì bá-tánh đỗ rằng ấy là phận-sự của hàng quan-lại vậy, ta nào có dự đến. Còn mang hỏi các quan-lại có phải là chủ-nhân chăng, thì có quan-lại nói rằng : ta luốn ở ngôi này vậy, là vì quai-thế cùng cái lợi-nguyên của ta mà thôi, chớ đến như chi khát nữa thì ta không biết. Như thế thì một nước tuy lớn, rồi rốt lại không ai là chủ cả, cái nước không chủ, thì lũ nô-bộc nhân đấy mà dỗn, lũ đạo-tặt nhân đấy mà cướp đi là phải lắm. Trong kinh *Thi* có câu rằng : « Chàng có cửa nhà, chàng quét chàng lau, chàng có trống chuông, không đánh không gõ, một mai chết rồi, về người khác bảo. » Cái đó là lẽ tự-nhiên có vậy, ai lại trách gì. Nghỉ mà coi, mình đối với cái nhà người khát, đối với cái nước người khát, mà mình bàng-quan, còn chỗ nói được vậy, là vì cớ gì, là bởi phận mình là khách vậy. Còn đến như mình đối với nhà mình, đối với nước mình, mà mình bàng-quan, thì không nói được vậy, là vì cớ gì, là bởi phận mình là chủ vậy. Mình đã là chủ mà mình còn bàng-quan, thì lại trông ai thay cái trách cho mình, đại-đễ nhà nước thạnh hay say, hưng hay phế, thường lấy cái số người bàng-quan nhà ấy nước ấy, nhiều hay ít, có hay không, làm sai-lệ. Trong nước không một người bàng-quan, thì nước ấy dù nhỏ thứ nào mà cũng chắc hưng được. Còn như trong nước nào mà người nước bàng-quan cả nước dù lớn thứ mấy cũng mất.

TRẦN THANH-PHONG *dịch*.

(Thốt-nốt — Nam-kỳ)

DỰ-LUẬN CHUNG

Mục « Dư-luận chung » để đăng những bài nghị-luận phổ-thông của các bạn đọc báo lai-cảo. Những ý-kiến trong các bài ấy, bản-báo không giữ trách-nhiệm ; bài nào đã có tác-giả đứng tên. — N. P.

I

Bàn về việc kỹ-nghệ và buôn-bán

Góp người lại thành một nhà, góp nhà lại thành một họ, góp họ lại thành một nước, thế thì trong một nước cũng như là một gia-tộc, hễ gia-tộc nào mọi người đều có nghề nghiệp thì gia-tộc ấy thịnh-vượng, nước nào mọi người đều có nghề-nghiệp thì nước ấy giầu có, lẽ ấy tưởng ai cũng biết vậy. Thế mà làm sao nước người cường-thịnh, mà nước mình vẫn nghèo khó, là bởi cớ gì ? Tôi thiết tưởng chỉ tại có hai điều.

Một là kỹ-nghệ vụng-về, công-giới còn hủ-bại ; hai là buôn-bán nhỏ-mọn, thương-giới còn hẹp-hòi. Nghề đã vụng thì phải dùng đồ khéo đồ đẹp của người, tiền của rỏ ra ngoài hết ; mà buôn bán hẹp, thì chỉ buôn quanh bán quẩn, lời-lãi chẳng được bao nhiêu. Như thế thì lợi-quyền người ngoài thu hết, có lẽ nào mà trong nước chẳng nghèo chẳng kiết vậy.

Dẫu thế, nhưng dân nước ta cũng là dòng dõi tinh-anh, con rồng cháu tiên, không phải là loài mán-mường ngu-giại. Đất nước ta vẫn là thổ-sản phì-mĩ, tiền rừng bạc bể, không phải là chốn sa-mạc bất-mao. Đã mấy trăm năm nay, việc công thương cũng đã vẻ-vang trong cõi Á-Đông này. Như kỹ-nghệ, không kể đồ đồi-mồi, đồ-khảm, có danh trong hoàn-cầu, còn đến như nhiễu Bình-định, the La-khê, lụa Cổ-đô, vải Thượng-hội, thợ đồng Ngũ-xã, thợ bạc Đồng-sâm, thợ tiện Nhị-khê, thợ sơn Văn-giáp, phàm những đồ người ta làm là mình làm được cả, thế thì vụng giại gì ? — Như buôn-bán, không kể bán đồ thiết-khí, mở tràng Vân-đồn, từ đó đã giao-thông với ngoại-quốc ; lại như ngày nay, thành-phố Hà-nội, Hải-phòng, Trung-kỳ Đà-nẵng, Nam-kỳ Sài-gòn, Hà-đông có làng Phượng-vũ, Hưng-yên có xã Phượng-lâu, Bắc-ninh có xã Đa-ngưu, Vĩnh-yên có đất Bạch-hạc, đều là những nơi buôn bán lừng-lẫy cả, thì có kém cạnh ai ? Thế mà công-giới vẫn chưa thấy tiến-bộ, chưa thấy phát-đạt, thời cái trở-lực nó ở đâu ? Xét cho kỹ, thì nó chỉ ở tại lòng con người ta, không có lòng tiến-thủ, không có cái nghị-lực đấy mà thôi ; vì không có lòng tiến-thủ, cho nên làm đồ gì chỉ khư-khư một lối cũ, không có suy nghĩ để sáng-kiến lấy cái tân-kỳ, buôn cái gì chỉ quanh quanh một đường, không chịu mở-mang để ganh đua lấy quyền-lợi ; vì không có cái nghị-lực, cho nên chế-tạo cái gì không xong thì thôi ngay, chớ không chịu dùng trí khôn để tìm tòi lấy sảo-nghệ ; chung vốn với nhau, hễ chưa thấy lời thì tan ngay, chớ không chịu gắng công sức để khai-thác lấy thương-quyền. Nay thử xem như bên Âu-Châu người đi tìm đất mới, cũng phải khốn-khổ bốn năm lần, sau mới đến được Tây-ban cầu, ông đặt giây thép cũng phải sa sút năm sáu phen, sau mới đặt được đường ngầm đưới bể, lại như người làm đồ từ-khí, ba bốn lần trước đã thành đâu,

mãi đến lần thứ năm đem hết cả cửa nhà giường phản cho vào lò nung, bấy giờ mới thành nghề bát đĩa ; cái nghị-lực của các người ấy khỏe mạnh biết là chừng nào !

Lại xem như điện-khí, lúc mới tìm được chỉ ở một viên hổ-phách, thế mà sau người ta suy nghĩ ra biết bao nhiêu là máy là móc, lở đất long trời ; cái hơi-nước, khi mới tìm thấy chỉ ở một ấm nước sôi, thế mà sau người ta chế-tạo ra biết cơ man nào tầu nào xe, qua rừng vượt bể ; thế thì cái lòng tiến-thủ của những người ấy khôn khéo biết là chừng nào.

Nước ta từ khi Đại-Pháp sang bảo-hộ, hết lòng khai-hóa, lập trường thương-học, mở trường công-học, dân ta cũng đã tiến-hóa dần dần ; nói về việc kỹ-nghệ, như Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định đã có nhà máy sợi, một năm se được 4. 500. 500 tấn. Nam-kỳ, Bắc-kỳ đã có xưởng máy tơ, một năm quay được 300. 000 cân ; lại có máy sà-phòng, máy xi-mo, máy thuộc da, máy diêm, một năm kiếm cũng đã được nhiều tiền lợi-tức. Nói về phần buôn bán, như thóc gạo tải xuất-cảng một năm đã được 1. 038. 000 tấn, lúa ngô bán ra các nước một năm cũng được đến 133. 275 tấn, lại còn các thứ dầu, cà-phê, cao-su, tơ, sơn, một năm tải cũng đã được lắm bạc về nước nhà.

Xem như thế, sinh-hóa thục-hóa nước ta xuất-dương cũng nhiều. Sau cuộc chiến-tranh bên Âu-châu phải cần dùng đến công-nghệ sản-vật nhiều, nếu người nước ta biết bỏ dứt tính thủ-cựu đi, mà mở lòng tiến-thủ ra, cắt đứt cái tính ỷ-lại đi, mà cố gắng cái nghị-lực lên, dốc lòng theo đòi nước Bảo-hộ, để học tập lấy mọi nghề như đúc đồng, đúc sắt, đóng xe, đóng tầu, họp trí khôn muôn nghìn người để chế-tạo lấy đồ phục-dụng, góp tiền của ức vạn nhà để kinh-lý lấy thương-qnyền, chắc là công-thương-cục, nước ta sau này, cũng nhờ cuộc chiến-tranh mà tiến-bộ.

Song le những công-việc lớn-lao như thế, không phải năm ba người, trăm nghìn bạc mà làm xong, tất phải nhu-dụng đến nhiều người nhiều của. Muốn nhiều của thì trước hết phải tằn-tiện, mà muốn tằn-tiện thì trước hết phải chỉnh-đốn lại ba điều này :

Một là dẹp tỉnh bớt hương-lệ. Xưa nay tục nước ta trong một làng một xã, vẫn hay theo khoán-lệ của tiền-nhân, nào là đình-đám, nào là ma chay, trả nợ miệng, lưng khố chẳng còn, trang ngôi thứ, ruộng nương bán hết, đất lề quê thói, cái phí-tổn ấy biết là chừng nào !

Hai là bỏ bớt kiện tụng. Xưa nay người nước ta phần nhiều có hách-khí, vẫn hay giữ thói diêu-toa, nào là vu-chiếm thổ-điền, nào là phân-tranh hương-hỏa, nghĩ *nén bạc đâm toạc tờ giấy*, cậy *khôn ngoan đến cửa nhà quan, đục nước béo cò*. Cái hách-khí ấy thực là vô-ích.

Ba là nên chừa cờ-bạc. Người nước ta vẫn giai nết chơi-bời, trong lưng sẵn có đồng tiền, thừa hứng dạo đi tiêu-khiển, chốn nọ quần-tam tụ-ngũ, nơi kia mở bát úp bài, *trăm nghìn đổ một trận cười*, thua được cũng nhờ đen đỏ, con tinh hạ-giới vẫn hay ám ảnh, cái lãng-phí ấy thực là u-mê.

Thử xét xem, những nước giầu thịnh có những phong-tục ấy không ? Những người văn-minh có những tính nết ấy không ? Nếu bây giờ chúng ta bỏ được ba cái giại ấy đi, thì những tiền hư-phí ấy để ra chắc đã thành món, tiền đã có, làm việc gì là chẳng xong ? Một người không đủ thì góp mươi lăm người, một làng không nổi, thì họp năm mười làng, mượn ngân-hàng làm chủ-quĩ, lấy qui-quốc làm tôn-sư, để người dẫn bảo cho, đúc lấy máy, đóng lấy tầu, máy đã có chế-tạo

tất được nhiều, tầu đã sẵn vận-tải chắc được lắm ; cuộc công-thương lại chẳng theo đòi được như các nước văn-minh bên Âu-châu hay sao ? Dám khuyên các bạn công thương nước nhà, dốc lòng công, gắng sức mạnh, tư-tưởng mỗi ngày một mới, chế-tạo mỗi ngày một tinh, vốn liếng mỗi ngày một to, giao-dịch mỗi ngày một rộng, phàm những đồ phục-dụng khí-cụ, không những người nước mình dùng được, mà người nước ngoài trông thấy cũng phải đẹp mắt vừa ý mà tranh nhau mua, đồ sản-vật hóa-vật không những bán ở trong xã-hội mình, mà lại có thể vận-tải ra ngoại-dương để thu lấy quyền-lợi ; như thế thì công-giới thương-giới ta mới gọi là phát-đạt, bấy giờ mới xứng-đáng được cái công nước Bảo-hộ khai-hóa cho người nước mình.

Huấn-đạo NGÔ QUI-CHẤN

*
* *

II

Buổi mới người cũ

Mới-mẻ ai chẳng cho là hơn, cũ-kỹ ai chẳng cho là kém ; vậy cho nên ở đời việc gì cũng vậy, vật nào cũng vậy, mới thì quí mà cũ thì rẻ. *Có mới nới cũ*, than ôi ! thường-tình ai cũng như ai !

Mà mới cũng vẫn là dáng mộ thật ; nhưng mà nghĩ đi nghĩ lại thì trong cái mới cũng có cái vị-tất đã hơn cái cũ ; trong cái cũ cũng có cái vị-tất đã thua cái mới. Vậy cho nên đồ sứ men cổ đẹp hơn là đồ sứ kim ; ghế gụ lên nước đẹp hơn là ghế gụ mới đóng. Suy một lẽ ấy thì cũng có thể hiểu ra được nhiều việc khác.

Hiện-thời nước ta đang ở vào lúc phong-hội mới-mẻ, người trong nước ai cũng ham-mộ về sự *mới*, đua tranh về sự *mới*. Xa-tanh, áo giạ, cổ là, giầy tây, ăn mặc thuần là cách mới cả ; *vous... vous... moi... moi...*, văn-minh... hủ-bại.., nói chuyện toàn là giọng mới cả ; hàng Tây, hàng Tầu, hàng Nhật, đồ dùng dặt là đồ mới cả. Hết thảy đến đi đứng cũng là điệu mới ; cư-xử cũng theo cách mới ; văn-chương cũng pha giọng mới ; mới cả từ trong mình, cho chí chung quanh mình, mà đến ngoài con mắt trông cũng là mới hết.

Ai cũng chuộng mới thì mới càng ngày càng nhiều, ai cũng rẻ cũ, thì cũ phải một ngày một ít. Khi đã ít quá, thì còn ít cũ lại, hẳn cũng cho là lạ ; đời người chuộng lạ, thì có lẽ sau này cũ cũng chưa chắc đã là khinh.

Nói đến quãng này không phải là tôi có ý dám thủ-cựu. Hồi-tưởng cựu-học có câu : *Nhân duy cầu cựu, khí phi cầu cựu duy tân* [1], thì thiết-tưởng ở vào đời này, theo lối mới chính là phải, dùng vật mới cũng là phải, nhưng mà người cũ thì mình phải nên trọng.

Nghe câu tôi nói, chắc hẳn cũng có ông rung đùi mà êm tai được một lúc !.. Nhưng mà không, xin thú thực rằng tôi không dám nhận là người mới, cũng không được là người cũ ; mới lắm cũng chưa dám mộ, cũ quá cũng không dám ưa.

Vậy thì nói đến người cũ, không phải là những ông : khăn nhiễu bạc thếch, áo the cũ gích ; cũng không phải là những ông : cổ áo ghét bám, đầu tóc gầu đầy... ; không phải là những ông : gõ đầu trẻ bằng « ngũ-đế » « tam-hoàng » ; cũng không phải là những ông : rung đùi ngồi ngâm « Đường-phú », « kinh-nghĩa ». Cũ ấy thì cũ riêng một cách.

(1) Nghĩa là người thì phải trọng người cũ, còn đồ dùng thì sẽ nên chuộng mới.

Gọi là người cũ, không những là các bậc lão-thành trong nước, có danh-vọng, có phong-thái, đủ làm gương cho bọn hậu-sinh, bậc ấy thì ai chẳng đáng kính đáng trọng. Còn về phần những người trung-lưu xã-hội, tuổi gấp hơn mình tức là cũ hơn mình, không cứ là danh-vị cho được hiển-đạt, bi-tướng cho được thật sang, nếu có học-thức có phẩm-hạnh, thì mình cũng nên trọng mới phải. Vả kiến-thức người mới theo lối tân-học, tuy có nhiều điều mở-mang hơn cũ, song phải biết rằng nghĩa-lý người cũ do ở cựu-học mà ra, thì cũng có điều mình nên bắt chước ; nếu nhất-thiết trông thấy người cũ mà cho là cũ cả, làm một việc gì cũng muốn cho khác hẳn người cũ, thì ở đời dặt những người mới, mình vị-tất đã được là thật mới, mà cầu làm người cũ có lẽ cũng không xong.

Buổi này đang trọng người mới ; thiếu-niên gặp dịp tranh-đua, lão-mại phần nhiều vô-dụng !... Ước ao làm sao các thày thiếu-niên trong nước, kiến-thức tuy theo lối mới, song nghĩa-lý cũng có điều phải lấy người cũ làm gương. Ta cũng mới như ai cả, mà trong sự cũ ta chọn thêm được điều hay, thì ta lại càng quí.

Ai ơi ! cũ cũng chớ vội khinh thường, mới cũng đừng nên túng-sính ; vận-hội còn mở rộng, nhân-trí còn mở-mang, mà người mới bây giờ rồi cũng cũ cả. Vậy thì người cũ sau này sao cho có thể làm gương được về sau nữa ?

Nói cho phải thì trình-độ người nước ta ngày nay : tư-cách, phẩm-hạnh mới cả, lẽ cũng chưa được.

Cử-nhân TRỊNH ĐÌNH-RƯ

* * *

III

Chữ Hán không nên bỏ

Học chữ Hán bây giờ không hợp-thời, nhiều người ghét như rắn rết, mà muốn bỏ hẳn đi, đã nhiều nhà tìm kiếm những cớ chữ Hán không nên bỏ, tôi không cần phải dẫn vào đây làm gì nữa.

Đã đành rằng chữ Hán là chữ của Tàu, nếu khi xưa các Cụ tiền-nhân cứ theo y tiếng người Tàu sang dạy ta mà nói, thì những nhà Nho-học đều là nói theo tiếng Quan-hoại như người Tàu cả rồi còn gì.

Khen thay, các Cụ trước cũng là bậc Thánh, có cái tư-tưởng giữ-gìn tiếng nói nước nhà, đem Bắc Nam điều-hòa chung vào một lò, đúc nên được một thứ tiếng riêng, theo dọng nói mình, để học chữ Hán, tuy cũng là tiếng Quan-hoại biến-tướng ra, mà tiếng nói nghe lại êm-ái thanh-lịch, vần bằng vần trắc phân-minh trên đầu lưỡi, ví với tiếng Tàu, chữ bằng lại đọc ra trắc, chữ trắc lại đọc ra bằng, thực là mùi xanh ra bởi mùi lam, mà lại hơn mùi lam vậy.

Học-trò Tàu học thuộc được bằng trắc, đã phải tốn nhiều công lắm, không được như tiếng chữ ta, trẻ con mới học cũng hiểu rõ ngay được bằng trắc, người ta thử cầm quyển kinh của Tàu đọc cho một người Tàu mới sang nghe, thì họ không hiểu là tiếng gì cả.

Xem thế thì tiếng học chữ Hán, tức là tiếng riêng của ta, đã thông-hành mấy nghìn năm nay, tiếng học gọi là tiếng chữ, tiếng nói gọi là tiếng nôm, những nhà làm văn quốc-văn, thường dùng tiếng chữ thêm vào, để nói thay những tiếng nôm không có, tôi tưởng chẳng những tiếng thường dùng nên đem vào, giả phỏng làm bài văn nào, cần phải dẫn một đoạn trong kinh truyện nữa cũng không hề gì, vẫn là mình nói tiếng mình đấy mà thôi. Như hát chúc-hỗ, hát tuồng, hát cô-đầu, thường dùng chữ nho, nghe chẳng phải là tiếng Nam vui-vẻ hay sao ? Người nào đọc không hiểu, thì đã có chú-thích, rồi cũng dần-dần biết thêm

ra, chẳng hóa ra tiếng nước mình, gấp đôi tiếng nước Tàu rư ? Tiếng chữ nào có nghĩa nôm chữ ấy, cho nên tiếng được gấp đôi.

May sao bây giờ lại nhờ tiếng chữ Pháp thêm vào tiếng mình, thế thì tiếng nói nước nhà rộng-rãi giầu-có lắm, lại còn kêu rằng thiếu-thốn nữa hay sao ? Nếu bây giờ bỏ hẳn chữ Hán đi, chẳng những phí hoài cái tiếng các Cụ hao-tổn biết bao nhiêu tâm-huyết mà mới đặt nên được, mà lại hụt hẳn đi mất một nửa phần tiếng, há chẳng khá tiếc lắm rư ?

Song-thanh NGÔ VI-LÀM (Nam-định)

. . .

IV

Nói về lẽ nên đúc thêm tiền đen

Từ đời thượng-cổ đến thế-kỷ này, nước nào cũng vậy, nhà vua nhà quan cho chí nhà dân, lúc nào phải tiêu cũng dùng bằng tiền, cho nên cả hoàn-cầu này nước nào cũng có hiệu-tiền nước ấy để chi-tiêu ; khuôn tiền dẫu khác, nhưng nói đến đường thông-dụng thì cũng như một, vì tiền là một cái giá-trị của đất nước, của nhân-dân, của muôn-vật, của khí-dụng, của lương-thực, lúc nào tiền cũng nên thêm nhiều ra. Nước ta chính-thống từ đời Đinh-hoàng đã đúc tiền *Thiên-phúc*, cho đến triều vua ta bây giờ lúc nào cũng tiêu tiền đồng. Chỉ riêng một xứ Bắc-kỳ này đã lâu nay tiêu bằng tiền kẽm ; đến bây giờ tiền đen mỗi ngày mỗi ít đi ; vì thế cho nên vài năm trước quan Toàn-quyền Đông-dương cùng quan Thống-sứ Bắc-kỳ mục-kích dân Bắc-kỳ tiền đã gần hết, mới có vấn-đề hỏi các ông nghị-viên ta bàn về lẽ nên đúc tiền đen nữa hay không ? Tôi được nghe các ông hội-viên bàn rằng : việc đúc tiền xin Nhà nước cho thôi, để tiêu bằng bạc, bằng hào, bằng xu cho tiện. Tôi nghe nói thế, tôi lấy làm lạ, chưa hiểu cái ý-tưởng cao-kiến của các ngài như thế nào. Tôi thiết-tưởng rằng hai mươi triệu đồng-bào trong họ ta, người giầu ít có, người khó nhiều hơn, phỏng bây giờ không đúc tiền nữa, khách bộ-hành đi đường cái mua hai đồng nước phải trả một xu, kẻ nhà nghèo đi chợ mua ba đồng hành cũng trả một xu, lấy xu thay kẽm, thì dẫu nước Nam có chái núi đồng to bằng năm núi Tản phá ra đúc xu ban cho thiên-hạ tiêu cũng chẳng đủ ! Huống chi ngay giờ kẽm đã ít, xu lại cũng hiếm, tiêu bằng gì ? Kia không trông lại hơn 20 năm trước đồng bạc giá 10 quan, 15 năm trước đồng bạc giá 6 quan, đến ngày nay đồng bạc chỉ có 1 quan 1 tiền, thế là tiền đen 10 phần chỉ còn một phần, hiện suốt cả xứ Bắc-kỳ này ai ai cũng trông thấy cả rồi đó ; phỏng độ 15 năm nữa, đồng bạc được độ tiền qui. Vậy thì nên đúc thêm tiền có ba lẽ.

Một là tiền gần hết, bởi tiền kẽm chất dòn, sô đi sát lại chóng gẫy, xem như các đường cái nhà quê cùng các nơi chợ búa, nơi thành phố, mảnh tiền gẫy chân séo lên nhiều lắm, giá từ xưa đến nay cứ chất những mảnh tiền lại thì không biết đống tiền gẫy to bằng bao nhiêu. Lại còn nhiều người hủy bỏ tiền nữa, như là dân các nơi nhà quê, những người mới mất, anh em con cháu thường bỏ chín mười đồng tiền vào miệng người mất để đem chôn bỏ, tính trong một năm bao nhiêu người mất, tốn mất mấy vạn đồng tiền, 10 năm tốn mất mấy mươi vạn đồng tiền. Lại còn các trẻ con trong 24 tỉnh này, đánh đảo đánh đập, cầm đồng xu đập lên đồng kẽm gẫy mất cũng khá ; lại còn nhiều điều làm nát tiền nữa, kể không xiết được. Sự làm hủy-bỏ tiền như thế, như là giây cưa gỗ phải đứt, nước chảy đá phải mòn, đến nỗi tiền hết, nay chẳng đúc thêm thì lấy gì tiêu ?

Hai là đúc tiền cho lợi đường buôn bán. Vì rằng tiền ít nên giá càng quí, người nhà nghèo làm khó nhọc mới được đồng bạc, đến lúc đổi lấy tiền đen cho tiện tiêu-dùng, chỉ được một quan một tiền lại phải các mất 3 xu, bởi thế người đổi bạc ngơ-ngẩn, những người cầm tiền đi chợ tiếc tiền chẳng dám mua nhiều, cho nên những người bán hàng phải ế, từ người đổi bạc đến người mua cho chí người bán, ai cũng chẳng hả. Lại nói đến đường buôn bán lớn như hàng hóa nhập-cảng của nước Tàu nước Nhật, Hoa-kỳ, Ấn-độ sang buôn xứ ta, nay ta hết tiền, lấy gì mà mua! Lại còn hàng hóa xuất-cảng của ta đem ra ngoại-quốc, nay ta thiếu tiền thì lấy gì buôn đồ khảm đồ thêu, đong gạo ngô mà bán cho các nước? Vậy thì đúc thêm tiền lại là việc ích-lợi cho sự buôn bán.

Ba là lẽ làm cho giầu nước, vì tiền có nhiều, giao-thông mới rộng, việc sĩ nông công thương mới được tiến-hóa, nước mới giầu thịnh.

Nhưng muốn đúc thêm tiền mới thì xin Nhà-nước đúc bằng tiền đồng, vì được tiện nước ta cũng nhiều mỏ đồng mà đồng lại có tính bền chặt, xem như tiền *Thiên-phúc* nhà Đinh, tiền *Gia-khánh* nhà Lý hơn 800 năm nay đến giờ hãy còn đôi ba ít, thì biết tiêu tiền đồng hơn tiền kẽm, mà khuôn tiền theo khuôn tiền cũ, khắc chữ *Khải-định thông bảo* 啓定通寶, thì chắc rằng tiêu-dụng lưu-thông mạnh hơn nước Sông-Cái chảy. Tiền đen nay đã gần hết, tôi chắc rằng việc đúc tiền là một việc gấp của nhà chính-trị nên lưu-tâm bàn định vậy.

Hữu-bằng NGUYỄN VĂN-CHỨC

* * *

V

Bàn về phong-tục xấu của dân mình

Phong-tục là những điều tập-nhiễm thành quen, có điều lưu-truyền lại từ đời cổ-tích, có điều bắt-chước nhau đương buổi hiện-thời. Phong-tục lưu-truyền lại lắm điều lâu ngày sinh tệ, mà khéo dùng còn có kỷ-cương ; phong-tục bắt-chước nhau lắm điều nghe như hợp-thời, mà quá-dụng thành ra thô-bỉ. Phong-tục của một xứ nào, không kỳ mới có hay có dã lâu, thường bởi tính-tình của những người trong xứ ấy mà thành ra. Người nước ta có nhiều tính-tình hay, đó không phải nói, nay hãy nói những tính-tình có quan-hệ với phong-tục lúc bây giờ :

1° Tính hiếu-thắng ; 2o Tính hiếu-lợi ; 3° Tính thích mô-phỏng ; 4° Tính thích lập-dị.

Những tính-tình ấy khéo dùng ra thì thành phong-tục hay, mà không khéo dùng ra thì thành phong-tục giở.

Nay xem những người có tính hiếu-thắng ít người muốn hơn người về học-lực, về tư-cách, mà nhiều người muốn hơn người về ngoại-mạo, về hư-danh. Những người có tính hiếu-lợi ít người muốn lợi chung cho cả đàn cả nước, mà nhiều người muốn lợi riêng cho một thân một nhà. Những người có tính thích mô-phỏng phần nhiều là người không chịu bắt chước những tinh-thần là cái cốt-yếu, mà bắt chước những hình-thức là cái phù-văn. Những người có tính thích lập-dị phần nhiều là người không chịu tìm những lẽ cao xa, chưa ai tìm thấy, mà chỉ làm quái-lạ chưa ai từng làm. Bởi nhiều người không khéo dùng tính-tình nên nhiều nơi hỏng mất cả phong-tục.

Một là phong-tục ở trong gia-đình.— Trẻ con đàn bà, mới bập-bẹ đọc thông vần quốc-ngữ, đã thấy nhan-nhản những câu bình-đẳng, những lời tự-do. Không biết rằng tự-do là cái quyền-lực để bênh vực những công việc nên làm, những lý-tưởng nên có, chớ có phải là cái quyền-lực để ngăn đón những lời khuyên-răn của phụ-huynh tôn-trưởng đâu ; bình-đẳng là cái thể-lệ để ngăn

cấm những thói ô-mị, những tính ỷ-lại, chớ có phải là cái thể-lệ để phá-hoại những trật-tự ở trong gia-đình tộc-đảng đâu. Thế là mô-phỏng lầm. Phong-tục ta ngày xưa con phải sợ cha, vợ phải sợ chồng, em phải sợ anh, phong-tục này bây giờ nhiều ông bà cho là thái-quá, nhưng tôi thiết-tưởng thái-quá còn hơn bất-cập. Bởi vì nếu muốn mô-phỏng những phong-tục các nước văn-minh thì trước hết phải có một tấm lòng chí-thân chí-thiết, nhưng lòng ấy đã nhiều người có chưa ?

Hai là phong-tục ở chốn hương-thôn. — Ngày xưa tiền-nhân bầy ra việc tế-lễ là có ý khiến cho con em biết sùng-bái các bậc hiền-triết, để gây nên những cảm-tình hay; bầy ra việc hương-ẩm là có ý khiến cho con em biết tôn-trọng các người già cả, để luyện thành những tính-tình tốt. Bây giờ việc tế thần, các làng lập-dị quá, làm mất cả tôn-chỉ của tiền-nhân. Chỉ chăm chăm con lợn cho béo, mâm xôi cho to, tiếng pháo cho kêu, con hát cho đẹp, nếu có hỏi vị thần này tự sao phải tế, tế thần thì bụng phải thế nào, trong các ông ứng-tế, hồ dễ có mấy ông trả lời xong.

Việc hương-ẩm hiếu-thắng quá, chỉ cầu lấy phần ăn cho hơn người, đến tranh ngôi thành kiện-cáo, quá chén thành cãi nhau, tình hương-đảng chẳng có, nghĩa đoàn-thể thì không, ngất-ngưởng chiếu trung-đình lẫn cả túi cơm cùng giá áo.

Việc tống-chung tiền-nhân bầy ra để giúp đỡ lẫn nhau trong khi tang-tóc, thật là một phong-tục hay. Bây giờ lắm nơi đặt ra lệ ngạch thật phiền, đến nỗi nhà hiếu hiếu-thắng quá, không lo gì đến quan-quách cho được bền chặt, mà chỉ sợ rằng cỗ-bàn không được tươm-tất. Không có lẽ quan viên làng cấm không cho nhà hiếu khóc, mà để cho khóc thì không biết các cụ ăn uống có ngon không ?

Việc hội-bổ lại càng hủ-bại quá. Kỳ-mục tổng-lý, một niềm hiếu-lợi, không nghĩ đến bản-phận mình là người thay mặt dân, chỉ nghĩ đến lợi-quyền mình là kẻ đẽo xương dân. Thành ra Nhà-nước bổ một mà cường-hào bổ ra hai ba. Khốn-nạn cho tiểu-dân, mồ hôi nước mắt cả năm, nhịn đói nhịn khát để bỏ ống cho cường-hào trong hương-thôn !

Ba là phong-tục ở nơi thành-thị. — Các nước văn-minh sự nữ-học khoáng-trương đã rộng, phát-đạt đã lâu, về phần trí-dục, phần đức-dục, phấn son cũng vẽ mày râu, nên trong những đám khiêu-vũ, đám thù-tạc, dẫu có lẫn cả nam nữ, mà vẫn quên cả hình-hài, vì ở trong thần-trí có một cái nghị-lực để đè nén những cảm-tình bơ-vơ. Nước ta sự nữ-học nay đã mở-mang, nhưng mở-mang chưa được bao lâu, trong bọn nữ-lưu, mười người họa may có một vài người biết được hình-dạng chữ « luân-lý », còn phần nhiều là các cô mới thuộc lòng được chữ « nhân-tình », thế mà đòi mô-phỏng những cách giao-thiệp văn-minh, khác nào người mới học vẽ vẽ con hổ, thì không biết rồi nó ra con gì ? Thường thấy những đám kề đùi đi xe đôi, dắt tay diện chỗ tối, không biết bà con hay quen thuộc gì với nhau, nhưng trong những khi đồng-hành như thế, chắc không có câu chuyện gì là câu chuyện thanh-cao, cảm-tình gì là cảm-tình đặc-biệt, mà sao không biết dơ-dáng dại-hình ?

Xưa nay trong đạo bằng-hữu, hoặc vì cùng một chức-sự, hoặc vì cùng một lý-tưởng, hoặc vì cùng một học-thức, giao-thiệp với nhau, trước hết phải có cái lòng thành-thực, thì tình nghĩa mới được lâu dài. Bây giờ hiếu-dị quá, mà quên cả nghĩa đồng-tâm, trong một đám tiểu-quần đã thấy chia ra từng bè từng đảng ; mà xem trong các bè đảng, chỉ thấy những chuyện bằng-hữu, mà không thấy gì là tình

bằng-hữu, nghĩa bằng-hữu, thế sao gọi là bằng-hữu được? Cũng có nhiều đám đoàn-thể hiếu-lợi quá, mà không biết cái hại ở ngay trước mắt, những đoàn-thể ấy thường phải mượn chữ X hay chữ 不 để làm cái giây liên-lạc cho đồng-nhân.

Phong-tục ta ngày xưa nghĩa sư-sinh đứng theo hàng quân-phụ, thực là hệ-trọng lắm. Bây giờ thì khác hẳn, tình-ý chẳng có, lễ-mạo cũng không, nào là quắc mắt, nào là bỉm môi, cũng có khi vác đơn lên tòa để cám ơn thày một cách rất kỳ-dị! Khi tốt-nghiệp rồi, đi học trường khác, hay đi làm việc gì, giữa đường ngộ gặp thầy, đã tìm cách tảng-lờ, để tỏ lòng một người học-trò biết ơn nghĩa! Không biết các cậu mô-phỏng những thói chim trời cá bể đâu, mà quái-quắc như thế?

Đó là những phong-tục đáng khinh đáng bỉ, không thể nghe được, không thể để được.

Nước ta cũng lắm phong-tục hay, nhưng hay thì nhiều người biết là hay, mà giở thì ít người cho là giở; ít người cho là giở thì xã-hội có ngày tồi-tàn, sợ rằng xã-hội tồi-tàn thì nên kể những điều giở. Bây giờ Nhà-nước đương nhiệt-thành khai-hóa cho dân ta, ta phải thể bụng Nhà-nước, trước hết học lấy cái tinh-thần, tinh-thần được rồi, ta sẽ học lấy cái hình-thức; bấy giờ học-hành đã giỏi, phong-tục khác hay, mà Nhà-nước Bảo-hộ cũng được vui lòng thỏa giạ. Ngày nay đương buổi giao-thời, như là một cái nhà, nhà mới chưa xong, mà đã rỡ ngay nhà cũ đi, thì lấy đâu mà nương thân? như là một cái áo, áo mới chưa may xong, mà đã bỏ ngay áo cũ đi, thì lấy gì mà che mình? Những quốc-túy của ta có nhiều điều nên giữ, ta phải giữ lấy để làm cái cốt-tử mà đắp lại nền quốc-phong. Quan Toàn-quyền Sarraut có nói rằng: « Những dân-quần, nhất là dân-quần An-nam phải cần có trật-tự. »

Thần Thúc-Cấp

Giáo-học Thái-nguyên

ĐOẢN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

I

CÂU CHUYỆN NHÀ SƯ

Ngày tháng sáu năm 1906, vừa độ các trường nghỉ hè, tôi [1] cũng đi thăm một vị Sư ở chùa làng Bưởi, về hạt Thuận-thành, tỉnh Bắc-Ninh. Đến nơi thì Bản-sư vừa cùng tăng-chúng đi đọc hạ bên chùa Thiên-Thai, từ mấy hôm trước. Bấy giờ trời đã gần hôm, tôi phải nghỉ lại đó. Một mình ngồi trong phòng khách trông sang hiên tây, vắng ngắt không có người đi lại. Bóng chiều phản-chiếu, lá cây lẫn với rêu sân một mầu nhàn-nhạt, trong cảnh thanh-tịnh hiện ra một cái, vẻ thê-lương, khiến cho lòng kẻ khách-du ngao-ngán nỗi mây ngàn hạc nội.

(1) Ký-giả tự xưng

Trong một cái phòng sâu và tối, nghe có tiếng người ho khoái-khoắc. Hỏi ra mới biết là một vị hành-tăng tặm-trụ cảnh chùa để xem kinh và dưỡng-bệnh. Tôi liền đến nơi, có ý cùng sư nói mấy câu chuyện nhà-chùa cho khuây cơn sầm-tịch.

Bước vào, vừa thấy một người chừng năm mươi tuổi, mặt xanh mình gầy, ngồi tựa lưng vào cột, nét mặt đăm-đăm, trông ra cửa sổ; thỉnh-thoảng thở dài một cái, như đem bao nhiêu cái uất cái não đã chất chứa trong óc nhờ hơi thở để tiết ra bên ngoài. Tôi sẽ lên tiếng mà chào: « A-di-đà-Phật. Tôi là người có quyến-thuộc với sư bản-tự, đến chào người. »

Người kia nhìn tôi lúc lâu, rồi nói một tiếng nặng-nề rằng: « Thày hãy đứng xa tôi ra. Tôi là một người có tội; tôi là người sắp xuống địa-ngục. Thày hỏi tôi làm gì? »

Tôi nghe nói, phát lạnh cả người, như mình đứng bên ma quỉ. Tôi nói: « Tội-nghiệp thay! người ở cảnh nào? người có bệnh gì? Sao người không vào nhà thương mà uống thuốc? — Người kia nói: — Tôi không có nơi thường-trụ. Bệnh tôi đã lâu, không có thể chữa khỏi; mà cũng không ai có thể chữa khỏi; chẳng bao lâu mà tôi sẽ ra người dưới cửu-trùng địa-ngục. Thôi thày về khách-phòng mà nghỉ. — Nói rồi cứ đăm-đăm trông ra cửa sổ.

Tôi lui về phòng khách, cứ một mình mình nghĩ: người này hẳn có oan-nghiệt gì đây, cho nên cái lương-tâm nó cứ giỗi theo mà cắn giứt, ấy là một sự hình-phạt rất nặng. Than ôi! *sinh, lão, bệnh, tử* là bốn nghiệp của loài người, đã có thân phải có nghiệp. Kìa người đã sả-thân duyệt-tục, còn phải mang lấy nghiệp vào mình; huống chi người túng-dục tứ-tình, biết bao giờ cho ra khỏi bến mê bể khổ!

Đương ngồi đương nghĩ thấy thoáng có bóng người vào cửa như có hơi gió lạnh thổi lọt vào mình, sởn cả gai ốc. Trông ra thì là người bên tây-hiên, bước vào kéo ghế mà ngồi. Tôi cũng vội-vàng đứng lên mà chào hỏi. Người kia liền nói: — « Hẳn thày đang nghĩ ngợi về việc tôi. Nếu tôi không nói chuyện cho thày nghe, để cái nghi-đoàn bận trí-khôn cho thày cũng không phải. Vả lại chẳng bao lâu mà tôi sẽ bỏ cái thế-giới này, cũng nên đem chuyện mình để làm gương cho thiên-hạ. Tôi xem thày cũng là người văn-sĩ, cũng nên kỷ lấy những nỗi khắt-khe ở đời, điều hay để mà khuyên, điều dở để mà răn, cũng không phải là sự vô-ích ».

Tôi nói: — «Người ta ai cũng có điều hay điều dở, hễ biết dở ấy là người hay. Cho nên đạo Thích-ca cho chúng-sinh sám-hối, đạo Thiên-chúa cho con chiên rửa tội. Nếu người đã sẵn lòng nói thật, tự mình không phụ với lương-tâm, Trời Phật nào chẳng chứng minh cho lòng người ngay thật ».

Người kia cứ ngồi đối-diện tôi mà nói: — « Tôi họ Trần hiệu là Nguyễn-Khuê, người Hà-đông. Cha mẹ mất sớm ở với chị, cũng cho ăn đi học. Năm 15 tuổi chị chết, anh dể lấy vợ khác, thế không ở được; phải bỏ mà đi. May gặp một bà họ Lý, ở làng một bên, thấy con nhà khốn khó đem về mà nuôi. Bà không có con trai, chỉ nuôi một người cháu gái tên là Lý-cô. Bà thấy tôi đã lớn, cho lên tỉnh vào trường Pháp-Việt mà học.

«Nghĩ tôi có khác gì chiếc lá lìa rừng, con chim lạc tổ; sao cho khỏi sa ngã chìm đắm đã là khá, còn mong gì là sự học-hành, dù có thiên-tư thông-tuệ thế nào, cũng phải đọa-lạc ra con nhà thất-giáo. Nay thân trầm-luân đã được nhờ tay tế-độ, được ấm no, có giáo-dục. tưởng cái ân cái nghĩa ấy, biết lấy gì mà trả cho phu.

« Một hôm nhân ngày nghỉ học, tôi về thăm Lý-bà. Bà lấy mẹ con mà xưng hô, tình âu-yếm, cách ôn-tồn đã cảm-động lòng tôi cho đến giơm-giớm hai hàng nước mắt. Tôi nói: «Tôi là một đứa con nhà bạc-đức, đã không cha không mẹ, lại không anh không em. Trời đất sinh tôi ra có ý đày-đọa vào một đời khốn-cùng khổ-nhục, dù Bà có lòng từ-thiện thể nào, không tô-điểm đất bùn cho nên tượng được». — Lý-bà nói: « Già hiếm-hoi, thêm chút con hiền cháu thảo; thấy con cũng là con nhà lương-thiện, coi người dĩnh-ngộ, có vẻ thông-minh, để già sớm khuya bầu bạn và tin cậy về sau. Con ôi, đường sinh-phúc con còn dài, việc gì mà nỗi chí. Từ nay mẹ khuyên con phải phấn-phát tinh-thần, học-hành tấn-tới cho bằng người, cho khỏi phụ lòng mẹ đã thương con ngày nay». Nói rồi Lý-bà gọi Lý-cô đến mà bảo: « Nay Trần-sinh đã là người trong một nhà, cháu phải lấy đạo anh em mà xử, không có điều gì phải hiềm-nghi; phải giúp anh mày những việc mà mày có thể làm được ». Lý-cô nghe nói, sẽ ngảnh lại mà chào tôi, rồi cứ cúi đầu mà đứng. Tôi vô-ý cứ chú mắt mà nhìn, làm cho Lý-cô thẹn đỏ cả tai cả cổ. Lý-bà biết ý gọi Lý-cô ra ngoài nói sang truyện khác. Tôi cũng ngơ-ngẩn hồi lâu, rồi xin trở về trường-học.

« Tự bấy giờ Lý-cô thường đem tiền gạo cho tôi ở nhà trọ, vá-may rặt-rịa đều là việc Lý-cô. Lần kia tôi phải đau ở nhà trọ, một tay Lý-cô thuốc thang cơm nước; thực là một người có nữ-công, có đức-hạnh; con nhà khuê-tú chưa dễ đã có mấy người. Vả từ thuở nhỏ đã quen ăn cần ở kiệm, không nhiễm một chút gì là thói đãng tính kiêu.

« Một bữa, Lý-cô bưng thuốc đến, tôi lấy lời cảm-tạ mà bảo Lý-cô rằng: « Lý-cô đã khó nhọc với tôi biết là dường nào! đã có lòng tử-tế với tôi biết là dường nào! Tôi là con nhà bạc-đức, sống thác có kể chi, mà cái ân chu-toàn nghĩa chân-trọng của Lý-cô tôi biết lấy gì mà đền bù cho xứng-đáng? —Lý-cô nói: Việc giúp đỡ anh em cũng là việc trong nhà, có gì mà kể ân kể nghĩa. — Tôi nói: Tôi thương Lý-cô hết lòng, không biết Lý-cô có thương tôi như thế không? — Lý-cô nói: Anh em thương nhau là lẽ tự-nhiên. — Tôi nói: Tuy-nhiên, chẳng những tôi thương Lý-cô vì tình anh-em, và thương Lý-cô vì tình... Nói đến đấy tôi ngừng lại. Lý-cô lại hỏi: Còn vì tình gì? — Tôi nói: Vì tình ân-ái. — Lý-cô nhìn tôi một cách nghiêm-nghị mà nói: Tôi không hiểu lời anh nói. Thôi anh uống thuốc đi kẻo nguội, tôi cũng phải về kẻo cô mong.

« Nói rồi thảo-thảo ra về, đến cửa còn trông lại.

« Bấy giờ tinh-thần tôi chuyên-chú vào mình Lý-cô. Lý-cô mới mười sáu tuổi, kém tôi hai tuổi. Như trăng còn non, như hoa còn nụ, chưa có thể lấy tình động, lấy ý giụ. Vả Lý-bà đã hứa nhận mình là con nuôi, hẳn không có ý cho mình là cháu giể. Nếu nghe Lý-cô kể lại những lời thô-bỉ của mình vừa rồi, có khi bao nhiêu lòng âu yếm xưa nay sẽ đổi ra tình yếm-bạc. Tôi cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn, nửa thẹn nửa buồn. Sau thấy Lý-cô vẫn đi lại như thường, mới yên lòng dần dần. Từ đó không còn dám giở thói khinh-bạc ra nữa. Ấy là sự giao-thiệp lần thứ nhất của tôi với người họ Lý; mà chính là điều ân sâu tình nặng đã in vào óc đã nhuộm vào lòng, không bao giờ tôi quên đi cho được.

« Nam 20 tuổi, tôi thi đỗ thông-ngôn, 21 tuổi bổ lên Thượng-du. Vừa được 7 tháng thủy-thổ bất-phục, phải cáo mà về. Lần ấy Lý-cô lại vất-vả nuôi tôi hơn là lần trước.

« Một tối tôi đang băn-khoăn dằn-dọc vì mối tình riêng, Lý-bà liền lại mà hỏi rằng: « Nay bệnh con đã thanh-thả, sao

còn chắn-chọc canh khuya ! Nay con đã đến ngày khôn lớn, mà mẹ cũng một tuổi một già, mong cho con trẻ sớm thành gia-thất, để già được yên lòng. Này Lý-cô là con nhà có nết, có thể giúp cho con trong việc tảo-tần ; thực đã hoa vừa thắm cánh, trăng vừa tròn gương ; để đợi ngày lành tháng tốt, mẹ hay định-liệu cho chúng con thành duyên phu-phụ ».

« Tôi nghe nói như thừa ngọc-sắc tự chín từng trời chuyền xuống, mừng mừng tủi tủi, không biết lấy gì mà hình-dung. Chẳng bao lâu nguyện xưa đã vẹn, duyên mới càng nồng, thực là cái hạnh-phúc mà sinh bình tôi mới được hưởng là lần thứ nhất. Bây giờ Lý-bà đã nên vật-hóa, Lý-cô cũng còn phải trầm-oan. Trời ôi ! biết bao giờ. . . . »

Đến đấy tiếng thổn-thức làm cho đứt câu nói, cứ gục đầu xuống cánh tay mà khóc, nước mắt giòng giòng, không ngẩng đầu lên được.

Chưa biết câu chuyện kết-cục ra làm sao, mà cái tình đau-đớn của người này đến cực-điểm. Một lúc nhà sư lại ngồi ngay lên, hai tay ôm lấy ngực, lông mày chau lại thành một cái rãnh ở giữa trán, vai so lên tận tai. Trông bộ gớm-ghiếc, như một người tù bị giam đã lâu, nay đem ra mà hỏi án.

Tôi trông mặt cầm lòng không đậu, bảo hãy ngồi yên mà nghỉ cho khỏi mệt.— Nhà sư mỉm cười, miễn-cưỡng làm bộ mạnh mẽ, cho tôi khỏi chán. Rồi cứ tiếp-tục mà nói :

« Chúng tôi cùng hưởng cái lạc-cảnh đoàn-viên trong gia-đình được hơn một năm, sinh được một đứa con trai, rồi tôi lại bỏ ra làm thông-ngôn dưới tầu trận, nay đóng cửa này, mai ra bể nọ. Từ bấy giờ lại kẻ ra hồ-thỉ bốn phương, người chịu sớm hôm chiếc bóng; xum họp có ít, biệt-ly thì nhiều; thương thay ! sự sinh-hoạt của chúng tôi, nó đã tiêu-ma mất bao nhiêu là cái thanh-niên hạnh-phúc !

« Sáu năm sau, tôi mới lại được đổi về tòa Sứ ở trung-châu, thì Lý-bà mất đã hết việc, bao nhiêu di-sản cũng để lại cho vợ chồng tôi. Đứa con trai tôi cũng đã biết đi học. Làm việc ở tòa Sứ như tôi cũng là bậc có danh-giá, từ tỉnh-quan cho đến phủ huyện ai cũng tới lui, cho nên bổng-lộc cũng nhiều mà chi-tiêu cũng lắm. Tưởng ngày nào vợ còn cắp từng giỏ khoai, đội từng thúng gạo đi nuôi chồng, nay đã dù che ngựa cưỡi, ăn trắng mặc chơn, sự hi-vọng của chúng tôi tưởng thế đã là mãn-nguyện. Ai ngờ no đủ sinh ra dâm-dật, quyền quí sinh ra kiêu-căng; sự tai-họa ở đời thường phát-đoan từ những khi đắc-chí.

« Một hôm tôi vừa ở nhà hầu ra thấy có cái xe sừng-sực trước mặt đi lại, một người trong xe bước xuống mà nói : « Thầy quên tôi rồi ư? Tôi đến đã mấy hôm nay, cứ đi tìm thầy mãi. — Tôi cũng mừng rỡ mà nói: — Chào Cô Ba ! — Cô Ba nói: — Quan-lớn tôi đã về, có khi không sang đất thuộc-địa nữa. — Tôi vừa cười vừa nói: — Thế thì Cô Ba càng được tự-do ! — Cô Ba nói: — Phải, chẳng thế sao tôi được đến đây mà tìm thầy ?

« Nguyên người này là vợ một viên quan ở tầu trận. Vẫn ở trên bộ ; trước có gian-giu cùng tôi. Ngày nay lại gặp, không kịp tính gần tính xa, cứ đón được về nhà, nhận là người quen thuộc cũ.

« Đại-để những người đã lữa đường giao-thiệp, không quen lấy lễ phép buộc mình ; từ lời ăn tiếng nói cho đến nết đứng nết ngồi, đều đủ cho người ta chỉ-trích. Trong bấy nhiêu ngày Cô Ba lui tới ở nhà tôi thì Lý-cô miệng không nói ra, mà thực như đanh đóng trong con mắt.

« Sau tôi phải thuê một cái nhà khác cho Cô Ba ở ; mà một mình tôi cứ tả-xung hữu-đột, như ông chiến-tướng đứng giữa trùng-vi. Một là tránh cho khỏi tiếng chì tiếng bấc trong gia-đình, hai là dê béo rượu nồng, ai thấy

của trời mà chẳng tiếc. Thân-thế tôi bấy giờ chẳng khác gì Tiết Đinh-Sơn đã hãm vào mê-hồn-trận, lên, lui, tả, hữu, chẳng còn bước nào là một bước quang-minh. Mấy nơi ca-quán, mấy chỗ đồ-trường, không tối nào là không có tôi với Cô Ba làm khai-mạc-chủ.

« Một hôm canh đã tàn, rượu đã tỉnh, Cô Ba ngần-ngại mà nói với tôi rằng : « Sự hành-lạc của chúng ta nay đã sắp đến ngày thu-cục, vậy phải liệu mà tính cách duy-trì, cuộc cạnh-tranh có nhanh chân nhẹ bước mới hơn người, nếu ngồi chờ nước đến chân có khi nhỡ bước. Tôi ngắm anh cũng có vẻ phát-đạt, sao anh không liệu thế mà ra làm quan ? Cứ lấy tài-lực tôi mà xem, tưởng cũng là một việc dung-dị. » Mới nghe thấy hai chữ « làm quan », thì tôi dộn-dịp cả lâm-thần, như ai đã mở lá cờ trong bụng, xưa nay chỉ tơ-tưởng quan-lớn, bây giờ hóa ra sự thực thì biết đâu ? Tôi vội vàng hỏi :

— Nói chơi hay nói thật ? Đường sĩ-hoạn bây giờ mỗi ngày một hẹp ; có phải đồ trong túi đâu để tùy ý mình vơ-vét. Cô Ba tủm-tỉm mà nói : — Không phải nói chơi. Nếu mấy tay cốt-yếu với mình đã là người quen ; nhất sắc nhì tài, thiên-hạ còn có sự gì là khó !

« Tôi mới nghe, mặt nóng lên bừng-bừng, sau lạnh như nước đổ vào lưng. bao nhiêu ý-khí tiêu-ma đi đâu mất cả. Nghĩ mình với người này chẳng qua là duyên gặp-gỡ, có lý gì lấy trinh-bạch mà buộc nhau. Vả xem tình-tính Cô Ba như chim ngoài lồng, như thú sổ cũi, hồ dễ chịu cho ai lung-lạc hay cơ-mi ; của tam-bảo chỉ để bố-thí cho thập-phương, ai có duyên thì hưởng. Tôi làm bộ ngẫn-ngơ mà nói :

— Tôi coi Cô Ba mày cao trán rộng, đường đường một vị phu-nhân ; mà trong số tôi quan-lộc có đào hồng lại là số công-danh phải nhờ nội-trợ. Không biết Cô Ba sẽ liệu ra cách nào ? — Cô Ba nói : — Muốn ăn lãi thì phải bỏ vốn. Thầy cần phải chuộc về cho tôi mấy bọn đồ vàng là đồ cần dùng của tôi, còn việc gì nữa thì cứ mặc tôi tùy-cơ ứng-biến.

« Tôi vội-vàng về nhà vơ vét được bao nhiêu đưa cả cho Cô Ba, mà Cô Ba vẫn còn chưa đủ dụng. Nghĩ đi nghĩ lại chỉ còn mấy bức văn-tự của di-sản Lý-bà để lại và còn ở tay Lý-cô, phải lập-thế mà lấy cho được, thế là hết.

« Tối hôm ấy về nhà, thấy Lý-cô đang ngồi dưới bóng đèn mà vá áo. Tôi ghé lại mà bảo rằng : « Nay vì chút công-danh nên phải tiêu cũng lớn. Tôi muốn mượn mấy bức văn-tự của Lý-bà để lại. Rồi đây có bồng có lộc lại kiếm ra bằng trăm bằng nghìn bấy nhiêu, bấy giờ cũng của chồng công vợ chớ đi đâu mất mà sợ. — Lý-cô vội gạt lời tôi đi mà nói : — Thôi, lâu nay tôi đã biết thân-phận mẹ con tôi rồi. Công-danh phú-quí cũng xin nhường cả cho ai. Thầy hãy xem tôi bây giờ đã mình trần tay trắng, còn có cái gì mà cho ai nhờ được nữa.

« Nghe mấy tiếng châm-phong, tôi đã tím gan tức ruột, phải bấm bụng mà lui ra. Vừa gặp Cô Ba vồn-vã mà hỏi : « Này, đây vừa có tin may-mắn lắm, thật là một cái dịp tốt cho mình. Nào khoản tôi bảo thầy biện đã đủ chưa ? Sợ chậm ra thì nhỡ cả.

« Nhiệt-trường tôi bấy giờ lại nóng như lửa đốt. Nghĩ đến mấy bức văn-tự, phải dùng vũ-đoán mới xong. Tối hôm ấy lại về nhà ; không thấy Lý-cô ngồi ngoài. Hỏi con ở nói Lý-cô đau bụng, từ mấy bữa không ăn ; phải uống thuốc mới vào phòng nghỉ.

« Tôi biết ngay Lý-cô có thoái-thác : vợ còn như thế, còn nhờ nhau lấy gì ! Tôi vào ngay chỗ nằm mà hỏi : « Mấy bức văn-tự cô để đâu ? Nếu cô chối tôi một lời là có sự chẳng lành đến tính-mệnh. — Lý-cô còn tưởng là nói dọa, cứ thủng-thỉnh mà nói : — Văn-

tự nào của thày, mà cứ tra hỏi ?—Nói rồi lại cứ nằm vật xuống. Tôi cảm quá, vừa bước ra, rít lên một tiếng. Như có người giẫy lại, hai con mắt nóng như kéo màng ; bao nhiêu mạch máu trong mình sưng lên hết. Bấy giờ tôi trông thấy Lý-cô như người đi săn dẻ được con thú dữ, cố đánh cho thật phải phục xuống, kẻo chạy thoát đi chăng. Khi đã móc được cuốn văn-tự ở trong lưng Lý-cô, thì Lý-cô không còn một hơi thở. Tôi cũng bước giảo ra mà đi thẳng. Đem quận văn-tự ký lấy mấy trăm đồng bạc mà đưa nốt cho Cô Ba.

« Mấy hôm sau, lên về nhà vừa đến cửa đã thấy dộn-dịp kẻ ra người vào, nghe nói Lý-cô phải chứng băng-huyết đã mấy hôm nay nguy lắm. Thấy nói chột dạ, mà mình không mặt nào dám vào trông thấy Lý-cô, cứ bàng-hoàng thất-thố, như người không hồn không vía. Dù xin phép ở nhà nuôi vợ ốm, cũng cứ lẩn-lút một nơi, bưng mặt mà khóc.

« Một hôm thấy thằng con chạy lại, mắt hoe hoe đỏ nói : « Mẹ tôi cứ gọi thày mãi, xin thày vào », Tôi liền theo đứa con mà vào. Lý-cô còn trông tôi miệng muốn nói mà không nên tiếng nữa. Tôi đứng chân không vững, giựa mình vào vách, hai tay bưng lấy mặt, tưởng mình như một đứa tù nặng đưa ra mà xử án. Thấy có người vực tôi ra ngoài rồi mê thẳng đi. Việc Lý-cô mất rồi tống-táng ra làm sao không biết gì nữa.

« Bâng-khuâng tưởng mình ra khỏi cửa lại tìm đến nhà Cô Ba. Trông lên nhà gác, không có bóng đèn, đã hồ-nghi. Hỏi người ở nói : cô đi chơi ngay từ hôm thày không ở đó. — Hỏi cô đi với ai ? — Người ở nói : cô đi với một ông khách lạ. Tôi tưởng chẳng có lẽ thấy anh vừa giốc túi mà chị đã đổi lòng : hẳn cô này đi vận-động câu chuyện của mình, hẫy chờ làu thế nào cũng có giai-tín. Cô này những lúc biếng son nhợt phấn, tóc sõa ngang vai, áo che nửa ngực, cũng đủ cho người ta điên-đảo, huống lại vàng đeo ngọc giắt, gấm bọc hoa gài, thì sắt nào mà chẳng ngay, đá nào mà chẳng chuyển.

« Tôi lại thơ-thẩn đi ra, vừa đến cửa nhà hát, thấy suýt qua một cái xe ngựa. Người trong xe chính là Cô Ba ngồi với một người luật-sư, nhác thấy tôi ngảnh mặt làm thinh, giục đứa đánh xe ra đoi cho ngựa tế.

« Tôi cứ đứng dực một bên đường, rồi đến nhà một người chị em mà hỏi chuyện, vừa đến, người chị em đưa cho tôi cái thư của Cô Ba để lại. Tôi bóc tuột cái thư ra mà xem. Thư rằng : « Anh Phán, khi anh đọc cái thư này, thì tôi đã thuộc về tay một người khác. Duyên kỳ-phùng chúng ta có thế mà thôi, không còn bồi tiếp với anh được nữa. Xin anh về nhà mà hưởng cái hạnh-phúc vợ hiền con thảo, bấy giờ sẽ quên có biết một người con gái tên là Cô Ba. Cái khoản anh đã gửi cho tôi cũng đủ chi son phấn. Cảm ơn anh lắm ».

« Đọc cái thư rồi, mắt nẩy đom-đóm, tay dun cầm cập, như con thú dữ phải cái tên thuốc mà phát điên. Muốn hét lên một tiếng : « Ai ngờ? », dật mình thành ra một cái ác-mộng.

« Biết chính mình đã phạm một tội rất lớn là tội giết người ; biết Lý-cô đã chịu khuất-nhục đau-đớn mà chết ; biết cái lòng tham-dục mình nó đã đưa giắt mình vào những đường tội lỗi ; biết nhân-tình thế-lợi chẳng qua là một cảnh chiêm-bao ; bấy giờ ốc tôi không sao mà chứa cho hết những điều hối-hận. Thôi ! mình đã vị một người rất xấu-xa, rất hèn-hạ, mà phụ với một người đáng qui-hóa, đáng ơn nghĩa ; mặt mũi nào còn đối với mọi người? Lý-cô có biết cũng tha thứ cho tôi chăng ? Đa-mang phóng-túng cũng là cái thông-bệnh của người đàn ông ; còn tội ngộ-phạm của người nóng, cũng như người

điên, hoặc có thể nguyên tình mà khoan giảm. Tuy-nhiên cái lương-tâm tôi nó càng nghiêm-nhặt, nó bắt tôi nhớ mãi lấy cái tội tôi, rửa cũng không phai, mài cũng không sạch, đã mười năm nay, tôi bỏ hết mọi sự ái-luyến ở đời ; đã qui-y đầu Phật, đội đức từ-bi, mở đường tế-độ, cho tôi lại gặp bạn tôi cùng về chính-giác. Đứa con tôi cũng theo chúng bạn mà đi Sài-gòn. Khi đi có gửi lại cho tôi một cái thư, xin thày hãy đọc cái thư này, thì biết can-tràng con trẻ.... »

Nói rồi đưa cho tôi [1] một cái thư gói kỹ lưỡng lắm, rồi cứ giựa ghế mà ngồi, hoặc sa nước mắt, hoặc cau đôi mày, tình-thái thê-lương, lâu lâu thiu ngủ.

Tôi đem cái thư dến bóng đèn mà đọc.

Thư rằng : « Thưa cha, Tôi là một « đứa con trẻ rất khốn-nạn. Vì chính « mắt con đã làm chứng một cái thảm-« kịch đáng kinh đáng hãi đã diễn ra ở « trong gia-đình. Cái ác-cảm ấy không « bao giờ cho con khuây đi được. Thù « mẹ khôn trả, nghĩa cha chưa đền, « thực con không đáng kể là một người « trên thế-giới. Nếu con chưa tìm đến « non cao vực thẳm cũng vì không nỡ « để cha thêm nặng tội-tình. Xin cha « hãy quên có sinh đứa con tên là X...; « hãy sẵn lòng mạnh-mẽ ăn-năn cải-hối, « Sự xum họp của chúng ta ở nơi chín « suối, ngày hãy còn dài ».

Tôi vừa đọc cái thư xong thì nhà sư cũng vừa thức dạy ; hỏi tôi đọc đã xong chưa. Tôi nói : « Sự tình thuộc thực, thì cái thương-tâm của người cũng là quá-đáng ».

Khi về nhà nhân kỳ đầu đuôi như thế. Năm sau có người nhà chùa về hội Phủ-Giầy, hỏi thăm, thì nói : Vị hành-tăng ấy đã tịch tại chùa Thiên-thai ngày tháng chạp năm ấy.

NGUYỄN BÁ-HỌC

II

TRẦN-ĐẠI

(Truyện Tàu)

Trần-Đại là người tỉnh Sơn-đông, nước Tầu, tính khẳng-khái, sức khỏe mạnh, ghét kẻ ác như thù hằn. Một hôm, vác gạo mướn cho người ta vào chợ, thấy người xúm đông, mới biết rằng một đứa nàng giâu ngược-đãi mẹ chồng, mẹ chồng toan tự-tử, mà nó còn giếc-móc sỉa-sói mãi. Đại nổi giận lên, quẳng ngay bị gạo vào đứa nàng giâu, đứa nàng giâu ngã chết lập-tức.

Đại vùng chạy ra rồi trốn sang đất Kỳ-huy tỉnh Hà-nam, làm mướn cho người ta.

Vùng Kỳ-huy vốn lắm trộm cướp, có nhà họ Hứa giầu lắm, những quân cướp đe-loi mãi. Hứa sợ lắm, bàn cách để giữ cướp. Hứa có một người khách biết Trần-Đại, bảo Hứa rằng : « Chỉ được anh Trần-Đại mới trị được quân này ».

Hứa liền hỏi thăm đến chỗ Đại ở, vái Đại, kể tình dầu, và cầu Đại giữ cướp cho. Đại cười rằng : « Tôi thân-phận làm mướn, chỉ biết cầy sâu cuốc bẫm để kiếm ngày hai bữa, ngoài ra trăm việc bỏ ngoài tai cả, biết đâu cách giữ cướp ».

Hứa nằn-nì kêu van mãi, Đại nói rằng : « Tôi tưởng cách giữ cướp không khó gì, anh cứ về tán hết gia-tài, tự

(1) Ký-giả tự xưng.

dưng cướp không đến nữa, việc gì phải giữ ? Anh xem thế-gian này, những bậc khố rách áo ôm như tôi có ai lo cướp không ? » — Hứa cùng kế mà về.

Về nhà thuê mười người vũ-sĩ canh giữ luôn ; một hôm sáng trăng như ban ngày, chợt nghe trên nóc nhà có tiếng thình-thịch, quân canh kêu ồn rằng có cướp ; thoáng mắt, cướp đã nhảy xuống sân, trông rõ thấy một người sức-vóc khỏe mạnh, tiếng to như chuông, vừa cười vừa nói rằng : « Trần-Đại không đến, đàn chuột chết làm gì được ». Vơ ngay lấy cổ một anh vũ-sĩ, xách lên như con gà, còn chín người kia mất vía trốn hết, cả nhà Hứa trông thấy đều lẩn núp không ai dám ra hơi, cướp vào nhà phá hòm lấy hết vàng bạc, rồi vượt qua nóc nhà đi mất.

Hứa nghe cướp nói, biết rằng cướp sợ Trần-Đại ; ngày mai lại vạn lạy Đại để Đại tính giúp cho. Đại rằng : « Anh đã có lòng thành thế, thôi tôi cũng giúp cho anh một chút, nếu tôi đã giúp anh, chẳng những của còn không mất nữa, mà của mất đi cũng lấy lại được ». Hứa nghe Đại nói, nét mặt mừng lắm.

Đại lại nói rằng : « Nhưng tôi lập ước với anh, nếu của lấy lại được bao nhiêu, anh phải bỏ hết ra, giúp đỡ cho người nghèo khốn ». Hứa xin vâng. Đại bảo Hứa cứ về.

Nửa đêm hôm ấy, tự dưng có người gọi ngõ nói rằng : «Vâng lời ông Trần-Đại, trả lại cho nhà anh », rồi quăng một bọc vào sân mà đi mất. Hứa mở ra đếm, vàng bạc còn đủ y-nguyên.

Năm ấy miền Hà-nam mất mùa, người đói nhiều lắm, Hứa giữ lời Đại đem của ra phát chẩn, cứu sống được nhiều. Từ đó về sau, Đại cũng không đến nhà Hứa. Hứa lại chỗ nhà Đại ở cũ, thì Đại cũng đi đâu rồi.

NAM-THẠCH *dịch*

III

LÃO HÀNG RƯỢU

(Truyện Tàu)

Huyện Vạn-an có lão bán rượu tên là Quách-Tiết, chỉ vì cất rượu khéo mà làm nên giàu, nhất-sinh thực-thà, không nói giối ai, ai sai trẻ con thày tớ đi mua rượu, lão tất hỏi rằng : « Mày có uống rượu lạo cho mà uống, chớ đừng uống vụng rượu trong lọ của chủ mày, mà phải đòn. » Đứa nào nhỡ lay vấp ngã đổ rượu, cầm lọ lại thì lão lại cho rượu khác mà mang về, bởi thế khắp miền ai cũng khen lão là người trưởng-giả ; ai có đãi khách-khứa thường đến uống rượu ở hàng lão.

Trong làng có bọn bốn anh, mấy hôm đến uống rượu ở hàng lão luôn, ra ý điều-đình với nhau một việc gì mãi không xong, thở ngắn thở dài, ra giáng buồn-bã. Lão hỏi ra thì đáp rằng : « Chúng tôi có bầu chủ cho tên Giáp, vay nợ ở tên Ất, quá hẹn Giáp không trả được, Ất sắp đi kiện, nếu kiện ra thì lòi-thòi đến chúng tôi. » Lão hỏi : « Bao nhiêu ? » — Đáp rằng : « Cả gốc lãi bốn trăm đồng. » Lão cười rằng : « Mấy bột mà lo, cứ uống rượu đi. » Rồi mở hòm lấy bốn trăm trao trả Ất, cũng không bắt Giáp viết văn-tự. Ất nhận lấy tiền ra giáng bẽn-lẽn, mà mấy người kia đều mừng-giỡ cảm ơn, có người kêu Lão dễ quá, Lão đáp rằng : « Của đời là của chung, mình

thừa mà có người thiếu, cứ lẽ phải cũng đã nên giúp người ta, huống chi giúp người lúc cùng-khốn, ai nỡ phụ mình, dẫu có mất cũng là của trời, mà ơn nghĩa thì mình được ». Mãi bốn năm sau, Giáp mới trả lão được bốn trăm ấy.

Có người khách buôn nhiều hàng hóa, đi đường gặp tuyết xuống to lắm, phải ngủ đỗ lại hàng lão, tuyết xuống mãi không đi được, ở lại mấy ngày, ra giáng sốt ruột. Lão gọi thêm người, để ngày ngày đánh bạc với khách, được bao nhiêu lại mua đồ nhắm tốt để thết khách hết, khách tính tiền thua nhiều, ra giáng tiếc của, đến hôm tuyết tạnh, khách sắp đi, lão đem tiền trả khách đủ số thua. Khách không dám nhận, lão rằng : « Vì tôi thấy khách buồn cho nên mời đánh bạc để mua vui cho khách, vì ý tôi chiều khách mà để thua, thật tôi không nỡ, khách cứ nhận. »

Lão những lúc vô-sự, tụ con cháu đánh bạc trong nhà, cãi nhau ồm ồm, không có lễ phép, có người cười lão, lão nói rằng : « Cho chúng nó chơi với nhau trong nhà, đứa này thua đứa khác được, lọt sàng xuống nia, chẳng hơn đi đánh bạc ngoài, đem của nhà đi cho người ăn ư ? »

Có người xem tướng-số hay lắm, đoán mấy người chết đúng cả, lão sắp đến ngày người ta đoán chết, gọi những người bán đất bán ruộng cho mình đến mà bảo rằng : « Ai có muốn chuộc thì tôi cho chuộc, ai bán giá rẻ có thiệt thì tôi trả thêm. » Lại gọi những các người nợ đến, bảo rằng : « Có nghèo cùng mới phải đi vay, thế mà tôi cho các anh vay, tôi cũng không thấy túng, thôi thì cho các anh cả, không đòi nữa ». Rồi đem văn-tự vay đốt trước mặt các người ấy và nói rằng : « Chẳng để làm gì, ngày sau con cháu tôi nó quấy các anh ». Rồi làm rượu mời cả họ hàng thân-thích đến uống rượu nói truyện vui. Lão tắm gội, thay quần áo, sắp quan quách, ai cũng ra ý băn-khoăn, mà Lão vẫn vui cười, thành ra không chết, lại sống thêm được mấy năm nữa.

NAM-THẠCH *dịch*

THỜI-ĐÀM

VIỆC THẾ-GIỚI

Bàn về hòa-ước. — Hòa-ước vừa ký mới rồi sẽ ảnh-hưởng đến đại-thế trong thiên-hạ thế nào ? Xin dịch sau đây một bài luận-thuyết của quan Bác-sĩ GUSTAVE LE BON, đăng trong báo *Annales politiques et litteraires* tháng Juin, bàn về cái vấn-đề ấy một cách rất sóc-đáng và rất bình-tĩnh.

« Muốn xét đoán cái giá-trị của hòa-ước cho công-bằng thời phải hồi-tưởng về mùa xuân năm 1918, sau khi quân Đức tiến quân lên rất dữ như vậy. Quân tiến như nước tràn, [illegible] ấy đến thành khác, dân-sự chạy trốn lạc-lõng, sông Marne giặc đã qua, thành Paris giặc sắp tới.

« Trong buổi ấy, [illegible] gì, dẫu người có cái [illegible] nghĩa » (*optimisme*) [illegible] không còn hi-vọng gì nữa [illegible] ký hòa-ước quân địch phải [illegible] chân-quận bị chiếm-cứ về và để [illegible] Alsace được tự-trị, thời tưởng thiên-hạ cũng [illegible] làm hoan-nghênh lắm vậy.

« Nay đã được chiến-thắng thời tất cái tâm-trọng phải khác đi, ý-hưởng ta ngày nay là căn-cứ ở những sự thất-vọng từ trước, ở những sự tàn-phá của quân địch đã qua ác-nghiệp mà gây ra trong bấy lâu.

« Người Pháp biết rằng mình thắng trận thời có những quyền-lợi gì, và hồi-tưởng ví là nước Đức đánh được thời người Đức định bắt mình những điều-khoản khốc-hại đến thế nào, nên đối với hòa-ước ngày nay chắc chưa lấy làm mãn-nguyện, hòa-ước ấy vì sớm hơn một năm thời tưởng đã coi là một sự hạnh-phúc không dám mong mỏi vậy.

« Ấy cứ tâm-lý mà xét thời hòa-ước ít người lấy làm bằng lòng là bởi lẽ đó.

« Mà thực ra không có mấy dân lấy hòa-ước làm mừng, có thể nói cả thế-giới chỉ có hai người là bằng lòng mà thôi : là ông Giám-quốc Mĩ Wilson và ông thủ-tướng Anh Lloyd George, tưởng cũng không phải là nói quá vậy.

« Mà nghĩ cho kỹ có lẽ nói thế cũng còn là quá. Tuy hòa-ước là tự tay hai ông ấy cấu-tạo, mà coi cái ảnh-hưởng mỗi ngày một lan rộng mãi ra không biết rồi kết-quả đến thế nào, tưởng có bằng lòng cũng là bằng lòng một nửa mà thôi.

« Lẽ xưa nay hễ muốn điều-hòa những lợi-quyền trái ngược nhau, không thể điều-hòa cho trọn được, tất phải rật chỗ nọ và chỗ kia, rút cục lại không ai được mãn-nguyện cả.

« Ngay tự hồi mới khởi đầu nghị-hòa, lợi-quyền đã thấy xung-đột nhau rồi. Các Đồng-minh thời muốn đòi nước Đức bồi-khoản thật nặng, duy nước Mĩ không muốn, có ý rẻ Đức, là vì sau nước Anh có nước Đức là bạn mua hàng nhiều nhất của Mĩ xưa nay.

« Không kể lợi-quyền xung-đột đã sinh nhiều sự trái ý nhau, lại công việc lớn quá, Hội Hòa còn nhiều nỗi khó khăn lắm nữa. Định lại địa-giới cho bao nhiêu nước, dựng ra đến mười quốc-gia mới, đặt pháp-luật chung cho « lao-động-giới » của các nước, khôi-phục lại đất Ba-lan (Pologne), tìm kế để ngăn-ngừa cho nước Đức khỏi xâm-lấn lần nữa, giải-quyết cái vấn-đề Constantinople (kinh-đô Turquie), đối-phó với những sự yêu-cầu của người Lỗ-mã-ni, người Hi-lạp, người Triết-khắc, người Tàu, người Nhật, v. v. ; bấy nhiêu những việc tày đình, làm sao cho xuể.

« Muốn giải-quyết được bấy nhiêu vấn-đề bề-bộn như vậy, cần phải hai điều cốt-yếu thuộc về tâm-lý như sau này : một là phải đồng ý-kiến với nhau, hai là phải có chí quả-quyết. Xét ra thời trong Hội Nghị-hòa hai điều ấy không được một điều nào cả.

« Các nhà chính-trị đứng chủ-trương hội Hòa xem ra người nào cũng phân-vân, không quyết-định thế nào, khi thiên về đằng này, khi ngả ra đằng kia. Một ngày xướng lên muốn phái người đi thương-thuyết với đảng quá-kích (*bolchevistes*) Nga ở đảo « Ile des Princes », rồi đến sau lại thôi. Trước định giữ thành Odessa là nơi trung-tâm cung-cấp lương-thực cho cả nước Nga, rồi sau lại truyền triệt-quân về. Trước định phái sang Hongrie một vị võ-tướng rất có tiếng là người quả-cảm, sau lại đổi ý mà chỉ phái một nhà ngoại-giao để thương-thuyết mà thôi, đến khi đi rồi được ít lâu lại gọi về ngay

« Cái chánh-sách của các nhà chủ-trương trong Hội Hòa không phải là quyết-chiến mà cũng không phải là quyết-hòa, thật là cái chánh-sách phân-vân do-dự vậy. Cũng có lúc tỏ ra ý quả-quyết, nhưng không chủ-định việc gì, khi quyết thế này, khi quyết thế khác, thật là bất nhất.

« Kết-quả thành ra chỉ quyết-định được những việc vụn-vặt, muốn điều-hòa các lợi-quyền xung-đột mà rút lại chẳng điều-hòa được gì cả.

« Như thuộc về cái lưu-vực sông Sarre thời định rằng quyền khai-khẩn các mỏ để cho nước Pháp mà quyền cai-trị người dân thời trao cho Hội Vạn-quốc, trong mười lăm năm sẽ dùng cách « chúng-dân-đầu-phiếu » (*plébiscite*) cho biết rằng ý dân muốn sáp-nhập về Pháp hay về Đức : thật là gây ra một cái nguồn cạnh-tranh về sau này.

« Lại ở Ý-đại-lợi, ở Ba-lan, ở đâu đâu cũng làm nửa chừng như thế. Thành Dantzig vốn của Đức, nước Ba-lan nay cần để làm đường thông ra bể, nước Đức cũng cần để thông với đất Đông-Phổ, Hội Hòa định làm của chung, trao cho Hội Vạn-quốc quản-trị. Như thế thời thành ra nước Đức thông với đất nước Đức mà phải qua đất Ba-lan : đó lại là một cái nguồn cạnh-tranh về sau này nữa.

« Trong hòa-ước còn nhiều mối phân-vân khác nữa. Như cấm không cho những nước thua kết-liên với nước khác, nhất là nước Áo không được kết-liên với nước Đức. Nhưng mà túng-sử cái ý-nguyện dân nó muốn như thế thời cấm sao được ? Hội Vạn-quốc đã lấy cái chủ-nghĩa rằng các dân-tộc có quyền tự-

quyết làm cơ-sở, dân Đức dân Áo kia há lại có quên mà không dẫn cái chủ-nghĩa ấy làm chứng hay sao ? Phần Áo có dân Đức ở hiện nay muốn sáp-nhập với Đức; nước Ý cũng có ý muốn giúp, như vậy thời việc sớm trưa cũng không thể tránh được. Dân nó thuận lòng sáp-nhập với nhau, có Chính-phủ nào lại nỡ lòng đem quân sang mà ngăn-cấm ?

« Các ông quốc-trưởng họp lại để kết-cấu cái hòa-ước đó mong rằng dựng được nền hòa-bình vĩnh-viễn, nay thấy cái kết-quả ngay mới đầu đã như thế, tất nghĩ đến mà buồn thay.

« Trước hết đã thấy mấy nước như nước Ý, nước Tì, nước Nhật, nước Tàu dọa muốn thôi không tham-dự vào Hội Hòa nữa ; rồi lại thấy gần khắp các dân-tộc ở Đông-Âu : Ba-lan, Lỗ-mã-ni, Triết-khắc, Nam Tì-lạp-phu, v. v. muốn chực xung-đột mà sâu-sé lẫn nhau.

« Cả đất Đông-Âu bây giờ đương khởi-hấn chiến-tranh.

« Người Triết-khắc đánh nhau với người Ba-lan ở đất Silésie, người Ba-lan đánh nhau với người U-khắc-lan (Ukrainiens) ở đất Galicie, người Lỗ-mã-ni đánh nhau với người U-khắc-lan ở đất Bukovine, lại đánh nhau với người Nam Tì-lạp-phu (Yougo-Slaves) ở đất Banat. Lại Nam Tì-lạp-phu cũng sửa-soạn đánh người Ý-đại-lợi ở đất Dalmatie.

« Vậy nếu cứ lấy cái kết-quả hiện-tiền mà xét công-nghiệp của Hội Vạn-quốc thời thấy rằng Hội Vạn-quốc định đặt hòa-bình cho thế-giới mà thành chỉ khiên-động thế-giới mà gây ra một lớp chiến-tranh không biết đến bao giờ cùng vậy.

« Sự khiên-động ấy không thể nào tránh được, từ trước cũng đã biết rồi. Quan Giám-quốc Hoa-kỳ xướng ra Hội Hòa trước nhất, vậy Hội Hòa cũng phải chiều theo cái ý-hướng của ngài mà kiêm ba việc thật là khác nhau, mỗi việc muốn cho trọn đáng phải đặt một hội riêng mới được.

« Việc thứ nhất là kỳ cho mau xong hòa-ước với Đức, đáng lý Hội Hòa chỉ nên chuyên-chủ một việc đó mà thôi mới phải. Nhưng lại kèm thêm một việc thứ hai nữa, là việc đặt Hội Vạn-quốc.

« Nhân việc thứ hai đó lại nảy ra một việc thứ ba nữa, là căn-cứ ở cái chủ-nghĩa của Hội Vạn-quốc mà sửa lại địa-giới của nhiều nước cũ đã từng qua mấy mươi đời lịch-sử mới dựng nên được.

« Nay muốn phòng-bị cho nước Đức khỏi xâm-phạm vào địa-giới các nước khác thời trao cái trách ấy cho Hội Vạn-quốc. Các đại-biểu của nước Pháp xét rằng sự phòng-bị ấy chưa được chắc-chắn lắm cố hết sức xin định cách phòng-bị mạnh hơn. Nhân lời yêu-cầu ấy quan Giám-quốc Hoa-kỳ cùng quan Thủ-tướng nước Anh mới hứa với nước Pháp rằng sẽ xin nghị-viện hai nước ấy chuẩn-nhận rằng hễ khi nào nước Pháp bị xâm-phạm thời hai nước đoan sẽ đem binh sang cứu-viện.

« Không hiểu làm sao nước Ý lại không cho dự vào cái cuộc kết-liên để phòng-bị ấy, và cuộc ấy cũng còn phải đợi hai nghị-viện Anh Mĩ có chuẩn-nhận thời mới thành được, chớ đã lấy gì làm chắc đâu (1).

« Còn cái ý nước Mĩ muốn rẻ nước Đức thời đã quả-nhiên như tôi nói trên kia. Các báo các nước ngoài đều đồng-thanh công-nhận như thế cả.

« Như báo *Daily Chronicle* ngày 31 Mars nói rằng cái chủ-ý của quan Giám-quốc Mĩ là muốn cầu lấy sự « hòa-bình tốt cho quân Hung-nô » (*une paix clémente aux Huns*). Báo ấy lại nói rằng có biết cái chủ-ý ấy thời mới hiểu được cái cớ làm sao mà quan Giám-quốc Mĩ phản-đối không muốn đòi nước Đức tiền bồi-khoản nặng. Ngài nói rằng ngài « *không* muốn cho dân Đức phải mang nợ đến một thế-kỷ, hoặc đến suốt một đời người. »

« Cứ xét đại-khái cái hòa-ước như trên kia, thời cũng đủ hiểu cái lẽ làm sao mà nước Pháp ít hoan-nghênh như thế.

« Ông nghị-viên Millies-Lacroix làm thư-kỷ hội-đồng tài-chính của Thượng-nghị-viện (*Commission sénatoriale des finances*) xét về phần tài-chính trong hòa-ước có phán-đoán một lời rằng : « Xét những điều-khoản về tài-chính trong hòa-ước mà chúng tôi lấy làm thất-vọng vô-cùng. Quan Thủ-tướng ta mà phải chịu những điều-khoản như thế thời tá

(1) Có tin về sau rằng nước đồng-minh của nước Pháp với nước Mĩ và nước Anh đã ký rồi.

là đã phải các bên đồng-minh kia phản-đối dữ lắm mới chịu như vậy. »

« Quan nghị-viên lại nói thêm rằng cái cách đảm-bảo thuộc về những bồi-khoản của Đức thật không lấy gì làm chắc-chắn cả, đáng lẽ thời phải để cho nước Pháp được quyền thâu thuế, thâu tiền lời về hỏa-xa hoặc về các công-xưởng của Đức thời mới thật là có công-hiệu. Cách ấy vẫn là cách đối với nước Thổ-nhĩ-kỳ xưa nay, mà dùng đã thấy kiến-hiệu lắm, sao nay không dùng ?

« Quan Hanotaux nguyên làm ngoại-vụ thượng-thư, bình-phẩm về hòa-ước cũng phán-đoán một cách nghiêm-nhặt rằng : « Hòa-ước mà như thế thời thật là mang cái mầm chiến-tranh sau này đó. Khởi ra không biết bao nhiêu vấn-đề, mà chẳng giải được cái nào. Thuộc về miền lưu-vực sông Sarre thời định-hạn trong 15 năm tất hữu-sự ; thuộc về miền tả-ngạn sông Rhin thời là cái nguồn rắc-rối luôn luôn ; thuộc về đất Transylvanie, đất Ba-lan cùng những tỉnh lìa ở nước Nga ra thời cái hiểm-tượng đã trông thấy tới nơi rồi ; thuộc về Constantinople cùng các đất Hồi thời tình-thế rối như bòng-bong, lan cả sang Ai-cập, sang Ấn-độ ; về nước Nga thời nguy-vọng, về Á-châu thời hỗn-độn. Còn các dân-tộc Ti-lạp-phu và Ban-căng (*peuples slaves et balkaniques*), thời chính các dân ấy trước đã gây ra việc chiến-tranh, nay lại đương quyết-liệt với một nước trong bốn nước Đồng-minh lớn (tức là nước Ý) ; như vậy thời cuộc hòa-bình quyết không thể được lâu bền vậy. »

« Nay nước Tàu là một nước cũng bị thiệt-hại vì cái hòa-ước này. Ông chánh-sứ tàu ở Hội Hòa có phàn-nàn mà kết mấy câu như sau này : « Chúng tôi bị cái « ngoại-giao-thượng-chi-thất-bại » (*insuccès diplomatique*) này kể cũng là một cái bài học cho chúng tôi. Chúng tôi vẫn tin ở cái bụng công-nghĩa của Vạn-quốc, tới nay mới tỉnh-ngộ mà biết rằng chẳng có công-nghĩa gì cả, mình mà yếu thời chẳng có cậy gì ở nước ngoài được. Phương-ngôn đã có câu : « Mày có biết tự giúp lấy mày thời Trời mới giúp cho. » Nước chúng tôi bao giờ có đủ khí-giới mà tự-vệ được, lại khiến cho người sợ mình thời mới mong yêu-cầu được quyền nọ lợi kia. Đương mơ-mộng mà hốt-nhiên tỉnh ra cũng cực thật, nhưng cứ mơ-mộng mãi thời cũng khổ lắm. »

« Mấy lời nói đó thời sắc-đáng lắm, nhưng thuộc về những khí-giới của các dân-tộc dùng để tự-vệ thời tôi thiết-tưởng rằng ông Tàu ấy xét còn khi chậm thời

« Cái chiến-tranh mới rồi đã khốc-hại quá, chắc từ nay đến lâu nữa cũng chưa có dân nào dám tái-hành lần nữa. Từ nay có chiến-tranh thời tất là chiến-tranh nhỏ ở nơi địa-giới, như ở các nước Đông-Âu hiện bây giờ.

« Sẽ có hai lối chiến-tranh mới thay cho lối võ-bị-chiến-tranh cũ : một là tâm-lý chiến-tranh (*guerres psychologiques*), hai là kinh-tế chiến-tranh (*guerres économiques*).

« Lối chiến-tranh về tâm-lý thời đã bắt đầu rồi đó. Tức như lối nước Đức dùng các cách truyền-bá vận-động bằng báo bằng người để phân rẽ lòng dân các nước khác. Coi cái dịch cách-mệnh ở nước Nga và mấy nước khác nữa thời đủ biết lối chiến-tranh vô-hình ấy mạnh là dường nào.

« Từ nay trở đi là đến cái thời-kỳ chiến-tranh về kinh-tế đây, lối ấy lại kịch-liệt hơn lối trên nhiều, và cái tình-thế trong thiên-hạ, cuộc thịnh-suy của các dân thật là quan-hệ ở đấy vậy. »

VIỆC TRONG NƯỚC

Quan Tổng-đốc Nghệ Trần Tiễn-Hối tạ-thế. — Quan Tổng-đốc Nghệ-an Hiệp-tá đại-học-sĩ Trần Tiễn-Hối mới tạ-thế tại Vinh ngày 25 Juillet 1919, ngày 3 Août rước linh-cữu về quê ngoại là làng Minh-hương ở tỉnh Thừa-thiên. Quan Công-sứ Nghệ Le Fol có đọc một bài viếng, kể sự-trạng quan Tổng-đốc Trần, xin đăng dịch-văn như sau này :

« Tôi lấy làm cảm-động lắm, nay đến đây thay mặt Nhà-nước Đại-Pháp và các viên nhân Thái-Tây ở tỉnh Nghệ này đều tỏ lòng

thương tiếc kính mến quan Tổng-đốc Trần, tạ-thế ở tỉnh này.

« Ngài là một ông quan quảng học và lịch-thiệp lắm, vì tinh trung-trực và ý quyết-đoán của ngài, cho nên ngài đề-lị tới đâu, thời ngài đều được tiếng ca-tụng tốt cả. Ngài là con một ông đại-thần ở triều. Khi xưa Cụ bất-hạnh vì lòng thân-ái với Nhà-nước Đại-Pháp, khi ngài còn nhỏ thời đã biểu rằng dân An-nam phải nhờ Nhà-nước bảo-hộ mới nhấc lên đường văn-minh tiến-bộ được. Công-danh ngài chóng và chói rạng. Ngài sinh năm 1863 ở làng Minh-hương tỉnh Thừa-thiên, tọa-giám ấm-sinh năm 1890, đậu thủ-khoa năm 1891, bổ Hành-tẩu Phụ-chánh năm 1892, rồi ngài thăng dần lên Biên-tu, Tu-soạn, lãnh chức Chủ-sự Viên-ngoại. Thăng hàm đường năm 1901, rồi năm đó bổ lãnh An-sát Bình-định. Năm 1908 gặp lúc nhiễu-nhương, Nhà-nước cử ngài ra làm chức Phủ-thừa ở Thừa-thiên, trong lúc đó ngài lấy tài-trí và quyền-chính của ngài ra mà thi-hành được yên.

« Năm 1909 ngài bổ làm Bố-chánh Thanh-hóa, năm sau bổ làm Thủ-hiến Quảng-bình, năm 1915 bổ làm Tuần-phủ Quảng-ngãi.

« Qua tháng 3 năm 1917, ngài thăng Tổng-đốc Nghệ-an là Nhà-nước thưởng công việc lớn lao của ngài giúp ở tỉnh Quảng-ngãi trong lúc mộ binh và việc nhiễu-loạn năm 1916.

« Ở Nghệ-an cũng như ở Quảng-ngãi, ngài đều chăm-chỉ cái trách-nhiệm trọng-đại mà cũng cứ giữ một mực mẫu-tiệp không quản công khó-nhọc, tức như là đem lời hay mà hiểu khuyến việc mộ binh lần thứ hai và việc quốc-trái, tức như công việc quan nhiều trong một tỉnh có gần triệu dân mà có nơi xa cách tỉnh-lị hơn 200 ki-lô-mét ; tức như mới rồi ngài cùng đi tuần văn với tôi khắp các phủ huyện, ngài cứ đem một lòng sốt-sắng và ước ao làm cho được trọn vẹn trách-nhiệm của ngài, ít ai được như ngài, nói đâu dân cũng nghe và tuân lời kính mến mãi mãi

« Tiếc thay ! người độ-lượng như thế, làm quan cai-trị lớn lao như thế, đã đem hết thảy tài-trí hay giỏi ít có ra giúp nước, bây giờ là lúc sắp thỏa chí công-danh của ngài, và đến lúc đã được thăng thụ Hiệp-tá đại-học-sĩ, sắp sửa được về bộ-đường mà giúp việc nước. Thương thay ! sau khi ngài đã đem lòng trung-tín mà giúp Bảo-hộ trong lúc chiến-tranh, ngài đã dự vào cuộc toàn-thắng rực-rỡ của Nhà nước Bảo-hộ, vừa rồi bỗng chốc ngài tạ trần.

« Tháng năm tây vừa rồi, ngài về Kinh sung chức chủ khảo trường Đình, qua tới tháng sáu tây, sức ngài đã muốn kém, tuy vậy ngài không muốn nghỉ, bữa lễ mừng cuộc toàn-thắng, ngài cũng có dự, liền đó rồi ngài thụ bệnh, nhưng mà sức ngài mạnh, ngài tưởng sẽ lành, muốn chăm việc quan, rồi thời bỗng chốc đến ngày 25 tháng 7 tây, bệnh trở hôn-trầm trong vài giờ rồi ngài tạ thế. Nhưng đầu lúc ngài hôn-mê đó, ngài đã nói không được, mà ngài cũng gắng hết sức mà chỉ công việc lưu-hạ cho các quan đồng-sự với ngài, khi ngài mạnh-chung rồi thời ở Trung-kỳ đâu đâu cũng có gởi lời thương tiếc cả.

« Hoàng-thượng có tình yêu mến riêng ngài lắm, có lời sắc thương với quan Khâm-sứ rồi có Dụ ra tặng ngài chức Thái-tử-thiếu-bảo và tước Nam.

« Tình riêng tôi, tôi lấy làm ai-cảm người đồng-sự rất qui-báu và rất có tình mới được ít lâu với tôi, tôi lại xin tỏ cái tình của mọi người cả, chắc hẳn rằng ở tỉnh này ai ai cũng nhớ đến ngài lâu dài.

« Bây giờ tôi xin khuyên giải qui phu-nhân trong sự đau-đớn không thể giải được, và tôi dám chắc với qui phu-nhân rằng các viên-nhân Thái-Tây ở đây đều tỏ lòng riêng mà nhớ đến ngài là người bạn thân-tín của Nhà-nước Đại-Pháp ».

(Bản dịch của *Trung-Bắc tân-văn*)

Quan Nguyên Tổng-đốc Đoàn Triển tạ-thế. — Quan Hiệp-tá đại-học-sĩ nguyên Tổng-đốc Nam-định đã về hưu ĐOÀN TRIỂN tạ-thế tại qui-quán là làng Hữu Thanh-oai, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-đông, ngày 7 Août 1919, thọ 66 tuổi. Ngày 14 Août cất đám ngài tại Hữu Thanh-oai, các quan-lại Bắc-kỳ về đưa đám đông lắm. Cụ Hiệp ĐOÀN là một bậc danh-vọng trong quan-trường xứ Bắc-kỳ, xuất-thân khoa-mục, ngót ba mươi năm trời làm việc quan, không phụ danh-giáo, thật là để tiếng thơm cho nền cựu-học nước Nam ta. Công-danh sự-nghiệp ngài thời cứ đọc những bài viếng đăng sau này cũng đủ biết. Nhất là bài viếng của quan Công-sứ DARLES, lời lời thấm-thiết, thật là tả được hết cái tâm-sự của cụ lớn ĐOÀN vậy. Quan Công-sứ khen ngài là người cương-trực, thấy việc gì không lợi cho nước cho dân thời nhất-thiết phản-đối, không ưa những kẻ luồn cúi nịnh-nọt; lại khen ngài là nhà ái-quốc có nhiệt-thành, muốn giữ lấy cái tinh-thần cũ của nước Nam mà lại mong-mỏi cho nước Nam

ngày một cải-lương tiến-hóa ; thiệt không lời khen nào xứng-đáng bằng. Ôi ! quan-trường là nơi náo-nhiệt, trong khoảng gần đây đã suy-biến đi nhiều : để mình vào chốn ấy mà giữ trọn được danh-tiết, không nhục đến danh-giáo, không thẹn với non-sông, trước sau hồ dễ được mấy người ? Cụ Hiệp Đoàn thật đã xứng đáng liệt vào bậc thanh-cao ấy, mà lời khen ngài chính ở quan đại-biểu Chính-phủ Bảo-hộ nói ra lại càng có giá-trị lắm vậy.

Bản-quán lục đăng sau đây các bài diễn-thuyết đọc viếng ở trước mộ ngài ngày 14 Août vừa rồi. Cả thảy có năm bài : một bài của quan Công-sứ Darles đọc thay mặt quan Thống-sứ Bắc-kỳ ; một bài của quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu, phó hội-chủ hội « Khai trí-tiến-đức », đọc thay hội « Khai-trí » ; một bài của văn-thân huyện Thanh-oai ; một bài của giáo-viên cùng học-sinh trường Thanh-oai ; một bài của thân-hào kỳ-dịch làng Hữu Thanh-oai ; nay sưu-lập và công-bố cả ra đây cho quốc-dân biết cái thanh-danh sự-nghiệp của một bậc đại-thần trong nước và cũng để giúp cho nhà làm sử sau này chép sự-trạng ngài.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã tư về trong Bộ tâu với Hoàng-Thượng xin truy-tặng cụ Hiệp Đoàn chức Đông-các đại-học-sĩ.

I

Bài viếng của quan Công-sứ Darles

« Quan Tổng-đốc Đoàn Triển mất là Chánh-phủ Bảo-hộ mất một người giúp việc cũ rất trung-thành. Nay cất đám ngài, Chính-phủ muốn nhân dịp nối lời phân-ưu cùng quí-quyến. Quan Thống-sứ Bắc-kỳ lấy tôi là người đã từng quen biết cụ-lớn Đoàn, ủy-phái tôi về đây để kính viếng vong-linh ngài lần cuối cùng, và thuật lại để các thân-bằng cố-hữu họp ở đây biết những công-danh sự-nghiệp của ngài trong một đời đã vẻ-vang.

« Làng Hữu Thanh-oai đây là chốn quê-hương ngài : trọn một đời vinh-hiển, đến khi trí-sĩ ngài về đây nghỉ-ngơi, trong lúc nhàn-hạ hồi-tưởng việc cũ, ngẫm-nghĩ sự đời. Ngài sinh ở đây ngày 15 tháng 6 năm 1854. Tiên-đại-phu làm quan đến đốc-học Bắc-ninh ; nối nghiệp nhà, trong tuổi tráng-niên ngài cũng chuyên-trị hán-học, đến khoa thi hương năm 1886 đỗ cử-nhân. Được hàm cung-phụng, mới bắt đầu vào quan-trường, sung chức tư-vụ tại nha Kinh-lược ; kế thăng lên chủ-sự, rồi viên-ngoại, đến tháng hai năm 1895 ngài mới ra chức cai-trị, lĩnh tri-phủ phủ Bình-giang (Hải-dương). Sau đổi luôn sang phủ Kinh-môn, Nam-sách, Ninh-giang, đến năm 1900 thời được thăng chức Án-sát, sung viện Thượng-thẩm là lần đầu. Ngài ở Thượng-thẩm gần ba năm, quan chánh Chưởng-án đã có lời khen là ông quan rất thông-hiểu luật-lệ và phong-tục An-nam, công-bằng chính-trực, có nhân-từ mà vẫn giữ nghiêm-nhặt trong sự hình-phạt. Song một ông quan giỏi như vậy, Chánh-phủ Bảo-hộ không thể để mãi ở chức tư-pháp và muốn đem về chức hành-chánh ; vậy năm 1903, ngài về Án-sát Ninh-bình. Năm sau ngài được thăng Tuần-phủ tỉnh ấy. Bấy giờ viện Thượng-thẩm lại khuyết, bộ tư-pháp lại phải nhờ đến tài-năng ngài trong ngót một năm rưỡi nữa.

« Kịp đến năm 1907 Chánh-phủ định cải-lương việc học An-nam, đặt ra các trường tổng ; bấy giờ cần phải lập một cuộc tu-thư, soạn các sách giáo-khoa để chỉ bảo cho những thầy tổng-sư mới. Chánh-phủ biết Cụ-lớn Đoàn là người hay lưu-tâm về việc giáo-dục, nên lại cậy đến ngài sung vào Tu-thư-cục để trông nom việc làm sách học cho các trường tổng-sư. Đến tháng 12 năm 1908, công việc xong, ngài đổi ra tuần-phủ Hà-nam.

« Nhưng sang năm 1909 thời Chính-phủ Bảo-hộ quyết tâm-nã cho đến sào-huyệt tên tướng giặc Đề-Thám. Đảng giặc đương bị đuổi ở vùng Yên-thế, tràn sang tỉnh Phúc-yên, quan Khâm-sai bấy giờ khẩn xin một quan tham-tán tin-cẩn và quả-quyết để giúp việc. Tháng 6 năm 1909, Chính-phủ phái quan Đoàn-Triển ra Phúc-yên, tỉnh ấy là nơi quân giặc dễ lẩn-lút và dễ mật-thông với dân, nhờ ngài hết sức giúp mà đến sau tiễu-trừ được hết. Chính ở Phúc-yên, vào tháng 7 năm 1910, mà tôi được quen biết ngài, trước là một tay giúp việc quan giỏi, sau thành một người bạn thân, thường khuyên bảo những điều phải lẽ trái về cái thuật rất huyền-diệu, rất khó-khăn là phép cai-trị các dân-đoàn trong nước Nam này.

« Chính-phủ muốn thưởng công-lao cho ngài, bèn thăng chức thự-tổng-đốc và bổ về tỉnh Bắc-ninh ; tháng hai năm 1912, thăng tổng-đốc chánh-ngạch, và cách mấy tuần lễ bổ về Nam-định, về đấy thời ở luôn cho đến ngày hồi-hưu. Trước khi về nghỉ,

ngài muốn được chứng-kiến khoa thi hương cuối cùng là khoa năm 1915. Nhân dịp ấy, tôi được gặp ngài ở Nam-định : trông cái cảnh-tượng những thày cử-tú tân-khoa, mà ngài hồi-tưởng lại lúc thủa trẻ thi đỗ, bấy giờ ngài mới nói chuyện cho tôi biết rằng ngài làm việc quan đã 26 năm rồi, nay quyết định muốn xin về hưu-trí ở nơi quê-hương chốn tổ, để di-dưỡng tuổi nhàn, cùng với con cháu xum-vầy vui-thú trong ít lâu nữa.

« Trong bao nhiêu lâu hành-chánh, không mấy khi được thư-thả mà về nghỉ-ngơi chốn cũ để giải những nông-nỗi phiền-muộn trong cái nghề rất khó nhọc là nghề trị dân ; tự khi về nghỉ lại gặp sự buồn rầu phải hai cái tang, là tang qui-phụ-nhân và tang một lịnh-ái rất yêu-dương ; trước sau được ba năm rưỡi thời ngài cũng mất, ở nơi nhà cũ này.

« Ngài ước-ao được về nghỉ ngơi, nhưng dù trong khi nghỉ-ngơi mà vẫn giữ cách làm việc bình-sinh, vẫn một lòng ân-cần đến việc nước, cho đến khi gần mất vẫn lưu-tâm về việc chính-trị.

« *Một đời quan Tổng-đốc Đoàn thật là cống-hiến cả cho việc công-ích trong nước. Ngài vừa là một ông quan giỏi, lại vừa là một nhà ái-quốc có nhiệt-thành ; tính cương-trực, một lòng vị công-nghĩa, phàm những kế-hoạch gì mà ngài không thấy rõ có lợi cho nước, lợi cho dân, thời ngài công-nhiên phản-đối. Phàm phán-đoán bao g ờ cũng lấy bình-tĩnh, phẩm-bình bao giờ cũng lấy lẽ thẳng, nên ngài rất ghét những kẻ luồn-cúi nịnh-nọt, cùng những kẻ giả-trá bất-trung. Ngài có cái đức chí-thành như vậy — mà trong sự thành-thực ấy thường khi có ngụ một cái ý mỉa đời rất thâm — nên ai đã thực bụng đến hỏi han ngài, nhờ ngài lấy cái tài kính-lịch biết việc biết người mà chỉ-bảo cho những ý-kiến khôn-ngoan, thời không ai là không đem lòng yêu mến trọng-phục ngài.*

« Một người đã dầm-thấm trong cái cổ-học thâm-thúy như ngài, chắc là một lòng tôn-sùng những bậc cổ-thánh-hiền đã tạo-đào ra mình từ thủa trẻ. Nhưng tuy ngài tôn-sùng cái cổ-học của các thánh-hiền đã lấy những lời cách-ngôn cao-thượng mà nung-đúc nên tư-cách người ta mạnh mẽ như vậy, song không phải là chỉ biết mê-tín đời trước, lấy những nghĩa-lý của đời xưa là cái chân-lý tuyệt-đích của muôn đời đâu. Cái trí ngài sáng-suốt, mềm-mại, đã thông-hiểu lắm nên biết trông xa đến cái tiền-đồ về sau này, mà đã sớm hiểu cái lẽ rằng tuy người sống là sống vì cái tinh-linh của người chết (*l'âme des vivants est faite de la pensée des morts*), nhưng người ta cũng như các dân-tộc muốn sinh-tồn thời phải biến-hóa, phải hoạt-động, phải tiến-bộ luôn mới được. Ngài hằng ngày tiếp-xúc cái văn-minh của chúng tôi mà biết rằng cái văn-minh ấy tuy không có phá-đổ những thói-cách tư-tưởng sinh - hoạt cũ của tổ tiên di-truyền lại mà mỗi ngày có dần-dần biến-đổi đi một chút ; nên ngài hiểu rằng hiện nay đã có một nước có thế-lực mà có nhân-từ, đương dìu-dặt nước này mà đưa lên một cõi chân-cảnh sán-lạn vẻ-vang, dẫu trong mộng-tưởng các bậc cổ-thánh-hiền đời xưa cũng chưa tới kịp.

« Thanh-danh trọng-vọng như ngài, lại có tiếng là người yêu-mến cái văn-hóa cũ nước Việt-Nam, được lòng dân kính mến trọng-phục, chắc là có một đảng thủ-cựu muốn suy-tôn ngài làm một tay lãnh-tụ để phản-đối những sự cải-cách mới. Lại có nhiều đảng khác nữa cũng muốn mượn tiếng ngài để xướng-suất những sự yêu-cầu không thiết-thực. Nhưng ngài vốn tính thẳng, không ưa những sự yêu-hãnh nhỏ nhen của các đảng ám-muội ấy, là những kẻ vị lòng tham-vọng riêng của mình hơn là vì việc công cho nước ; ngài lại có cái trí-tuệ sáng-suốt và ngay-thẳng, có lòng sốt-sắng yêu nước, mong cho nước Nam mỗi ngày một tiến-hóa cải-lương, nên ngài cũng bỉ những cái chủ-nghĩa rối-loạn làm cho dân-tộc đến suy-tồi. Ngài đã thâm-hiểu và ngài thường tuyên-bố rằng phàm tiến-bộ phải có kỷ-luật, không có quyền trên thời không có xã-hội được. Ấy cái chủ-nghĩa của ngài phân-minh chánh-đáng như vậy, vừa phản-đối những kẻ cố-chấp muốn giữ cũ khiến cho ngưng-trệ lại không tiến-hóa được nữa, vừa phản-đối những kẻ vội-vàng muốn đổi mới, hấp-tấp mà thành ra bại-sự ; chủ-nghĩa ấy ngài đã tóm-tắt lại một câu trong bài diễn-thuyết của ngài ở tiệc trà Hội Khai-trí tại Văn-miếu, nói rằng : « Phải có trật-tự trong sự tiến-bộ » : đó là lời châm-ngôn gồm cái chính-kiến của một bậc đại-thần, sẽ truyền lại sau này như một lời di-chúc để khuyên cho những kẻ hậu-tiến biết cẩn-thận mà giữ đạo thường vậy.

Ôi ! Quan Tổng-đốc Đoàn, Chánh-phủ Bảo-hộ thương tiếc ngài là một người trung-trực hiền-lương ; Quốc-gia Nam-Việt thương tiếc ngài là một bậc anh-tài ái-quốc. (1)

II

Bài viếng của quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu

Nhân quan Hội-Chủ hội Khai-Trí-Tiến-Đức đi vắng, tôi xin thay mặt cả Hội đến viếng quan Thiếu-Đoàn.

Công-nghiệp của Ngài đối với Nhà-nước thời quan Công-sứ Darles thay mặt quan Thống-sứ, vừa kể rồi. Đây tôi chỉ tỏ lòng Ngài đối với Hội Khai-Trí-Tiến-Đức. Ngài là một người có nhiệt-thành về sự giáo-dục cho dân nước Nam, bởi vì Ngài đã hiểu rằng cái hậu-vận nước ta là bởi sự giáo-dục, cho nên khi mới lập hội Tiến-Đức thời Ngài vào ngay chân sáng-lập hội-viên. Gặp khi tiễn quan Toàn-quyền Sarraut về nước Đại-Pháp, thời Ngài thay mặt Hội mà đọc một bài chúc-từ, ý-tứ rất là cao-sâu, lời lẽ rất là chỉnh-đáng. Tưởng Trời còn để Ngài được nhiều năm thì Hội chúng tôi còn nhờ cái thông-minh của Ngài được lâu dài, chẳng dè đâu Ngài mới đau có mấy bữa mà đã lìa trần, để cho những kẻ biết Ngài đều một lòng thương tiếc. Tuy ngài đã khuất mặt, nhưng cái bài chúc-từ của Ngài còn ghi trong sách Kỷ-yếu của Hội chúng tôi, thời cái danh-dự của Ngài không bao giờ mà tiêu-diệt đi được.

Còn phần riêng tôi, nay mất một người bạn tốt thì lại càng thương tiếc lắm. Ngài với tôi quen biết đã lâu, tình-nghĩa rất là thân-thiết. Những các việc công-ích trong tỉnh Ngài vẫn lưu-tâm giúp đỡ cho dân được chóng khai-hóa, thực là một người tiêu-biểu cho dân trong tỉnh này.

Sau nay tôi xin phân-ưu cùng qui-quyến.

---

(1) Bài viếng của quan Công-sứ Darles dịch trên kia, lời văn tây chải-chuốt và có ý cảm-động, bản-báo xin lục-đăng nguyên-văn ra sau đây, để lưu-truyền về sau :

« Le Protectorat du Tonkin n'a pas voulu laisser disparaitre un de ses plus anciens et de ses plus fidèles collaborateurs sans venir joindre ses regrets et sa douleur aux larmes de toute une famille consternée par un deuil si cruellement imprevu. — Aussi M. le Resident Superieur m'a-t-il confie, en ma qualite d'ami personnel de S. E. M. le Tong-doc Doan-Trien, le soin de venir saluer une dernière fois sa dépouille mortelle et de retracer devant la longue theorie de ses amis et de ses parents les etapes de sa glorieuse carrière.

« Dans ce même village, ou il se retira, pour y passer dans les souvenirs et les méditations, les dernières annees d'une vie de travail et d'honneurs, M. Doan-Trien etait ne le 15 juin 1854. — Fidèle a l'exemple de son pere Dốc-hoc de Bac-Ninh, il consacra a l'etude des lettres chinoises les belles annees de sa robuste jeunesse et il etait proclame cu-nhàn au grand concours de 1886. Pourvu du grade de Cung-Phung, il inaugure sa carriere administrative par les fonctions de Tu Vu dans les bureaux de S. E. le Kinh-luoc : promu successivement chu-su et viên-ngoai, il aborde enfin les fonctions d'autorite comme tri-phu de Binh-Giang (Hai-duong) en février 1895. Il passe ensuite dans les circonscriptions de Kinh-Môn, Nam-Sach et Ninh-Giang, avant d'être appele comme An-Sat a siegei pour la premiere fois a la Cour d'Appel, en 1900. Il y reste près de 3 ans et M. le Procureur General rend un hommage merite a sa profonde connaissance du droit et des coutumes annamites, a son equite toute bienveillante, mais qui n'exclut pas le souci legitime des sanctions justes et necessaires. Cependant l'Administration du Protectorat ne veut pas se priver plus longtemps d'un collaborateur de ce prix et la province de Ninh-Binh voit arriver M. Doan-Trien comme An-Sat en 1903. L'année suivante il est nommé sur place Tuân-phu. Une vacance se produit à la Cour d'Appel, et de nouveau on a recours à la compétence si appréciée de M. Doan-Trien qui y siègera pendant près d'un an et demi

« La réforme de l'enseignement indigène et l'institution des écoles cantonales en 1907 exigeait la création d'un bureau de rédaction pour les manuels scolaires qui devaient guider le zèle encore inhabile d[illegible] nouvellement formés. On fit appel au devoûment connu de M. Doan-Trien pour toutes les œuvres d'enseignement et pendant [illegible] d'un an il va composer et surveiller a la Residence Superieure la future bibliotheque des ecoles cantonales. En decembre 1908, sa tâche terminée, il est envoyé comme Tuan-phu à Hanam.

III

Bài viếng của thân-hào huyện Thanh-oai

(Quan Nguyên Đốc-học Ngô Giáp-Đậu soạn)

等 雨。明 晴。今 者。事 天 談
者。品 於 臣。論 滄。桑 於 局 麼
人。於 聲。風 表 哀。榮 死 生
古 翹 翹。里 我 悠 悠 并。
聞 閥。華 州 奇。公 段 右 江
光 基 家 邦 之 器。璋 奎 之 才。
聯 之 堂 黃 四 頌。人 傳 東 塵。
大 五 之 中 州 民 仰 福 皇。詞
揚 衣 袞。之 自 銘 世 廟。屈
朝 歷。數 聖 年 三 十 三 勞。
回 頭 六 十 六 老。我 都 督
香。焚 光 天 期 里。私 化 之 造 春 秋。
海 宦 夫 夜。星 於 公 於 角 幸 方
險 檣 高。帆 一 信 忠 則 涛。
載 奚 千 名 功 何 識 見 則 如 篙。
人 生 朝 露。
玉 昆 標。芝 是 喜 傳 播 卷 里 鄉 觀
錦 堂 門 閭。盛 於 益 合
江 山 呼。嗟 耀。榮 其 誌
人 福 完。辰 幾 雨 雲 斯 上。
心 傷 世。斯 於 感 何 公 閭。
何 原。九 於 歸 與 誰 國。故
夜 臺。數 聲 高 里。處

本縣紳豪仝拜

IV

Bài viếng của giáo-viên và học-sinh trường Hữu-Thanh-oai

Thưa các quan,

Hôm nay là ngày tiễn-biệt Quan Tổng-đốc Nam-định, Thái-tử-thiếu-bảo Hiệp-tá-đại-học-sĩ trí-sĩ Đoàn đại-nhân nhàn-du vườn Lãng-Uyên.

Thầy giáo và chúng tôi ở trường Hữu Thanh-Oai xin có mấy lời thành-thực cúi đầu trước linh-cữu ngài để tỏ lòng kính-mến.

Thiên-hạ có ba bậc đáng tôn kính : một là người có chức-tước, hai là người có đạo-đức, ba là người có tuổi, mà ngài có đủ, nhân dân ai là chẳng có lòng kính mến thiếp-phục.

Đang buổi giao-thời, cái qui-mô học-thức cần phải hoán-cải, thì ngài là người rất am-tường thời-sự, nên Nhà-nước sung ngài vào Tòa Tu-thư để được thỏa lòng nhiệt-thành cải lương sư-phạm của ngài.

Nguyên nước Nam mấy năm trở về trước ở nhà-quê chỉ biết học một thứ chữ Hán, họ không biết rằng muốn trình-độ được tiến hóa thì phải biết chữ quốc-ngữ và chữ Pháp mới được. Vả lại bấy giờ những trường Hương-sư và Tổng-sư chưa đâu lập cả, nên các bố mẹ học-trò không biết sự ích lợi chữ quốc-ngữ thế nào. Dẫu có người muốn cho con cháu học chữ quốc-ngữ ra nữa thì cũng không biết cho học ở đâu, vì lên tỉnh thì xa và cũng ít người có đủ vật lực mà đi trọ học được. Nên ngài trù-nghĩ ngay về sự đó. Năm Đinh-vị (1907) ngài suất tiền ra làm trường tư cho làng, nào là mua bút, sách, giấy để phát cho học-trò, để cho những người nghèo cũng đi học được, nào là tậu ruộng cho làng để lấy lương nuôi thầy. Các việc chi-phí đều là ngài cho cả. Lúc bấy-giờ các tỉnh ở nhà-quê chưa đâu có trường Hương-sư và Tổng-sư, mà một mình làng này có

« Mais voici qu'en 1909 le Protectorat se décide à forcer dans son dernier repaire le chef pirate Tham. Chassées du Yên-Thê, ses bandes passent dans le Phuc-Yên où le Khâm-Sai demande un collaborateur énergique et sûr. En juin 1909 M. Doan-Trien est envoyé à Phuc-Yên et il coopère activement à la pacification définitive d'une province où la piraterie était assurée de trop de complicités et de refuges. C'est à Phuc-Yên, en juillet 1910, que je fis la connaissance de ce collaborateur d'élite, qui devint pour moi par la suite un ami loyal, en même temps qu'un conseiller admirablement averti de toutes les complications subtiles du gouvernement des collectivités annamites.

« En récompense des excellents services qu'il avait rendus, M. Doan-Trien est désigné pour Bac-Ninh en qualité de Tông-Dôc stagiaire : en février 1912 il est nommé Tông-Dôc titulaire et quelques semaines après, il rejoint Nam-Dinh où il devait terminer sa longue et belle carrière. Avant d'abandonner définitivement ses fonctions, il voulait assister au dernier concours triennal, celui de 1915.

trước, thật là hạnh-phúc cho những bậc thiếu-niên làng này vậy. Lúc ấy trường mới mở, vì có lời hiểu-dụ của ngài, mà đã có đến 100 học-trò. Ai nấy đều nức lòng cố gắng học-hành cho thành cái hi-vọng cao-thượng kết-quả thành-hiệu của ngài. So với trước chưa ai biết quốc-ngữ mà bây giờ đã hiểu thông, sự học tấn hóa cũng chóng lắm vậy.

Sự học trong làng dẫu tấn-tới như thế, mà lòng nhiệt-thành về sự học của ngài vẫn còn chưa phỉ. Ngài nghĩ rằng trường học này chỉ riêng một làng thôi, vậy đến năm Nhâm-tý (1912) ngài đang làm Tổng-đốc Nam-định, ngài lại suất tiền riêng, theo kiểu mới, làm thêm một cái trường nữa to hơn và đẹp hơn để cho cả học trò hàng tổng học. Từ đó trường tư mà hóa ra trường công, sự học lại càng tấn tới lắm. Ngài lại nghĩ rằng nếu chỉ học quốc-ngữ thôi, thì trình-độ tấn-hóa và đường tân-học lại chậm, nên ngài lại xin Nhà-nước bổ thêm một thầy dạy chữ Pháp, để cho học-trò học rộng ra.

Trường lập đến nay, tính vừa một kỷ, mới có ba người đỗ bằng Sơ-học tốt-nghiệp, nhưng cũng gọi là thành-hiệu được ; và bây giờ cũng đã nhiều người đọc nổi vần tây.

Ngày 16 tháng hai ta năm nay là kỷ-niệm lập nhà trường, ngài lấy làm vui mừng và làm hội trọng-thể. Có cả Quan Chánh Đốc và quan tây quan ta đến chứng-kiến.

Cổ-nhân có câu : « Lập đức bất hủ, lập công bất hủ ». Danh tiếng và công đức của ngài không bao giờ mất thì thật xứng đáng câu nói ấy lắm.

Ai ai vẫn đang chúc mong ngài thọ ví Thái-sơn để mọi người được núp bóng cam-đường. Ngờ đâu vật đổi sao rời, mây bay núi lở, xe hạc đã vội ruổi rong băng miền Cực-Lạc !

Vị Tướng-tinh bỗng rụng lưng trời, ai không ngao ngán !

Bóng Kiều-mộc hãy còn giợp đất, dạ phải tạc ghi.

Điển-hình chép sách bao giờ mất,
Sự-nghiệp ghi bia để lại còn.

Than ôi ! một phút nhân-du, nghìn thu khôn thấy, mấy lần công đức, muôn thủa nào quên ! Thôi, gọi có mấy lời thành-thực kính mến ngài để chúc ngài yên giấc ngủ trăm năm.

Hữu Thanh-Oai tràng giáo-học Nguyễn văn-Hiếu đồng môn-sinh đẳng bái-văn.

C'est a cette occasion et au milieu des laureats qui lui rappelaient le lointain triomphe de ses jeunes annees, qu'il me confia son projet murement resolu de demander sa retraite et de se reposer enfin, apres 26 ans de services, dans l'horizon familier des rizieres paternelles, au milieu de ses nombreux enfants dont les rires, les jeux et les études charmeraient l'oisiveté de ses dernières heures.

« C'est là, dans la maison paisible ou trop rarement au cours de ses longues annees de labeur, il venait oublier dans le calme du foyer souriant les deceptions et les miseres du rude metier de conducteur d'hommes, c'est la qu'il s'est eteint apres 3 ans et demi de repos, l'âme endeuillee par la disparition de sa compagne préférée et d'une fille particulièrement chérie.

« Mais même au sein de cette retraite, qu'il avait deliberement souhaitee, il conserva les habitudes de sa vie d'autrefois : soucieux jusqu'a ses derniers jours des affaires du pays, il tenait à s'informer de tout ce qui intéressait l'Administration et la politique.

« La vie de M. Doan-Trien a été consacrée tout entière au bonheur de son pays. Patriote fervent autant que fonctionnaire d'elite, la franchise parfois brusque de son dévoûment à la chose publique l'erigeait en adversaire resolu et loyal contre toute mesure où il n'apercevait pas clairement l'interet du pays et le bien de ses compatriotes. Libre dans ses jugements, hardi dans ses appréciations, il professait une egale repulsion pour l'obsequiosite flatteuse et le masque deloyal du mensonge. Et cette sincerite, qu'on eprouvait parfois si finement ironique, seduisait infailliblement tous ceux qui recherchaient sans réticence les avis toujours lumineux de sa longue experience des hommes et des affaires.

« M. Doan-Trien s'etait trop largement abreuve aux sources sacrees des disciplines traditionnelles pour ne pas avoir conserve pieusement l'ardent amour du disciple reconnaissant envers les maitres qui avaient forme sa studieuse jeunesse. Mais sa devotion fervente pour les antiques penseurs, dont les nobles maximes avaient trempé fortement son ame d'adolescent, ne l'avait pas fige dans une exclusive admiration pour un passe qui jamais ne fut pour lui la seule et immuable vérité. Son clair bon sens, son esprit souple, trop cultive pour ne pas s'ouvrir aux lueurs d'un avenir encore confusément aperçu, l'avaient des longtemps averti que, si l'ame des vivants est surtout faite de la pensée des morts, la vie des hommes comme celle des peuples signifie activite evolution, progres. Au contact journalier de notre civilisation qui effaçait et transformait insensiblement sans les bouleverser les habitudes de

V

Bài viếng của thân-hào kỳ-dịch làng Hữu Thanh-oai

Chúng tôi là viên-sắc già cả lớn bé trong làng, có mấy lời kính-viếng trước linh-cữu cụ lớn Thượng Đoàn, ngài là con thứ tư cụ-lớn Phó-đô, làm quan đến Thái-tử-thiếu-bảo, làng ta từ lúc có xã-hội họ ngài cũng có người hiển-đạt để làm tiêu-biểu cho làng, mà ngài lại làm to hơn các cụ khi trước, thực là vẻ-vang cho chốn phần-hương. Vả việc có phải những thế mà thôi đâu.

Từ khi ngài chưa đỗ, đã có công khó nhọc với làng rồi, chúng tôi nhớ khi cụ lớn Phó-đô sinh ra ngài đã trăm tuổi rồi, quan phủ Yên-khánh là anh cả ngài cũng không còn, chỉ còn anh thứ hai là quan Thị-giảng với ngài, nhưng quan Thị-giảng rất là hiền-lành, công việc gì trong làng ngài cũng đang hết cả.

Lúc bấy giờ lại phải buổi trong làng nhiều việc khó-khăn quá, thế mà một mình ngài cáng-đáng được xong, đương khi giặc-giã, thời ngài dựng ra đoàn-kết, để giữ cho làng được yên-ổn, đến lúc thái-bình thời ngài làm Bang-tá ở huyện nhà, cũng che-chở cho làng được nhiều việc, ấy những sự đó, các ông già trong làng bây giờ hãy còn biết cả, đến khi ngài đã đỗ, làm quan ở Kinh-lược, ngài lại làm ơn cho được nhiều người ở trong làng, sau này ngài ra xuất-chính, kinh-lịch tất cả bốn phủ huyện, hai lần làm Án-sát tòa Thượng-thẩm, còn Tổng-đốc Tuần-phủ, trước sau là sáu địa-phương, tiếng là việc quan bận-bịt, nhưng bụng ngài vẫn không lúc nào quên việc làng, đình làng chưa đẹp, thì cung-tiến cả vôi đình, văn-chỉ chưa có thì cung-tiến cả văn-chỉ, ruộng làng hay lậu, thời đo lại cho khỏi lậu, đình làng phải tăng, thời phát thẻ cho khỏi tăng, lại còn lập nhà trường, để cho con em trong làng mau tấn-hóa, làm phong-tục để cho lệ-thói trong làng mau cải-lương, trước sau ba bốn mươi năm, công-nghiệp của ngài biết bao nhiêu mà kể.

Vừa mới đây, ngài đương trù-tính về con em trong làng, sau này việc đóng sưu rất là khó-khăn lắm, vậy ngài đã xuất tiền tư, tậu được hơn hai mươi mẫu ruộng, ở làng Điền-xá tỉnh Phúc-an, để cung cho làm của công, vả lại tậu giúp cho làng hơn hai mươi mẫu nữa, hợp vào mấy chỗ ruộng của ngài cúng, để về sau giúp đỡ sưu thuế cho con em, thực là một việc lớn lao và ích-lợi về lâu dài cho làng ta lắm lắm. Ngài vẫn ước ao rằng Trời cho ngài trường-thọ được năm năm nữa, thời ngài quyết rằng làm được việc ấy cho ích-lợi vô-cùng, ngờ đâu ngài vừa giao sổ sách ký ước cho làng, mới được hơn vài tháng thời ngài xiêu-thang nơi cực-lạc. Than ôi, tuy rằng người

---

pensee et de vie que lui avait leguees la sainte piete de ses ancêtres, il comprit qu'une volonté *forte* continue, tout adoucie de bienveillance emportait son pays vers des realites splendides, inconnues aux rêves les plus hardis des philosophes de jadis.

« Sans doute l'autorité de son nom, son attachement public a la culture du vieil Annam, et aussi l'estime affectueuse qu'il savait inspirer à la masse du peuple lui attirerent frequemment les sollicitations flatteuses de tout un parti qui prétendait le dresser en champion irreductible contre le peril menaçant des innovations et des réformes. D'autres groupes aussi s'essayerent a gagner son adhesion aux programmes confus de leurs revendications mal definies. Autant par sa loyauté native, il repugnait aux mesquines intrigues de ces cabales clandestines, moins preoccupees de l'interêt public que de satisfaire des ambitions malsaines, — autant son intelligence faite de clarté et de méthode, son amour ardent d'un Annam progressivement régénéré, lui faisaient condamner et mépriser les principes d incohérence et de désordre qui conduisent les peuples vers les décadences definitives Il avait compris et il aimait à le repeter qu'il faut une discipline dans la marche vers le progres, et qu'il n'y a pas de societe possible, sans principe d'autorité. C'est la conception nette de cette doctrine, egalement hostile a l'intransigeance obstinée dans le culte hieratique du passe et à l'impatience dangereuse des innovations apocalyptiques, qu'il synthétisa dans la formule par laquelle il clôturait son dernier discours public à la Pagode des Corbeaux : « L'ordre dans le progrès », telle fut la devise qui résumait toutes les aspirations politiques de ce grand citoyen et qu'il a laissée, comme un testament de prudence et de sagesse à tous ceux qu'il inspira de ses conseils et son expérience.

« Le Protectorat regrettera en vous, M Doan-Trien, la grande loyauté d'un noble caractère, l'Annam, une intelligence d'élite et un patriote clairvoyant. »

làm không cần ai biết, nhưng mà kẻ chịu ơn hồ dễ dám quên, coi việc làng như việc nhà, xưa nay có mấy, chết làm thần, sống làm tướng, công đức ai tầy, đàn chúng lòi yêu ngài mến ngài thương ngài nhớ ngài dủ nhau đến đây, đồng-thanh mà chúc ngài nghìn năm được yên giấc ngủ sau cùng.

(Ba bài viếng sau là của ông NGUYỄN VĂN-TẠO sao-lục gửi cho bản-báo).

Thơ mừng báo Nam-phong. — Tây-dương thượng-nhân là cụ linh-mục người qui-quốc độ trước đã có bài bình-phẩm *Nam-phong* trong báo tây, nay gửi tặng bản-báo bài thơ mừng đệ-nhị châu-niên như sau này, bản-báo rất lấy làm hoan-nghênh và cảm-tạ cái thịnh-tình nhã-ý của Thượng-nhân.

Người Tây học chữ nho và tiếng ta mà làm được thơ đúng âm-luật, lời lẽ lại nhã-thuần như bài này tưởng mới có Thượng-nhân là đầu; đủ biết tinh-thần quốc-văn ta ngài đã nhập-diệu vậy. Bản-báo vừa cảm ơn ngài mà vừa có lời khen ngài đã có tài học tiếng như vậy. Vả xưa nay thật thông-hiểu quốc-âm ta chỉ có các ngài trong Giáo-hội mà thôi, và chữ quốc-ngữ sở-dĩ thành quốc-văn An-nam như ngày nay cũng là nhờ công-phu của Giáo-hội nhiều; quốc-dân ta nên nhớ chớ quên.

Mừng Nam-phong đệ-nhị chu-niên.

Nam-phong hiu hắt đầy hai niên,
Đại-Việt dần dà tỉnh ngộ lên.
Trí thức dượm nhuần tân học-vấn,
Tình thần nối chắp cựu thùy-biên.
Lý-tài bao quát kim nông cổ,
Đức-chánh noi theo cổ Thánh Hiền.
Mai hậu văn-minh làn khắp cõi,
Con Hồng cháu Lạc hưởng bình yên.

TÂY-DƯƠNG

Giới-thiệu sách mới. — 1° — *Địa-cầu vạn-vật luận. — Nhân-loại thân-thể* (Anatomie et Physiologie de l'homme). Của Cố THỊNH (Père Fr. CHAIZE) soạn. 156 trang. In tại Hương-cảng năm 1919, bán ở nhà thờ Sở-kiện (Phủ-lý), giá 0$50.

Trong *Nam-Phong* số 20, trang 149-150, bản-báo đã giới-thiệu sách *Thực-vật* (Botanique) của Cố THỊNH xuất-bản năm ngoái và có lời khen là sách có ích cho người An-nam ta muốn thiệp-liệp về các môn cách-trí. Nay lại mới xuất-bản quyển *Nhân-loại thân-thể* là kế-tục quyển trên, soạn-thuật cũng kỹ-lưỡng, sắp-đặt cũng tinh-tế như quyển trước, mà các hình vẽ lại rõ-ràng lắm. Có ích nhất vẫn là tập « Tự-vựng » nhỏ đính sau sách, dịch các tên tây ra tiếng ta, nhiều tên dịch nôm gọn-ghẽ lắm, vừa dễ hiểu mà vừa đúng nghĩa, như: *cellule*, dịch là « viên »; *tissus*, dịch là « lớp viên »; *protopasmel* dịch là « chất sống, chất động »; *lymphe* dịch là « máu trắng », thời cũng dễ nghe mà có phần lại giản hơn chữ nho như « tế-bào », « tiêm-duy », v. v., người không biết chữ chưa dễ đã hiểu ngay được; nhưng đó là những chữ nào có thể dịch nôm gọn-ghẽ được thời tác-giả mới dịch như thế, chớ không có câu-nệ, chỗ nào không dịch được thoát nghĩa, hoặc dịch ra dài và lôi-thôi quá thời cũng mượn cả chữ nho là thường, như: tụy-trấp = *suc pancréatique*; vị-toan = *suc gastrique*; yết-hầu = *augine, croup*; giao-hợp thần-kinh, = *grand sympathique, système ganglionnaire*, v. v. — Nói tóm lại thời tác-giả thật đã dụng-công chú-ý về sự phiên-dịch các danh-từ tây ra tiếng ta, và nhiều tên nhiều chữ dịch đã lọn nghĩa và thanh-thoát lắm. Trong việc soạn sách cách-trí bằng tiếng An-nam thời phần tìm tiếng dịch chữ là khó hơn cả, vì tiếng nôm ta về đường khoa-học mới còn thiếu-thốn nhiều, hoặc có tiếng mà chưa định nghĩa phân-minh; nay tác-giả châm-chước tiếng nôm chữ nho mà phiên-dịch được hết, tuy có một vài tiếng nghe còn chưa được thuần lắm, nhưng phần nhiều đã có thể cho là thành-ngữ được, công-phu ấy thiệt là đáng khen vậy. Các nhà làm sách sau này có thể nhờ đó được nhiều.

Nay trong các trường Pháp-Việt ta dạy cách-trí thuần bằng tiếng tây cả, học-trò gào như quốc kêu, truyền như vẹt nói, mà rút cục hỏi *tì-vị* là cái gì, *thần-kinh, huyết-quản* là cái gì, mơ-hồ không biết chi chi cả: cách dạy thế đã dở chưa? Tổng-chi là các thầy giáo không có sách nào dịch sẵn những tên tây ra tiếng ta, cũng nhiều ông không chịu khó nghiên-cứu mà dịch lấy, thành ra cứ dạy cho học-trò học lấy thuộc lòng mà đến lúc nói ra tiếng ta không biết nói làm sao. Nay đã có những sách cách-trí như sách của cố THỊNH, soạn-thuật có công-phu như thế, mà lại sắp-đặt riêng cho học-trò học, chia từng bài nhỏ, dưới có câu hỏi, các thầy

giáo mỗi người nên có một quyển để mà soạn bài và tra-cứu, rất là có ích-lợi.

P. Q.

* * *

2° — *Triết-học khoa. Phép mở sự khôn-ngoan* (Philosophie). Quyển I (404 trang) và Quyển II (343 trang). Của cố CHÍNH-LINH (Père A. SCHLICKLIN) soạn. In tại Hương-cảng năm 1917.

Trong bể học mênh-mông, triết-học là phần uyên-ảo hơn cả. Nhà nho ta mấy người đã thuộc bộ *Tinh-lý đại-toàn* ? Nay triết-học Âu-châu lại còn thâm-thúy hơn sách *Tinh-lý* của cụ Chu-tử biết bao nhiêu, vì không những cứu xét về tâm-tính người ta, mà cứu-xét cả lẽ trời huyền-diệu nữa, cả nguồn-gốc của muôn loài muôn vật trong thế-gian nữa. Cho nên xưa nay sách Triết-học vẫn cho là sách rất khó mà rất cao, không ai dám đem ra diễn nôm bao giờ. Nay cố CHÍNH LINH, thuộc địa-phận tây đàng Ngoài, ở Sở Kiện, có soạn từ năm 1917 một bộ « Triết-học đại-toàn », hiện mới xuất bản được hai quyển cộng 750 trang, thật là một cái công-trình vĩ-đại vậy. Cái giá-trị sách này cũng như sách của Cố THỊNH trên kia là ở sự phiên-dịch các danh-từ tây ra tiếng ta, mà danh-từ về triết-học lại khó hơn danh-từ về khoa-học biết bao nhiêu, vì khoa-học là xét về « hình nhi hạ » mà triết-học là xét về « hình nhi thượng » vậy. Cho nên bộ « Triết-học » của cố CHÍNH LINH này thật là cái kho tài-liệu cho người An-nam ta nghiên-cứu về triết-học vậy. Tuy sách không có « tự-vựng » theo sau, nhưng cuối chữ lại có tên tây viết kèm, có khi chú-thích cùng trích-lục cả trang sách của các tây-nho, thời cũng tiện cho người khảo-cứu.

Sách này chủ-ý làm cho người bên giáo chuyên-trị về khoa « lý-đoán », nên phần « siêu-hình-học » (thần-học) tường hơn là phần « tâm-lý-học ».

Hai quyển đã xuất-bản thời quyển thứ nhất dạy về : *a*) luận-lý-học (*logique*) ; *b*) bản-thể-học (*ontologie*) ; *c*) vũ-trụ-học (*cosmologie*) ; — quyển thứ nhì dạy về : *d*) nhân-loại-học (*anthropologie*) và *e*) thần-học (*théodicée*). — Còn phần về luân-lý-học (*éthique*) thời chưa xuất-bản.

Trong sách dịch chữ *logique* là « danh-lý-học », *ontologie* là « nguyên-vật-học », *cosmologie* là « thiên-vũ-học », tưởng chưa được thuần lắm ; sách Nhật sách Tàu đều dịch là luận-lý-học, bản-thể-học, vũ-trụ-học, là những chữ thông-dụng hơn. Đại-loại nhiều chữ khác trong sách cũng dịch khác với tàu nhiều lắm, tưởng muốn cho danh-từ được thống-nhất thời những chữ nho nào đã thông-dụng rồi cứ nên mượn nguyên như thế, trừ chữ nào hoặc Tàu dịch sai nghĩa, hoặc chưa được lưu-thông hẳn nên dịch lại.

Sau nữa, văn quốc-ngữ của cố CHÍNH-LINH đọc hơi khắc-khổ, không được thanh-thoát như văn cố Thịnh. Nhưng mà nói những nghĩa-lý huyền-vi về triết-học thời cũng khó cho thật thanh-thoát được.

P. Q.

* * *

3° — *Đàn bà tàu*, của NGUYỄN KHẮC-HIẾU soạn, 67 trang. In tại Đông-kinh ấn-quán, Hà-nội. Giá bán : 0 $ 25.

Sách *Đàn bà tàu* này là tập độc-bản tiếp theo sách *Đài-gương* đã giới-thiệu trong *Nam-phong* số 23 (trang 422-423). Ông KHẮC-HIẾU đã bàn về phận-sự người đàn bà ở đời phải thế nào, nay trích-lục những truyện cũ tàu để chứng-giải. Sách chia làm ba mục, theo đạo tam-tòng : 1o các vị mẹ thánh-hiền ; 2o các bà vợ hiền ; 3o các người con gái hiếu. Sau phụ thêm mấy chuyện ngoài đạo tam-tòng, như chuyện gái Tất-thất, chuyện người con hát nước Tống, tuy không vào vòng luân-lý cũ của người đàn bà mà thật là những gương tốt cho bọn quần-thoa. Những chuyện mẹ hiền, vợ hiền, con hiếu thời trong sách cũ tàu không thiếu gì, thật là một kho tài-liệu rất phong-phú cho nhà làm sách làm văn, nhưng phải coi là những tài-liệu để mà tùy-ý lợi-dụng, nhân đấy mà sắp-đặt kết-cấu lại, chớ cứ y nguyên-văn mà dịch ra thời không những có lắm chỗ ngẫn-ngơ mà lại có nhiều việc thật-thà cổ-lỗ quá, không thích-hợp với đời nay. Nhà khảo-cổ thời làm như thế được, mà nhà giáo-dục không làm như thế được, vì nhà khảo-cổ vụ biết cho đúng việc cũ đời trước, càng tường càng hay, mà nhà giáo-dục phải biến-hóa việc cũ cho hợp cái mục-đích răn dạy người ta. Nay cái cách dịch-thuật trong sách *Đàn bà tàu* như là cách nhà khảo-cổ, không phải cách nhà giáo-dục, thật không phải cái mục-đích ông NGUYỄN KHẮC-HIẾU vậy. Ông cứ y nguyên-văn mà dịch

ra, không có thay đổi thêm bớt gì, thành ra nệ mà không được thoát. Có lắm việc tưởng không nên thuật lại làm gì, vì nó có cái khí-vị cổ-lỗ chất-phác quá, thuật lại sợ người đời nay nhận sai mà hiểu lầm : như việc « ông Mạnh-Tử sau lúc đã lấy vợ sắp vào buồng, thấy vợ đương cởi trần, giận rằng vô lễ, rồi đi ngay không vào nữa (trang 5) », thời đủ biết rằng các cụ đời xưa thật-thà lắm, nhưng người đời nay đọc đến đấy ai không buồn cười ? Muốn lấy cổ nhân làm gương cho người đời mà để cho người ta có chỗ cười được cổ-nhân, thời tưởng không phải là một kế tốt vậy. Nhất là nhà giáo-dục lại quyết không nên như thế.

Thứ-ngoại thời sách *Đàn bà tàu* của ông Khắc-Hiếu soạn cũng cẩn-thận, lời dịch sát nghĩa, lời bàn dễ nghe, và nhất là những bài vận-văn dịch các thơ-từ tàu lại êm-ái lắm ; thật là sách có ích, đàn bà con gái ta nên đọc để noi theo lấy gương người cũ.

Nghe nói những sách của ông Hiếu có ích cho việc giáo-dục như sách *Đài gương*, sách *Đàn-bà tàu* này, tiêu-thụ lại ít và chậm hơn là những sách thơ văn chơi ; coi đó thì đủ biết trình-độ dân mình còn kém thật, cũng đáng tiếc thay. Nhưng nước ta ngày nay đương vào buổi không thể chiều cái lòng sở-thích của phần nhiều người được, lắm khi lại phải cưỡng lại mới được. Nếu nhà làm sách cứ chiều cái lòng sở-thích của phần nhiều người thời chỉ nên xuất-bản những sách hát trống-quân hay là sách hát-sầm cho thật nhiều, vì phần nhiều người ta bây giờ cái trình-độ cũng không hơn gì các thầy quyền chú bếp buổi chiều ngồi hàng nước vậy. — Vậy ông Nguyễn Khắc-Hiếu chớ nên thấy thế mà nản chí.

P. Q.

* * *

Học-báo mới xuất-bản. — Báo *Đông-dương-tạp-chí* cũ nay thành ra tập *Học-báo*, chuyên-trị về việc học, số thứ nhất xuất-bản ngày 1er Septembre 1919. Học-báo chia làm hai phần : một phần « Luận-thuyết » (*Partie générale*), bàn chung về các phương-pháp giáo-dục ; một phần « Học-khóa » (*Partie scolaire*) soạn riêng những bài vở bằng quốc-văn để giúp cho các thầy giáo trường sơ-đẳng. Chủ-bút Học-báo là ông Trần Trọng-Kim, là nhà sư-phạm có tiếng, đã soạn-thuật nhiều sách giáo-khoa có ích ; lại có ông Phạm Duy-Tốn giúp, các bạn đọc báo chắc đã biết tiếng. Còn những bài vở phần nhiều là các ông giáo các trường Nhà-nước giúp soạn cả, lại có sở Học-chánh kiểm-duyệt ; nói tóm lại thời hết thảy đều là những tay chuyên-môn về giáo-dục ; đủ biết cái giá-trị của tập *Học-báo* mới vậy.

Bản-báo có lời mừng *Học-báo* được thịnh-vượng và ước-ao rằng các trường ấu-học cùng các lớp sơ-đẳng ở trường Pháp-việt, đều dùng để làm kim chỉ-nam trong việc dạy học vậy.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

Công việc Hội trong tháng Août. — Trong tháng Août Hội ta mới phải một sự buồn : ngày 7 Août quan Thái-tử-Thiếu-bảo Hiệp-tá Đại-học-sĩ, Nguyên Tổng-đốc Đoàn-Triển là hội-viên sáng-lập và là bậc cao tuổi nhất trong Hội ta, tạ-thế ở làng Hữu Thanh-oai là quê ngài ở Hà-đông, thọ 66 tuổi. Đến sáng ngày 14 Août thì cất đám ngài, cũng ở Hữu Thanh-oai.

Được tin buồn ấy quan Phó Hội-chủ Hoàng Trọng-Phu đạt ngay cho các hội-viên trị-sự biết và mời đình-nhật đi đưa đám cho đông. Thể-lệ trong Hội về việc phúng-viếng chưa định, nên quan Phó Hội-chủ bàn hẳng nên lâm-thời tùy-biện mà sửa chướng cùng lễ-vật để phúng cụ Hiệp Đoàn. Vả cụ-lớn Đoàn sinh-bình đối với Hội có cái tình-nghị riêng : ngài là chân sáng-lập, lại là bậc hội-viên cao tuổi nhất, hồi Hội nghênh-tiếp quan Toàn-quyền Sarraut ngài có thay mặt Hội mà đọc lời chúc-từ, thật là làm tiêu-biểu cho cả đồng-nhân vậy. Nên tuy Hội chưa định thể-lệ về việc phúng viếng, mà Hội-đồng trị-sự muốn tỏ lòng thương tiếc kính mến một bậc tiền-bối trong Hội, bữa cất đám đi đưa

gần khắp mặt. Có quan Phó Hội-chủ Hoàng Trọng-Phu, quan Tổng-đốc Thân Trọng-Huề, ông Nguyễn Hữu-Thu, ông Bùi Đình-Tá, ông Phạm Quỳnh, ông Lê Văn-Phúc, ông Đào Văn-Sử. Quan Phó Hội-Chủ Hoàng có thay mặt cả đồng-nhân đọc mấy lời kính-viếng, đã đăng trong *Nam-Phong* trên kia. — Bức chướng của Hội đi phúng có chọn năm chữ 海內思清風, tưởng cũng là tỏ được cái lòng kính-mộ của đồng-nhân đối với quan cố Tổng-đốc Đoàn vậy.

* * *

Tên các ông xin vào Hội. — Trong tháng Août có những ông kể tên sau này mới gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng không có ai dị-nghị thời được nhận vào chân Hội-viên.

A — *Xin vào chân chủ-trì*

Ông Bùi Phụ-Kinh, tri-huyện Yên-mô, Ninh-bình.

— Lý Hữu-Dư, directeur du Bazar et de l'Ecole Trường-xuân, Phnom-Penh (Cambodge).

— Nguyễn Đình-Phúc, tức Phúc-thành, buôn bán, Rue de la Citadelle, no 20 Hanoi.

— Nguyễn Hữu-Ích, tuần-phủ Sơn-tây.

— Phạm Chúc, cử-nhân, nguyên huấn-đạo Thanh-ba, ở làng Hiếu-thiện, tổng Bồng-hải, phủ Yên-khánh, Ninh-bình.

— Phạm Huy-Thành, tri-huyện, Thanh-liêm, Hà-nam (Phủ-lý).

B — *Xin vào chân Thường-hội-viên*

Ông Dương-Long, chargé des Postes et Télégraphes à Phát-diệm.

— Phan Văn-Uyên, Giáo-sư làng Uy-trung, tổng Ngọc-đới, huyện Quảng-xương, Thanh-hóa.

Ông Trần Gia-Hội, secrétaire à la Compagnie des Chemins de fer du Yunnan, Hanoi.

— Trần Ngọc-Trỉ, secrétaire à la Banque industrielle de Chine Hải-phòng.

— Trương Hữu-Đức, secrétaire des Travaux Publics à Huế.

— Trương Văn-Cần, làm ruộng làng Ngọc-trì, tổng Cự-linh, huyện Gia-lâm, Bắc-ninh.

— Vũ Văn-Thế, tổng-sư Hiệu-y huyện Hưng-nhân, Thái-bình

* * *

Chủ-trì hội-viên mới. — Các ông xin vào chân chủ-trì hội-viên có tê đăng báo trong số 24 (trang 519), nà đã hết hạn hai tháng không có ai d nghị được nhận vào Hội kể từ ngày 1 Septembre 1919. Cả thảy có ba ôn lược kê như sau này :

Ông Bùi Quang-Chiêu — Hồ Văn Kính — Trương Minh-Sanh.

* * *

Thường hội-viên mới. — Các ôn xin vào chân thường-hội-viên có tê đăng báo trong số 24 (trang 518), nà đã hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Septembre 1919. Cả thảy có 12 ông lược kê như sau này :

Ông Bùi Đình-Chương — Bùi Đình Trinh — Chu Văn-Luận — Lê Bá Phong — Nguyễn Bá-Học — Nguyễ Hữu-Kỷ — Nguyễn Huy-Quang Nguyễn Quang-Bính — Nguyễn Tiếp Nguyễn Thông-Phúc — Nghiêm Xuâ Lan — Phạm Quang-Sán.

Cải-chính. — Trong số 22 (trang 339) và 24 (trang 518), tên ông **Đặng Tịc Trân**, thường-hội-viên, in lầm là **Đặng Tích-Trân** ; nay cải-chính.

Trong số 24 (trang 518), ông **Lê Bá-Phong**, thường-hội-viên, chỗ ở đề chư được tường, nay đề rõ lại là : « **Lê Bá-Phong**, Đồng-lý de la Société Liên-thàn Mui-né, à Phan-thiết ».